

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

ĐÀM THỊ THẨM

ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT DŨNG SĨ
TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI
MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ TÂY NGUYÊN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

Lâm Đồng, năm 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

ĐÀM THỊ THẨM

**ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT DỮNG SĨ
TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI
MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ TÂY NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 9220121**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. PHAN THỊ HỒNG**

Lâm Đồng, năm 2023

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	iv
LỜI CẢM ƠN	v
DANH MỤC CÁC LƯỢC ĐỒ	vi
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vii
TÓM TẮT	viii
ABSTRACT	ix
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích, ý nghĩa của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Lịch sử vấn đề.....	9
5. Phương pháp nghiên cứu.....	23
6. Đóng góp mới của luận án	24
7. Kết cấu của luận án.....	25
CHƯƠNG 1: BỐI CẢNH LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH DỮNG SĨ VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN	26
1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư khu vực Tây Nguyên	26
1.1.1. Điều kiện tự nhiên	26
1.1.2. Dân cư và địa bàn sinh sống	28
1.2. Lịch sử, xã hội, văn hóa Tây Nguyên - Môi trường sinh thành kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi.....	29
1.2.1. Lịch sử, xã hội Tây Nguyên và đề tài, chủ đề, nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi.....	29
1.2.2. Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên - Cái nôi nuôi dưỡng truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi	41
1.2.3. Về kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên.....	67
CHƯƠNG 2: NHÂN VẬT DỮNG SĨ - BIỂU TƯỢNG CON NGƯỜI CAO ĐẸP TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN	72
2.1. Đặc điểm thế giới nhân vật truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên	72
2.1.1. Tính hệ thống và sự đồng đảo của nhân vật trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên	72

2.1.2. Vai trò trung tâm của nhân vật dũng sĩ	74
2.2. Biểu tượng con người cao đẹp qua nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi ..	77
2.2.1. Vẻ đẹp ngoại hình của nhân vật dũng sĩ.....	77
2.2.2. Sức khỏe, tài năng phi thường và lòng dũng cảm.....	82
2.2.3. Sự thông minh, mưu trí của nhân vật dũng sĩ.....	91
2.2.4. Chiến tích cứu giúp, bảo vệ cộng đồng	94
2.2.5. Nhân vật dũng sĩ - hiện thực, huyền thoại và ước mơ, khát vọng	114
CHƯƠNG 3: THI PHÁP KHẮC HỌA NHÂN VẬT DŨNG SĨ TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN.....	123
3.1. Vai trò của kết cấu cốt truyện trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên	123
3.1.1. Khái niệm “kết cấu cốt truyện”	123
3.1.2. Vai trò của kết cấu cốt truyện truyện cổ tích và sử thi trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ	125
3.2. Các biện pháp miêu tả nhân vật dũng sĩ.....	164
3.2.1. Biện pháp so sánh.....	165
3.2.2. Biện pháp phóng đại.....	170
3.2.3. Biện pháp lặp lại.....	176
KẾT LUẬN	181
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	186
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	187
PHỤ LỤC.....	203

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS. Phan Thị Hồng, Khoa Ngữ văn và Lịch sử Trường Đại học Đà Lạt.

Các số liệu, kết quả trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác. Một số luận điểm khoa học kế thừa từ các nhà nghiên cứu đi trước được chú thích rõ ràng, theo đúng quy định. Các nguồn trích dẫn được liệt kê trong mục tài liệu tham khảo của luận án.

Lâm Đồng, thángnăm 2023

Nghiên cứu sinh

Đàm Thị Thắm

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới lãnh đạo Trường Đại học Đà Lạt, Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Khoa Ngữ văn và Lịch sử Trường Đại học Đà Lạt; lãnh đạo Trường Cao đẳng Đà Lạt đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Đặc biệt, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS. TS. Phan Thị Hồng, giảng viên Khoa Ngữ văn và Lịch sử Trường Đại học Đà Lạt, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tôi tận tình để hoàn thành luận án này.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến gia đình, thầy cô, bạn bè, người thân đã luôn cổ vũ, động viên, giúp đỡ tôi cả về vật chất lẫn tinh thần trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Trân trọng cảm ơn.

Lâm Đồng, thángnăm 2023

Nghiên cứu sinh

Đàm Thị Thắm

DANH MỤC CÁC LƯỢC ĐỒ

Lược đồ: 3.1. Lược hóa diễn trình cốt truyện kết thúc có hậu.....	133
Lược đồ: 3.2. Lược hóa diễn trình cốt truyện kết thúc không có hậu và kết thúc không hoàn toàn có hậu.....	136
Lược đồ: 3.3. Lược trình kết cấu cốt truyện chung của sử thi.....	153
Lược đồ: 3.4. Nhân vật dũng sĩ Đam Săn và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi <i>Đam Săn - Ê Đê</i>).....	164
Lược đồ: 3.5. Nhân vật dũng sĩ Giông và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi <i>Giông giết sư tử cứu làng Sét - Bahnar</i>).....	164
Lược đồ: 3.6. Nhân vật dũng sĩ Dăm Duông và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi <i>Dăm Duông cứu nàng Bar Mã - Xơ Đăng</i>).....	165
Lược đồ: 3.7. Nhân vật dũng sĩ Ujàc và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi <i>Udai - Ujàc</i> của dân tộc Ra Glai).....	165

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Viết đầy đủ
1	ĐHKHXH&NV ĐHQGTPHCM	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
2	KHXH	Khoa học Xã hội
3	NXB	Nhà xuất bản
4	TLCXB	Tài liệu chưa xuất bản
5	TP	thành phố
6	TP. HCM	thành phố Hồ Chí Minh
7	tr	trang

TÓM TẮT

Nhân vật dũng sĩ là kiểu nhân vật phổ biến, xuyên suốt trong truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Đó là hình tượng về những thủ lĩnh buôn làng, những tù trưởng danh tiếng, tài ba, can đảm, những chàng trai, cô gái dám đương đầu với các thế lực hung bạo, tàn ác, cứu giúp cộng đồng... Tìm hiểu đặc điểm kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên với những khía cạnh chung và riêng để từ đó góp phần nhận thức đầy đủ hơn về các giá trị nội dung, thi pháp của hai thể loại này trong nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là mục đích của luận án và là phần chưa được đề cập hệ thống, toàn diện trong các công trình nghiên cứu trước đây.

Luận án sử dụng phương pháp liên ngành văn học - văn hóa học, phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thi pháp học, cùng các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu cần thiết khác để khám phá, lý giải nguồn gốc, đặc điểm kiểu nhân vật dũng sĩ của truyện cổ tích và sử thi khu vực Tây Nguyên. Các nội dung nghiên cứu chính của luận án bao gồm: 1/ Cơ sở lịch sử, xã hội, văn hóa thúc đẩy sự xuất hiện đề tài, chủ đề, nhân vật trung tâm, tiêu biểu của kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên. 2/ Những đặc điểm cơ bản của nhân vật dũng sĩ (cả nam và nữ giới) - biểu tượng con người cao đẹp được tổng hợp, khái quát và phân tích qua các khía cạnh căn bản nhất đó là: phẩm chất, tài năng, trí thông minh, lòng dũng cảm, các chiến công, kỳ tích “diệt ác, trừ bạo” cứu giúp, bảo vệ cộng đồng. Nhân vật dũng sĩ được nhìn nhận là sự kết hợp giữa hiện thực, huyền thoại và ước mơ, khát vọng tốt đẹp của con người Tây Nguyên xưa. 3/ Thi pháp khắc họa hình tượng nhân vật dũng sĩ trên một số phương diện căn bản của thể loại truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên như: cốt truyện, các biện pháp mô tả: so sánh, ví von; phóng đại; lặp lại,...

Hình tượng nhân vật dũng sĩ là một kiến tạo nghệ thuật có giá trị lịch sử, ý nghĩa nhân văn sâu sắc, lâu dài trong văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Vấn đề này rất cần được tiếp tục đào sâu nghiên cứu để góp phần bảo tồn, phát huy một cách đầy đủ, khoa học và hiệu quả đóng góp của văn hóa cổ truyền các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong nền văn hóa truyền thống đa dạng Việt Nam.

ABSTRACT

The heroic character is a popular character type, throughout fairy tales and epics of ethnic minorities in the Central Highlands. It is the image of village leaders, famous, talented, courageous chiefs, boys and girls who dare to confront the forces of violence, cruelty, save the community,... Learn the characteristics of heroic characters in fairy tales and epics of the Central Highlands with general and specific aspects, thereby contributing to a fuller awareness of the content and poetic values of these two genres in the Central Highlands folklore of ethnic minorities in the Central Highlands is the purpose of the thesis and the part that has not been systematically and comprehensively mentioned in previous studies.

The thesis uses interdisciplinary methods of literature - culturology, methods of analysis and synthesis; poetic methods, along with other necessary research methods and skills to discover and explain the origin and characteristics of heroic characters of fairy tales and epics in the Central Highlands. The main research contents of the thesis include: 1/ The historical, social and cultural basis promotes the emergence of central themes, themes and characters, typical of the heroic fairy tales and epics of the Central Highlands. 2/ The basic characteristics of the heroic character (both male and female) - a beautiful human symbol are synthesized, generalized, and analyzed through the most basic aspects which are: quality, talent, intelligence, courage, feats, and feats of "killing evil, eliminating violence" to help and protect the community. The heroic character is recognized as a combination of reality, legend, and the good dreams and aspirations of the ancient Central Highlands. 3/ Techniques to depict the heroic character on some basic aspects of the Central Highlands fairy tale and epic genre such as plot, and descriptive measures: comparison, simile; exaggeration; repeat,...

The image of the heroic character is an artistic creation with historical value, and profound and lasting humanistic meaning in the folklore of ethnic minorities in the Central Highlands. This issue needs to be further researched in order to

contribute to preserving, promoting fully, scientifically, and effectively the contribution of the traditional culture of ethnic minorities in the Central Highlands in traditional culture Vietnamese diversity.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong kho tàng văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, truyện cổ tích (fairy tales) và sử thi (epic) là hai thể loại tự sự lớn, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa và văn học vô cùng sâu sắc. Cùng với các thể loại khác như thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ,... sự phát triển của truyện cổ tích và sử thi (với các bản khan (Ê Đê), h'mon (Ba Na), h'ri (Gia Rai), hơ m'uan (Xơ Đăng), akhàt jucar (Ra Glai),...) đã tạo nên một nền văn học truyền miệng Tây Nguyên đậm đà bản sắc khu vực.

Là sáng tạo nghệ thuật ngôn từ tích tụ từ nghìn xưa của hàng chục tộc người trong suốt quá trình mưu sinh gian khó trên một vùng đất giàu tiềm năng song cũng đầy thử thách, truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên phản ánh lịch sử, xã hội, văn hóa vùng đất, là nơi ghi nhận, tàng trữ vô số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nếp sống của con người nơi đây. Sâu xa hơn, truyện cổ tích và sử thi là loại hình tự sự dân gian kết tinh tư tưởng (với những đúc kết, nhận thức, quan niệm về thiện, ác; về cái chính nghĩa, sự gian tà; cái tốt đẹp, sự xấu xa,...), cùng khát vọng sống mãnh liệt của bao thế hệ con người các dân tộc Tây Nguyên.

Trong khoảng hơn ba thập niên gần đây, truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên được giới chuyên môn trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm, gấp rút tìm tòi, khám phá. Việc sưu tầm, nghiên cứu, công bố kết quả diễn ra thực sự sâu rộng với những thành quả to lớn. Cùng với hàng nghìn truyện cổ tích, hàng trăm áng sử thi được sưu tầm, nhiều công trình nghiên cứu là những chuyên luận, bài viết, lời giới thiệu, hoặc khái quát chung về các thể loại, hoặc đi sâu phân tích một tác phẩm cụ thể đã lần lượt xuất hiện. Tìm hiểu hiện trạng và chiều hướng biến chuyển trên các phương diện từ diễn xướng đến hình thái tồn tại của truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên cũng là vấn đề được các nhà sưu tầm, nghiên cứu quan tâm. Tuy nhiên, chưa phải mọi giá trị, ý nghĩa nghệ thuật của hai thể loại này đã được soi chiếu đầy đủ. Đặc biệt, thành công và đóng góp lớn của truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là đã cùng khắc họa sắc nét thế giới nhân vật với những kiểu, loại nhân vật điển hình. Tiêu biểu và nổi bật nhất đó là kiểu nhân vật người thủ lĩnh, chàng trai

trẻ, cô gái tài năng, dũng cảm với những hành động, sự nghiệp cao cả mà ở luận án này chúng tôi gọi chung là kiểu nhân vật dũng sĩ. Để có một cái nhìn xuyên suốt, hệ thống về kiểu nhân vật này trong cả truyện cổ tích và sử thi (hai thể loại tự sự với nhiều nét khu biệt, có mối quan hệ liên kết với nhau) của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là lý do để chúng tôi chọn và thực hiện đề tài *“Đặc điểm nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi một số dân tộc thiểu số Tây Nguyên”*.

Trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên, hình tượng nhân vật dũng sĩ (với vai trò là những thủ lĩnh, tù trưởng và tộc trưởng; các chàng trai, cô gái xuất sắc, can trường, dám đương đầu với những thế lực phi nghĩa, tàn ác) là kết tinh tâm hồn, tình cảm của các dân tộc thiểu số nơi đây. Tất cả hành động của nhân vật dũng sĩ không chỉ với mục đích vì sự giàu mạnh, yên vui, mà còn khẳng định tinh thần “thượng võ” truyền thống, vị thế, uy danh của các cộng đồng dân tộc Tây Nguyên. Bức tranh về nhân vật dũng sĩ cứ thế lưu truyền trong các câu chuyện cổ, các áng sử thi, được diễn xướng, tôn vinh trong những đêm hội công chiêng với sự tham dự của toàn thể cộng đồng. Điều đó trở thành động lực nhắc nhở những người con của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên luôn biết phát huy truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, mạnh mẽ vươn lên, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Luận giải vấn đề này, chúng tôi mong muốn sẽ góp thêm một câu trả lời vì sao truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên có sức sống lâu bền trong văn hóa tinh thần của các tộc người nơi đây nói riêng và các dân tộc Việt Nam nói chung.

2. Mục đích, ý nghĩa của đề tài

Trong phân loại văn học dân gian, truyện cổ tích và sử thi là hai thể loại có sự khu biệt rõ rệt về tầm vóc (hay độ dài) tác phẩm, và trên các phương diện: đề tài, chủ đề, nhân vật trung tâm, thi pháp,... Tuy nhiên, sự xuất hiện và tồn tại với tần suất lớn, phổ biến của kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên lại là một thực tế sống động, một nét bản sắc của văn học truyền miệng khu vực. Bởi thế, mục đích trước hết của đề tài là tập trung tìm hiểu, nghiên cứu các đặc điểm chung, đồng thời từ đó cũng thấy được ít nhiều những nét riêng đặc sắc của kiểu nhân vật dũng sĩ - hình tượng nhân vật như những bức tượng kì vĩ về con người

cao đẹp, lí tưởng mà truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên đã tạo dựng được. Như vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu những đặc điểm chung, thống nhất và nét riêng của kiểu nhân vật dũng sĩ (như là biểu hiện cụ thể về sự khác biệt và ranh giới thể loại) cũng đã ít nhiều bao hàm sự so sánh và soi sáng mối quan hệ, sự giao lưu, tiếp biến của hình tượng nhân vật này trong hai thể loại tự sự của văn học dân gian khu vực Tây Nguyên. Tất nhiên, luận án cũng mong muốn đưa ra những lí giải về sự xuất hiện đậm đặc, xuyên suốt của nhân vật dũng sĩ và các vấn đề liên quan đến đặc điểm kiểu nhân vật này ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên.

Từ việc nghiên cứu, khám phá đầy đủ hơn đặc điểm nhân vật dũng sĩ, nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, luận án là tiếng nói góp phần tôn vinh và phát huy mạnh mẽ hơn các giá trị lịch sử, văn hóa, văn học của di sản văn học truyền miệng các dân tộc Việt Nam.

Đồng thời, hi vọng kết quả nghiên cứu của luận án cũng ít nhiều góp phần khẳng định sứ mệnh, chức năng của văn học là giáo dục con người vươn tới những phẩm chất cao quý, lí tưởng hi sinh, công hiến vì cộng đồng, đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hệ thống nhân vật mà trọng tâm là kiểu nhân vật dũng sĩ được khắc họa trong truyện cổ tích và sử thi - hai thể loại lớn của văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Các đặc điểm chung, những nét riêng của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi là vấn đề được luận án đặc biệt tập trung nghiên cứu. Đồng thời, luận án nghiên cứu hai khía cạnh thi pháp là kết cấu cốt truyện và các biện pháp miêu tả trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ.

Để có thể lí giải và hiểu sâu sắc hơn cội nguồn sản sinh mẫu hình nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây nguyên, những thiên “dã sử” huyền diệu, thì các đặc điểm lịch sử, xã hội, văn hóa truyền thống của vùng đất là vấn đề được luận án chú trọng nghiên cứu, nhận diện.

Với giới hạn về thời gian và phạm vi một luận án, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu chủ yếu lượng tác phẩm truyện cổ tích và sử thi (đã được sưu tầm, xuất bản hoặc chưa xuất bản) của một số dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời, tiêu biểu cho lịch sử, xã hội và văn hóa truyền thống khu vực. Đó trước hết là các dân tộc cư trú ở phía

Bắc Tây Nguyên như dân tộc Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai; ở trung tâm vùng đất như dân tộc Ê Đê và Nam Tây Nguyên như dân tộc Mnông, Cơ Ho, Mạ, Chu Ru, Ra Glai,... Chúng ta biết rằng, Tây Nguyên hiện nay còn là địa bàn sinh sống của rất nhiều dân tộc thiểu số mới di cư tới như: Tày, Nùng, Hmông, Thái, Dao,... Để thấy được sức sống mãnh liệt, bền bỉ, lâu dài của hình tượng nhân vật dũng sĩ trong đời sống tinh thần con người Tây Nguyên, tư liệu mới sưu tầm, chưa công bố cũng được chúng tôi đặc biệt chú ý.

Các truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ được chọn lựa, thống kê, nghiên cứu từ các công trình sưu tầm, biên soạn, tuyển chọn và giới thiệu của giới chuyên môn (đã được xuất bản và chưa xuất bản) thuộc truyện cổ tích các dân tộc Ba Na, Xơ Đăng, Ê Đê, Gia Rai, Mnông, Cơ Ho, Chu Ru, Mạ, Ra Glai, sau đây:

1. *Truyện cổ Ba - na* (1965), (Tập 1, 2), Nhiều tác giả, NXB Văn học.
2. *Truyện cổ Xê Đăng* (1979), Nhiều tác giả, NXB Văn hóa.
3. *Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên* (1985, 1986) (Hai tập), Đặng Nghiêm Vạn, Đặng Văn Lung, Tăng Kim Ngân (tuyển chọn, giới thiệu).
4. *Truyện cổ các dân tộc thiểu số Lâm Đồng* (1987), Nhiều tác giả.
5. *Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam* (1994, 1995) (Tập I, II). NXB Văn học.
6. *Truyện cổ Ê Đê* (1997), Trương Bi - Y Thih.
7. *Truyện cổ tích Mạ - K'ho* (2003), Nhiều tác giả.
8. *Anh hùng Đam Đông* (2004), Thái Đắc Xuân (sưu tầm và tuyển chọn).
9. *Truyện cổ Chu Ru* (2006), Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện (sưu tầm và biên soạn).
10. *Truyện cổ Raglai* (2010), Nhiều tác giả.
11. *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên* (2011, 2012) (Hai tập).
12. *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên* (2016), (Đề án, công trình tài trợ Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam), Phan Thị Hồng (Chủ nhiệm Đề án), Các thành viên: Ka Huyn, Hoàng Thị Thảo (Công trình chưa xuất bản).

Đối với sử thi: Những tác phẩm được chọn để nghiên cứu của các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng, Ra Glai là từ các công trình sau:

1. *Xing Nhã, Đăm Di, hai bản trường ca Êđê và Giarai* (1978), Y Đìêng, Y Ông.
2. *Đăm Di đi săn* (1979), Y Đup, Nông Phúc Tước (sưu tầm).
3. *Đam Săn - Sử thi Êđê* (1988), Nguyễn Văn Hoàn (Chủ biên).
4. *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông - Trường ca dân tộc Bahnar* (1996), Phan Thị Hồng (sưu tầm, biên soạn và dịch).
5. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, (2004), Nhiều tác giả.
6. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Raglai Udai - Ujac* (2004).
7. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Ba Na, Giông đạp đổ núi đá cao ngất* (2006).
8. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Xơ Đăng, Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ, Dăm Duông cứu nàng Bar Mã* (2006).
9. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Ra Glai, Amã Chisa, Amã Cuvau VongCoi* (2007).
10. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Ra Glai, Sa Ea* (2009).
11. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Kho tàng sử thi Tây Nguyên, *Sử thi Ra Glai, Awoi Nãi Tilor* (2009).
12. *Sử thi Bahnar Kriêm- Bahnar Konkđen*, Hà Giao (sưu tầm, biên soạn) (2012).

(Xin xem thêm phần Phụ lục)

Với ý thức xác định một cách khoa học các vấn đề liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xin được đề cập nội hàm một số khái niệm then chốt như sau:

- Khái niệm “nhân vật dũng sĩ”

Khái niệm “nhân vật dũng sĩ” trong truyện cổ nói chung (đặc biệt là truyện cổ tích) và sử thi được giới nghiên cứu xác nhận là kiểu (hay loại) nhân vật được khắc họa với những phẩm chất như: sức mạnh thần kì, khả năng và ý chí vượt qua thử

thách, chiến thắng đối thủ, lập nên kì tích và đặc biệt là con người hết sức dũng cảm, can trường,...

Nhà nghiên cứu Chu Xuân Diên chú giải mục từ “Thạch Sanh” trong *Từ điển văn học* đã viết “*Nhân vật dũng sĩ trong truyện Thạch Sanh có những nét tương tự với nhân vật dũng sĩ trong anh hùng ca dân gian thời thị tộc, bộ lạc. Đó là loại nhân vật anh hùng có những khả năng phi thường, được thần thánh hóa, có tinh thần dũng cảm, đại diện cho cộng đồng trong chiến đấu bảo vệ cộng đồng, bảo vệ phụ nữ, đã lập được chiến công lừng lẫy*” (Nhiều tác giả *Từ điển văn học*, Tập II, 1984, tr.348).

Khi đề cập đến nhân vật “dũng sĩ” trong kiểu truyện dũng sĩ ở truyện cổ tích và nhân vật “anh hùng” trong sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, giới nghiên cứu đều nhấn mạnh tính cách dũng cảm, xả thân như là phẩm chất cốt yếu của nhân vật.

- Khái niệm “truyện cổ tích” và nhóm (hay kiểu) “truyện cổ tích dũng sĩ”

Trong phân loại văn học dân gian, truyện cổ tích là thể loại bao gồm nhiều loại, kiểu truyện khác nhau. Sự đa dạng và phức hợp của truyện cổ tích là vấn đề từng gây nên nhiều bàn luận, tranh cãi, kiến giải trong giới học thuật. Các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong *Từ điển thuật ngữ văn học* (2004, tr.168) xác định truyện cổ tích là: “*Một thể loại truyện dân gian nảy sinh từ xã hội nguyên thủy nhưng chủ yếu phát triển trong xã hội có giai cấp với chức năng chủ yếu là phản ánh và lý giải những vấn đề xã hội, những số phận khác nhau của con người trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ khi đã có chế độ tư hữu tài sản, có gia đình riêng*”, “*có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh xã hội quyết liệt*”. Đồng thời, các tác giả *Từ điển thuật ngữ văn học* cũng nhấn mạnh rằng: Khái niệm truyện cổ tích có nội dung rất rộng, bao gồm nhiều loại truyện khác nhau về đề tài, về đặc điểm nghệ thuật,... Có thể phân truyện cổ tích thành ba loại chính: truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích sinh hoạt và truyện cổ tích loài vật. Và điều cần chú ý là, đối với thể loại cổ tích thì loại truyện “*...cổ tích thần kì là bộ phận quan trọng và tiêu biểu nhất... Ở loại truyện này nhân vật chính vẫn là con người trong thực tại, nhưng các lực lượng thần kì, siêu nhiên có một vai trò rất quan trọng. Hầu như mọi xung đột trong thực tại giữa người với người đều bế tắc, không thể giải quyết nổi nếu thiếu*

yếu tố thần kì... ” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, Từ điển thuật ngữ văn học, tr.168).

Theo nhà nghiên cứu Chu Xuân Diên “*Khái niệm “truyện cổ tích” có một nội dung khá rộng, thường dùng để chỉ nhiều loại truyện khác nhau về đề tài và cả về phương pháp sáng tác. Khác nhau về đề tài như các loại truyện về loài vật, truyện về các nhân vật dũng sĩ, hoặc các nhân vật có những khả năng phi thường về trí tuệ, về sức khỏe, truyện về số phận các nhân vật có địa vị thấp kém trong gia đình và xã hội... Khác nhau về phương pháp sáng tác như các loại truyện thần kì, truyện hiện thực... ” (Nhiều tác giả, 2004, Từ điển văn học (bộ mới), tr.1840).*

Tuy nhiên, từ hàng loạt định nghĩa đã có về truyện cổ tích, Chu Xuân Diên đã tổng hợp thành mấy nội dung, ít nhiều đã có sự thống nhất, như sau:

“1. Truyện cổ tích đã nảy sinh từ trong xã hội nguyên thủy, do đó có những yếu tố phản ánh quan niệm thần thoại của nhân dân về các hiện tượng tự nhiên và cả xã hội và có ý nghĩa ma thuật. Song truyện cổ tích phát triển chủ yếu trong xã hội có giai cấp nên chủ đề chủ yếu của nó là chủ đề xã hội, phản ánh nhận thức của nhân dân về cuộc sống xã hội muôn màu muôn vẻ với những xung đột đặc trưng cho các thời kì lịch sử khi đã có chế độ tư hữu tài sản, có gia đình riêng, có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp. 2. Truyện cổ tích biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại. 3. Truyện cổ tích là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nhân dân, và ở một bộ phận chủ yếu, yếu tố tưởng tượng thần kì tạo nên một đặc trưng nổi bật trong phương thức phản ánh hiện thực và ước mơ” (Nhiều tác giả, 2004, Từ điển văn học (bộ mới), tr.1840).

Trong sự phong phú, phức tạp về nội dung của thể loại truyện cổ tích thể hiện qua sự tồn tại của nhiều đề tài, chủ đề, nhưng với mục đích và đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án, chúng tôi tập trung nghiên cứu nhóm truyện về nhân vật dũng sĩ. Đây là những truyện mà nhân vật chính luôn là nhân vật dũng sĩ, những chàng trai, cô gái dũng cảm, can trường trong lao động sản xuất, khắc phục thiên tai, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống lại những thế lực tà ác, phi nghĩa. Chúng tôi

gọi đây là nhóm truyện về nhân vật dũng sĩ, kiểu truyện nhân vật dũng sĩ, hay truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ.

Nghiên cứu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, ngoài những yếu tố đặc thù khu vực, những khái quát mang tính lý luận trên là những chỉ dẫn vô cùng thiết thực, quý giá đối với chúng tôi trong quá trình thực hiện đề tài.

- Khái niệm “sử thi”

Cho đến nay, đối với giới chuyên môn trong và ngoài nước, sử thi được xác nhận là một thể loại lớn, khá phổ biến trong nhiều nền văn học dân gian trên thế giới. Về mặt thuật ngữ, theo Đinh Gia Khánh:

“Sử thi không có nghĩa là thơ chép sử” theo lối duy danh định nghĩa thông tục. Sử thi là thuật ngữ mà ở Đông Nam Á (Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản) giới khoa học dùng để dịch một thuật ngữ phương Tây (tiếng Pháp là épopée, tiếng Anh là epic, tiếng Hy Lạp là epopoia) (Nhiều tác giả, 1998, Sử thi Tây Nguyên, tr.32-33).

Cũng theo Đinh Gia Khánh (1998)

“Giới khoa học Đông Á, khi dịch epopoia thành sử thi đã chú ý đến sự phản ánh lịch sử của epopoia, nhưng đồng thời cũng nhận thức rất rõ là sự phản ánh ấy mang đầy tính chất hư cấu và do đó đã coi epopoia tức sử thi là một thể loại văn nghệ, phân biệt với các thể loại lịch sử” (Nhiều tác giả, 1998, Sử thi Tây Nguyên, tr.33).

Trong công trình *Từ điển thuật ngữ văn học* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2004) mục từ “sử thi” được các tác giả chú giải:

“ Là thể loại tác phẩm tự sự dài (thường là thơ) xuất hiện rất sớm trong lịch sử văn học của các dân tộc nhằm ngợi ca sự nghiệp anh hùng có tính toàn dân và có ý nghĩa trọng đại đối với dân tộc trong buổi bình minh của lịch sử. Về kết cấu, sử thi là câu chuyện được kể lại có đầu có đuôi với qui mô lớn... Các nhân vật chính của sử thi là những anh hùng, tráng sĩ tiêu biểu cho sức mạnh thể chất và tinh thần, cho ý chí và trí thông minh, lòng dũng cảm của cộng đồng...” (tr.285).

Cho đến nay, những khái quát như trên về đặc thù loại hình sử thi đã được

giới nghiên cứu nhất trí và đồng thuận. Qua thực tế sưu tầm, nghiên cứu, giới chuyên môn cũng nhấn mạnh: sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên chủ yếu là “sử thi anh hùng”, nghĩa là nhân vật chính của hầu hết các áng sử thi tìm thấy ở Tây Nguyên là nhân vật anh hùng, dũng sĩ. Do sự khá mờ nhạt của hình tượng nhân vật anh hùng, dũng sĩ mà một số otn’rông của người Mnông được gọi là những sử thi thần thoại, cổ sơ.

4. Lịch sử vấn đề

Có thể nói, gắn liền với quá trình công bố các công trình sưu tầm, nghiên cứu truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên - cùng với việc tìm hiểu các vấn đề nội dung, thi pháp khác là tiến trình phát hiện, phân tích, đánh giá ở các góc cạnh khác nhau đối với kiểu nhân vật dũng sĩ trong hai thể loại tự sự này. Thật sự thu hút và ấn tượng đối với giới chuyên môn, nhân vật dũng sĩ (kiểu nhân vật nổi bật, xuyên suốt, phổ biến trong cả hai thể loại) còn được định tính và tôn vinh là những “tráng sĩ”, là người “anh hùng”, các áng sử thi là những “thiên anh hùng ca” của cộng đồng. Có thể điềm lại chặng đường dài tìm tòi, nghiên cứu và nhận diện ấy như sau:

Vào thập niên thứ ba của thế kỉ XX, “sử thi anh hùng” Tây Nguyên mới được các nhà nghiên cứu phát hiện, sưu tầm. Nghĩa là cách đây hơn 90 năm tấm màn che phủ một vùng văn hóa, văn học nguyên sơ mới được vén lên. Công trình sưu tầm đầu tiên về sử thi Tây Nguyên là của Léopol Sabatier, một học giả người Pháp. Bản sử thi nổi tiếng của người Ê Đê là *Khan Dam San* được L.Sabatier sưu tầm, dịch ra tiếng Pháp và xuất bản ở Pari năm 1927. Tiếp theo, năm 1955, áng sử thi thứ hai của dân tộc Ê Đê là khan *Kdam Yi* (tức khan *Đăm Di*) cũng được Dominique Antomarchi (người Pháp) sưu tầm, dịch và công bố. Đây là hai bản sử thi đầu tiên được phát hiện, mở đầu cho quá trình sưu tầm văn học dân gian Tây Nguyên Việt Nam cho đến nay vẫn chưa kết thúc. Dambo trong công trình *Miền đất huyền ảo - Các dân tộc miền núi Nam Đông Dương* đã gọi *Dam Săn* là một “trường ca” và khẳng định: “*Bản anh hùng ca cổ của người Ê Đê sẽ không mất đi, câu chuyện đẹp đẽ về cuộc sống Damsan bay lên từ núi rừng Việt Nam sẽ được biết đến tận châu Âu*” (Dambo, 1950, *Miền đất huyền ảo - Các dân tộc miền núi Nam Đông Dương*, tr.58).

Nhà dân tộc học Georges Condominas khẳng định sử thi *Đăm Săn* là “*một văn bản giáo huấn, trong đó đạo đức được kể lại dưới dạng anh hùng ca và cả những tai họa mà nhân vật anh hùng gặp phải, mỗi lần anh ta vi phạm luật lệ do tục qui định*” (Võ Quang Nhơn, 1997, *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, tr.142). Và hơn hết, vượt lên cái nhìn còn có phần hạn chế về chủ đề khan *Đam Săn*, nhân vật *Đam Săn* theo nhà nghiên cứu này là: “... *một tướng lĩnh tài giỏi, biết chiến đấu dũng cảm để giành lại vợ mình từ tay kẻ cướp đoạt*” (tr.142). Cũng theo G. Condominas, nhân vật *Đăm Di* (khan *Đăm Di*) là:

“... *một anh hùng tự nguyện: anh ta tự làm rẫy, luôn luôn đối lập với người khác; không bao giờ anh bị các sự kiện lôi cuốn theo, trái lại anh ta gây nên sự kiện và chính anh ta là kẻ gây nên mọi chuyện, tạo nên câu chuyện của bản khan. Chàng khinh rẻ công việc nương rẫy, muốn trở nên giàu có và hùng mạnh nhờ vào chiến tranh và mưu kế. Tham vọng và lòng kiêu ngạo của chàng mênh mông vô tận, xét cả về mặt đạo đức cũng như về mặt tôn giáo; khi chàng đã quyết định, thì không có gì giữ được ý định của chàng, dù cho đây là những điếm gỡ...*” (Võ Quang Nhơn, 1997, *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, tr.142 - 143).

Năm 1959, Đào Tử Chí khi giới thiệu cho công trình *Bài ca chàng Đam San* cho rằng: Cuộc đời ngang tàng đầy chiến công oanh liệt của *Đam San* phù hợp với tâm hồn và ước vọng của đồng bào Tây Nguyên và đem đến nhiều hứng khởi thâm mỹ (Đào Tử Chí, 1959). Đào Tử Chí muốn nhấn mạnh hình ảnh người anh hùng *Đam Săn* với cuộc đời nhiều kì tích, người dân Ê Đê xưa đã gửi gắm thế giới tinh thần phong phú, những khát vọng, mơ ước, tình cảm tốt đẹp của dân tộc mình.

Từ sau năm 1960, trên cơ sở thành tựu sưu tầm, việc nghiên cứu sử thi Tây Nguyên đã có một bước tiến triển mới. Các vấn đề về nội dung và thi pháp sử thi được tập trung nghiên cứu, xem xét. Nội dung sử thi Tây Nguyên phản ánh cuộc sống muôn mặt của con người Tây Nguyên đặc biệt là công cuộc chiến đấu, lao động, sản xuất để bảo vệ và xây dựng buôn làng. Đề tài nổi bật nhất của sử thi là đề tài chiến tranh, đó là những cuộc chiến tranh triền miên, dai dẳng giữa các thị tộc, bộ lạc,... Nhà nghiên cứu Chu Xuân Diên (1960) trong bài viết “Tìm hiểu giá trị bài ca *Đăm Săn*” nhận xét: Một trong hai chủ đề của sử thi *Đam San* là “*đấu tranh chống*

những tù trưởng thù địch để bảo vệ cuộc sống và mở rộng địa bàn cư trú của dân tộc” và Bài ca chàng Đam San là “một bản anh hùng ca” và “ Đam San là nhân vật anh hùng” (tr.48).

Năm 1963, tập *Trường ca Tây Nguyên* của Y Điêng, Y Yung, Koxo Biêu, Ngọc Anh sưu tầm ra mắt thì giới nghiên cứu đã có thể tin chắc rằng Tây Nguyên là một vùng sử thi giàu có của đất nước. Các tác phẩm sử thi được sưu tầm trong công trình tập thể này là: *Đam Săn, Xing Nhã, Đăm Di, Đăm Đơăn, Kinh Dú, Y Prao*. Những thiên sử thi này được xác định là của dân tộc Ê Đê, riêng sử thi *Xing Nhã* được biết là còn lưu truyền rộng rãi trong các buôn làng người Gia Rai ở cao nguyên Đắc Lắc và Plei Ku. Lời giới thiệu cho công trình được in lại năm 1983 xác định các sử thi này là “những khúc ca anh hùng” và Đăm San, Xing Nhã, Y Ban là những hình tượng đẹp đẽ về những “anh hùng thời quá khứ”. Cụ thể, Đăm San là “... một kiểu mẫu anh hùng tiêu biểu cho lí tưởng đấu tranh ngoan cường, bất khuất muốn vươn tới một cuộc sống hạnh phúc, tự do ở thời này. Mở đầu cũng như kết thúc khúc ca anh hùng, Đăm San hiện lên dũng cảm chống lại tập tục cũ, chống lại thần quyền, những sức ỳ của thời đại cũ...” (Y Điêng, Y Ông và các tác giả khác, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai* tr.6 - 7).

Cũng trong năm 1963, Cao Huy Đình có bài viết “Dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp trong một số truyện cổ Đông Nam Á”. Theo nhà nghiên cứu này, nhân vật dũng sĩ tiêu biểu cho cái thiện, tinh thần anh hùng, hào hiệp, có sức khỏe, tài ba và đức độ, dũng cảm trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội; luôn luôn bảo vệ cái tốt, cái đẹp, bảo vệ tình yêu, kẻ hèn yếu. Cao Huy Đình đã chia ra hai mẫu dũng sĩ, một thuộc xã hội cộng đồng thị tộc, một thuộc xã hội có giai cấp (Cao Huy Đình, 1963, *Dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp trong một số truyện cổ Đông Nam Á*).

Năm 1965, trong công trình *Truyện cổ Ba - na*, nhóm truyện về nhân vật dũng sĩ chiếm một tỉ lệ lớn. Có thể nêu ra một số truyện tiêu biểu trong số đó như: *Con hổ sáu đuôi, Di - ông, Đánh giặc, Đông Đư đánh cháu trời, Anh hùng Đam Đông, Anh hùng Đông Tư, Tia oong Tư kén vợ, ...* Theo chú thích của Ngọc Anh ở Lời giới thiệu sách thì dũng sĩ Đông “ *Người GiaRai gọi là Gion, người Hà - lan, Xê-đang gọi là*

Đi-ông, người Xơ - rê, Mơ-nông gọi Đông” (Nhiều tác giả, 1965, *Truyện cổ Ba - na*, tr.19). Điều ghi chú ấy ít nhiều cho phép người đọc biết rằng nhóm truyện về nhân vật dũng sĩ Đông được truyền kể không chỉ trong phạm vi các địa phương người Ba Na mà còn ở các dân tộc láng giềng khác nữa.

Cũng theo Ngọc Anh:

“*Ngoài kho tàng truyện cổ dân gian phong phú, đồng bào Ba-na còn có nhiều trường ca (hơ-môn) nổi tiếng như: Đông Đư, Đông Men, Róc Xét..., lời thơ sinh động, mang phong thái anh hùng ca, ca ngợi thiên nhiên hùng vĩ, con người to lớn và khát vọng phi thường, kể ngọt đêm ngày không dứt ...*” (Nhiều tác giả, 1965, *Truyện cổ Ba - na*, tr.16).

Năm 1978, công trình *Truyện cổ Ê - Đê* do Y Điêng và Hoàng Thao sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, gồm 24 truyện. Theo các tác giả của công trình này, phần lớn những câu chuyện đều hướng vào sự chống “áp bức”. Nhân vật trung tâm là những chàng trai tài giỏi, khéo léo, có ý chí sắt đá chống lại các tù trưởng - Mơ tao, các ác thần, hung thần - những kẻ áp bức họ, gia đình họ và cuộc sống của dân làng. Tuy nhiên, chiến thắng của các chàng trai còn nhờ phần lớn vào thế lực huyền bí nào đó hoặc do yếu tố ngẫu nhiên mà bản thân họ chưa đủ để quyết định chiến thắng đó (Y Điêng, Hoàng Thao, 1978, *Truyện cổ Ê - Đê*).

Trong công trình *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam* (NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983), nhà nghiên cứu Võ Quang Nhơn khẳng định sử thi Tây Nguyên là những câu chuyện ca ngợi các nhân vật anh hùng, là nhân vật tù trưởng, tộc trưởng nổi tiếng ở các buôn làng. Những nhân vật ấy đã có công hướng dẫn nhân dân trong cộng đồng làm ăn (làm nương rẫy, đi săn, đi bắt cá...) để đạt được cuộc sống ấm no; hoặc là những người cầm đầu nhân dân lập được những chiến công vang dội, đánh thắng giặc cướp ở bên ngoài tới, đảm bảo cuộc sống yên vui của cộng đồng... Lần lượt được công bố những năm sau đó, các công trình nghiên cứu của Võ Quang Nhơn là bài viết, chuyên luận như: *Về sử thi anh hùng của các dân tộc ở Tây Nguyên Việt Nam* (Tạp chí Văn học, 1987); *Sử thi anh hùng Tây Nguyên* (NXB Giáo dục, 1997) đã thể hiện đầy đủ quan điểm và nhận thức của ông về sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Theo nhà nghiên cứu này, chủ đề lớn thứ

nhất của sử thi anh hùng Tây Nguyên là “ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật anh hùng đã có công bảo vệ xã hội cộng đồng, đồng thời qua đó khẳng định một cách đầy tự hào sự tồn tại và phát triển của xã hội cộng đồng” (Võ Quang Nhơn, 1997, *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, tr.57).

Về đặc thù của sử thi anh hùng Tây Nguyên, Võ Quang Nhơn nhấn mạnh:

“Âm điệu nổi bật mang ý nghĩa xã hội - lịch sử lớn của các sử thi là ca ngợi chiến công của nhân vật anh hùng trên chiến trường, ca ngợi những chiến tích oanh liệt của họ trong việc múa khiên, đọ dao với kẻ thù để bảo vệ thị tộc, bộ lạc của mình. Nhưng sẽ là thiếu sót nếu chúng ta không đề cập tới một nội dung khác, cũng không kém phần quan trọng trong nghiên cứu sử thi anh hùng: đó là chiến công lao động cũng không kém phần hào hùng, kì vĩ của các nhân vật anh hùng” (Võ Quang Nhơn, 1997, *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, tr.66).

Các đặc điểm thi pháp của sử thi anh hùng như cách nói ví von giàu hình ảnh, biện pháp phóng đại, ngoa dụ; ngôn ngữ giàu kịch tính, nhạc điệu,... cũng được chuyên luận nhấn mạnh, chứng minh (Võ Quang Nhơn, 1997, *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*).

Năm 1984, trong công trình *Truyện cổ Cơ - ho*, viết lời giới thiệu Tạ Văn Thông và Võ Quang Nhơn khẳng định ở kho tàng truyện cổ của người Cơ Ho loại truyện về người dũng sĩ chiếm tỉ lệ khá lớn, nhân vật có nhiều nét thần kì, lãng mạn, gần gũi với thần thoại, kế thừa truyền thống thần thoại khá đậm. Nhân vật dũng sĩ là linh hồn trong những truyện cổ, lập nhiều chiến công, kì tích: đánh, diệt rắn bẫy đầu, tinh cọp, thần linh, tù trưởng gian ác, vua chúa, đập đập chống hạn cứu dân. Hành động của các nhân vật dũng sĩ đều nhằm đạt tới mục đích vì sự sống còn và quyền lợi của cộng đồng (Tạ Văn Thông, Võ Quang Nhơn, 1984, *Truyện cổ Cơ - ho*).

Trong lời giới thiệu in đầu sách *H'mon Đăm Noi trường ca dân tộc Bahnar* (1985): *Đăm Noi, Phù Đống của dân tộc Ba Na*, tác giả Lê Anh Trà nhận xét:

“Phải chăng trong Noi có những nét tương tự như ở vị anh hùng thiếu niên Phù Đống của người Kinh, có điều giặc Ân là có thật, còn Drang hạ - Drang hom chỉ là biểu tượng cho sự xâm lược ...”, “Noi không chỉ chiến đấu như một tù trưởng giàu mạnh quyết giành lại người yêu hay vợ bị một tù trưởng khác bắt đi, hoặc trả

một nợ máu dòng họ, mà Noi chiến đấu cho một mục đích, một lý tưởng cao hơn: đó là số phận của cả bộ tộc mình và của nhiều bộ tộc khác của vùng lưu vực sông Ba rộng lớn - tránh khỏi một tai họa diệt chủng” (Phạm Thị Hà - Tô Ngọc Thanh, 1985, *H'mon Đăm Noi trường ca dân tộc Bahnar*, tr.9-10).

Giới thiệu công trình *Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên*, (NXB Văn học, Hà Nội, 1985), Đặng Nghiêm Vạn cho rằng:

“... có thể phân thành một loại truyện cổ tích về các dũng sĩ phản ánh giai đoạn dân chủ quân sự, giai đoạn tranh chấp giữa các tộc người và giữa các địa phương để hình thành các nhà nước sơ khai, một giai đoạn mà xã hội Trường Sơn - Tây Nguyên trải qua vào những thế kỷ cách đây chưa xa lắm” (tr.11).

Năm 1986, tác giả Vũ Hùng trong lời giới thiệu cho công trình *Truyện cổ Xơ Đăng* có nhận xét:

“Hình tượng chàng trai khỏe, tài giỏi mưu trí hơn người phổ biến trong truyện của các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên và một số các dân tộc khác. Họ là những anh hùng luôn đứng về phía điều thiện, phía nhân dân, chống điều ác, bảo vệ bản làng trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên và xã hội” (tr.21). Đồng thời, Vũ Hùng nhấn mạnh việc nghiên cứu truyện cổ Xơ Đăng không chỉ nhằm mục đích bảo lưu, phát huy giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc này mà đó còn là những tư liệu khoa học quý báu giúp bạn đọc tìm hiểu thêm về xã hội, cuộc sống con người Xơ Đăng của một thửa xa xưa (Vũ Hùng, 1986, *Truyện cổ Xơ Đăng*).

Năm 1988, công trình *Đam Săn - Sử thi Ê - đê* với phần văn bản song ngữ Ê Đê - Việt được chú thích tỉ mỉ; là một dấu mốc quan trọng trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu sử thi Tây Nguyên. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hoàn trong *Lời giới thiệu* cho công trình đã nhận xét nhân vật Đam Săn là *“con người của thị tộc mẫu hệ”*, có *“sức mạnh và dũng khí trong chiến đấu và sản xuất. Hành động và kỳ tích có tính chất sử thi”* (tr.37). Đặc biệt, nhân vật Đam Săn được khắc họa là con người có *“sức mạnh thể lực và lòng dũng cảm, đó là những phẩm chất chủ yếu của nhân vật anh hùng sử thi...”* (tr.39). Vì lẽ gì mà hình tượng nhân vật anh hùng Đam Săn lại chứa đầy tinh thần *“thượng võ cổ đại”* như thế, là bởi:

“... chiến đấu với thú dữ, với núi cao, sông sâu, với kẻ thù hung ác, giàu mạnh

từ nơi khác đến cướp phá, đòi hỏi con người phải có sức mạnh của thiên thân, của dũng sĩ, của nam giới. Nhân vật anh hùng sử thi xuất hiện là gương mặt anh hùng nam giới vì con người muốn tồn tại và phát triển phải nhanh chóng vượt ra khỏi thời kì dã man với lao động hái nhặt, để đối đầu với mãnh thú, san đồi, chặt cây...” (tr.35).

Về đặc điểm và vai trò của cốt truyện đối với việc làm nổi bật hình tượng nhân vật anh hùng Đam Săn, Nguyễn Văn Hoàn nhận xét “Toàn bộ cốt truyện nêu lên số phận và đặc biệt là những hành động có tính chất sử thi của nhân vật anh hùng Đam Săn. Có thể nói, khi toàn bộ những phẩm chất chủ yếu của Đam Săn đã bộc lộ đầy đủ, hoàn chỉnh thì truyện kể cũng dừng lại” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đam Săn sử thi Ê - đê*, tr.50).

Trong bài nghiên cứu “Langbian và sự thống nhất các dân tộc ở Lâm Đồng” (Tạp chí Langbian số 1/1988), Nguyễn Diệp khẳng định hình tượng nhân vật dũng sĩ Lang (*Sự tích Lang Bian*) là biểu tượng của lòng chung thủy, tinh thần đấu tranh vì hạnh phúc, phản kháng những luật tục lạc hậu, dám lấy cái chết của bản thân để hóa giải mối thù bao đời giữa các tộc người,...

Công trình *Sử thi Êđê* (trong sách *Nghiên cứu sử thi Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 2001, (Xuất bản lần đầu năm 1991)) của Phan Đăng Nhật là chuyên luận công phu với nhiều nội dung như: Về đời sống của sử thi: *khan*; Cấu trúc của hệ thống *khan*; Hệ thống các loại và kiểu đề tài của *khan*; Đặc điểm thẩm mỹ của sử thi: *khan*; Sự phản ánh lịch sử xã hội của sử thi: *khan*. Tác giả công trình khẳng định trong các *khan* Ê Đê, nhân vật anh hùng là hình ảnh “thẩm mỹ tiêu biểu”. Cụ thể hơn, theo nhà nghiên cứu này: về cơ bản đề tài của sử thi Ê Đê là đề tài chiến tranh, và “có thể nói nhân vật bao trùm sử thi - *khan* là nhân vật anh hùng chiến đấu” (tr.603). Các phẩm chất cùng năng lực của người anh hùng sử thi được Phan Đăng Nhật đúc kết và chứng minh, phân tích là: sự đẹp đẽ, khỏe mạnh và tài giỏi về nhiều mặt; “đã là anh hùng phải chiến thắng”, phải “giàu sang”. Và hơn hết, để “thi thố được tài năng nhất là tài chiến đấu, người anh hùng có một đức tính cơ bản: dũng cảm” (tr.623).

Với nguồn tư liệu phong phú, công trình *Sử thi Êđê* của Phan Đăng Nhật đã

khái quát được những đặc điểm cốt yếu nhất ở nhân vật anh hùng, con người dũng cảm, bất khuất, siêu việt.

Trong lời giới thiệu cho công trình sưu tầm *Sử thi cổ sơ M'ông* (NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1993), Đỗ Hồng Kỳ khẳng định:

“Sử thi ot nông tập trung ca ngợi các nhân vật anh hùng, đó là những người tài giỏi nhất của thị tộc bộ lạc. Về người anh hùng trong chiến trận, nổi bật lên hình ảnh Y Lêng. Chàng là biểu tượng về sức mạnh và khát vọng vươn lên không ngừng của người M'ông” (tr.13).

Năm 1996, với chuyên luận *Sử thi thần thoại M'ông*, tác giả Đỗ Hồng Kỳ tiếp tục nghiên cứu, nhận diện đầy đủ, tỉ mỉ hơn về nhân vật anh hùng chiến trận trong sử thi dân tộc M'ông. Các khía cạnh thi pháp của sử thi ot nông trong miêu tả, dẫn truyện cũng được nhà nghiên cứu hệ thống hóa (Đỗ Hồng Kỳ, 1996).

Năm 1994, giới thiệu tập *Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam*, các tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Đặng Văn Lung, Tăng Kim Ngân nhận định “loại truyện phổ biến nhất” là “truyện về các dũng sĩ với những kì tích, chiến công. Các dũng sĩ không phải là một người có tên tuổi, địa vị, danh vọng”, mà là “những người dân bình thường, nghèo khổ, mồ côi”, nhưng “tiếp nhận sự phù hộ của thần linh hoặc sự giúp đỡ của sức mạnh khác thường”, “trở nên có khả năng làm những điều thiện, trừng trị kẻ ác ngay giữa trần thế” (tr.11 - 12). Đồng thời, các tác giả cho rằng sức hấp dẫn của kiểu truyện dũng sĩ ở tính li kì, vai trò của motif và tính giáo dục của truyện (*Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam*, 1994, tập 1).

Giới thiệu tập *Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam* (1995, tập 2), các tác giả: Đặng Nghiêm Vạn, Đặng Văn Lung, Tăng Kim Ngân khái quát nhiều nội dung của các câu chuyện cổ như: mâu thuẫn trong gia đình giữa dì ghẻ - con chồng, phê phán người chú độc ác, ca ngợi tình vợ chồng chung thủy, nghĩa bạn bè, triết lí ở hiền gặp lành, khát vọng mơ ước cuộc sống đủ đầy của người nghèo khó. Nhóm nghiên cứu cũng nhắc tới một số truyện ca ngợi những dũng sĩ tài ba xuất chúng cứu người đẹp thoát khỏi chim thần, yêu tinh, hung thần, tù trưởng gian ác. Chiến công của chàng dũng sĩ không phải hoàn toàn là công sức của họ mà còn là sức mạnh của cả buôn làng. Cũng theo các nhà nghiên cứu này, nhóm truyện về nhân vật dũng sĩ

“phản ánh một thời đại chiến binh, mang sắc thái của anh hùng ca phổ biến trong vùng” (*Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam*, 1995, tr.15).

Hoàng Ngọc Hiến trong bài viết “Những nét loại hình của “Bài ca chàng Đam San” như là một tác phẩm anh hùng ca” (1999) (Trong công trình *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, 1999) nhấn mạnh:

“Đam San là một nhân vật anh hùng ca. Nó là con người của sự hoàn thiện, hoàn mỹ. Phẩm giá của nó là ở tất cả các mặt - sức mạnh cũng như tài năng, đạo đức cũng như ngoại hình đều tương xứng với vị trí hiếm quý của nó - một tù trưởng giàu mạnh”. Và cụ thể hơn: “Đam San có sức mạnh phi thường, Đam San tài giỏi trong hoạt động” anh hùng quân sự” (đánh thắng Motao Grư, Motao Moxây, những tù trưởng gian hùng), cũng như trong hoạt động “anh hùng văn hóa”: dạy cho dân làng làm rẫy, đốn cây...” (tr.186).

Đặc biệt, tác giả bài viết nhận định “Lòng dũng cảm - phẩm chất đạo đức cốt yếu nhất của người anh hùng trong anh hùng ca ở Đam San là có tính chất tuyệt đối” (Bùi Mạnh Nhị, 1999, *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*, tr.187). Có thể nói, đây là một trong số những nhận xét quan trọng về phẩm chất nhân vật anh hùng sử thi Tây Nguyên. Trong các hoạt động và với các hành động, nhân vật anh hùng sử thi luôn thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ.

Lê Phong trong bài viết “Thử so sánh truyện cổ Việt và truyện cổ Tây Nguyên” (1996) cho rằng nếu xét các dấu hiệu về nội dung và thi pháp, truyện cổ Tây Nguyên không khác truyện cổ tích của người Việt. Ngoài kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ Tây Nguyên là nhân vật mồ côi, nhân vật mang lốt thi kiểu nhân vật dũng sĩ thường xuất hiện trong truyện cổ mọi dân tộc. Và đặc biệt, nếu nhân vật dũng sĩ “hiếm thấy ở cổ tích Việt trong khi đó lại rất thường gặp trong truyện cổ và trường ca Tây Nguyên” (tr.64).

Năm 2005, trong công trình *Tìm hiểu truyện cổ Tây Nguyên (Trường hợp Mạ và K’ho)*, Lê Hồng Phong khi phân loại các kiểu nhân vật mồ côi đã chia ra: *mồ côi siêng năng, mồ côi lười biếng, mồ côi dũng sĩ, mồ côi đặc biệt*. Ở các truyện về nhân vật “mồ côi dũng sĩ” và “mồ côi đặc biệt”, tác giả cho rằng kiểu nhân vật mồ côi này đã tạo nên type truyện dũng sĩ diệt ác - cứu người. Đặc biệt, kiểu nhân vật mồ

côi này ngoài những phẩm chất tốt đẹp khác còn có thêm tính cách anh hùng, gần gũi với nhân vật anh hùng của sử thi (Lê Hồng Phong, 2005, *Tìm hiểu truyện cổ Tây Nguyên (Trường hợp Mạ và K'ho)*).

Trong công trình *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, (1998) tác giả Nguyễn Thị Bích Hà đã thống kê khá là tỉ mỉ, đồng thời so sánh kiểu truyện dũng sĩ có mô típ giống truyện về chàng dũng sĩ Thạch Sanh ở các dân tộc Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác, Công trình cũng quan tâm lí giải nguyên nhân những khác biệt và tương đồng của kiểu truyện dũng sĩ ở các dân tộc trong một khu vực văn hóa chung (Nguyễn Thị Bích Hà, 1998, *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*).

Trong bài viết “Sử thi ở Việt Nam” (1998), Đinh Gia Khánh nhận xét rằng các nhân vật anh hùng sử thi là những con người có “tâm vóc và tài năng không thua kém các vị thần”. Ông khẳng định:

“... giá trị lớn nhất của các áng sử thi là ở chỗ qua sự nghiệp của các vị thần và các vị anh hùng thể hiện được phẩm chất của nhân dân lao động với tính cách hồn nhiên chất phác, với đầu óc năng động thông minh, với niềm gắn bó cùng nhau trong cộng đồng, với niềm tin tưởng ở khả năng vô cùng lớn của cộng đồng v.v...” (Nhiều tác giả, 1998, *Sử thi Tây Nguyên*, tr.45 - 46).

Tác giả Hơ Năm Niê trong bài viết “Những bài kể khan của người Ê Đê”(1998) có nhận xét:

“Trong sử thi Đam Xăn, khi Đam Xăn chết đi đã đầu thai vào người chị Hơ Áng và Đam Xăn cháu ra đời. Đó là khát vọng, là ước muốn của dân làng luôn luôn có một thủ lĩnh đứng đầu khỏe mạnh, dũng cảm để chỉ huy dân cho buôn làng ngày càng lớn mạnh. Đó là ước muốn mang đầy tính nhân văn, cao cả” (Nhiều tác giả, 1998, *Sử thi Tây Nguyên*, tr.213).

Trong bài nghiên cứu “Nghĩ lễ trưởng thành và kiểu truyện dũng sĩ - qua việc khảo sát tập Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên” (Tạp chí Nguồn sáng dân gian, Số 4, 2000), Nguyễn Việt Hùng nhận thấy ở truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, mật độ xuất hiện kiểu truyện dũng sĩ rất lớn và đây không chỉ là những câu chuyện về chiến công, kì tích của nhân vật dũng sĩ mà còn là sự phản

ánh các nghi lễ (trong đó có nghi lễ trưởng thành) của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên (Nguyễn Việt Hùng, 2000).

Từ năm 2004 đến 2009, bộ sách gồm nhiều tập *Kho tàng Sử thi Tây Nguyên* (NXB Khoa học Xã hội) (văn bản song ngữ) lần lượt được công bố, gồm hàng chục tác phẩm sử thi của các dân tộc Mnông, Ê Đê, Ba Na, Xơ Đăng, Ra Glai, Chăm - Hroi. Đây là kết quả của dự án cấp nhà nước Điều tra, sưu tầm, bảo quản, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện từ năm 2001 đến 2004. Ở hàng chục lời giới thiệu in đầu mỗi tập sách, các tác giả: Đỗ Hồng Kỳ, Phan Đăng Nhật, Võ Quang Trọng, Phan Thu Hiền, Nguyễn Việt Hùng, Trần Kiên Hoàng,... đều sơ lược đề cập đến nhân vật anh hùng được sử thi các dân tộc khắc họa.

Năm 2005, với công trình *Trường ca, sử thi trong môi trường văn hóa dân gian Tây Nguyên* (NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội), Linh Nga Niê Kdam tìm hiểu sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong môi trường diễn xướng. Tác giả tóm tắt ngắn gọn những áng sử thi về nhân vật anh hùng, dũng sĩ và khái quát rằng nhân vật anh hùng luôn có lòng can đảm, sẵn sàng xả thân, chăm lo tới sự sống còn của cộng đồng (Linh Nga Niê Kdam, 2005).

Năm 2006, trong “Lời giới thiệu” cho công trình *Truyện cổ Chu ru*, (NXB Văn nghệ) nhóm sưu tầm, biên soạn nhấn mạnh:

“... truyền thuyết địa danh và truyền thuyết về chiến công của người anh hùng, đại diện cho sức mạnh cộng đồng dân tộc, những vấn đề lớn trong cuộc sống của người Churu như : công cuộc lao động sáng tạo, khám phá, chinh phục thiên nhiên, đấu tranh chống ngoại xâm, chống kẻ thù cướp phá để bảo vệ và giải phóng dân tộc, xây dựng buôn làng được yên vui, giàu có” (Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện, 2006, *Truyện cổ Chu ru*, tr.5).

Nghiên cứu nhân vật anh hùng Giông ở sử thi Ba Na, Phan Thị Hồng trong công trình *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar* (2006) chú ý đến khía cạnh huyền thoại, sự mô tả vẻ đẹp diện mạo, đặc biệt là phẩm chất của người dũng sĩ, những khả năng phi thường và các chiến công, kì tích của nhân vật này. Các kiểu kết cấu cốt truyện, motif, công thức ngôn ngữ, biện pháp tu từ ở nhóm h' mon dân tộc Ba Na cũng được

xem xét như là các yếu tố thi pháp khắc họa nhân vật anh hùng, dũng sĩ.

Với bài viết “Nhân vật anh hùng sử thi Tây Nguyên - con người của chiến công, kì tích” (Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 11, 2017), Phan Thị Hồng tiếp tục khảo sát, nhận diện bao quát hơn về kiểu nhân vật anh hùng, dũng sĩ trong sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Trong “Lời giới thiệu” tập *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên* (công trình do Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tài trợ, 2016, TLCXB), Phan Thị Hồng có nhận xét rằng kiểu truyện về nhân vật dũng sĩ vẫn chiếm vị trí nổi trội trong số 32 truyện mới được sưu tầm. Và theo nhà nghiên cứu này, đây là “nhóm truyện phản ánh khát vọng khắc phục đủ thứ thiên tai, địch họa, muôn vàn những trở lực, chướng ngại để sinh tồn, vươn lên của con người các bộ tộc Tây Nguyên trong trường kỳ lịch sử” (Phan Thị Hồng, 2016, tr.9).

Năm 2007, công trình *Văn hóa Raglai những gì còn lại*, Phan Quốc Anh nhận định:

“Sử thi là những chuyện dài được kể bằng lời hát của nghệ nhân. Cốt truyện của sử thi thường rất phức tạp. Nhiều tuyến nhân vật xoay quanh một trục trung tâm là nhân vật anh hùng của cộng đồng. Họ đấu tranh, sống, chết vì lẽ phải, vì lợi ích của cộng đồng, vì sự phát triển của nòi giống, mở mang vùng lãnh địa” (Phan Quốc Anh, 2007, *Văn hóa Raglai những gì còn lại*, tr.221).

Năm 2008, Vũ Anh Tuấn (2008) trong bài viết “Một số phạm trù tự sự học qua khảo sát thế giới nghệ thuật sử thi Raglai” (trong sách *Trong sách tự sự học, một số vấn đề lí luận và lịch sử - phần 2*), nhận thấy nhân vật anh hùng Sa Ea được khắc họa bởi: “... hệ thống các hành động chức năng được tổ chức theo nguyên tắc mô hình hóa cấu trúc kiểu loại con người thời đại sử thi” (tr.335). Theo nhà nghiên cứu này: “Những nhân vật tự sự sử thi còn là hình ảnh chủ quan của thế giới tinh thần, thế giới nội cảm, trong cách thức biểu hiện khát vọng lãng mạn tuyệt đối một cách trực tiếp không có giới hạn...” (tr.335 - 336).

Trong bài “Dẫn luận” cho công trình *Sử thi Raglai* (NXB Khoa học Xã hội, 2014), Vũ Anh Tuấn đánh giá:

“Sử thi Awoi Năi Tilor cũng luôn luôn tô đậm sự hơn hẳn về sức mạnh, tài

*năng, dũng khí của nữ nhân vật anh hùng trong sự đối sánh với các nhân vật nam...”, “... Hình ảnh người nữ anh hùng với những chiến công oanh liệt được tác phẩm khắc họa với tất cả sự sáng khái tự hào” (Vũ Anh Tuấn, 2014, *Sử thi Raglai*, tr.74 - 75).*

Trong bài viết “Awoi Nãi Tilor - Một sử thi Raglai độc đáo” (2009), Phan Thu Hiền và Trần Kiêm Hoàng nhận xét: “Awoi Nãi Tilor là nữ nhân vật anh hùng có sức mạnh, tài năng, dũng khí”, “thể hiện đặc biệt ấn tượng vai trò thống lĩnh của người phụ nữ” (Phan Thu Hiền - Trần Kiêm Hoàng, “Awoi Nãi Tilor - Một sử thi Raglai độc đáo”, Quyển 1, *Awoi Nãi Tilor*, tr.9 - 15).

Năm 2010, ở lời “Dẫn nhập” cho công trình *Truyện cổ Raglai*, Tô Ngọc Thanh phân chia nhóm nhân vật chính thành các loại; *người mang lột vật, người mô cô và người dũng sĩ* và đưa ra nhận xét:

*“... các nàng công chúa tộc người Chăm kết duyên cùng chàng dũng sĩ Raglai để hai bộ lạc cùng kẻ vai sát cánh, đoàn kết một lòng chống lại các cuộc xâm chiếm của các thế lực thù địch. Nàng Tilui đã dũng cảm cùng chồng Jarumurq giết quái thú để cứu dân làng không bị quỷ ăn thịt, giết cá sấu cứu anh trai của chồng...” (Trần Kiêm Hoàng, Chamaliaq Riya Tiênq, 2010, *Truyện cổ Raglai*, tr.24 - 30).*

Trong công trình *Văn hoá mẫu hệ qua sử thi Ê Đê*, Buôn Krông Thị Tuyết Nhung chú trọng tìm hiểu nhân vật nữ và soi chiếu dưới góc độ văn hóa để khảo sát văn hóa mẫu hệ qua sử thi Ê Đê. Tác giả đã phân tích sâu sắc, đưa ra những đánh giá khái quát về nữ nhân vật trong sử thi của tộc người Ê Đê (Buôn Krông Thị Tuyết Nhung, 2010, *Văn hoá mẫu hệ qua sử thi Ê Đê*).

Giới thiệu cho cuốn *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên* (NXB Văn hóa Dân tộc, 2012) các tác giả cho rằng kiểu nhân vật dũng sĩ, hình mẫu lí tưởng về phẩm chất, tài năng, trí tuệ của đồng bào Tây Nguyên chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong tập truyện cổ.

Trương Thông Tuấn giới thiệu cho công trình *Truyện cổ M'ông*, (Tập 1, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016) đã phân tích lí do vì sao nhân vật dũng sĩ xuất hiện “khá phổ biến”, chiếm vị trí nổi bật trong kho tàng truyện cổ tích của người M'ông. Theo nhà nghiên cứu này, tính cách, hành động của dũng sĩ rất trần thế, họ

có sức khỏe phi thường, tài trí, thông minh, thật thà, giàu tình yêu thương, luôn giúp đỡ mọi người. Nhân vật dũng sĩ luôn có sứ mệnh diệt trừ cái ác, mang lại cuộc sống yên vui cho buôn làng, gia đình và hạnh phúc cho chính bản thân,...

Năm 2016, Nguyễn Hữu Đức trong công trình *Hình tượng dũng sĩ chống áp bức trong truyện cổ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên*, đã khảo sát kiểu nhân vật dũng sĩ chống áp bức trong truyện cổ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, chỉ ra các phương thức xây dựng hình tượng dũng sĩ cùng giá trị thẩm mỹ của hình tượng này.

Công trình *Đặc điểm nghệ thuật nhóm sử thi Dăm Giông* của Nguyễn Tiến Dũng (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018), gồm 3 chương như sau: Kết cấu nhóm sử thi Dăm Giông nhìn từ góc độ diễn xướng; Nhân vật Dăm Giông trong mối quan hệ với nhân vật tái xuất hiện và sử thi đơn; Hệ thống motif và không gian nghệ thuật trong nhóm sử thi Dăm Giông. Công trình chủ yếu tìm hiểu khía cạnh nghệ thuật của nhóm sử thi dân tộc Ba Na từ phương diện diễn xướng, kết cấu nhân vật và vai trò của các motif.

Gần đây, một số luận văn thạc sĩ, tiến sĩ nghiên cứu truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên cũng ít nhiều đề cập đến nhân vật anh hùng, dũng sĩ như: *Đặc điểm nữ nhân vật trong sử thi Tây Nguyên* (Luận văn thạc sĩ, Võ Thị Thùy Dung, 2007); *Nhân vật sử thi Tây Nguyên - tiếp cận từ phương diện văn hóa* (Luận văn thạc sĩ, Phạm Văn Hóa, 2007); *Đặc điểm truyện cổ Ê Đê* (Luận văn thạc sĩ, Phan Văn Cường, 2011); *So sánh sử thi Mdrông Dăm và sử thi Dăm San của dân tộc Ê Đê* (Luận văn thạc sĩ, Dương Thị Mỹ Thanh, 2013); *Tìm hiểu truyện cổ người Churu ở Lâm Đồng* (Luận văn thạc sĩ, Ninh Thị Vui, 2015); *Đặc điểm nhân vật sử thi dân tộc Bahnar* (Luận văn thạc sĩ, Lê Ngọc Bảo, 2016); *Hệ thống nhân vật sử thi Raglai* (Luận văn thạc sĩ, Huỳnh Thị Kim Ngân, 2016); *Nghiên cứu so sánh truyện dân gian của hai nhóm tộc người Mã lai Đa đảo và Môn Khmer ở Trường Sơn - Tây Nguyên* (Luận văn tiến sĩ, Phan Xuân Viện, 2018),...

Như vậy, từ việc khảo sát lại lịch sử nghiên cứu vấn đề nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên từ trước đến nay, có thể rút ra những điểm chú ý như sau:

- Khi nghiên cứu truyện cổ tích hay sử thi Tây Nguyên, ngoài các vấn đề về

đề tài, chủ đề; cấu trúc cốt truyện, hệ thống nhân vật, thi pháp, phương thức diễn xướng,... thì hầu như chuyên luận, bài viết nào cũng đề cập đến nhân vật anh hùng, dũng sĩ. Đối với thể loại sử thi, từ đặc trưng loại hình, nhân vật trung tâm, xuyên suốt là nhân vật anh hùng, dũng sĩ được giới nghiên cứu thực sự quan tâm sâu sắc, đọc nhiều suy tư, tâm huyết để tìm tòi, nhận diện, lý giải. Do chỉ xuất hiện như một kiểu truyện trong hàng trăm truyện với nhiều kiểu dạng đề tài, nội dung, nhiều kiểu dạng nhân vật chính, cho nên nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích thật sự chưa được dày công phân tích, khám phá, luận giải.

- Về cơ bản các ý kiến về nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích còn dừng lại ở mức độ là những nhận xét, nhận diện khái quát cho một tập truyện, một công trình sưu tầm hay tuyển chọn được công bố. Nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ, với phương pháp liên ngành và vận dụng đặc trưng văn hóa dân gian (folklore) khi tìm hiểu nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích trong mối quan hệ với sử thi là điều vẫn chưa được thể hiện nhiều trong các chuyên luận.

- Các công trình nghiên cứu dày dặn, bài nghiên cứu về sử thi và nhân vật dũng sĩ trong sử thi phần lớn tập trung vào một hoặc một nhóm tác phẩm của riêng từng tộc người như Ê Đê, Ba Na, Mnông, Ra Glai. Trong các bài viết về nhân vật anh hùng sử thi Tây Nguyên, các tác giả chưa nhấn mạnh nhiều về phẩm chất “dũng cảm”, “chí khí”, tức khía cạnh “dũng sĩ” của hình tượng nhân vật.

- Hầu như chưa có công trình nào đặt vấn đề nghiên cứu một cách toàn diện các khía cạnh liên quan đến nhân vật dũng sĩ trong cả truyện cổ tích và sử thi, hai thể loại tự sự vừa có những đặc trưng riêng vừa tồn tại, phát triển trong mối quan hệ gắn bó gần gũi, đặc biệt là ở địa bàn Tây Nguyên - Việt Nam.

- Tuy nhiên, hàng chục công trình nghiên cứu với nhiều tìm tòi, phát hiện, vận dụng nhiều phương pháp nghiên cứu là những tiền đề, những gợi mở vững chắc, quan trọng để chúng tôi mạnh dạn chọn và thực hiện đề tài luận án này.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi vận dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp liên ngành văn học - văn hóa học: Phương pháp này được sử dụng nhằm mục đích lý giải nguồn gốc lịch sử, xã hội và vai trò, tác động của văn

hóa đối với sự nở rộ của kiểu truyện và nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên. Đây là phương pháp nhằm giúp xem xét đối tượng nghiên một cách đa chiều, từ nhiều góc độ khác nhau. Bởi lẽ, nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên không thuần túy là sản phẩm mang tính hư cấu, tưởng tượng của nghệ thuật văn chương mà còn có nguồn cội từ thực tế lịch sử, xã hội, văn hóa của vùng đất này.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Đây là phương pháp một mặt giúp nhận diện, xuyên chuỗi và khái quát hóa những đặc điểm chung, thống nhất; những khía cạnh riêng, đặc thù của kiểu nhân vật dũng sĩ trong hai thể loại văn học của hàng chục tộc người, với hàng trăm tác phẩm khác nhau. Đồng thời, phương pháp phân tích giúp luận giải, khám phá, phát hiện và cắt nghĩa sâu sắc hơn các đặc điểm của kiểu và hình tượng nhân vật dũng sĩ - một sáng tạo nghệ thuật văn chương ẩn chứa nhiều thông điệp, giá trị và ý nghĩa. Sự kết hợp giữa phân tích và tổng hợp cũng chính là phương pháp và kỹ năng giúp làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu ở cả chiều rộng và chiều sâu. Cụ thể, ở đề tài này là khám phá và lý giải một cách vừa chi tiết, cụ thể, sâu sắc vừa mang tính khái quát nguồn gốc, đặc điểm, tính chất, cùng các giá trị, ý nghĩa văn học, văn hóa, lịch sử, xã hội của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi một số dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

- Phương pháp tiếp cận thi pháp học: Phương pháp này giúp chúng tôi khám phá, làm sáng tỏ những cách thức mà tác giả dân gian đã sử dụng để xây dựng, làm nổi bật hình tượng nhân vật dũng sĩ. Cụ thể, đó là thi pháp kết cấu cốt truyện, những biện pháp miêu tả nhân vật,...

Những phương pháp căn bản trên được sử dụng phối, kết hợp với nhau một cách linh hoạt trong quá trình thực hiện đề tài, phục vụ cho từng chương mục, từng luận điểm cụ thể của luận án. Đồng thời, các phương pháp và kỹ năng, thao tác cần thiết khác như: tiếp cận bản học, so sánh, thống kê, phân loại, mô hình hóa; chọn mẫu điển hình,... cũng được chúng tôi sử dụng một cách thích ứng trong quá trình nghiên cứu.

6. Đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp mới như sau:

Tiếp tục góp phần nghiên cứu những đặc điểm lịch sử, xã hội, văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, nguồn cội làm nảy sinh đề tài, chủ đề, nhân vật của kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Nỗ lực tổng hợp, hệ thống hóa và phân tích, chứng minh các đặc điểm, tính chất của kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi, hai thể loại tự sự tiêu biểu của văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Luận án cũng góp phần làm sáng tỏ vai trò thi pháp cốt truyện, các biện pháp miêu tả trong việc khắc họa hình tượng nhân vật dũng sĩ ở hai thể loại.

Luận án ít nhiều góp một cái nhìn mới về mối quan hệ và ranh giới không quá biệt lập giữa truyện cổ tích và sử thi trong bộ phận truyện kể của nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Đặc biệt, luận án góp phần thiết thực trong việc bổ sung tài liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy chương trình Ngữ văn địa phương của Ngành giáo dục tỉnh Lâm Đồng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình nghiên cứu (của tác giả luận án), Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung của luận án được triển khai theo thứ tự ba chương như sau:

Chương 1. Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên.

Chương 2. Nhân vật dũng sĩ - biểu tượng con người cao đẹp trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng Tây Nguyên.

Chương 3. Thi pháp khắc họa nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng Tây Nguyên.

CHƯƠNG 1

BỐI CẢNH LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH DŨNG SĨ VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN

Văn học (với hai bộ phận văn học dân gian và văn học thành văn) vốn bắt nguồn từ cuộc sống, được sinh thành và nuôi dưỡng bởi cái nôi văn hóa chung của lịch sử, thời đại. Không thuần túy là sản phẩm của trí tưởng tượng, sự hư cấu, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên - với việc cùng khắc họa nhân vật dũng sĩ - là tiếng nói sâu kín, mãnh liệt của con người cất lên từ một vùng đất, một không gian và thời gian nhất định. Bởi vậy, để có thể hiểu và lý giải sâu xa những vấn đề nội dung (qua các đề tài, chủ đề), thế giới nhân vật, thi pháp kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi cần có sự tìm tòi về những nguồn cội đã tạo tác nên chúng. Cụ thể hơn, ở luận án này, việc khám phá ít nhiều những gì thuộc về lịch sử, đặc thù xã hội và văn hóa các dân tộc Tây Nguyên chắc chắn sẽ giúp ích và gợi mở cho những hiểu biết đầy đủ hơn về nhân vật dũng sĩ, mơ ước và biểu tượng đẹp đẽ về tính cách, phẩm chất con người một thời đại đã qua. Đó là mục đích, giới hạn nghiên cứu của chương thứ nhất luận án.

1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư khu vực Tây Nguyên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tây Nguyên là vùng lãnh thổ hướng Tây - Nam Trung Bộ nước Việt Nam, mang đặc trưng địa hình khu biệt với khu vực đồng bằng phía đông bởi hệ thống núi non đồ sộ kéo dài, rừng rậm, bình nguyên rộng lớn, thung lũng rộng, hẹp khác nhau cùng mạng lưới sông, suối, hồ ao khá dày đặc. Khác biệt với dải đồng bằng ven biển, thiên nhiên đồng thời cũng nâng hẳn độ cao, sự phức tạp và hiểm trở của vùng đất này lên một cấp độ khiến qua nhiều thế kỷ con người vẫn không dễ để thiết lập sự giao lưu bình thường giữa hai vùng miền vốn kề cận. Hiện nay, vùng địa lý tự nhiên và văn hóa Tây Nguyên, với khoảng 1/6 diện tích toàn quốc, cơ bản thuộc năm tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Nhìn tổng thể vùng đất, về phía Tây, Tây Nguyên giáp Lào và Campuchia, hai đất nước có lịch sử và truyền thống văn hóa riêng. Núi đồi, rừng các loại của Tây Nguyên phân bố trên khắp bề mặt lãnh thổ. Có nơi núi non trùng điệp, độ cao đạt tới hàng nghìn mét ở Bắc Tây

Nguyên như núi Ngọc Linh (2598m), Ngọc Niay (2259 m), Ngọc Krinh (2025m). Phía Nam vùng đất nổi tiếng với các đỉnh núi Bi Đúp (2284 m), LangBiang (2167m, thuộc tỉnh Lâm Đồng). Sự bao phủ, phân cắt được tạo nên bởi lớp lớp núi đồi, cao nguyên, rừng rậm, khe sâu, vực thẳm... khiến Tây Nguyên đến giữa thế kỷ XIX hầu như vẫn là một thế giới riêng biệt, bí ẩn. Các bình nguyên mênh mông, đất bazan màu mỡ vẫn chủ yếu là nơi sinh sống của các tộc người bản địa. Sông, hồ, suối, thác với mật độ khá lớn, về mùa mưa vẫn là mối đe dọa lớn đối với con người, nhưng cũng lại là môi trường tốt cho nguồn lợi thủy sản.

Toàn vùng Tây Nguyên (giới hạn từ 107⁰02 đến 109⁰05 kinh độ Đông, từ 11⁰13 đến 15⁰15 vĩ độ Bắc) nằm trong chế độ hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa nắng, khô bắt đầu từ tháng 11 đến hết tháng 4, mùa mưa kéo dài suốt thời gian còn lại, khép kín chu trình (từ đầu tháng 5 đến tháng 11). Khu vực Tây Nguyên thuộc đới khí hậu gió mùa á xích đạo, á đới, nhiệt độ quanh năm khá cao, mùa khô có nơi nhiều gió. Các địa bàn có độ cao lớn như vùng núi Ngọc Linh, Đà Lạt khí hậu mang tính á nhiệt đới và ôn đới, thời tiết quanh năm mát mẻ, ôn hòa.

Tây Nguyên diện tích đạt tới hàng chục nghìn km² (54.641,1 km²), dân số tính đến năm 2019 là 5.8 triệu người, khoảng hơn 40 dân tộc sinh sống. Với nhiều lợi thế, xuất phát từ điều kiện tự nhiên như đất đai màu mỡ ở các cao nguyên, mạng lưới thủy văn phân bố khá đều khắp; khí hậu, thời tiết phong phú, lắm nắng nhiều mưa, núi rừng giàu sản vật (với hệ động vật, thực vật đủ loại hình), Tây Nguyên từ xa xưa đã là địa bàn thuận lợi cho sự sinh sống của con người. Tuy nhiên, trước đây khi trình độ sản xuất còn thấp, con người phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên thì Tây Nguyên vẫn là nơi thử thách khắc nghiệt đối với mọi sự phát triển. Để có thể tồn tại trên vùng đất này, con người phải đối mặt với thiên tai (hạn hán, mưa lũ, động đất, dịch bệnh, bão tố,...) gây mất mùa đói kém; các hiểm họa từ thú dữ như cọp, voi, lợn rừng, rắn rết, cùng những tệ nạn xã hội nơi một địa bàn vùng cao biệt lập, khép kín, gây hạn chế trong giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa sớm phát triển bên ngoài. Cho đến đầu thế kỷ XX, Tây Nguyên vẫn là vùng đất chậm phát triển, giữa khu vực cao nguyên bao la này với vùng đồng bằng vẫn tồn tại một khoảng cách lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa.

1.1.2. Dân cư và địa bàn sinh sống

Lớp cư dân đầu tiên, phân bố tại mọi địa bàn của Tây Nguyên từ hàng nghìn năm trước tính từ Bắc xuống Nam vùng đất gồm các dân tộc: Ba Na, Xơ Đăng, Brâu, Rơ Măm, Bru - Vân Kiều, Giẻ Triêng, Mnông, Mạ, Cơ Ho, Xtiêng (thuộc ngữ hệ Môn - Khme); Gia Rai, Ê Đê, Chu Ru, Ra Glai (ngữ hệ Malayo - Polynesian). Dù đã diễn ra những xáo trộn, di chuyển trong từng tiểu vùng ở các thời kỳ, giai đoạn lịch sử trước đây, nhưng về đại cục một hiện trạng cư trú ổn định của các tộc người là thực tế trên bản đồ vùng đất. Vùng Bắc Tây Nguyên, người Xơ Đăng sinh sống chủ yếu quanh dãy núi Ngọc Linh. Người Ba Na là chủ nhân chính của thung lũng Kon Tum và khu vực An Khê, Mang Yang. Người Gia Rai với dân số hàng trăm nghìn ngay từ xa xưa đã là tộc người làm chủ cao nguyên Pleiku rộng lớn. Trung tâm Tây Nguyên với cao nguyên Buôn Ma Thuột đất đai màu mỡ, đầy nắng gió là địa điểm tổ tiên người Ê Đê, một tộc dân đông đảo, hùng mạnh, chọn trấn giữ và khai phá. Những buôn làng Mnông, Mạ, Cơ Ho cũng từ rất xa xưa đã mọc lên trên các triền đất tương đối bằng phẳng ở khu vực Nam Tây Nguyên là các cao nguyên Mnông, cao nguyên Di Linh, Lâm Viên. Các tộc người còn lại với dân số không lớn, hoặc rất ít ỏi (Brâu, Giẻ Triêng, Rơ Măm) sinh sống chủ yếu tại các địa bàn Bắc Tây Nguyên, phần đồi núi giáp giới giữa các tỉnh đồng bằng và Tây Nguyên.

Thuộc hai ngữ hệ, tiếng nói hơn mười tộc người Tây Nguyên có sự khác biệt, song cũng nhiều nét tương đồng. Quá trình lâu dài cùng sinh tồn trên một vùng địa - văn hóa cũng là điều kiện thúc đẩy sự giao lưu, tiếp xúc về kinh tế, xã hội đã tạo nên sự thông hiểu lẫn nhau về ngôn ngữ giữa các tộc người trên toàn vùng lãnh thổ. Phía Tây các tỉnh ven biển (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận...) giáp giới cao nguyên và đồng bằng còn một số tộc người khác như Hrê, Cơ Tu, Co, Choro cũng thuộc hai ngữ hệ trên.

Tây Nguyên là địa bàn tiêu biểu cho tính đa tộc người, đa văn hóa, cả mới và cũ. Từ những năm đầu thế kỷ XX đến nay, lớp cư dân mới rất đông đảo, lần lượt di cư tới đây gồm các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Dao, Hoa, Hmông... Một bức tranh văn hóa đa sắc, với những “mảng màu văn hóa” đan xen, hòa trộn đã dần hình thành trên cao nguyên. Sự đa dạng về tộc người với dân số hơn 5,8 triệu người như

hiện nay cùng sự chuyển đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội khiến Tây Nguyên chuyển sang thời kỳ phát triển mới, theo xu thế hội nhập quốc gia và quốc tế sâu sắc. Với phạm vi tìm hiểu và đặc điểm của đề tài, luận án chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu vấn đề *thuộc phạm trù văn học dân gian của lớp cư dân bản địa*, những con người đã tạo lập nên cơ tầng, nền móng văn hóa lâu đời, giàu bản sắc của vùng đất.

1.2. Lịch sử, xã hội, văn hóa Tây Nguyên - Môi trường sinh thành kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi

1.2.1. Lịch sử, xã hội Tây Nguyên và đề tài, chủ đề, nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi

Những nghiên cứu sử học, dân tộc học cho biết tổ tiên cư dân bản địa Tây Nguyên có mặt ở vùng đất này cách đây hàng nghìn năm. Ngành khảo cổ học những năm gần đây đã phát hiện thêm nhiều dấu vết cổ xưa của con người tại một số di chỉ được khai quật ở cả mạn Bắc và Nam vùng đất. Tuy thế, rất ít tư liệu sử sách ghi chép về diễn trình lịch sử, xã hội, những biến cố từng xảy ra trên vùng đất rộng lớn này những thế kỷ trước đây. Văn hóa cư dân bản địa Tây Nguyên trước khi thật sự tiếp xúc, hội nhập với thế giới bên ngoài vẫn thuộc quỹ đạo văn hóa dân gian (folklore), chữ viết là công cụ cho mọi hoạt động trước tác (sử học, luật học, văn học, v.v...) vẫn chưa xuất hiện. Sử sách Việt Nam bắt đầu đề cập đến vùng đất này là vào thời vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497). Nửa sau thế kỷ XV, từ thắng lợi của công cuộc mở rộng đất nước về phương Nam, nhà vua quyết định gọi vùng này là “nước Nam Bàn”. Tiếp đến, nhà sử học Lê Quý Đôn (1726 - 1784) trong công trình “Phủ biên tạp lục” đã có những ghi chép ban đầu về xứ sở và con người Tây Nguyên, chủ yếu là phong tục, tập quán một số tộc dân tại địa bàn tỉnh Kon Tum và Gia Lai ngày nay. Thế kỷ XIX, sử gia triều Nguyễn trong các bộ sử “Đại Nam thực lục”, “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ”, “Đại Nam chính biên liệt truyện”, “Phủ man tạp lục” đã có nhiều quan tâm hơn đến vùng đất và con người Tây Nguyên. Độ giữa thế kỷ XIX, giới học giả và đặc biệt là những linh mục phương Tây bắt đầu đến Tây Nguyên truyền giáo. Các công trình khảo cứu văn hóa chứa đựng ít nhiều dấu tích lịch sử, tình trạng xã hội Tây Nguyên của họ lần lượt xuất hiện như: *Rừng người thượng*, 1912 (Henri Maitre), *Những người Bahnar dã man*, 1929 (Pierre

Dourisboure), *Miền đất huyền ảo - Các dân tộc miền núi Nam Đông Dương*, 1950 (Dam Bo); *Chúng tôi ăn rừng*, 1957, *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, 1978 (George Condominas), *Từ điển Bahnar - Pháp*, 1959 (Paul Guilleminet); *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jrai Đông Dương*, 1977, *Rừng, đàn bà, điên loạn*, 1978 (Jacques Dournes); *Xứ người Mạ - Lãnh thổ của thần linh*, 1969 (Jean Boulbet); *Người Ê đê - Một xã hội mẫu quyền*, 1978 (Anne De Hautecloque Howe) v.v... Từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến nay, nhiều công trình khảo cứu dân tộc học, văn hóa học của giới nghiên cứu trong nước lần lượt được công bố. Bức tranh về lịch trình sinh tồn, sáng tạo và tiến lên gian nan hàng thiên niên kỷ của các tộc người trên mọi vùng đất Cao Nguyên càng được tô đậm, sáng tỏ. Có thể nhắc đến một số tên tuổi và công trình nghiên cứu của họ như: Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đông Chi (*Người Ba Na ở Kon Tum*, 1929), Cửu Long Giang, Toan Ánh (*Cao Nguyên miền Thượng*, 1974), Đặng Nghiêm Vạn, Cẩm Trọng, Mạnh Cát, Lê Duy Đại, Ngô Vĩnh Bình (*Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, 1981), Bé Viết Đăng (*Đại cương về dân tộc Ê đê, M'ông ở Đắk Lắk*, 1982), Mạc Đường (*Vấn đề dân tộc ở Lâm Đông*, 1982), Tô Ngọc Thanh, Hùng Thoan, Vũ Thị Hoa (*Fônclô Bahnar*, 1988), Ngô Đức Thịnh, Tô Đông Hải (*Văn hóa dân gian Ê đê*, 1992), Ngô Văn Doanh (*Lễ hội bỏ mả Bắc Tây Nguyên*, 1995), Lưu Hùng (*Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, 1996), Phan Ngọc Chiến (*Người Kơ Ho ở Lâm Đông*, 2005), Bùi Minh Đạo (*Dân tộc Ba Na ở Việt Nam*, 2006),...

1.2.1.1. Khái quát về lịch sử, xã hội Tây Nguyên

+ Nguyên cơ và tồn tại từ những biến động ngoại vùng: Khoảng cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI, sự tồn tại và xung đột giữa các vương quốc cổ Lâm Ấp, Phù Nam, Chân Lạp, Chiêm Thành (từ phía Đông và Nam) đã bắt đầu tác động, ảnh hưởng đến vùng đất Tây Nguyên. Thực hiện tham vọng tiến lên vùng cao nguyên phía Tây hẻo lánh, các triều vua Chăm ở thời kỳ phát triển (thế kỷ XI - XV) đã nhiều lần kéo quân xâm nhập, khống chế, cướp bóc tại các buôn làng. Những cuộc xung đột, đụng độ với một thế lực ngoại vùng hùng mạnh hơn, có tổ chức như thế đã để lại những dấu ấn nặng nề trong cuộc sống các tộc Thượng cao nguyên tại nhiều địa bàn miền núi phía Tây các tỉnh từ Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, đến Ninh Thuận, Bình Thuận

ngày nay. Suốt hàng mấy trăm năm, từ khoảng sau thế kỷ XV kéo dài cho đến đầu thế kỷ XIX, vùng Bắc Tây Nguyên (đặc biệt là khu vực Tây và Bắc Kon Tum) vẫn còn bị người Thái và Lào xâm nhập, quấy nhiễu. Những cuộc tấn công cướp người và tài sản hầu như diễn ra liên miên này gây khó khăn, bất ổn cho cuộc sống các bộ tộc Tây Nguyên vốn hãy còn trong tình trạng nhỏ yếu, rời rạc.

Trong công trình *Các dân tộc tỉnh Gialai - Công Tum*, Đặng Nghiêm Vạn và các đồng tác giả (1981) đã chú ý đến tình trạng di chuyển và xáo trộn về địa bàn sinh sống của các nhóm cư dân vào các thế kỷ trước ở khu vực Bắc Tây Nguyên:

“... người Giẻ - Triêng xuống miền Đắc Glây, người Ba Na đi lên phía Bắc, người Hà Lãng bỏ các dòng suối lăm vàng trốn sang phía Đông, người Gia Rai trốn lên phía trên. Nguy hiểm nhất, thông qua việc lập thị trường buôn bán nô lệ từ Băng Cốc qua Atôpư và Pnông Pênh..., bọn phong kiến Thái Lan đã kích động những cuộc chiến tranh đánh cướp nô lệ giữa các cư dân nhằm duy trì nguồn hàng thường xuyên cho các thị trường buôn người. Đó là không kể ở vùng ba biên giới, đã có những tổ chức cướp nô lệ gần như chuyên nghiệp. Việc này tác động sâu sắc đến đời sống các dân tộc, phá vỡ các bộ lạc hay liên minh bộ lạc, tăng cường thêm tổ chức quân sự sẵn có của thời mạt kỳ công sản nguyên thủy, kéo dài triền miên những cuộc cướp bóc giữa các làng đồng tộc hay khác tộc và những cuộc chiến tranh giữa các nhóm người với nhau” (Đặng Nghiêm Vạn, Chăm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, tr.24).

Cho đến tận những năm đầu thế kỷ XIX, một số nhóm tộc người sinh sống ở miệt Tây cao nguyên vẫn bị hứng chịu những cuộc tấn công cướp bóc, tàn hại của quân đội Xiêm La. Nạn tấn công cướp người và buôn bán nô lệ phổ biến vào giai đoạn này cũng góp phần làm gia tăng sự biến động, di dời về địa bàn cư trú của các nhóm cư dân.

Về nạn bắt người, buôn bán nô lệ, theo Phan Thị Hồng (2006), tác giả công trình *Nhóm sử thi Bahnar*, cho đến những năm cuối thế kỷ trước, tại các buôn làng Kon Tum vẫn “lưu truyền những câu chuyện kể về sự lưu lạc kỳ lạ của những đứa trẻ có khi là con cái của những tù trưởng, tộc trưởng uy danh”, “... bị những kẻ bắt lương bắt cóc mang đi đổi bán” (tr.52). Sự đắt giá của những đứa trẻ xuất thân trong

những gia đình giàu có khiến bọn buôn người không từ những hành động dụ dỗ, lừa lọc.

Những năm cuối thế kỷ XVIII, phong trào Tây Sơn của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ với việc tập hợp và thu hút sự tham gia của các dân tộc Ba Na, Gia Rai đã tạo nên một dấu mốc lớn cho mối liên kết Kinh - Thượng, sự kết nhập mạnh mẽ của Tây Nguyên vào quỹ đạo vận hành chung của đất nước. Dù thế, cho đến giữa thế kỷ XIX, thời điểm những linh mục Phương Tây tiếp cận các buôn làng Tây Nguyên, mở đầu cho sự xâm nhập của thực dân Pháp lên vùng đất, các dân tộc Tây Nguyên hầu như vẫn chưa thoát ra khỏi thời kỳ lịch sử bế tắc, chậm phát triển của mình.

** Hình thái tổ chức xã hội làng và nạn cướp bóc, xung đột “chiến tranh làng”*

Nghiên cứu đặc điểm hình thái kinh tế, xã hội, văn hóa các dân tộc Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai,... khu vực Bắc Tây Nguyên, giới nghiên cứu (Đặng Nghiêm Vạn, Chăm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*) nhận thấy “Vào những thế kỷ cuối thiên niên kỷ thứ II sau Công nguyên, các dân tộc Gia Lai - Công Tum đang ở giai đoạn cuối của xã hội nguyên thủy chuyển sang xã hội có giai cấp, giai đoạn mà Ăngghen thường gọi là giai đoạn “dân chủ quân sự” (tr.40). Đó cũng là tình trạng chung của hầu như các dân tộc trên toàn vùng Tây Nguyên. Đến cuối thế kỷ XIX, những năm đầu thế kỷ XX xã hội các tộc dân Trung và Nam Tây Nguyên như Ê Đê, Mnông, Cơ Ho, Mạ, Chu Ru, Ra Glai vẫn thuộc thời kỳ cuối của chế độ công xã, dần xuất hiện những dấu hiệu tan rã. Sự phân biệt giàu nghèo trong cộng đồng, xã hội chưa hẳn mang tính đẳng cấp, các hình thức bóc lột và thống trị giai cấp cũng chưa xuất hiện, trở thành vấn nạn xã hội. Từ Bắc đến Nam vùng đất, tổ chức xã hội cao và chặt chẽ nhất vẫn là đơn vị làng, ở một mức độ nào đó giống như làng người Việt. Tuy nhiên, nếu từ hàng nghìn năm trước, đối với người Việt, trên làng là nước, làng và nước gắn bó, gắn gũi thì hầu như điều này chưa có được với các tộc dân Tây Nguyên. Tên gọi toring (vùng, miền, hay liên minh làng) xuất hiện trong ngôn ngữ một số tộc dân Bắc Tây Nguyên như Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, nhưng thực tế thì chỉ mang ý nghĩa chỉ một địa bàn chung chung. Các nhà nước sơ khai cũng chưa được chứng minh là đã ra đời tại xứ sở này. Làng

Tây Nguyên (tiếng Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai là pơlei, hay pơloi; Ê Đê là buôn, Mnông, Mạ, Cơ Ho là bon,...) với lãnh thổ và những quy ước về đất đai, hoạt động canh tác, mối quan hệ giữa các thành viên, gia đình, dòng họ hình thành từ xa xưa và tồn tại bền vững cho đến ngày nay. Quan sát cụ thể hơn, sẽ thấy làng Tây Nguyên với hàng chục, có khi hàng trăm nóc nhà, là tổ hợp thu hút sự chung sống không hẳn chỉ những người cùng dòng họ, huyết thống, mang tính thị tộc, mà phổ biến là tập hợp những người đồng tộc. Ở mỗi làng đã có người đứng đầu, thường là người lập làng, theo thời gian là những hậu duệ của họ. Chủ làng hay trưởng làng, đầu làng, già làng có vai trò “điều khiển công việc trong làng theo một tập quán pháp chặt chẽ đã được xác định từ ngàn xưa”. Trưởng hợp chủ làng là những người giàu có (Pơdrong hay mơdrong), có khả năng xuất sắc trong lãnh đạo, dẫn dắt các hoạt động sản xuất, chiến đấu bảo vệ buôn làng, họ trở thành những Potao (hay Motao). Những tù trưởng, tộc trưởng này là đỉnh cao cho sự giàu sang, hùng mạnh, tài năng, là chỗ dựa và là niềm tự hào của cả cộng đồng. Các Potao giàu mạnh, quyền uy trong vai trò thủ lĩnh các làng Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Mnông,... xưa được truyền tụng, ngợi ca với gia sản “... hàng trăm trâu bò, hàng làng dân lệ thuộc, với hàng trăm chiêng, ché, nồi quý, với hàng trăm chiến binh thường xuyên sử dụng vào các cuộc chiến tranh, được phóng đại trong các sử tích của các bản trường ca độc đáo và nổi tiếng, xuất hiện trong xã hội các cư dân...” (Đặng Nghiêm Vạn, Chăm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, 1981, tr.44). Đặc biệt, sự gắn gũi, gắn bó, tinh thần cộng đồng của các thành viên trong các buôn làng của người Tây Nguyên chính là đã được hình thành trên cơ sở nhiều cái chung.

Đó là, mỗi làng thường “... có một nguồn nước chung, một nghĩa địa chung, một khu săn bắn chung, một khu đất đai chung mà các thành viên công xã có quyền khai phá và canh tác, một nơi hội họp chung để bàn bạc công việc chung để tiến hành các lễ thức tôn giáo, để vui chơi giải trí và để tập hợp các thanh niên chưa lập gia đình để sẵn sàng chiến đấu. Nơi đó hoặc là nhà rông hoặc là gian nhà tiếp khách của chủ làng” (Đặng Nghiêm Vạn, Chăm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, 1981, tr.42 - 43).

Vào giữa thế kỷ XIX, một linh mục Pháp đến truyền giáo tại Kon Tum đã hết

sức ngạc nhiên khi nhận thấy tinh thần cộng đồng “rất đáng khen” ở người Ba Na. Trong làng, sự gắn bó, hòa đồng, chia sẻ đã trở thành thói quen, nếp sống của mọi thành viên.

Thế nên “...nhà này không bao giờ uống rượu mà không mời nhà khác, miễn là ghè rượu không đến độ quá nhỏ bé; nếu đôi khi có giết thịt con heo, con dê hoặc con trâu, người thượng đều chia phần cho từng người dân trong làng, và phần họ dành cho chính chủ nhân cũng không lớn hơn phần chia cho người khác. Không ai bị quên lãng, từ em bé đang còn bú mớm đến người già lão, tất cả đều nhận phần đều nhau. Con nai, heo rừng, con hoẵng săn được cũng đều được chia như thế, có chăng phần người đi săn có lớn hơn một tý bởi công khó anh ta đã bỏ ra...” (L.M.Pierre Dourisboure, 1972, *Dân làng Hồ*, tr.214).

Xã hội các tộc người Tây Nguyên trước đây chưa có sự phân hóa giai cấp, chỉ mới xuất hiện sự phân biệt giàu, nghèo. Sự giàu có, sung túc thường được thể hiện ở sự tích lũy, gia tăng những tài sản là đồ vật gia dụng, gia súc, lương thực, tô tó thân thích... Ở giai đoạn muộn nhất, xã hội các tộc dân Tây Nguyên tại những buôn làng phần thịnh, sầm uất như Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Pleiku... cũng mới xuất hiện những hình thức “bóc lột” với tính chất “manh nha” như “... *thuê mướn nhân công nhưng với giá cao, cho vay không lấy lãi hay với mức lãi rất thấp, cho nuôi rẫy, nuôi đầy tớ nhưng lại coi đầy tớ như người nhà, bắt nô lệ để bán nhưng nếu mua lại đối xử với họ như con cháu v.v...*” (Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, 1981, tr.44).

Thực tế cho thấy, làng Tây Nguyên xưa do cơ bản vẫn là một tổ chức xã hội tự phát, tự quản, nhỏ yếu và khép kín, tồn tại hàng thiên niên kỷ trong tình trạng “phi nhà nước” nên từng hứng chịu không ít hệ lụy. Đã xảy ra khắp mọi địa bàn của vùng đất nạn xung đột hay chiến tranh tương tàn giữa các làng, các dòng họ lớn với nhau. Đó có thể là những cuộc tấn công cướp bóc tập thể, là những vụ trả thù (kèm bắt người, cướp của, giết chóc...) vì lý do đất đai, tài sản hoặc người làng bị bắt bó, xâm hại, do một sự hiềm khích, va chạm hay mâu thuẫn nào đó,... Ngoài mối đe dọa bị tấn công cướp phá từ những thế lực đến từ bên ngoài thì nạn cướp bóc xảy ra triền miên, những vụ trả thù dẫn đến tàn hại, chém giết lẫn nhau đã gây nên bao thảm họa

cho các buôn làng. Tình trạng này không những phổ biến mà còn kéo dài qua nhiều thế kỷ, là vấn nạn nhức nhối của xã hội Tây Nguyên xưa. Để đối phó với tình thế bất ổn này, các buôn làng dù hùng mạnh, trù phú vẫn luôn trong tư thế phòng thủ, cảnh giác. Hoặc để tăng cường lực lượng, cả tấn công và phòng thủ, các làng kề cận còn tìm cách “liên minh” với nhau. Điều này không chỉ khiến các cuộc xung đột, tranh chấp sớm kết thúc mà còn thêm khốc liệt, tổn thất.

Hiện trạng “thời chiến” ấy của xã hội làng Tây Nguyên xưa đã phần nào được giới nghiên cứu đề cập:

“... nằm trong giai đoạn tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, lại ở một khu vực tranh chấp, giằng xé của nhiều thế lực phong kiến bên ngoài, những cộng đồng công xã bình đẳng, tương trợ, hữu ái và mến khách kia lại luôn luôn được tổ chức theo một sinh hoạt quân sự. Các làng được phòng thủ bằng những hàng rào chàm bẫy, chông, thò, với những cổng ra vào nhất định được bảo vệ kỹ càng. Trai làng được tập trung ở nhà rông với những vũ khí, được huấn luyện theo tinh thần thượng võ. Những người đàn ông bận chiến đấu không kém gì bận sản xuất. Những dũng sĩ được đề cao, các hành động anh hùng, các chiến tích được huyền thoại hóa” (Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, tr.45).

P. Dourisboure (1825 - 1890) đã chứng kiến nạn “chinh chiến” này giữa các làng, các nhóm tộc người ở Bắc Tây Nguyên. Theo ông, gần vùng Kon Tum có người Ha Drong (một nhóm thuộc tộc dân Gia Rai) rất “hiếu chiến”, “dã man” và “hung bạo”. Dù lãnh thổ sinh sống của họ rộng rãi “đất đai rất tốt”, canh tác dễ dàng, nhưng thường chỉ có đàn bà lo công việc đồng áng, còn đàn ông thì họp nhau lại từng nhóm và đi thật xa quấy nhiễu người Thượng Ba Na. Cứ mỗi lần ra quân là họ kiếm được vài ba tù nhân, hoặc bắt làm nô lệ cho họ, hoặc bán sang Lào. Vì bọn Ha Drong tấn công liên tục mà hơn một trăm làng Thượng Ba Na “bỏ nơi định cư” phải “phân tán và đi sát nhập vào các làng khác” lân cận (Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng và các tác giả khác, 1981, *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, tr.187).

Theo những kết quả sưu tầm, nghiên cứu về sử thi, Bắc Tây Nguyên là địa bàn nảy sinh và lưu truyền đặc biệt phong phú của thể loại này. Nơi đây là cả một

thế giới của những áng văn truyền miệng trường thiên mà đề tài, chủ đề hầu như chỉ xoay quanh những tranh chấp, xung đột; những chiến tích gian nan của các anh hùng, dũng sĩ trong các cuộc đối đầu với các đối thủ. Sở dĩ như thế là vì:

“...Nơi đây xưa kia chính là một trong những vùng đất có điều kiện chứng kiến những biến động, thăng trầm của cuộc sống các cư dân cả vùng. Nằm ở vị trí trung tâm Bắc Tây Nguyên, Kon Tum thường xuyên tiếp nhận những biến động về lịch sử, những xung đột trong cuộc sống cư dân các vùng xung quanh, Tây cũng như Đông và Nam” (Phan Thị Hồng, 2006, *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*, tr.53).

Vừa phải đối phó với các cuộc tấn công, cưỡng bách từ bên ngoài, các nhóm tộc dân Bắc Tây Nguyên còn khôn khổ vì nạn xung khắc nội vùng, những vụ đột kích bất ngờ của các nhóm tộc láng giềng. Trải qua một quá trình dài xung đột, cạnh tranh, tộc dân Xơ Đăng cư trú quanh vùng núi Ngọc Linh đã trở nên “*ra chinh chiến*”, trở thành mối đe dọa lớn đối với các láng giềng.

Sự khảo sát của giới nghiên cứu cho thấy:

“...vùng quanh thị xã Kon Tum gần như là nơi tụ hội, cố kết vững chắc của các nhóm tộc người khác nhau. Sự nhóm họp chín nhóm tộc người nơi đây một mặt là do sự thuận lợi của địa hình, đất đai, sông nước, sự dồn ép của thiên tai, dịch bệnh các nơi và quan trọng hơn là do những cuộc chiến tranh, xung đột thường xuyên xảy ra trong nội bộ các tộc người, cũng như từ bên ngoài đưa đến” (Phan Thị Hồng, 2006, *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*, tr.53).

Nghiên cứu lịch sử, hình thái tổ chức xã hội các dân tộc ở Nam Tây Nguyên, giới nghiên cứu cũng nhận thấy một tình trạng tương tự.

Trong bài viết *Về một số đặc trưng của xã hội người Chil và Lạt*, tác giả Phan An nhấn mạnh:

“Nguyên nhân của những cuộc tranh chấp, xung đột giữa các dòng họ người Lạt chủ yếu là giành đất đai, chiếm tài sản, mở rộng khu vực quản lý, cũng như tăng cường sức mạnh, uy thế của dòng họ... Và hầu như cách giải quyết những xung đột đó đều kéo dài, những cuộc phục thù thường tái diễn thu hút nhiều sức người, sức của các dòng họ tham gia” (Mạc Đường, 1983, *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, tr.137).

Tìm hiểu kỹ hơn cuộc “chiến tranh” giữa dòng họ Langbiang và dòng họ

Buônđing (thuộc Lạc Dương, Đà Lạt) cách đây đã gần hai trăm năm, tác giả Phan An cũng cho biết, những cuộc tấn công “bất ngờ” thường là “vào lúc gần sáng” đã gây tổn thất nặng nề “cho đôi phương”. Kết quả những trận chiến đấu võ trang đó là bên thắng lợi thu được những của cải như “trâu, ché, chiêng” và “người bị bắt” thì được “phân chia cho các nhà”.

Điều tai hại là “*bên bại trận*” “*vừa khắc phục những hậu quả của sự thất bại, vừa vận động, cầu cứu sự giúp đỡ của các dòng họ lân cận như họ Păngting, Đaguk, ... trợ sức. Một cuộc tấn công quy mô lớn từ phía họ vào các buôn dòng họ Buônđing mở đầu cho một giai đoạn xung đột mới giữa hai họ. Mặc dầu phải chịu nhiều tổn thất do sự phòng bị, bảo vệ chu đáo của người trong các bon của Buônđing, các buôn này đã rào bon, cắm chông, thả chà gai, gài bẫy, chuẩn bị vũ khí...*” (Mạc Đường, 1983, *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đông*, tr.137).

1.2.1.2. Về đề tài, chủ đề, nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi

Nghiên cứu cơ sở lịch sử, xã hội của “sử thi anh hùng” Tây Nguyên, trong các công trình của mình, Võ Quang Nhơn (1997) đã sớm khẳng định rằng: “*Sở dĩ sử thi anh hùng các dân tộc có một sức hấp dẫn mạnh mẽ, trước hết vì nó chứa đựng những nội dung xã hội rộng lớn và phong phú của thời quá khứ của các dân tộc ít người*” (tr.55).

Cụ thể hơn, theo ông:

“*Một đề tài có tính chất phổ biến, nổi bật ở đây là những cuộc chiến tranh nảy lửa, diễn ra quyết liệt, liên miên, dai dẳng giữa các thị tộc, bộ lạc. Âm điệu chính nổi lên trong các sử thi anh hùng là ca ngợi các nhân vật anh hùng đã lập công chiến thắng oanh liệt các loại tù trưởng thù địch, bảo vệ cuộc sống thanh bình của thị tộc, bộ lạc và bảo vệ hạnh phúc bị tước đoạt, cướp giật*” (tr.55).

Được phản ánh vào các khan, homon, hori, ót n’drông,... trạng thái phức tạp của chiến tranh trong lịch sử, xã hội Tây Nguyên xưa cũng được biểu hiện dưới nhiều hình thức; có khi “... đó là các cuộc chiến tranh bảo vệ thị tộc, mà nét tượng trưng có ý nghĩa khái quát là môtip về việc đánh cướp và giành lại người yêu giữa người anh hùng với kẻ thù... Khi thì đó là các cuộc chiến tranh trừng phạt và chinh phục các bộ lạc thù địch ở bên ngoài để bảo vệ cuộc sống lao động của bộ lạc, thông

qua mô típ chiến tranh tiêu diệt các con vật thần kỳ (con cạp sáu đuôi, con nhím thần kỳ)...” (tr.55 - 56).

Về nhân vật trung tâm của các khan, cũng như h'mon, h'ri, Võ Quang Nhơn (1997) cũng nhận xét rằng đó thường là các nhân vật anh hùng, là những nhân vật “tù, tộc trưởng” (các Motaio, hoặc Potao) nổi tiếng ở các buôn làng.

Truy tìm cơ sở lịch sử, xã hội của sử thi - *khan* vùng Trung Tây Nguyên, Phan Đăng Nhật (2001) nhắc đến tên tuổi, sự nghiệp những thủ lĩnh đứng đầu các cuộc chiến tranh làng ở người Ê Đê. Có thể kể đến cuộc chiến tranh:

“... do thủ lĩnh Y Bian Êchăm (buôn Chăm huyện Krông Ana) cầm đầu, ảnh hưởng đến một vùng rộng lớn. Nguyên do là dòng họ Echăm bị vu là ma lai... dẫn đến việc một số dân làng “bị giết, một số người trốn chạy bị bắt làm tôi tớ ở các vùng. Y Bian Êchăm nổi lên tiêu diệt những người gây mối thù dòng họ trước kia, đánh chiếm tất cả các làng có bắt giữ người họ Êchăm, thu phục một vùng rộng lớn và là tù trưởng nổi tiếng” (Phan Đăng Nhật, 2001, Nghiên cứu Sử thi Việt Nam, tr.680).

Các buôn làng Ê Đê vẫn không quên một cuộc chiến tranh khác mà người đứng đầu là tù trưởng Ama Môi, buôn Đliê Ruê, xã Ea Ktuôi đánh buôn Tuôi. Đây là cuộc xung đột “nổi tiếng về sự tàn hại”, với di tích còn lại là cây cổ thụ Knia Ak (cây Knia quạ). Sở dĩ như vậy là vì *“... cuộc chiến tranh đó lấy khu vực cây Knia làm chiến trường, dân chết nhiều đến nỗi không kịp chôn, quạ đến ăn xác chết hàng tháng, đổ đen đặc cả cây Knia” (Phan Đăng Nhật, 2001, Nghiên cứu Sử thi Việt Nam, tr.686).* Cũng theo Phan Đăng Nhật (2001), ở thời kỳ “nổi da nầu thịt” giữa các buôn làng Ê Đê, các buôn có tổ chức các đội quân binh, đặt dưới sự chỉ huy của người tù trưởng, các chủ làng cũng thường được một người chỉ huy quân sự giúp việc gọi là Keng.

Cũng như ở các Pơlei của người Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, đến tuổi trưởng thành (15, 16 tuổi trở lên), thanh niên Ê Đê:

“... đều được chính thức gia nhập đội ngũ những người chiến đấu của buôn làng. Họ thường xuyên luyện tập quân sự, đêm đêm họ ngủ tập trung để sẵn sàng chiến đấu khi có sự biến, đồng thời vui chơi, ca hát, trao đổi tình cảm. Trong các

buổi ngủ tập trung, thanh niên thường được nghe già làng kể chuyện cổ tích. Đặc biệt là họ thường được nghe kể khan, qua đó họ được liên tục động viên bởi hình ảnh những người anh hùng đồng tộc, đầy tài năng và khí phách chiến đấu” (Phan Đăng Nhật, 2001, *Nghiên cứu Sử thi Việt Nam*, tr.685).

Từ những khảo sát về các biến cố xảy ra trong quá khứ ở buôn làng Ê Đê, nhà nghiên cứu Phan Đăng Nhật (2001) kết luận:

“... những đặc điểm của giai đoạn lịch sử sản sinh ra sử thi - khan là giai đoạn cuối của xã hội nguyên thủy chuyển sang xã hội có giai cấp, là sự vận động của các công xã, liên minh thành những bộ lạc lớn, là chiến tranh liên miên với những tổ chức thường trực để tiến hành chiến tranh”. Và “Đề tài chiến tranh của khan là kết quả của sự nắm bắt rất chính xác, một hiện tượng quan trọng, cấp thiết, sôi nổi của “thời đại anh hùng” của người Ê Đê” (tr.691).

Đi tìm nguồn gốc nhân vật anh hùng sử thi - *khan*, Phan Đăng Nhật nhận xét:

“So sánh các tù trưởng có thật trong xã hội Êđê với các nhân vật anh hùng trong khan, chúng ta thấy họ giống nhau về tính chất, vai trò. Họ cũng là những người tài giỏi, khỏe mạnh, dũng cảm, giàu có. Họ là người cầm đầu có uy tín có ảnh hưởng lớn trong toàn thể cộng đồng” (Phan Đăng Nhật, 2001, *Nghiên cứu sử thi Việt Nam*, tr.694).

Đồng thời, tác giả công trình *Sử thi Êđê* cũng nhấn mạnh đức tính cơ bản của người anh hùng là “dũng cảm”, “chiến thắng kẻ thù” và “giàu sang” (Phan Đăng Nhật, 1991, *Sử thi Êđê*).

Có thể nói, cho đến cuối thế kỷ XIX, Tây Nguyên vẫn chưa thoát ra khỏi giai đoạn “mạt kỳ cộng sản nguyên thủy”, đây rẫy những cuộc cướp bóc, xung đột giữa các làng đồng tộc và khác tộc, các nhóm người. Sự âm ỉ, kéo dài và phổ biến của xung đột và chiến tranh làng là một vấn nạn, một bi kịch lịch sử, xã hội của vùng đất. Đối phó với tình trạng này, nhiều nơi trên khắp Tây Nguyên đã xuất hiện những liên minh làng, đứng đầu là những tù trưởng tài năng, hùng mạnh, dũng cảm, đồng thời cũng là các “thủ lĩnh quân sự” để giải quyết những vấn đề liên quan đến vận mệnh cộng đồng. Trong thực tế, họ là cứu tinh, là những anh hùng thời đại “dân chủ quân sự”, “thời đại anh hùng” của Tây Nguyên. Sự tồn vong của gia đình, làng buôn

dường như phụ thuộc vào những con người “đứng mũi chịu sào” này. Như một hình thái ý thức và nhận thức xã hội, những áng “dã sử” trường thiên là các khan, h’mon, h’ri,... đã kịp thời xuất hiện, nảy nở và được sùng mộ trong các buôn làng. Khát khao về một con người có thể đưa cộng đồng thoát khỏi những đau thương, bế tắc, sử thi lưu truyền trong các tộc dân Tây Nguyên cũng hầu như chỉ hướng đến và xoay quanh việc tạo dựng hình tượng con người với phẩm chất hàng đầu là sự can trường, lòng dũng cảm trước kẻ thù, nơi chiến trận. Đó là những dũng sĩ thực thụ, những con người dám vượt qua các thử thách, không quan ngại đôi đầu với các loại đôi thủ. Tinh thần và khát vọng về một con người đủ phẩm chất và khả năng “cứu nhân độ thế” ấy dường như đã lan tỏa sang những thiên truyện nhỏ bé, khiêm nhường hơn đó là truyện cổ tích. Do chịu ảnh hưởng của sử thi, nhân vật dũng sĩ chiếm một vị trí đặc biệt trong truyện cổ tích các dân tộc Tây Nguyên. Được sáng tạo và khuếch trương từ những “nguyên mẫu” là những tù trưởng, tộc trưởng, những con người dám xả thân vì sự tồn vong của buôn làng trong hiện thực lịch sử, xã hội, hình tượng nhân vật dũng sĩ trong sử thi và truyện cổ tích lại trở thành tác nhân nuôi dưỡng dũng khí, tinh thần bảo vệ cộng đồng của bao thế hệ con người Tây Nguyên. Ở một mức độ nào đó, giữa nghệ thuật văn chương truyền miệng, hiện thực cuộc đời ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên nhiều khi thật khó phân biệt. Truyện cổ tích và sử thi là nguồn “sử liệu” quý giá về cuộc sống và tinh thần, tính cách con người một vùng sơn nguyên nổi tiếng là hiểm địa xưa kia. Đồng thời, vẻ đẹp và những câu chuyện bi tráng về nhân vật người anh hùng, dũng sĩ lại là những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ độc đáo của những bậc nghệ nhân từ các buôn làng kiên cường trước mọi thử thách kia.

Có sự gặp gỡ, tương đồng giữa cơ sở lịch sử, xã hội của sử thi Tây Nguyên và sử thi thế giới. Nhà triết học và mỹ học F.Hegel thế kỷ XIX, với “thơ sử thi chính thức” (tức sử thi dân gian) đã nhận xét:

“Người ta có thể nói rằng tình huống phù hợp nhất với thơ sử thi đó là các cuộc xung đột của trạng thái chiến tranh. Thực vậy, trong chiến tranh, chính là toàn bộ dân tộc đang vận động. Nó bị kích thích phải hành động bởi vì nó phải bảo vệ toàn bộ mình”. Dù thế, “trạng thái chiến tranh” mới chỉ là cơ sở nảy sinh, là nguồn

đề tài, chủ đề “vô cùng đa dạng” cho sử thi. Đặc biệt hơn là, từ các “xung đột của trạng thái chiến tranh” với “vô số hành động và vô số biến cố trong đó tinh thần dũng cảm đóng vai trò chính?” (V.Guxep, 1999, tr.594 - 595).

E.M.Mê-lê-tin-xki, nhà folklore học Xô viết trong bài “Về nguồn gốc sử thi anh hùng” cũng cho rằng:

“... những quan hệ thị tộc, cục bộ, gia trưởng bị lung lay” đã tạo ra sự tự do nhất định để thể hiện một cách tích cực cá nhân riêng lẻ là điều kiện cần thiết cho sự “xuất hiện những hình tượng dũng sĩ”. Ông cũng nhấn mạnh rằng: “Thế giới sử thi lý tưởng và nhân vật dũng sĩ trong sự thống nhất hài hòa của chúng - đó là những nhân tố chủ yếu của nội dung sử thi anh hùng” (E.M.Mê-lê-tin-xki, 1974, *Về nguồn gốc sử thi anh hùng*, tr.122 - 125).

1.2.2. Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên - Cái nôi nuôi dưỡng truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi

Văn học dân gian là một bộ phận nảy sinh, phát triển trong mối quan hệ tương tác, hỗ trợ của nền văn hóa cổ truyền đa dân tộc, đa dạng song cũng mang nhiều điểm tương đồng, thống nhất của Tây Nguyên. Truyện cổ tích và sử thi tất yếu cũng sinh thành, vận động trong mối quan hệ ấy. Bởi vậy, để hiểu sâu xa hơn bất kỳ vấn đề nào thuộc hai thể loại tự sự lớn này, một sự liên hệ, nối kết đối với môi trường, nền móng văn hóa chung là hết sức cần thiết. Nếu điều kiện lịch sử, xã hội là tiền đề cho sự hình thành đề tài, chủ đề, nhân vật, thì văn hóa là cái nôi cho sự phát triển, hoàn thiện về những giá trị nội dung, nghệ thuật của sử thi cũng như truyện cổ tích.

Khi nghiên cứu khan “Đam Săn”, Nguyễn Văn Hoàn xác định:

“... để hiểu và lý giải một cách khách quan, khoa học những vấn đề của sử thi Đam Săn, không thể không đặt tác phẩm vào cái môi trường mà nó sinh thành, truyền tụng và phát triển. Môi trường ấy là nền văn hóa của dân tộc Ê đê” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đam Săn sử thi Ê - đê*, tr.12).

Nếu lịch sử và các vấn đề xã hội bức thiết của Tây Nguyên là nguồn cội cho những đề tài, chủ đề lớn của sử thi và truyện cổ tích thì công cuộc lao động mưu sinh, sáng tạo văn hóa lại là lĩnh vực làm phong phú thêm cho nội dung, thi pháp hai thể loại tự sự này. Một số những khái lược về diện mạo nền văn hóa cổ truyền Tây

Nguyên sau đây hy vọng sẽ ít nhiều giúp hiểu sâu hơn vấn đề nghiên cứu của luận án.

1.2.2.1. Văn hóa vật chất

- *Các lĩnh vực hoạt động kinh tế:* Nếu đi từ sử thi, sẽ thấy, con người Tây Nguyên xưa đã có một đời sống vật chất sung túc, “ăn năm uống tháng”, “nhà rộng cao chọc trời”, nhà ở “dài như một tiếng chiêng ngân”; chiêng, ché, nôi đồng nơi các nhà giàu “xếp la liệt”, “thóc lúa đầy kho”. Những mô tả như thế không hiếm trong sử thi các dân tộc Ê Đê, Ba Na, Ra Glai,... Vậy những hoạt động kinh tế nào đã giúp họ đạt tới, hay ước mơ vươn tới một cảnh giới văn hóa vật chất sung mãn như vậy?

Kinh tế nông nghiệp và khai thác thiên nhiên: Canh tác lúa rẫy - nỗ lực tạo nguồn sống và cuộc vật lộn trường kỳ với thiên nhiên. Khắp vùng sơn nguyên suốt nhiều thế kỷ, con người các dân tộc Tây Nguyên lấy hoạt động kinh tế nương rẫy làm nguồn sống chính. Lúa rẫy, cây lương thực chủ yếu được gieo trồng theo chu kỳ 1 vụ/năm, vào mùa mưa, với phương thức “du canh luân khoảnh”. Kỹ thuật canh tác lúa rẫy còn thô sơ với các khâu: chọn rẫy, phát rừng, đốt cây cỏ, chọc lỗ, tra hạt, làm cỏ, trông coi thú rừng và thu hoạch bằng tay. Những công việc làm rẫy “thủ công” và đơn giản này tuy thế lại không hề dễ dàng vì cơ bản dựa vào sức người là chính, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên như độ màu mỡ của đất đai, sự thuận lợi của thời tiết và nhiều yếu tố khác nữa. Nương theo và phụ thuộc vào thiên nhiên, năm thời tiết thuận hòa, người Tây Nguyên bội thu “gieo một gặt mười”, thậm chí là trăm. Tuy nhiên, hạn hán, dịch bệnh, sự phá phách của thú rừng như voi, lợn rừng, chim chóc cũng thường gây mất mùa, thất thu, đói kém. Hoạt động trồng trọt lúa rẫy để mưu sinh, duy trì nguồn sống cũng đòi hỏi con người phải hạ cây lớn, chặt cây to, san đá lớn, diệt cỏ lạ và xua đuổi được thú dữ. Đây thực sự là một “cuộc chiến” đầy thử thách, đòi hỏi không chỉ sức lực mà còn là sự can đảm, bền chí và gan góc. Không chỉ nạn chiến tranh cướp bóc, xung đột cộng đồng khiến con người Tây Nguyên trở nên và cần đến lòng dũng cảm mà chính trong các hoạt động lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất, đó vẫn là những phẩm chất thiết yếu. Do vậy, đi đầu trong công việc chặt cây, phá đá, phát rẫy gian nan, rồi săn bắt, thuần hóa hoặc xua

đuôi, tiêu diệt thú dữ trong truyện cổ tích và sứ thi vẫn là sứ mệnh của các thủ lĩnh, các trai trẻ ưu tú. Đây là một trách nhiệm to lớn mà người Tây Nguyên đã luôn “trao phó” cho nhân vật trung tâm của những thiên sử thi trường thiên, hay những áng truyện ngắn gọn về công tích người dũng sĩ gắn với một đỉnh núi, một dòng sông hay một ngọn thác nào đó.

Ngoài lúa là cây lương thực chính, nương rẫy của các tộc dân Tây Nguyên còn trồng ngô, kê, khoai cùng các giống hoa màu như chuối, mía, đậu, bầu, bí, bông vải,... Sản phẩm của nền kinh tế nương rẫy như thế lại được phụ thêm bởi những sản vật có được từ việc săn bắt, hái nhặt từ môi trường rừng núi, sông, suối, hồ, ao. Đây là hoạt động kinh tế khai thác, hay “chiếm đoạt” tự nhiên rất phổ biến trước đây, bổ sung nguồn lương thực, thực phẩm thêm bền vững, dồi dào. Đặc biệt hơn, rừng núi là nguồn vật liệu gỗ, tre, nứa, song mây được khai thác để phục vụ việc xây cất nhà cửa, chế tác công cụ sản xuất, chiến đấu, đồ vật gia dụng các loại. Trong điều kiện một vùng cao nguyên bạt ngàn, đất rộng người thưa, hoạt động kinh tế “chiếm đoạt” thiên nhiên đã từng đem lại nguồn sống vô cùng quan trọng. Đồng thời, nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền Tây Nguyên với việc chăn nuôi trâu, bò, heo, dê, gà theo lối thả rông cũng xuất hiện từ lâu, góp phần nâng cao chất lượng, sự phong phú cho đời sống vật chất.

Công việc canh tác nương rẫy đảm bảo nguồn lương thực chính nuôi sống con người được tiến hành theo nông lịch, dựa vào chu trình hai mùa mưa nắng, cơ bản là được thực hiện theo từng hộ gia đình, khi cần có thể vận dụng hình thức vắn công, đổi công. Ở khía cạnh đặc thù khu vực, để đảm bảo độ màu mỡ của đất cho cây trồng, người Tây Nguyên trước đây thực hiện biện pháp luân khoảnh (có khi kèm du canh, du cư). Về hoạt động kinh tế nương rẫy, chăn nuôi cũng như khai thác tự nhiên, các tộc người Tây Nguyên đều không thực hiện một cách tự ý, tùy tiện, mà luôn tuân thủ những “quy ước”, “định chế” cộng đồng theo phong tục, tập quán. Do còn phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên, sản phẩm nền kinh tế truyền thống Tây Nguyên chưa thật sự dồi dào, vững chắc, rất hạn chế tích lũy. Đó là nền kinh tế vận động trong quỹ đạo khu vực, đáp ứng nhu cầu tại chỗ, mang tính tự cung tự cấp là chính.

Thủ công nghiệp: Nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, các tộc

người Tây nguyên từ lâu đã biết làm mộc, đan lát, dệt vải, làm gốm. Hoạt động sản xuất thủ công này đã làm ra những sản phẩm gia dụng, mỹ nghệ, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người. Các loại nhà cửa, kho chứa, dụng cụ sản xuất, trang phục, đồ gia dụng, binh khí, tượng mô, nhạc cụ,... chính là thành quả sáng tạo văn hóa vật chất rất đổi khéo léo, tài hoa được tìm thấy ở hầu như các tộc người.

Trao đổi sản vật, hàng hóa: Dù sống trong hoàn cảnh cách biệt với các vùng miền phát triển khác, nhưng trong phạm vi giới hạn và những nỗ lực vươn lên, nền kinh tế các tộc dân Tây Nguyên xưa cũng đã không hoàn toàn mang tính tự cung tự cấp. Hoạt động giao thương, trao đổi vật phẩm, hàng hóa tại các buôn làng, trong vùng và ngoài vùng gần xa đã xuất hiện. Người Tây Nguyên đã biết: “... *bán thứ mình có, không dùng đến hoặc dư thừa, mua thứ mình thiếu hoặc không có. Tuy nhiên, mua và bán ở đây được thực hiện thông qua hình thức trao đổi trực tiếp đồ vật*”. *Do tiền tệ chưa được sử dụng, nên “ người Thượng sử dụng những vật ngang giá, như bộ chiêng, con trâu, con lợn, con gà, lưỡi rìu, con dao, tấm váy, dải khố v.v... với quy cách cụ thể để xác định giá trị khi trao đổi”* (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.50 - 51).

- *Một số thành quả sáng tạo văn hóa vật chất tiêu biểu*

Về đồ ăn, thức uống: Nguồn thức ăn, đồ uống của người Tây Nguyên có được từ các hoạt động kinh tế trồng trọt, chăn nuôi, khai thác tự nhiên là khá dồi dào. Từ các nguyên liệu sản xuất và khai thác được, họ đã biết chế biến, sáng tạo và nấu nướng thành những món ăn, thức uống thơm ngon để tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực. Trong các bữa ăn hàng ngày, món cơm (nếp, tẻ) được nấu trong nồi đất (hoặc nồi đồng) là chủ đạo, đôi khi còn có món cháo. Thức ăn là thịt (trâu, bò, dê, heo, gà, vịt,...), cá thường được chế biến và làm chín theo cách nướng hoặc luộc. Các món ăn từ những loại lương thực phụ khác như khoai, ngô, kê cũng được làm chín bằng cách đơn giản là luộc, nấu, nướng hoặc rang. Các loại rau thu hái trong rừng, ngoài ruộng, hoặc được trồng ở rẫy như bầu, bí, mướp, cà cũng được luộc chín khi ăn. Riêng các loại măng (tre, le, nứa) còn được phơi khô để hầm hoặc ủ chua thành món măng chua ăn dần. Dù không cầu kỳ, kiểu cách nhưng người Tây Nguyên từ lâu đã biết sử dụng các loại gia vị trong chế biến món ăn. Đầu tiên, để đề phòng “sơn lam

chương khí” thì vị cay với ớt là được sử dụng thường xuyên và phổ biến nhất. Đây là “khẩu vị” quen thuộc, thường ngày của mọi người, hầu như không phân biệt giới tính, tuổi tác. Các thứ gia vị, rau thơm như: gừng, sả, lá mơ, hành, họ cũng được sử dụng để gia tăng hương vị cho các món ăn, nhất là vào những dịp lễ, tết, hội hè. Hoa quả với chuối, dưa, dứa, đu đủ được trồng ở rẫy cùng rất nhiều thứ quả rừng đủ vị chua, chát, ngọt, bùi, béo hay thanh mát, mùa nào thức ấy là những món ăn được ưa thích. Đặc biệt, sơn nguyên còn ban tặng cho con người nơi đây một món ăn đặc biệt thơm ngọt, đó là những bọng mật ong rừng,...

Trong đời sống ẩm thực của người Tây Nguyên, rượu cần là thức uống có vị trí hết sức đặc biệt. Món uống nửa rượu nửa bia này được chế biến từ nguyên liệu là các loại ngũ cốc mà trước hết và tốt nhất là gạo (nếp, tẻ), kê, rồi mới đến ngô, sắn, kết hợp với men rượu là tinh chất một số loại củ, quả, vỏ cây có tính năng lên men đặc biệt. Một chế rượu cần chất lượng sẽ đầy đủ vị thơm ngọt, say nồng và vô cùng bổ dưỡng. Rượu cần được uống trong các dịp tế lễ, hội họp, đón và đãi khách quý,... Đi dự cưới hoặc tham gia lễ mừng nhà mới, lễ bỏ mả,... trước đây theo tập tục, người ta bao giờ cũng gửi theo chế rượu cần ngon nhất, kèm thêm có khi là đùi trâu, hoặc thịt heo, cặp gà để cùng ăn uống, giao lưu nhằm chia vui, sẻ buồn trong lễ tiệc. Món “uống nhắm” hồi phục, tăng cường sức khỏe, thắt chặt tình bằng hữu của trai làng ở nhà rông (vùng Bắc Tây Nguyên) sau một ngày lao động mệt nhọc là rượu cần. Ngoài việc là một thành quả đặc sắc của “công nghệ” chế biến đồ uống thủ công truyền thống, cách thức và thể thức uống rượu cần trong các dịp lễ lạt, gặp gỡ chung vui khác nhau lại là khía cạnh đẹp của văn hóa xã giao ở các cộng đồng tộc dân.

Nhà cửa, trang phục: Nhà cửa là phương tiện giúp con người “an cư” quan trọng bậc nhất - ở các tộc dân Tây Nguyên đã thể hiện khả năng kiến trúc và nỗ lực xây cất công phu, khéo léo của họ. Về kiểu dáng, khắp vùng phổ biến nhất là nhà sàn. Kích cỡ nhà cũng rất khác nhau tùy điều kiện mỗi gia đình. Trong các buôn làng trước đây, có những ngôi nhà dài hàng trăm mét, nơi cư trú của các tiểu gia đình nhiều thế hệ, nhiều nhà cỡ vừa dài từ 15m đến 20m. Vật liệu xây cất nhà của người Tây Nguyên chủ yếu là khai thác trong rừng với các loại gỗ (làm cột, khung sàn, vì kèo), tre nứa (thưng vách, trải sàn, đan cửa), cỏ tranh để lợp mái và các loại song

mây để chằng buộc. Những ngôi nhà sàn đều được xây cất vững chãi, kết cấu hài hòa, vách liếp được đan cài rất kỹ lưỡng, mỹ thuật, không gian bên trong rộng thoáng vừa độ, được sắp xếp ngăn nắp, sạch sẽ. Những sinh hoạt hàng ngày của mọi thành viên đều được diễn ra trật tự ở các vị trí được quy định rõ ràng. Có nơi đặt bếp, nơi tiếp khách, vị trí xếp ghế rượu, nồi đồng, treo chiêng, chỗ ngủ của chủ nhà, con cái,... Những ngôi nhà sàn khang trang ấy đều do chính gia chủ cùng sự giúp sức của họ hàng, thân thích xây cất. Kinh nghiệm về sử dụng vật liệu, kích cỡ tỉ lệ các bộ phận, dựng cột, lắp ráp đều được tiếp thu, truyền dạy từ các thế hệ trước. Công cụ để xây cất một ngôi nhà chỉ đơn giản có rìu, cưa, đục, dao, thuổng,... tức là những phương tiện thủ công truyền thống.

Diễn hình cho kiến trúc nhà cửa Tây Nguyên là ngôi nhà rông của các tộc người phía Bắc vùng đất như Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, Giẻ Triêng, Rơ Măm,... “Rông” (hay rôông) tên gọi của ngôi nhà chung này là theo tiếng Ba Na, các dân tộc khác đều có tên gọi riêng của mình. Tính khác biệt và nổi bật của ngôi nhà rông so với những ngôi nhà ở thông thường khác trong các buôn làng trước hết là ở sự đồ sộ, độ cao lớn, kiểu cách và uy nghi về kiểu dáng. Thường được dựng lên ở vị trí trung tâm làng, nhà rông với mái cao gần như vươn hẳn lên bầu trời, nét cong vững vàng, uyển chuyển. Ngôi nhà rông là đầu não, là trái tim thể hiện sự giàu có, hùng mạnh của một buôn làng. Để xây dựng nhà rông, chủ làng kêu gọi, tập hợp cả làng vào rừng đốn cây, chặt tre nứa, tìm các loại dây mây, cắt cỏ tranh,... Công trình xây dựng này là sự khẳng định tài năng lao động, trí tuệ và cả sức mạnh phòng thủ của cộng đồng làng. Nhà rông trước đây là nơi diễn ra những lễ hội lớn, nơi hội họp của làng khi có những sự cố nghiêm trọng, nơi trao đổi hàng hóa với thương khách phương xa, là địa điểm tụ tập để rèn luyện võ nghệ, vui chơi, giải trí và ngủ nghỉ về đêm của trai làng,... Nhà rông là đỉnh cao về kiến trúc và khả năng xây dựng nhà cửa truyền thống, một thành quả mang tính biểu tượng về văn hóa vật chất của người Tây Nguyên.

Trang phục từ nguyên liệu bông vải được trồng ở nương rẫy, các tộc dân Tây Nguyên từ xa xưa đã biết kéo sợi, dệt vải, tự đáp ứng cho nhu cầu trang phục của mình. Với sự tỉ mỉ, khéo léo, óc thẩm mỹ của người phụ nữ trong phối màu, kết cấu

họa tiết với một số kiểu dạng motif (chim, thú, hoa, lá,...) đã khiến cho trang phục khô, áo ngắn ở nam giới; váy, áo dài tay ở nữ giới mang một vẻ đẹp nền nã, khỏe khoắn và không kém phần rực rỡ. Về màu sắc: “...người Thượng phổ biến dùng 4 màu trên vải dệt truyền thống: đen, chàm, đỏ, trắng, vàng, trong đó màu đen chàm là chủ đạo, làm nền...” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.83).

Bộ trang phục trong các dịp lễ tết, hội hè là kết tinh của khả năng sáng tạo tài hoa, cảm quan thẩm mỹ đã đạt đến trình độ cao của con người Tây Nguyên. Ngoài trang phục, thổ cẩm các tộc dân còn có khăn (quần, choàng), chăn (tắm đắp), đều được dệt, phối màu và trang trí hoa văn rất đẹp.

Để làm đẹp cho cơ thể, người Tây Nguyên còn rất chú trọng và ưa thích trang sức. Thông thường nhất là các loại vòng đồng, bạc, chuỗi cườm với nhiều màu sắc, kích cỡ khác nhau. Các loại vòng đồng, bạc được đeo ở cổ, cổ tay, chân; các chuỗi hạt dùng đeo cổ. Trâm cài tóc ngoài mục đích làm gọn, thuận lợi cho mọi hoạt động thường ngày còn là vật trang sức cho cả nam và nữ giới. Trâm quý được làm từ ngà voi, đồng hoặc đơn giản chỉ bằng lông nhím, gỗ, tre, mảnh xương thú. Người Tây Nguyên xưa cũng ưa chuộng việc khâu lỗ dái tai để đeo vòng và hoa tai, hoặc chỉ đơn sơ là mảnh gỗ, xương. Cần lưu ý, những đồ trang sức như thế không hoàn toàn là do các tộc dân Tây Nguyên chế tác, mà được họ đổi lấy từ những người Chăm.

Công cụ sản xuất, chiến đấu; đồ vật gia dụng, giải trí, tín ngưỡng: Phần lớn công cụ sản xuất, vũ khí, đồ vật gia dụng, nhạc khí ở các tộc dân Tây Nguyên đều được chế tác bởi bàn tay của con người xứ sở này. Phục vụ hoạt động canh tác nương rẫy có rìu, dao, rựa, chà gạc, cuốc, cào, nạo cỏ, gậy chọc lỗ, liềm. Đồng thời, các vật dụng như rìu, dao, rựa,... cũng là công cụ để xây cất nhà cửa, kho chứa, làm ra các vật dụng khác. Những đồ vật gia dụng, rất quen thuộc, gắn bó thân thiết với người Tây Nguyên như gùi các loại, chày và cối giã gạo, quả bầu khô, ống lồ ô đựng nước, đều là sản phẩm đầy sáng tạo, gia công khéo léo. Để đánh bắt cá, tôm, cua, có chài, lưới, lao, đơm, đó, nơm, giỏ, cần câu,... Con thuyền độc mộc để đi lại, đánh bắt cá trên sông nước, hồ, ao là sự bổ sung độc đáo vào bộ công cụ sinh tồn phong phú của con người miền sơn nguyên. Sản bắt ở rừng thì nơi đâu các vật dụng hàng đầu vẫn là tên, nỏ, lao, dao, chà gạc, cạm bẫy, chông, thò. Đây cũng chính là những chiến

khí quan trọng để tự vệ, phòng thủ và chiến đấu bảo vệ buôn làng trước các đối thủ và thú dữ. Đặc biệt, với hoạt động săn bắt voi, người Tây Nguyên là chủ nhân sáng chế ra bộ dây thòng lọng bằng da trâu kết hợp với dây mây để buộc và dong voi. Về cơ bản, bộ đồ săn “*gồm tới 6 hoặc 7 thứ, tổng cộng nặng 70kg - 80kg, cân da của 3 con trâu mới đủ*” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.100).

Cũng cần lưu ý rằng, một số vật dụng với chức năng lao động, chiến đấu của người Tây Nguyên xưa đồng thời cũng có giá trị “trang sức”. Dáng vẻ của người phụ nữ sẽ yêu kiều, sang trọng hơn khi mang trên lưng một chiếc gùi được đan lát, trang trí đẹp đẽ; tương tự, một người đàn ông sẽ trở nên oai phong, cuốn hút đặc biệt khi đi đường mà bên hông có giắt theo một con dao quý, một mũi tên, hoặc khoác theo bộ khiên, đao. Trong các cuộc giao tranh với những đối thủ, khiên (khel) và đao (dao dài, kiếm) cũng là chiến khí quen thuộc của các nhân vật anh hùng, dũng sĩ sử thi. Trong thực tế, những đồ binh khí đều được chế tác công phu, nhất là các bộ phận phụ kiện như chuôi, vỏ bao thường được trau chuốt, khắc, chạm cầu kỳ. Với người đàn ông Mạ, con dao pía chút “*vừa là công cụ lao động, vừa là thứ trang sức, là một dấu hiệu tỏ rõ chí trai, vừa là vũ khí, gắn bó với cuộc đời người đàn ông...*” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.94).

Sự phong phú trong chế tác, sáng tạo những vật phẩm phục vụ muôn mặt nhu cầu cuộc sống của người Tây Nguyên còn được thể hiện ở vô số những loại nhạc cụ như đàn Torung, đàn Klông Pút, Đingđong, Pótpong, Brô, Tingning. Chưa hết, bộ nhạc cụ các tộc dân còn có trống, kèn, sáo, tù và. Những pho tượng mô với các kiểu dáng ưu tư, trầm mặc khác nhau, tuy thô phác nhưng giàu tính biểu cảm, giá trị tín ngưỡng và nhân văn. Đặc biệt, với việc dệt vải, người Tây Nguyên đã sáng chế ra bộ “khung cửi” đơn giản, cơ động chỉ với một số ống nứa, thanh gỗ rời rạc để thực hiện các khâu chăng sợi dọc và đan sợi ngang,... Sự giản ước và tiện lợi hiếm có của một khung dệt như thế khiến người phụ nữ nơi đây có thể ngồi dệt vải trong nhà, ngoài sân, nơi gốc cây khi trời nắng nóng.

Với nghề rèn, các dụng cụ chính cũng chỉ gồm ống thụt, ống dẫn hơi (bằng gỗ, tre), búa (bằng đá, sắt), đá mài. Một số nơi làm gốm với các sản phẩm nôi niêu, bát, đĩa, vò,... thì cơ bản cũng chỉ bằng tay với các kinh nghiệm và kỹ năng định

dạng, nặn, xoa, vuốt là chính.

Không đơn thuần chỉ nhắm tới chức năng thực tế, tính hữu ích, mà ẩn sau hệ thống phong phú, đa dạng của phân vật chất, hệ thống công cụ lao động, đồ dùng, vật dụng, nhạc khí, tượng gỗ của người Tây Nguyên còn ẩn chứa trong đó nhiều “giá trị văn hóa sâu sắc”, tài năng và trí tuệ con người một thời.

1.2.2.2. Văn hóa xã hội

Để nhận diện một cách cơ bản văn hóa xã hội các tộc dân Tây Nguyên với một số khía cạnh đặc thù nhất định, cần nhìn nhận vị trí, vai trò các đơn vị kiến tạo nên cộng đồng xã hội truyền thống xưa.

- *Đặc điểm tổ chức xã hội làng Tây Nguyên*: Như ở phần trên chúng tôi đã đề cập, do điều kiện lịch sử riêng của vùng đất, cho đến giữa thế kỷ XIX, Tây Nguyên vẫn trong tình trạng cách biệt với thế giới bên ngoài. Nơi đây, các buôn làng (Polei, buôn, bon) vẫn là hình thái tổ chức xã hội cao nhất và bao phủ khắp vùng đất, mang vận mệnh như những “tiểu quốc”. Những liên minh làng với tên gọi *toring* chỉ là tạm thời, không mang tính chất là một hình thái tổ chức xã hội đúng nghĩa. Các nhà nước (dù sơ khai) đứng đầu là những Motao Nước, Motao Lửa cũng chỉ là câu chuyện huyền thoại. Ở các địa bàn thuận lợi, đất đai màu mỡ, địa hình bằng phẳng như Kon Tum, Pleiku, Buôn Mê Thuột,... những buôn làng lớn có tới hàng trăm nóc nhà, hàng nghìn nhân khẩu. Khung cảnh sầm uất, đô hội ấy vẫn là ước mơ, khao khát của người Tây Nguyên mà nhiều áng sử thi đã đề cập tới.

Một số đặc điểm dân cư và cách thức vận hành của tổ chức xã hội làng Tây Nguyên bao gồm: tính thuần nhất về thành phần tộc người, nếp sống tự quản, có trưởng làng (hay chủ làng, già làng, thủ lĩnh làng, đầu làng, tức những Pô Bôn (Gia Rai), Tonuh Polei, Tom Polei (Ba Na), Kroanh Bon (Mnông), Khoa Buôn (Ê Đê), Quảng Bon (Cơ Ho),...

Nói đến trách nhiệm của người đứng đầu làng thì cơ bản là:

“Trên cương vị của mình, trưởng làng quán xuyến đời sống mọi mặt trong cộng đồng: xem xét việc giữ gìn địa giới làng, tổ chức làm hoặc tu bổ các công trình chung, chủ trì các lễ cúng và hội hè tập thể, hướng dẫn mùa vụ sản xuất và chỉ đạo việc làm ăn sinh sống hàng năm, cố vấn cho các cuộc hôn nhân thực hiện đúng tập

tục, làm trọng tài dàn xếp các vụ việc tranh chấp, xích mích và xét xử những người vi phạm tập tục, quyết định việc chuyển làng, việc chiến trận, việc bố phòng làng, thay mặt dân làng giao tiếp với bên ngoài, v.v...” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.118).

Dù đảm nhận nhiều chức trách nhưng chủ làng cơ bản đóng vai trò người đại diện mẫu mực, nhằm thực hiện ý nguyện chung của dân làng là giữ gìn sự ổn định chung, đôn đốc, duy trì các hoạt động cộng đồng theo tập tục. Do vậy, việc lạm dụng quyền lực, hay chuyên quyền, độc đoán là hiện tượng ít xảy ra trong hệ thống chủ làng xưa. Để tập thể làng với tính chất là những cộng đồng công xã có thể vận hành, tồn tại, thì sự gắn bó, tin tưởng và tuân thủ của mọi thành viên theo sự điều hành của chủ làng là điều bắt buộc. Tuy nhiên, theo cơ chế tự quản của cộng đồng công xã truyền thống Tây Nguyên thì thông thường, bên cạnh chủ làng còn có sự tham gia của các bô lão, trưởng họ và những người có uy tín, năng lực, thông hiểu phong tục, tập quán khác nữa.

- *Vai trò dòng họ và thiết chế mẫu hệ*: Xem xét một cách đầy đủ, làng Tây Nguyên xưa không phải là hình thái tổ chức cộng đồng “duy nhất”, thể hiện nhu cầu và nỗ lực cố kết của con người, nhằm đảm bảo một sự sinh tồn như mong muốn. Gắn liền với làng, tạo nên sự đông đúc, hùng mạnh về nhân lực thì khối liên kết lớn trong nội bộ các làng chính là các dòng họ. Dòng họ là một dạng thái, một tổ chức đặc biệt của cộng đồng người, lấy huyết thống làm tiêu chí. Làng Tây Nguyên ít khi chỉ bao gồm các gia đình của một dòng họ, mà thường là sự quần cư của nhiều dòng họ có thế lực. Những thể chế, quy định, ràng buộc trong nội bộ mỗi dòng họ lại chính là nguyên nhân sản sinh sự đa dạng của văn hóa xã hội, của bản sắc văn hóa cộng đồng Tây Nguyên. Điều cần đặc biệt lưu ý là hầu như chỉ có người Mạ ở khu vực Nam Tây Nguyên ngã về xu hướng phụ hệ, xã hội các tộc dân còn lại đều bảo lưu sâu đậm thiết chế mẫu hệ. Huyết thống bên mẹ vẫn là tiêu chí xác định dòng họ các dân tộc Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, Ê Đê, Mnông, Cơ Ho,...

Gia đình mẫu hệ truyền thống: Đơn vị mang tính chất tổ chức xã hội tế bào của các cộng đồng buôn làng Tây Nguyên là các gia đình thành viên. Gia đình các tộc dân Tây Nguyên hình thành, tồn tại trong mối quan hệ đa chiều với làng buôn và

dòng họ. Đó phần lớn là những gia đình mẫu hệ, với vai trò quan trọng và nổi bật của người phụ nữ. Người phụ nữ ở các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là những bà chủ thực sự, là người thừa kế tài sản gia đình, dòng họ, quản lý hoạt động kinh tế và sinh hoạt gia đình, chủ động trong hôn nhân,...

- Một số đặc thù của văn hóa xã hội truyền thống Tây Nguyên

Vai trò xuyên suốt của hệ thống luật tục

Nhìn ở phương diện văn hóa xã hội, để các cộng đồng tộc dân, buôn làng, dòng họ và mỗi con người có thể sinh sống ổn định, phát triển mà không bị phân rã bởi vô số lý do bên trong, bên ngoài tác động, thì việc ra đời, tồn tại từ lâu hệ thống luật tục ở xã hội Tây Nguyên truyền thống là điều tất yếu. Thực tế cho thấy rất nhiều những tập tục, phong tục, tập quán, thói quen,... mà hầu như mọi thành viên dân làng, mọi gia đình, dòng họ đều hiểu biết, thấm nhuần và thực thi. Đó là những “quy chế nội bộ”, những “định ước” được hình thành trong quá trình lâu dài sinh sống của các cộng đồng tộc dân. Đó là hàng trăm những “điều khoản” nửa luật tục, nửa tập tục, nề nếp, thói quen “bất thành văn”, được diễn đạt bằng lời nói vần (một dạng thơ ca dân gian), ăn sâu vào trí nhớ, tâm thức cộng đồng. Hệ thống luật tục cộng đồng chứa đựng những yêu cầu, đòi hỏi về vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ, cách ứng xử, hành vi,... của mọi thành viên, được hình thành, tích lũy qua nhiều thế hệ. Đó là kho tàng quy cách ứng xử xã hội trên mọi lĩnh vực, mọi mặt của đời sống, giúp con người trở thành những nhân tố tích cực của cộng đồng, và ngược lại có thể tồn tại được trong cộng đồng. Vì thế, có thể gọi những quy chế, định ước đó là luật tục, hay tập quán pháp. Tuy nhiên, các cách gọi này có lẽ phần nào thu hẹp giá trị và ý nghĩa văn hóa xã hội rộng lớn hơn mà những “quy chế”, “định ước” này từng chứa đựng. Thành tựu về văn hóa xã hội của Tây Nguyên được đúc kết trong các “bộ luật tục” phi văn bản, dưới hình thức thơ ca dân gian, được ghi nhớ và truyền miệng trong các buôn làng, các tộc dân nơi này. Đây là “tập đại thành” giúp mọi thành viên sống đúng theo nề nếp, tập tục truyền thống, là nền móng cho sự cố kết, ổn định, và “thuần phong mỹ tục”. Nội dung của luật tục, do vậy gần như đề cập hầu hết những vấn đề thiết yếu trong mọi lĩnh vực cuộc sống cộng đồng, từ việc canh tác nương rẫy đến săn bắt, hái nhặt, phòng vệ, chiến đấu bảo vệ làng; từ quan hệ dòng họ, gia đình, đến quan

hệ nam nữ; từ vấn đề quyền sở hữu ruộng rẫy, phân chia tài sản đến quy tắc hôn nhân, việc cưới xin, sinh đẻ, ma chay,...

Luật tục dưới hình thức là những tập tục, phong tục, tập quán, nề nếp sống các dân tộc thiểu số Tây Nguyên được hình thành qua một quá trình lịch sử lâu dài, trở thành những chuẩn mực chung được cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện. Sự phong phú, đa dạng về nội dung, giá trị thực tiễn của luật tục là sự minh chứng cho thành tựu văn hóa xã hội truyền thống của các cộng đồng dân tộc.

Như Will Durant đã nhận xét:

“Ở dưới các hiện tượng xã hội, người ta luôn thấy cái nền vững chắc như đá là tục lệ, những tư tưởng, hành vi lâu ngày được mọi người thừa nhận, những tục lệ ấy tạo cho xã hội một sự ổn định, trật tự cả trong khi thay đổi luật pháp và trong khi không có luật pháp thành văn” (Nguyễn Tuấn Triết, 2007, *Tây Nguyên những chặng đường lịch sử - văn hóa*, tr.78).

Sự phổ biến và đậm nét của văn hóa mẫu hệ: Nếu nói Đông Nam Á (Việt Nam, Lào, Campuchia,...) là thế giới của văn hóa mẫu hệ thì Tây Nguyên cho đến nay vẫn là thành trì của hình thái văn hóa này. Văn hóa mẫu hệ Tây Nguyên là yếu tố văn hóa dân gian, truyền thống, nội sinh, bắt nguồn và gắn chặt với cơ sở kinh tế, tổ chức xã hội cụ thể của hầu hết các tộc dân. Trải rộng từ khu vực Bắc Tây Nguyên đến các tỉnh phía Nam vùng đất, trong gia đình, dòng họ các tộc người (ngoại trừ người Mạ), thiết chế theo huyết thống mẹ, địa vị, vai trò bà chủ của người phụ nữ hầu như vẫn theo nếp xưa, truyền thống. Từ cách tính huyết thống đến quyền sở hữu và kế thừa tài sản gia đình, dòng họ (các khía cạnh hết sức quan trọng cho việc xác định mẫu hệ hay phụ hệ), phần lớn các dân tộc Tây Nguyên vẫn lấy dòng họ mẹ làm chuẩn. Đặc trưng cơ bản, nổi bật, được duy trì bền bỉ ở các dân tộc tiêu biểu cho văn hóa cổ truyền Tây Nguyên như: Ê Đê, Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Ra Glai, Cơ Ho,... là thiết chế mẫu hệ vẫn còn đậm nét trong các phong tục, tập quán, thể hiện rõ ở các lĩnh vực hôn nhân, gia đình, sở hữu tài sản,...

Với thiết chế mẫu hệ ở các dân tộc bản địa Tây Nguyên, vai trò chủ gia đình luôn thuộc về người phụ nữ. Từ truyền thống và tập tục mẫu hệ, con cái sinh ra được lấy họ mẹ, các cô gái đến tuổi có nhiệm vụ “bắt chồng”, chủ động trong hôn nhân,

nam giới khi lấy vợ thì về sống với gia đình, dòng họ bên vợ,... Là nhân vật quan trọng trong gia đình, dòng họ, người phụ nữ lo toan mọi việc từ nắm giữ, điều hành các hoạt động kinh tế, phân chia tài sản, lương thực, quản lý của cải của ông bà để lại, đến nuôi dạy con cái, hướng dẫn con cháu hiểu biết về phong tục, tập quán, sắp xếp và tổ chức cuộc sống. Trong tình yêu và hôn nhân, nữ giới không chỉ giữ vai trò chủ động mà còn chịu mọi chi phí và sắm lễ vật để có thể “bắt” được người chồng như ý. Trong gia đình, khi quyết định một việc quan trọng (mua bán, trao đổi, cưới hỏi,...) bắt buộc phải thông qua ý kiến bà chủ nhà, nếu không thông qua thì không bao giờ được phép thực hiện. Trong dòng họ mẹ, các chị em gái là người thừa kế tài sản và quản lý tài sản. Khi người chồng có chuyện phải bồi thường cho vợ, ông ta không được lấy của cải làm chung với vợ để bồi thường mà phải tự kiếm lấy để bồi thường hoặc nhờ các chị em gái giúp đỡ. Theo tập tục truyền thống, con gái là người chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, bố mẹ và là người “tiếp nối giống nòi” cho dòng họ mẹ. Tuy nhiên, dù địa vị người phụ nữ có quan trọng đến đâu thì thực tế trong cuộc sống gia đình, dòng họ và buôn làng, người nam giới vẫn giữ vai trò trụ cột. Công việc chiến đấu bảo vệ làng khi bị đối thủ tấn công, chọn đất làm nương rẫy, chặt cây, phá đá; săn bắt thú rừng, dựng nhà cửa, nhà rông, nhà kho đều hầu như do nam giới đảm trách. Truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên đã rất hiện thực khi tô đậm tính cách táo bạo, năng động của các cô gái, những người yêu, người vợ của nhân vật anh hùng; nhưng một thực tế khác cũng cần được xác nhận là: đa số nhân vật dũng sĩ, những tù trưởng, tộc trưởng, hình tượng “người hùng” trung tâm của truyện cổ tích và sử thi phần lớn vẫn là nam giới.

Tính cố kết cộng đồng sâu sắc: Một trong những khía cạnh nổi bật của văn hóa xã hội các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là sự cố kết cộng đồng. Tính cộng đồng thấm đẫm trong lao động, chiến đấu, sinh hoạt văn hóa, nếp sống hàng ngày của mọi người. Tính cố kết cộng đồng như một sợi dây vô hình mà bền chặt, kết nối những cá nhân riêng lẻ thành một khối chung, đoàn kết, gắn bó, tương trợ lẫn nhau. Nguyên nhân vừa trực tiếp, vừa sâu xa để hình thành và duy trì tính cộng đồng là do phương thức sinh sống của con người nơi một vùng rừng núi rất đặc thù về địa thế. Để chống lại mọi sự tấn công từ bên ngoài luôn rình rập, sự tấn công của thú dữ và đặc biệt là

công việc săn bắt voi, trâu rừng, hươu nai, lợn lòi, ... đòi hỏi con người phải liên kết và nương tựa vào nhau. Điều này đã tạo nên con người có ý thức đoàn kết, tinh thần cộng đồng thường trực, sâu sắc. Trong các buôn làng, mọi người thương yêu, đùm bọc nhau, cùng chung vui, chia buồn, cùng nhau gánh vác khó khăn, hoạn nạn,... Tính cộng đồng thể hiện trong các hoạt động tế lễ, hội hè, tín ngưỡng được tổ chức bởi toàn thể buôn làng như các lễ cúng bến nước, lễ mừng cơm mới, cúng cầu mưa, cúng trừ dịch bệnh,... Đặc biệt, nhờ những sinh hoạt văn hóa cộng đồng tự phát, thường xuyên trong các buôn làng, văn học truyền miệng được nảy nở, trau dồi và phát triển. Trước đây, đêm đêm con người Tây Nguyên từ già trẻ, đến gái trai vẫn thường tụ tập đến nhà một người già để nghe kể chuyện xưa hay ngâm, hát sử thi. Cuộc sống, xã hội và lịch sử con người nơi đây đã đi vào thế giới văn chương, và ngược lại môi trường sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng cao đã góp phần tích cực vào việc mài giũa cho những tác phẩm văn học truyền miệng. Cái hay, cái đẹp về mọi phương diện nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích dũng sĩ, của sử thi nói riêng và nhiều thể loại khác nữa chính là kết quả của nhiều sự hỗ trợ và tương tác văn hóa như thế.

Tính cộng đồng chi phối các sinh hoạt riêng của từng người trong gia đình, thể hiện rõ ở tinh thần cộng cảm giữa các thành viên trong buôn làng. Họ chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, cả vật chất với nhau một cách tự nhiên, chân thành, không vụ lợi. Một đứa trẻ chào đời là niềm vui của cả buôn làng. Một ngôi nhà vừa dựng lên đều khiến cả buôn vui mừng. Một gia đình có công việc cả buôn tới giúp. Một nhà trong buôn có khách quý, mọi người có thể tới nhà mang theo rượu ngon để chung vui. Đến mùa vụ, người người giúp nhau phát rẫy, tra hạt, trồng tria, làm cỏ,... Lễ sống của họ là “ *Tất cả nghe cùng một tai, nói cùng một miệng, tất cả cùng một dạ, một lòng. Cúi nặng mang giùm, nước nặng gùi giúp, việc nương rẫy cùng lo* ” (Phan Đăng Nhật, 2011, *Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số - Những giá trị đặc sắc*, Tập 1, tr.35).

Tính cộng đồng còn biểu hiện trong lối sống và sinh hoạt hàng ngày. Khi một gia đình đón khách mở rượu, giết gà, bất kỳ ai đi qua nghe tiếng hát, thì chẳng cần phải mời mọc đều có thể lên nhà tham dự. Tinh thần cộng đồng như thế đã được

phản ánh đậm nét trong các sử thi: Kinh Dú, Đam Săn, Đăm Di, Xing Nhã, Giông, Dăm Duông, Amã Chisa,... Trong những câu chuyện ấy, nhân vật anh hùng không phải là anh hùng cá nhân mà là con người của toàn thể cộng đồng, là niềm tự hào, ngưỡng mộ của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Nếu phương thức sinh sống là nguyên nhân trực tiếp hình thành tính cộng đồng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thì buôn làng chính là không gian nuôi dưỡng, duy trì những giá trị truyền thống ấy. Tính cộng đồng của các thành viên trong buôn còn được gia cố bởi mối quan hệ thân tộc giữa họ. Mỗi buôn là nơi cộng cư của một vài dòng họ. Những người trong một dòng họ thường dựng nhà cạnh nhau tạo nên cộng đồng mà ở đó những thành viên trong buôn làng không chỉ có mối quan hệ láng giềng mà còn quan hệ họ hàng (thân tộc, thích tộc) với những mức độ xa, gần khác nhau. Do đó “*Một người bị xúc phạm hoặc bị đe dọa thì cả làng can thiệp, nếu cần thì đổ máu*” để bảo vệ. Về phía từng thành viên, sự gắn bó với tập thể, giữ gìn tập tục và các luật lệ trong đời sống, những quy định về tín ngưỡng là trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng. Cho nên: “*Một người bị cộng đồng phê phán là một điều đau khổ, bị khai trừ ra khỏi cộng đồng là một hình phạt nặng nề nhất*” (Phan Đăng Nhật, 2001, *Nghiên cứu Sử thi Việt Nam*, tr.93 - 94).

1.2.2.3. Văn hóa tinh thần

Gắn liền với những nỗ lực tạo lập một đời sống vật chất sung túc, môi trường xã hội nề nếp, các dân tộc thiểu số Tây Nguyên còn là chủ nhân của những sáng tạo văn hóa tinh thần phong phú, bổ ích. Văn hóa tinh thần truyền thống Tây Nguyên với các sắc tộc khác nhau trên khắp vùng đất bao gồm nhiều thành tố, bộ phận là cả một thế giới đa dạng và phức tạp có phần phô bày lại vừa ẩn kín, sâu xa. Có thể điểm lược các bộ phận và thành tựu chung của lĩnh vực văn hóa này như sau:

- *Tín ngưỡng, tôn giáo*: Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần, tâm linh, có vai trò và tác động thường xuyên, chi phối sâu sắc đến đời sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên xưa, với quá trình lâu dài thích ứng, vật lộn sinh tồn với hoàn cảnh tự nhiên, phụ thuộc sâu sắc vào thiên nhiên, con người luôn cảm thấy khó hiểu, nhỏ bé và bất lực trước tự nhiên (và cả xã hội nữa). Tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”, một hình thức tôn giáo sơ khai

do vậy đã xuất hiện từ xa xưa tại nơi này. Với quan niệm “vạn vật hữu linh” thì trong thế giới này muôn vật đều có linh hồn, linh hồn là phần ẩn kín, thần bí và linh thiêng. Đây là hình thức tín ngưỡng sơ khai của loài người, xuất hiện từ trong xã hội nguyên thủy. Con người Tây Nguyên hầu như đều tin rằng, mọi vật xung quanh họ đều có *Yang* (hồn, thần). Bởi thế, vô số các vị nhiên thần như: Thần mặt trời, thần mưa, thần gió, thần lửa, thần sấm sét, thần đất, thần núi, thần nước, thần sông, thần rừng, thần rẫy, thần lúa,... đã luôn quân tụ, hiện hữu trong tâm thức của họ. Từ các chiến khí như khiên đao, tên nỏ, các vật gia dụng như chiêng, ché, ghé ngôi, đến nhà cửa, quần áo, dao rựa,... đều có linh hồn, đó là niềm tin thành thực của con người Tây Nguyên xưa. Con người Tây Nguyên còn tin rằng, vũ trụ hợp thành bởi ba tầng thế giới: Tầng thế giới của thần linh ở trên trời, tầng thế giới nơi trần gian của con người và tầng thế giới dưới mặt đất. Mỗi tầng thế giới có các thần linh ngự trị và cai quản. Quan niệm *Yang* của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên: thế giới thần linh đầy quyền năng luôn tác động đến đời sống vật chất và sinh hoạt tinh thần của con người nên con người luôn lo sợ trước những lực lượng siêu nhiên ấy. Với con người Tây Nguyên xưa, bao bọc xung quanh thế giới thực của họ là các thần linh, ma quỷ, các linh hồn, có sức mạnh siêu nhiên, kỳ bí, linh thiêng, quyền năng vô hạn, quyết định tới mọi mặt đời sống. Và, ngự trị trong thế giới thần linh có thần thiện, thần ác, ma quỷ. Vì thế, đi liền với tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”, đa thần, con người các sắc tộc Tây Nguyên có niềm tin rằng, muốn có sức khỏe, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt,... thì không có cách nào khác là cầu xin sự phù trợ của thần linh. Cả cộng đồng thực hiện những lễ thức phức tạp và kiêng cử nhất định với ảo vọng nhận được sự bình yên, tốt đẹp; tránh được rủi ro, hiểm họa. Đó là các dịp cúng lễ, hiến tế của tập thể do làng tổ chức và dân làng tham dự.

Tín ngưỡng của các dân tộc Tây Nguyên còn thể hiện ở quan niệm, cách ứng xử giữa thế giới người sống và người chết “*Họ có niềm tin những người đã mất, linh hồn họ không đi hẳn, chưa sống hẳn ở thế giới bên kia, mà sau một thời gian luân chuyển, sẽ “tái sinh” trong đời sống của con cháu mình*” (Nguyễn Tuấn Triết, 2007, *Tây Nguyên những chặng đường lịch sử - văn hóa*, tr.81).

Quan niệm này là một trong những cơ sở tín ngưỡng dẫn đến việc tổ chức lễ

bỏ má của người Tây Nguyên. Liên quan đến lễ cúng bỏ má là cả một hệ thống những tập tục, nghi lễ, sinh hoạt văn hóa rất phức hợp và hiếm có ở những vùng miền khác.

Lễ hội ngoài những mục đích và ý nghĩa khác là sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng rất phổ biến ở các dân tộc Tây Nguyên. Trước hết đó là những lễ hội gắn với chu trình sản xuất, từ khâu phát, đốt rẫy chuẩn bị mùa vụ, đến trồng tría, gieo hạt rồi thu hoạch, mang lúa về kho. Đó còn là những lễ cúng vòng đời từ lúc mới sinh ra, đến tuổi trưởng thành, lúc ốm đau, khi cưới xin, dịp ma chay,... đều được tổ chức, khấn cầu thần linh phù hộ. Trong các lễ hội ở Tây Nguyên, nghi thức hiến sinh trở thành quan trọng và không thể thiếu được. Vật hiến sinh là những sản phẩm chăn nuôi như: trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt,... Các lễ lớn thì vật hiến sinh là trâu, lễ đâm trâu (hay giết trâu, mổ trâu) thực ra chỉ là một phân đoạn của các lễ tế lớn, mang tính cộng đồng buôn làng.

- *Trang trí và điêu khắc, hội họa*: Với “khiếu thâm mỹ dồi dào”, con người Tây Nguyên còn là chủ nhân của những sản phẩm trang trí, điêu khắc và hội họa ẩn chứa nhiều giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa nhân sinh. Đó là những tác phẩm nghệ thuật dù đôi khi còn thô phác nhưng đầy tính biểu cảm. Trước hết, về nghệ thuật trang trí trên vải mà thành phẩm là váy, khố, áo và khăn (choàng, quần), tấm địu, chăn đắp, việc bố cục, phối kết hợp màu sắc (đen chàm, đỏ, vàng, trắng), đường nét, hoa văn mang tính hội họa là hết sức tỉ mỉ, công phu. Tất nhiên, những bộ váy, áo như thế thường chỉ được nữ giới mặc vào những dịp lễ hội. Nam giới cũng chỉ diện khố, áo đẹp để khi tham dự các lễ lớn như đâm trâu, lễ cưới, cũng có khi chỉ là để làm đẹp khi đi đường. Nhìn chung, hoa văn trên vải dệt của người Tây Nguyên rất “*phong phú, đa dạng, chưa ai thống kê hết được, thậm chí ở một tộc thôi cũng vậy*” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.241).

Đặc biệt, thế giới hoa văn với nhiều kiểu dạng ấy “*phản ánh nhiều khía cạnh của cuộc sống và môi trường sống, mô phỏng theo hiện tượng, sự vật trong tự nhiên và trong xã hội. Song qua đó lại thể hiện tài quan sát, óc thẩm mỹ và khiếu nghệ thuật tạo hình tinh tế của người Thượng*” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.242).

Cùng với hoa văn trên vải là sáng tạo mỹ thuật của nữ giới, hoa văn trên đồ đan của nam giới cũng rất nhiều kiểu cách, motif. Đối với người nam giới, các sắc tộc Tây Nguyên thì đôi tay “... tài nghệ và con mắt mỹ thuật của họ không chỉ đan được những chiếc gùi, chiếc giỏ, chiếc mũng, chiếc nia, v.v... kiểu dáng đẹp, dùng bền, mà còn làm hiện hình trên mặt các sản phẩm đan của mình những hình trang trí sinh động, phong phú” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.244).

Các hoạ tiết, hoa văn trang trí trên cột klao, kbao, nhà rông, nhà ở, nhà mồ, đều hàm chứa rất nhiều ý nghĩa, gắn liền với hoạt động sản xuất, việc săn bắn, hái lượm,.. Cũng theo giới nghiên cứu, ngôi nhà rông Bắc Tây Nguyên “... không chỉ cao lớn, bề thế nhất mà còn đẹp khác thường trong làng, bởi được dụng công trang trí nhiều bằng điêu khắc và hội họa” (Luu Hùng, 1996, *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, tr.248).

Sáng tạo nghệ thuật và kiến trúc độc đáo của người Tây Nguyên thể hiện rõ ở ngôi nhà mồ. Nhà mồ, tượng mồ, trang trí nhà mồ là đặc trưng chung của hầu hết các dân tộc sinh sống ở Tây Nguyên, tuy nhiên ở mỗi vùng, mỗi dân tộc có sắc thái riêng. Trang trí và tượng nhà mồ đa dạng về kiểu loại về: những hình khối, những hình trang trí, những tượng gỗ. Những tượng ở các ngôi mộ của tù trưởng giống như tượng nô lệ đi hầu hạ người đã chết. Cách tạc tượng và trang trí nhà mồ không thuần túy theo lối tả thực mà ít nhiều đã cách điệu hóa dù các hình khối và đường nét hã còn rất thô phác.

- *Ca, múa, nhạc*: Là những hình thức nghệ thuật sớm xuất hiện và phổ biến trong đời sống các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Con người nơi đây thích ca hát, nhảy múa và găng bó, găng gũi với những bản nhạc chiêng, nhịp trống, âm thanh các loại đàn (tơ rung, klông pút, đing tút, brô, goong,...) cùng những giọng, điệu sáo, kèn các loại. Nhu cầu muôn mặt của đời sống tinh thần, nội tâm con người nơi đây là cội nguồn làm nảy nở và phát triển những loại hình nghệ thuật biểu diễn này.

Những hình thức ca hát dân gian các tộc người gồm có: hát ru, đồng dao, hát đối đáp giao duyên, hát ngẫu hứng lúc vui buồn, hát - ngâm chuyện xưa (đặc biệt là khan, h'mon, h'ri,...),... Người ta hát trong những hoàn cảnh và không gian khác nhau, đó là trong lúc làm rẫy, kiếm rau rừng, lúc đi đường, dự cưới, đón khách. Tùy

trường hợp và trạng thái tâm tư mà người hát sử dụng những làn điệu trữ tình vui, buồn trầm lắng, hay sôi nổi, thiết tha. Sắc thái các làn điệu dân ca Tây Nguyên là khá phong phú nhưng không quá phức tạp, cơ bản chỉ là những “lề lối, khuôn mẫu chung” rất thuận lợi cho việc ứng tác linh hoạt.

Về múa, từ mục đích ban đầu là những hành động mang tính “nghi thức”, phong tục trong các lễ hội cộng đồng, múa ở các tộc dân Tây Nguyên dần trở thành một nghệ thuật biểu diễn mang giá trị và ý nghĩa giải trí phong phú hơn. Theo Lưu Hùng (1996), tác giả công trình *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, các điệu múa dân gian Tây Nguyên có:

“... khả năng diễn cảm dồi dào qua nhịp điệu và động tác, có tính cách rõ ràng, mang đặc trưng cuộc sống vật chất và tinh thần của người Thượng, có phong cách đặc sắc, nhất là phô diễn ở dáng, tư thế và đường nét. Trang phục của người múa là trang phục ngày lễ hội, đẹp đẽ, mới mẻ, khoe những sắc màu rực rỡ, tươi tắn. Động tác múa đẹp mắt, nhuần nhị, thường chủ yếu kết hợp nhún, lắc hông, đưa hông với dùng tay chân” (tr.219).

Các điệu múa thường theo nhóm, đội, tốp, trong các lễ hội (mừng lúa mới, lễ cầu mùa, lễ cưới, lễ tang, lễ bỏ mả,...). Địa điểm múa là sân nhà rông, nhà ở, quanh nhà mồ, cột lễ, đống lửa. Có thể kể đến một số điệu múa truyền thống tiêu biểu như: Múa rông chiêng, múa vỗ trống, múa tạ ơn (các thần giúp mùa màng tươi tốt, bội thu), múa khiên, múa vỗ tay.

Về âm nhạc, khắp vùng Tây Nguyên xưa, gần gũi với nghệ thuật ca hát (nhạc hát) là thể giới nhạc đàn hết sức “phong phú và huyền diệu”. Mỗi dân tộc, mỗi địa bàn trên khắp vùng sơn nguyên mênh mông con người đều gắn bó, say mê với loại hình nghệ thuật thanh âm kỳ diệu này và đều có đóng góp riêng của mình. Có thể kể đến những bản nhạc chiêng âm vang, trầm hùng, rộn rã; những bài nhạc trống đồng dục, sôi nổi, giục giã; những bản nhạc khi rộn ràng, thánh thót, khi dập dìu, du dương; tiếng sáo vang lên trên nương rẫy nghe vi vu, bay bổng. Đó là những thành tựu, những sáng tạo độc đáo về âm nhạc cổ truyền của con người Tây Nguyên. Đi liền với khả năng dồi dào trong sáng tác các bản nhạc dân gian như thế là sự tài khéo trong việc chế tác nhạc cụ. Đó là những bộ trống, đàn tơ rưng, đàn klông pút, đàn

brô, những chiếc sáo trúc, kèn các loại,... Phần lớn các nhạc cụ dân dã ấy được gọt giũa, đan kết bằng các chất liệu sẵn có của núi rừng, nương rẫy như: gỗ, tre, nứa, vỏ bầu khô, lá cây “*Và điều cũng khá đặc biệt là hệ thống nhạc cụ như thế lại được “phân công” theo giới tính khá chặt chẽ. Có nhạc cụ của riêng nữ giới như Đinh đuk, Klông pút; của riêng nam giới như A lát, Gong, Tơ rung*” (Tô Ngọc Thanh chủ biên, 1988, *Fôn - Clo Bâhnar*, tr.203).

- *Văn học dân gian*

Trải qua quá trình lịch sử chung sống trên một vùng đất, người Tây Nguyên đã tạo lập nên một nền văn học dân gian giàu bản sắc. Nền văn học này có giá trị lớn về mọi mặt, từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Đây là những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ, có vai trò nuôi dưỡng, bồi bổ đời sống tinh thần con người Tây Nguyên. Dù sinh sống tại địa bàn nào của vùng đất, nơi các cao nguyên bao la, trù phú hay tại các địa điểm có phần heo hút, dân số nhỏ, các nhóm tộc dân đều có vốn liếng riêng về văn học truyền miệng. Với tiếng nói riêng của mình, từ lâu con người Tây Nguyên đã là chủ nhân của một vùng văn học dân gian với đủ các thể loại, từ thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, sử thi đến thơ ca. Có thể khái lược về các loại hình, bộ phận và thể loại của kho tàng văn học này như sau:

* Loại hình tự sự

+ *Thần thoại*: Xuất hiện từ thời cổ trong lịch sử văn hóa các dân tộc, thần thoại (hay huyền thoại) là thể loại rất phức hợp, là văn học song nó lại gắn chặt với hình thái tư duy mang tính triết học sơ khai, đặc biệt là với tín ngưỡng nguyên thủy. Thế giới tự nhiên, xã hội cùng nhiều vấn đề khác liên quan đến cuộc sống con người được thần thoại nhận thức và giải thích theo cách riêng mang tính huyền thoại và thi vị. Xu hướng chung của tín ngưỡng truyền thống các dân tộc Tây Nguyên là thần linh hóa thế giới, muôn vật. Điều này làm nảy nở một đội ngũ các thần linh, hình bóng của vũ trụ với các dạng vật chất và các hiện tượng thiên nhiên có quan hệ sống còn đối với đời sống con người. Đó là những thần đất, thần nước, thần lửa, thần mặt trời, thần mặt trăng, thần mưa, thần núi, thần rừng,... Thế giới động thực vật cũng được thần linh hóa với đủ cọp, voi thần; rắn, cua, lươn thần; cây, chim thần,... Đặc tính chung của vô số các thần linh (*yang, brăh*) ấy là hư ảo, thần kỳ, có thể tác động

“tốt” hoặc “xấu, tích cực (giúp đỡ, ủng hộ) hoặc tiêu cực (trừng phạt, bỏ rơi) đối với con người.

Các huyền thoại về nhân vật thần linh sáng tạo đã xuất hiện ở hầu hết các dân tộc. Ở người Ba Na cặp đôi “Bok Kơ đơ và Yã Kung Ker” (Ông Kơ đơ và Bà Kung Ker) được khẳng định là đã sinh ra trời, đất, trăng, sao, tộc người. Đây còn là hai vị thần bảo trợ cho cuộc sống, vận mệnh của dân tộc này. Huyền thoại về thần tối cao, giữ vai trò quyết định trong nhiều việc lớn ở người Ê Đê là cặp nam thần Aedu và Aêđiê, thường xuất hiện cùng nhau. Với người Mnông thì khởi dựng, sinh thành và bảo hộ vận mệnh tộc người vẫn là những “U Klësh, U Klăi”, “U Grên, U Grăn” (“Mẹ Klësh, mẹ Klăi”, “Mẹ Grên, mẹ Grăn”). Các bà mẹ lớn lao, uy quyền này cũng hầu như đảm trách cả những vấn đề hệ trọng, nền móng cho sự sinh tồn của tộc người. Tất cả đất đai, ruộng rẫy, sông suối, buôn làng, sản vật, nghề nghiệp,... theo người Mnông đều đã có từ sinh thời của các mẫu thần tiên tổ. Những bộ luật tục Mnông được giữ gìn nguyên vẹn và có hiệu lực cho đến tận ngày nay vẫn khẳng định vai trò thiêng liêng ấy của các mẫu khai sáng.

Ở người Cơ Ho, Mạ, Xtiêng thì thần NĐu được coi là đáng sáng tạo nên trời đất, muôn vật. Sự tôn sùng của con người đối với ông được biểu trong lễ cúng cuối vụ thu hoạch, cũng là thời điểm báo hiệu sắp chuyển sang một năm mới, chu kỳ sản xuất tiếp theo. Trong đại lễ với sự tham gia của đông đảo dân làng này, NĐu được dâng cúng với vai trò là thần bản mệnh của đất đai và cây lúa (hồn lúa).

Trong tình trạng thể loại thần thoại hầu còn rất nguyên sơ thì các truyện có mục đích giải thích thế giới là rất hiếm hoi. Đến nay, dẫn chứng cho trường hợp này, người ta chỉ có thể nói đến *Sự tích núi, đồng bằng và biển* của người Chu Ru. Theo sự tích này, thuở xưa thần sáng tạo (ông Trời) để khắc phục tình trạng hỗn mang của vũ trụ (bão lụt triền miên, đất đai mềm nhão, con người cực khổ,...) đã sai xuống trần gian một con giun, một con trâu và một con heo để tạo lập, phân định mặt đất. Khi xuống trần gian, con giun to lớn vừa bò vừa ỉa, phân nó tạo thành những dãy núi non lớn nhỏ chập chùng. Trâu xuống mặt đất liền nằm ngay xuống, lăn qua lăn lại làm xuất hiện những vùng đất bằng phẳng, tức là đồng bằng ở khắp mọi nơi. Heo không lờ xuống trần gian lập tức sục mõm ủi đất tìm thức ăn tạo thành biển cả. Theo

người Chu Ru, vùng Loan, Touneh (thuộc huyện Đức Trọng, Lâm Đồng) ngày nay trập trùng đủ loại núi non cao thấp là bởi giun thần khi bò đến đây chưa kịp về trời thì nằm lại chết.

+ *Truyện thuyết và sự tích*: Xuất hiện trong hầu hết vốn truyện kể các dân tộc là những câu chuyện mang tính chất truyền thuyết và sự tích về các địa danh, thắng cảnh (núi non, sông, suối, thác nước, hồ ao), về thế giới động, thực vật, đồ vật (cây cối, muông thú, hoa cỏ, vật dụng). Ở nhóm truyện này, yếu tố thần thoại vẫn có vai trò, ý nghĩa hết sức đặc biệt, nhưng căn bản đây vẫn là những câu chuyện về đời sống, số phận, tình cảm và ước vọng của con người.

Nổi bật và lưu truyền rộng khắp các tộc người là những câu chuyện mà người sưu tầm ghi là “sự tích” như: *Sự tích Đrai H’Ling* (Thác nàng H’Ling), *Sự tích Đrai Sáp* (Thác khói), *Sự tích Krong Buk* (Con sông tóc), *Sự tích dòng Krong H’Năng* (Ê Đê), *Sự tích suối K’Nàng*, *Sự tích núi Lang Bian*, *Dòng sông Đa Huoi* (Cơ Ho, Mạ),...

Thác Đrai H’Ling với dòng nước đổ ào ạt từ độ cao hàng chục mét, trượt theo vách đá thăm thẳm, tung bọt trắng xóa, theo người Ê Đê là do những tảng đá của chàng Y Rit xưa kia vác ném xuống để chặn dòng sông chảy xiết, cứu người yêu. Dòng thác này ngày đêm lại phát ra những âm thanh nghe như sấm rền, khi lại thiết tha, ai oán tựa hồ tiếng kêu than, rên rỉ của đôi trai gái với tình yêu bất thành, dang dở (*Sự tích Đrai H’Ling*). Tương tự, thác Đrai Sáp (một dòng thác nổi tiếng thuộc huyện Cư Jut (Đăk Nông), với cột nước không lồ phun lên từ lòng đất trong cuộc giành giật, giao tranh giữa chàng Y Rit với quái vật để bảo vệ người yêu là nàng H’Mi. Những cái giẫm chân khiếp của quái vật trong cuộc tranh chấp cô gái với chàng dũng sĩ đã khiến mặt đất lún sâu, nứt nẻ làm phun lên vòi nước lớn cuốn theo cả nàng H’Mi lên trời cao. Những cây cỏ thụ mọc quanh thác, thân cây to lớn, sừng sững được là hóa thân của chàng Y Rit đang vươn tay đuổi theo quái vật, giành lại người yêu (*Sự tích thác Đrai Sáp*).

Thuộc tiểu nhóm sự tích này còn có các truyện như: *Sự tích Ea H’Leo* (suối nàng H’Leo), *Sự tích cây Konia* (Ê Đê), *Sự tích suối K’Nàng*, *Sự tích núi Lang Bian* (Cơ Ho, Mạ),...

Sự lưu giữ của yếu tố thần thoại theo cách chung là lý giải những hiện tượng thiên nhiên của truyền thuyết, sự tích như trên về những thắng cảnh trí, hiện trạng cùng vẻ đẹp, sự thân thiện, lợi ích của cây cỏ trong thiên nhiên thể hiện một bước tiến rõ rệt về tư duy nghệ thuật của truyện kể dân gian. Từ chỗ suy nguyên (với nghĩa là suy luận, kiến giải nguồn gốc, nguyên nhân) đơn giản của thần thoại sơ khai còn gắn chặt với tín ngưỡng đa thần, tiến lên một nấc mới là các truyền thuyết, sự tích. Và ở dạng thức thể loại này, thần thoại chỉ tồn tại với vai trò là yếu tố, motip, biểu tượng, làm nổi bật hơn chủ đề chính của tác phẩm. Rõ ràng, khả năng luận lý, liên hệ, nối kết những vấn đề, hiện tượng trong đời sống xã hội (như tình yêu đôi lứa, tình vợ chồng, mẹ con, tình người, ứng xử xã hội,...), với một hiện tượng, trạng thái đặc biệt, cụ thể của thiên nhiên (thác nước, dòng sông, cây cỏ thụ, loài hoa,...) đã tạo nên một lối kết cấu tự sự rất chặt chẽ, hiệu quả. Cùng với sự lý giải nguyên nhân xuất hiện, những hiện tượng thiên nhiên còn được nhìn nhận như những biểu tượng của tình yêu (nam nữ, vợ chồng, mẹ con) cũng được biết đến trong truyện kể các dân tộc khác như đá hình mẹ bồng con (*Sự tích đá vọng phu*), sự thăm dò khi vôi, trầu, cau kết hợp (*Sự tích trầu cau*),...

Cũng theo xu hướng lý giải các sự vật, hiện tượng, dạng thái thiên nhiên như thế còn có rất nhiều truyện khác. Người Cơ Ho, Mạ cho rằng chút mật ngọt thơm của loài hoa giống riêng mọc hoang dại là dòng sữa nàng Ka Lang gửi lại cho con thơ trước khi vĩnh viễn ra đi (*Truyện chàng K'Dung và nàng Ka lang*). Truyện “Cây thần núi Lang Biang” lý giải rằng đất đai ở Tà Nung, Lạc Dương cần cỗi, nương rẫy kém tươi tốt là do xưa kia khi cây đa thần ngã xuống, thì phần gốc cây và cành cây đã nằm lại nơi đây. Do ngọn đa đổ xuống phía Đắc Lắc, nên nơi này ngày nay đất đai rất màu mỡ, cây cỏ xanh tươi, mượt mà. Người Kinh lăm tiêng, nhiều bạc vì khi đa thần đổ xuống, phần lá đã rơi vãi khắp vùng đồng bằng của họ. Loài cóc da dẻ sần sùi bây giờ là do mù đa bắn vào gây nên. Khi đa thần ngã xuống, một số trâu, bò, heo, gà giật mình chạy vào rừng thì hóa thành trâu, bò, heo, gà rừng. Với “Sự tích hồ thiêng” (lưu truyền ở Tà Nung, Đà Lạt), thì nguyên do dẫn đến việc đất đai vùng Lạc Dương khô cằn, cây cối kém phần tươi tốt là bởi lời nguyện của chàng K'Srai, con thần mặt trời.

Truyền thuyết và sự tích nảy nở, lưu truyền rộng khắp tại mọi địa bàn, ở hầu hết các dân tộc. Có thể kể đến một số truyện tiêu biểu khác như “Sự tích Biển Hồ” (Gia Rai) (về nguyên nhân xuất hiện Biển Hồ, ở Pleiku), “Nàng Hơ Kung và Y Du” (giải thích hiện tượng nguyệt thực), “Sự tích thác Buliang, Dòng sông Đạ Huoai” (Cơ Ho, Mạ),...

Để lý giải sự xuất hiện của những con vật thân quen và đồ vật các kiểu do con người sáng tạo nên là những truyện “Sự tích con voi” (Ê Đê), “Sự tích loài lươn” (Chu Ru), “Sự tích nhà sàn, Sự tích tượng nhà mồ, Sự tích công chiêng, Sự tích kèn đình năm” (Ê Đê),... Chứa đựng trong sự tích về công chiêng, kèn đình năm là sự cảm nhận cùng những suy ngẫm và kiến giải về đặc tính, ý nghĩa âm thanh các nhạc cụ truyền thống cùng phong tục, tập quán riêng của các dân tộc trong việc sử dụng chúng.

+ *Truyện cổ tích thần kỳ và kiểu truyện nhân vật dũng sĩ*: Truyện cổ tích thần kỳ là thể loại được biết đến với số lượng lớn, nhiều về đề tài, chủ đề. Thật khó có thể đề cập một cách đầy đủ những vấn đề nội dung cũng như giá trị nghệ thuật của hàng trăm những câu chuyện cổ này. Để nhận biết một cách khái quát, có thể nói đến các nhóm, kiểu truyện cổ tích thần kỳ như: Truyện về nhân vật mồ côi (chàng mồ côi nghèo, siêng năng, giỏi giang), truyện về nhân vật dũng sĩ (chàng trai tài năng, dũng cảm với kì tích lớn lao), truyện về nhân vật H'Rít (chàng trai nghèo với tính cách hiền lành, trung thực, kiên nhẫn và chăm chỉ), truyện về các con vật (thỏ, hổ, khi, rùa,... (mang tính chất hài - ngụ ngôn về kinh nghiệm sống, những bài học về sự cẩn thận, suy tính, cân nhắc trước sau), truyện ma quái và những điều kỳ dị khác,... Truyện cổ tích thần kỳ là phương tiện tăng cường nhận thức, kinh nghiệm sống trên nhiều lĩnh vực, giáo dục đạo đức làm người, lòng nhân ái, vị tha, yêu và đề cao cái thiện, ghét sự ích kỷ, tham lam độc ác, bạo tàn. Trong sự đa dạng về đề tài, chủ đề của truyện cổ tích thần kỳ, kiểu truyện nhân vật dũng sĩ có một vị trí đặc biệt. Nhóm truyện này không chỉ khắc họa nhân vật dũng sĩ quả cảm, gan dạ trong cuộc chiến với các thế lực tà ác cùng đủ thứ tai ương, hiểm họa khác mà còn truyền tải và nâng cao tình thần dũng cảm, sự cao thượng, tốt đẹp của con người Tây Nguyên. Đề tài, chủ đề của nhóm truyện nhân vật dũng sĩ luôn là sự đề cao, ca ngợi

kỳ tích của nhân vật dũng sĩ trong những cuộc đối đầu quyết liệt với kẻ thù. Nhân vật chàng trai đẹp đẽ, khỏe mạnh, tài năng, dũng cảm gánh vác sứ mệnh chiến đấu chống lại những tên M' tao độc ác, tham lam; những kẻ bất lương chuyên đi cướp phá, hoặc cuộc chiến diệt rắn thần, đại bàng, quỷ dữ, trăn tinh, hổ thần, vua nước, vua lửa gây lụt lội, hạn hán; thuần phục thú dữ,... luôn là sườn cốt của các thiên truyện. Nhóm truyện này chứa đựng trong nó khát vọng khắc phục và chiến thắng mọi thiên tai, địch họa, muôn vàn những thử thách, gian nan trong cuộc sinh tồn của con người Tây Nguyên. Những câu chuyện thần kỳ như thế không chỉ đề cập và nâng cao những vấn đề nhân sinh muôn thuở mà đó còn là những thử thách nóng bỏng trong cuộc sống các dân tộc Tây Nguyên xưa kia. Có thể nói, với kiểu truyện cổ tích dũng sĩ, lịch sử, xã hội và cuộc sống tinh thần con người Tây Nguyên đã đi vào thế giới nghệ thuật văn chương theo một con đường riêng. Sự hiên ngang cũng như bao nhiêu bẽ tắc, bần khoản, trăn trở của con người Tây Nguyên trước vô vàn những chông gai, ngáng trở đã được ghi nhận, phản ánh trong những câu chuyện vừa thực vừa mang tính huyền thoại. Có thể kể đến một số truyện tiêu biểu của kiểu truyện này như: *Chàng Goran Dơ Hông* (đánh thần nước cứu nàng Mah), *Anh em Porong Pha* (giết hổ thành tinh, đánh vua Nước, vua Lửa), *Pơ Nan giết cọp*, *Chàng Y But Sin* (chống lại tên M' tao độc ác), *Y Tlong giết trăn tinh*, *Chàng Cua* (thuần phục trâu dữ) (Ba Na); *Truyện bảy anh em và nàng A rê* (đánh quỷ một mắt, chim dữ) (Gia Rai); *Truyện anh em Kun - Koi* (giết hổ ác) (Ê Đê), *Anh hùng Baraka* (đánh cướp cứu dân làng) (Chu Ru), *Truyện cây thần núi Lang Bian* (giết đại bàng bảo vệ dân làng) (Cơ Ho),... Cần lưu ý rằng, khá nhiều những truyện có yếu tố “sự tích” và được người sưu tầm ghi là “sự tích” như phần trên chúng tôi vừa đề cập bản chất là những truyện về nhân vật dũng sĩ. Đó là những truyện như: *Sự tích thác Draï H' Ling*, *Sự tích thác Draï Sáp*, *Sự tích núi Lang Bian*,... Sự phân chia thể loại trong nghiên cứu văn học dân gian đến nay vẫn là vấn đề phức tạp, hay nói cách khác, ranh giới giữa các thể loại có khi là rất tương đối.

Nhóm truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ tồn tại với một số lượng không nhỏ, ở hầu như mọi dân tộc. Đây là một đặc điểm rất dễ nhận biết của truyện cổ tích thần kỳ trong văn học dân gian Tây Nguyên, tạo nên nét riêng hào hùng, khỏe khoắn cho

thể loại này. Theo như những gì chúng ta được biết, thì trong vốn truyện kể các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Thái... kiểu truyện nhân vật dũng sĩ xuất hiện không nhiều lắm.

+ *Sử thi*: Trong khung cảnh nảy nở phong phú của loại hình truyện kể của văn học dân gian Tây Nguyên, là sự phát triển vượt bậc của thể loại sử thi. So với thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, sử thi có sự khác biệt về độ dài (trường thiên), phương thức diễn xướng (kết hợp ngâm, hát), nhân vật trung tâm luôn là người anh hùng, dũng sĩ với những chiến công, kỳ tích lớn lao. Nghệ thuật sử thi trong mô tả, thể hiện thường là ví von, so sánh, phóng đại và cường điệu hóa. Thể loại sử thi cũng đã hình thành nên một số kiểu cốt truyện tiêu biểu, đặc thù của văn học một vùng đất. Từ sự tồn tại rộng khắp và với một số lượng lớn tác phẩm, thể loại sử thi có một vị thế riêng, rất nổi bật trong toàn bộ nền văn học dân gian Tây Nguyên. Đặc thù nội dung của thể loại sử thi là sự phản ánh đậm nét những vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa của Tây Nguyên xưa, trước hết đó là tình trạng xung đột giữa các cộng đồng, là vấn nạn chiến tranh làng, sự bất ổn của cuộc sống toàn vùng vì loạn lạc, chinh chiến. Nhân vật trung tâm của sử thi - hình ảnh khúc xạ của những tù trưởng, tộc trưởng, thủ lĩnh trong thực tế các buôn làng, vùng miền là những con người có phẩm chất anh hùng, dũng sĩ, rất quả cảm trong các cuộc đối đầu với các thế lực tàn phá, phi nghĩa. Cuộc chiến chống lại các thế lực thù địch được khởi xướng và lãnh đạo bởi những nhân vật thủ lĩnh bất khuất, dũng cảm như thể dù trải qua bao nhiêu gian nan cuối cùng cũng giành được thắng lợi. Dù số lượng các *khan*, *h'mon*, *h'ri*, *hơ m'uan*, *akhàt jucar* lưu truyền trong các buôn làng Tây Nguyên là rất lớn, nhưng hầu như đó phần lớn vẫn là những câu chuyện về nhân vật dũng sĩ, những anh hùng chiến trận.

Sau gần một thế kỷ sưu tầm, nghiên cứu của giới chuyên môn, đến nay, chúng ta đã biết đến một số lượng lớn sử thi của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Người Ê Đê quần cư lâu đời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là chủ nhân các bản *khan* nổi tiếng như: *Đam Săn*, *Xing Nhã*, *Đăm Di*, *Đăm Di đi săn*, *Xing Chi Ôn*, *Chi Lơ Koh*, *Đăm Tiông*, *Đam Săn thời thơ ấu*,... Nhiều bản *khan* trong số này cũng được tìm thấy trong buôn làng người Gia Rai, là tộc dân láng giềng của người Ê Đê. Sinh sống gần

gũi với người Ê Đê, người Mnông trong hành trang văn hóa của mình cũng có hàng chục *otn'rông* như: *Cây nêu thân; Bông, Rông và Tiăng; Tiăng chết; NĐu thăm Tiăng; Bắt con lươn ở suối Đak Huc,...* Bắc Tây Nguyên - vùng đất diễn ra nhiều tranh chấp, xung đột trong lịch sử đã sản sinh và lưu giữ rất nhiều những *h'mon* của người Ba Na, Xơ Đăng như: *Đăm Noi, Giông Tư, Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông, Giông đi săn, Gió dòi; Giông đạp núi, Giông cứu nàng Rang Hu, Đăm Duông cứu nàng Ba Mã, Đăm Duông làm thủ lĩnh,...* Dân tộc Ra Glai sống ở vùng núi phía Tây tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, rất gần gũi với người Chăm, người Mạ, Cơ Ho, cũng là chủ nhân của những sử thi về đề tài chiến tranh và người anh hùng như: *Udai - Ujắc, Sa Ea, Amã Chi Sa, Awoi Nãi Tilor, Amã Cuvau Vongcoi,...*

* Loại hình thơ ca (hay văn vần)

Bộ phận thơ ca tồn tại rất phức hợp, có dạng là những câu nói vần ngắn gọn, súc tích (thành ngữ, tục ngữ), có bài ca cho con trẻ (đồng dao, hát ru), nhiều bài ca về tình yêu nam nữ, tình cảm với gia đình, buôn làng, xứ sở. Một hình thức rất phát triển nữa là những bài ca phong tục, tập quán (luật tục), đi kèm những đúc kết về kinh nghiệm sống, về lao động sản xuất,...

1.2.3. Về kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên

1.2.3.1. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi - điểm khác biệt và mối quan hệ gần gũi

Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là bộ phận tiêu biểu, nổi bật, mang tính đặc thù rõ nét trong văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi ở mức độ khác nhau là những câu chuyện gắn với đặc thù lịch sử, xã hội, cuộc sống của con người Tây Nguyên xưa. Đặc biệt, những thành tựu của nền văn hóa truyền thống nơi đây là cơ sở và là môi trường thuận lợi cho sự nảy sinh, phát triển của những thiên anh hùng ca này. Tuy nhiên, nếu truyện cổ tích dũng sĩ thường là những câu chuyện với bố cục ngắn gọn thì sử thi lại luôn vươn tới sự dài rộng, trường thiên. Những vấn đề lịch sử, xã hội Tây Nguyên đi vào sử thi có phần nóng bỏng, đậm nét, thì ở truyện cổ tích dũng sĩ hiện thực cuộc sống lao động, chiến đấu chống lại các thế lực thù địch phần nhiều đã được cách điệu và huyền thoại hóa. Sử thi bên cạnh xu hướng hiện thực hóa lại đồng thời hướng tới thi pháp phóng

đại, cường điệu và kỳ vĩ hóa. Còn với truyện cổ tích dũng sĩ, mọi sự mô tả, thể hiện có phần khiêm nhường, giản dị nhưng cũng đầy tính khái quát, tượng trưng. Phương thức diễn xướng của sử thi cần đến sự tham gia của giai điệu, lời hát, giọng ngâm với những cung bậc khác nhau, khi thủ thi, khê khàng, khi du dương, sôi nổi, hào hùng. Với truyện cổ tích dũng sĩ thì câu chuyện phần nhiều được kể một cách bình dị, với ngôn từ thông thường, không quá câu nệ nhịp điệu, vần vè,... Nhân vật dũng sĩ, đồng thời cũng là những anh hùng trong sử thi được khắc họa với vai trò là những tù trưởng, tộc trưởng (hoặc là hậu duệ của họ) danh tiếng; nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích phần lớn vốn là những chàng trai nghèo hoặc mồ côi nơi các buôn làng. Mặc dù có những điểm khác biệt nhưng giữa truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi lại có mối liên hệ qua lại, sự tương đồng rõ rệt. Về tính chất đây là những câu chuyện về cuộc chiến giữa đôi bên chính nghĩa và phi nghĩa, giữa cái thiện và cái ác, là những câu chuyện “trừ gian, diệt bạo”. Nhân vật trung tâm của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi luôn gánh vác sứ mệnh cứu người, cứu đời, chiến thắng các thử thách, trở lực lớn lao trước sau vẫn là nhân vật dũng sĩ, người anh hùng của cộng đồng. Với những điểm chung về đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, trong thực tế lưu truyền và tồn tại đã xảy ra hiện tượng “cổ tích hóa” sử thi, nghĩa là sử thi được kể dưới dạng ngắn gọn như cổ tích. Đồng thời, cũng có những tác phẩm nửa cổ tích nửa sử thi, nếu xét về độ dài, nhân vật, thi pháp. Mối quan hệ và ranh giới giữa các thể loại văn học dân gian là vấn đề phức tạp, luận án của chúng tôi chỉ đi sâu nghiên cứu một vấn đề chung giữa truyện cổ tích và sử thi, đó là nhân vật dũng sĩ - chính là “hạt nhân” của các thiên truyện.

1.2.3.2. Vấn đề phân nhóm truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi

Trong phạm vi hơn 100 truyện cổ tích dũng sĩ và hơn 20 sử thi được chọn để phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài luận án, chúng tôi thực hiện việc phân nhóm theo đề tài, chủ đề cụ thể như sau:

- Đối với truyện cổ tích dũng sĩ: Theo tiêu chí về kiểu truyện nhân vật dũng sĩ đã xác định ở *Phần mở đầu*, đến nay chúng tôi sơ bộ thống kê được hơn 100 truyện ở các dân tộc Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Mnông, Cơ Ho, Mạ, Chu Ru, Ra Glai. Từ những truyện được thống kê, chúng tôi chọn để nghiên cứu. Với sự phức tạp, chằng chéo

và đa dạng về nội dung, hình thức nghệ thuật, để có cái nhìn vừa khái quát vừa cụ thể ở mức độ nhất định đối với hàng trăm đơn vị tác phẩm, chúng tôi tạm phân chia chúng thành 3 nhóm đề tài, chủ đề như sau:

+ Nhóm truyện về công cuộc chinh phục thiên nhiên: Ở nhóm truyện này, nhân vật dũng sĩ được trao phó sứ mệnh khắc phục các thiên tai (như hạn hán, lũ lụt, núi lửa, các hiểm họa gây nên bởi thác dữ, sông sâu,...) và thuần phục thú dữ (như trâu, hổ,...).

+ Nhóm truyện về công cuộc tiêu diệt quái vật, cứu người, bảo vệ buôn làng: Ở nhóm truyện này, sự nghiệp cao cả của nhân vật dũng sĩ là chiến đấu chống lại các loài ác thú hại người như: chim thần, đại bàng, trăn tinh, cọp 7 đầu, ma núi, thần nước,...).

+ Nhóm truyện về sự nghiệp chiến đấu chống lại những thế lực bạo tàn, phi nghĩa là các Mơ tao độc ác, tham lam; bọn giặc cướp hung hãn từ “bên ngoài” kéo tới tàn phá cuộc sống, giết hại dân làng,...

Cũng cần lưu ý rằng, sự phân chia, sắp xếp một tác phẩm cụ thể vào một trong ba đề tài, chủ đề trên ở một số trường hợp chỉ là tương đối. Vì thực tế nghiên cứu cho thấy hiện tượng gần như ở một số truyện có sự kết hợp cả hai hoặc ba “cuộc chiến” (chống thiên nhiên, đánh quái vật cứu người, chống Mơ tao ác,...) của nhân vật dũng sĩ.

- Đối với sử thi : Con số hơn 20 tác phẩm được chọn của 4 dân tộc Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, Xơ Đăng, Ra Glai, chủ yếu thuộc 3 đề tài lớn như sau:

- + Nhóm sử thi về công cuộc đánh cướp bảo vệ người đẹp.
- + Nhóm sử thi về công cuộc đòi lại vật quý bị chiếm đoạt.
- + Nhóm sử thi về cuộc chiến phục thù, khôi phục và tự vệ.

Tiểu kết

Với điều kiện tự nhiên là một vùng đồi núi hiểm trở, rừng rậm mênh mông, xen lẫn các bình nguyên khá rộng lớn, Tây Nguyên - địa bàn sinh sống từ lâu đời của các dân tộc thiểu số nhiều thế kỷ trước có phần cách biệt với thế giới bên ngoài. Đặc điểm và vận trình lịch sử, xã hội, văn hóa khu vực Tây Nguyên cũng mang nhiều nét đặc thù rõ rệt. Tuy vậy, từ những thế kỷ xa xưa, sự ra đời của các quốc gia cổ ở

phía Đông và Đông Nam vùng đất như vương quốc Chăm, Phù Nam, Chân Lạp,...; ở phía Tây như Lào, Căm Pu Chia, Thái Lan, cũng đã ít nhiều tác động đến vùng đất Tây Nguyên. Đã từng xảy ra những tổn hại về đời sống xã hội, sự xáo trộn địa bàn cư trú của các bộ phận cư dân ở khu vực phía Bắc cũng như Nam Tây Nguyên trước đây do sự xâm lấn của những thế lực ngoại vùng. Đặc biệt, cho đến cuối thế kỷ XIX, xã hội các tộc người Tây Nguyên vẫn ở trong tình trạng chậm phát triển; tổ chức xã hội cao nhất vẫn chỉ là các buôn làng, vận hành theo thiết chế truyền thống, tập tục. Nền văn hóa truyền thống Tây Nguyên do vậy khi hội nhập với thế giới bên ngoài vẫn thuần túy là dân gian, truyền miệng (folklore), chữ viết chưa xuất hiện. Sự thiếu vắng quyền lực của một nhà nước đủ mạnh là nguyên nhân dẫn đến vấn nạn cướp phá, xung đột, tranh chấp nội vùng triền miên giữa các nhóm tộc người, các buôn làng, dòng họ,... Lại thêm, con người Tây Nguyên xưa cũng luôn phải đối mặt với đủ loại thiên tai, dịch bệnh trong một môi trường tự nhiên hoang dã, khắc nghiệt. Nảy sinh và phát triển gắn liền với điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử, xã hội của vùng đất như thế, nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên chứa đựng nhiều ý chí, ước vọng chiến thắng trước mọi gian truân, trở lực. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi với các đề tài, chủ đề ca ngợi nhân vật dũng sĩ “diệt ác trừ bạo”, khôi phục và bảo vệ cuộc sống yên bình cho cộng đồng, buôn làng chính là phần nổi bật, tiêu biểu trong nền văn học dân gian phong phú mà các tộc dân Tây Nguyên đã sáng tạo nên. Mối liên hệ, sự gắn bó giữa hiện thực lịch sử, xã hội Tây Nguyên với những vấn đề nội dung lớn của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là điều chúng ta có thể nhận biết, khẳng định.

Nếu những vấn đề lịch sử, xã hội là tiền đề cho sự nảy sinh các đề tài, chủ đề, nhân vật của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, thì đồng thời nền văn hóa cổ truyền lại là môi trường nuôi dưỡng sự phát triển của hai bộ phận truyện kể này. Nhìn từ ba phương diện căn bản: văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần, nền văn hóa truyền thống Tây Nguyên đều chứa đựng nhiều nỗ lực sáng tạo của các tộc dân... Văn hóa xã hội với vai trò của hệ thống phong tục, tập quán, nếp sống (hay luật tục) đã tăng cường tính cố kết cộng đồng, giúp các tộc người có thể tồn tại, phát triển. Văn hóa tinh thần với các thành tố: tín ngưỡng, tôn giáo; nghệ thuật tạo hình (trang

trí, điêu khắc), ca múa nhạc; văn học dân gian, đã thực sự là lĩnh vực khẳng định sự phong phú, đa dạng, vi diệu của văn hóa vùng đất. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đã nảy sinh, phát triển, trở thành bộ phận văn học dân gian đặc sắc, tiêu biểu cho tinh thần và ý chí, cho tài hoa sáng tạo nghệ thuật của con người Tây Nguyên trong môi trường văn hóa chung như thế.

Thuộc hai thể loại khác nhau nhưng từ những cơ duyên lịch sử, xã hội, văn hóa, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên bên cạnh những điểm khác biệt là mối quan hệ gần gũi, tương liên. Những điểm tương đồng cũng như phân dị biệt giữa chúng thể hiện trên đủ các mặt đề tài, chủ đề, nhân vật, thi pháp. Các đề tài, chủ đề, type truyện về công cuộc chinh phục thiên nhiên; tiêu diệt “quái vật” cứu người; chống lại thế lực phi nghĩa, tham bạo,... đã tạo nên phần cốt lõi của truyện cổ tích. Và các đề tài, chủ đề, type truyện, nhân vật ấy của truyện cổ tích dũng sĩ đã gần như được tái xuất, lặp lại đầy đủ trong sử thi nhưng với tính chất, tầm cấp rộng lớn và mang hơi thở lịch sử dữ dội hơn. Tinh thần ca ngợi nhân vật dũng sĩ với hành động quả cảm cứu người, “diệt ác trừ bạo” ở truyện cổ tích và sử thi là thống nhất, nhưng sắc thái lịch sử, xã hội và mức độ cũng có phần khác nhau,...

Trong văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là bộ phận chuyên tải, ghi nhận, phản ánh sâu xa nhất các vấn đề lịch sử, xã hội, sự phát triển và nét đặc sắc của nền văn hóa truyền thống, trước hết là văn hóa tinh thần, tư tưởng của các tộc dân nơi đây.

CHƯƠNG 2

NHÂN VẬT DŨNG SĨ - BIỂU TƯỢNG CON NGƯỜI CAO ĐẸP

TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN

Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng là những câu chuyện về chiến công, kỳ tích của nhân vật dũng sĩ trong sự nghiệp cứu người, giúp cộng đồng vượt qua những cam go, thử thách. Trong bức tranh nhân vật đông đảo, đa dạng của các thiên truyện (nhất là với sử thi), nhân vật dũng sĩ luôn nổi bật, ở vị trí số 1, trung tâm của các sự cố, sự kiện, tình tiết. Nghĩa là, nghiên cứu và khẳng định nhân vật dũng sĩ như là biểu tượng con người cao đẹp, việc nhìn nhận một cách khái quát các đặc điểm, tính chất và một vài khía cạnh khác của “xã hội nhân vật” trong cả hai bộ phận truyện trên là điều cần thiết. Đó cũng là mục đích và trình tự khảo sát, nghiên cứu của chúng tôi trong Chương 2 của luận án này.

2.1. Đặc điểm thế giới nhân vật truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên

2.1.1. Tính hệ thống và sự đồng đảo của nhân vật trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên

Điều dễ dàng nhận thấy là có cả một thế giới nhân vật trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong sự đồng đảo và đa dạng của thế giới nhân vật ấy không hề là sự hỗn độn mà đã có sự phân chia, sắp xếp khá rõ rệt, phân minh, mang tính hệ thống. Toàn bộ các câu chuyện đều xoay quanh nhân vật dũng sĩ với các chiến tích cứu người, giúp đời, nỗ lực chống lại, diệt trừ thế lực đen tối, tham bạo. Đối lập và đồng thời luôn song hành tồn tại với nhân vật dũng sĩ (nhân vật chính diện, đại diện cho chính nghĩa, lẽ phải, sự tốt đẹp) là nhân vật phản diện (biểu tượng cho sự phi nghĩa, tham bạo, tội ác). Cùng xuất hiện với hai kiểu nhân vật chính yếu này là các kiểu, nhóm nhân vật thuộc quan hệ gia tộc (ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, cậu, anh chị em, gia nhân, tôi tớ, họ hàng thân thích,...); nhân vật đồng đội, chiến hữu; vợ, người yêu, em gái; cộng đồng dân làng,... Các kiểu nhóm và số lượng nhân vật mang tính chất gia đình, họ hàng thân thích, đồng đội, cộng đồng ở truyện cổ tích có phần giản lược và hạn chế hơn so với sử thi. Từ đặc tính

thể loại là sự ngắn gọn, cơ bản không vươn tới những vấn đề thuộc lịch sử, số phận của những cộng đồng người với vai trò lãnh đạo của các thủ lĩnh là tù trưởng, tộc trưởng (Potao, Motao), nhân vật truyện cổ tích dũng sĩ không đông đảo như nhân vật trong sử thi, nhưng cũng không quá khác biệt về đặc điểm, tính chất. Vì thế, trên cơ sở cùng đề cập đến những vấn đề xã hội, nhân sinh bức thiết, quan hệ đến vận mệnh của không chỉ các cá nhân riêng lẻ mà ít hoặc nhiều cả tập thể, cộng đồng người là lý do truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng chứa đựng trong nó nhiều kiểu, dạng, nhóm nhân vật mang tính đời thực. Tính hư cấu, huyền thoại hóa, thần kỳ hóa nhân vật vẫn luôn là đặc điểm của truyện cổ tích thần kỳ và sử thi. Đồng thời, đan kết với các kiểu, nhóm nhân vật thuộc thế giới hiện thực và “trần tục”, trong bức tranh nhân vật của truyện cổ tích và sử thi còn là các kiểu dạng nhân vật thuộc thế giới siêu nhiên, phức hợp khác. Với đặc tính phản ánh thế giới đa chiều, từ hiện thực xã hội đến thế giới của tín ngưỡng, và là sản phẩm của sự hư cấu, trí tưởng tượng, cả truyện cổ tích, sử thi đều xuất hiện kiểu nhân vật thần linh, ma quỷ các loại. Trong các *khan Ê Đê*, hai vị Thần Trời là ông Aê Du (thần coi giữ sinh mệnh), ông Aê Điê (thần sáng tạo, ban phúc), vẫn thường “giáng trần” can thiệp vào việc đời, việc người. Tương tự, ông Koi Đoi và bà Kung Ker là hai nhân vật thần linh tối cao luôn đồng hành cùng thế hệ con cháu trong các *h'mon* Ba Na. Các vị thần bản mệnh tối cao, song cũng gần gũi, gắn bó với đời sống tâm linh như thế là nhân vật không thể thiếu trong sử thi các tộc người. Vô số các vị nhiên thần khác cũng thường được “nhân hóa” trong truyện cổ tích và sử thi như: Thần mưa, thần gió, thần sấm sét, thần nước, thần núi, thần rừng,... Cũng thường xuất hiện là các loại ma, quỷ cản đường, ăn thịt, hút máu người. Nói chung, các nhân vật thần linh tốt bụng thì cứu người, giúp người; ma độc (hồn ma, ma rừng, ma lai), quỷ thì hại người. Đặc biệt hơn, thế lực phi nghĩa, tà ác cũng thường xuất hiện dưới dạng “quái vật” như: Rắn thần, hổ tinh, đại bàng, thường luồng,... Các thú rừng như voi, hổ, trâu, heo, gà,... cũng đi vào các thiên truyện với vai trò là những “nhân vật” tác động đến tiến trình cốt truyện, số phận nhân vật.

Xoay quanh những đề tài, chủ đề quen thuộc về công cuộc diệt ác, trừ bạo cứu giúp, bảo vệ cộng đồng, nhân vật truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng dù chứa

đựng những nét riêng đặc sắc vẫn bao hàm sự gần gũi, tương hợp. Đó trước hết là cấu trúc các kiểu loại nhân vật: chính - tà, tốt - xấu, thiện - ác,.. rất hệ thống, lớp lang. Vì thế, dù đội ngũ nhân vật trong các *khan*, *h'mon*, *h'ri*, *hơ m'uan*, *akhàt jucar*,... có đông đảo đến đâu đi chăng nữa thì “công chúng” các áng văn truyền miệng này vẫn có thể không khó để ghi nhớ, lĩnh hội.

Tìm hiểu nhân vật trong *khan Đam Săn*, Nguyễn Văn Hoàn nhận xét:

“Qua văn bản khan, không phải chỉ có một tù trưởng Đam Săn, mà còn có khoảng trên dưới 10 tù trưởng nam và nữ, được giới thiệu đích danh, có hành động và ngôn ngữ độc lập, hoặc không chỉ đích danh, nhưng đã tham gia vào liên minh các cộng đồng cùng tiến đánh các tù trưởng Chim Ó, tù trưởng Sắt. Mỗi tù trưởng trong tác phẩm còn có hàng cặp chị gái, em gái, anh trai, em trai...”, “Bên cạnh các cộng đồng thị tộc của từng tù trưởng còn có các gái làng, các trai làng và hàng nghìn nô lệ” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đam Săn sử thi Ê - đê*, tr.20).

Tác giả công trình *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar* cũng phân chia thể giới nhân vật trong các *h'mon* thành hai hệ: Hệ nhân vật người anh hùng và các nhân vật phụ khác; hệ nhân vật đối thủ người anh hùng và các kiểu loại nhân vật tương ứng,... (Phan Thị Hồng, 2006, *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*).

2.1.2. Vai trò trung tâm của nhân vật dũng sĩ

Với hàng trăm truyện kể khác nhau, nhưng điểm chung của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng là vai trò chủ đạo, sự nổi bật của nhân vật dũng sĩ. Trong bức tranh nhân vật phong phú, nhiều màu sắc, kiểu dạng, là vị trí trung tâm của nhân vật dũng sĩ. Tất cả các sự kiện, tình tiết truyện đều tập trung soi sáng cho nhân vật này. Do vậy, nhân vật dũng sĩ với chiến tích trong lao động sản xuất và chiến đấu chống lại các lực lượng thù địch, vượt qua các khó khăn, thử thách là một kiểu, motif, mô hình nhân vật có tính xuyên suốt cả truyện cổ tích và sử thi các tộc người Tây Nguyên. Thời đại chinh chiến, đối đầu, giao tranh quyết liệt, triền miên giữa buôn làng này với buôn làng khác, vùng này với vùng khác, những anh hùng, dũng sĩ vẫn luôn là mối quan tâm và sự mong đợi của con người. Ở thời đại lịch sử ấy đã sản sinh nhân vật người dũng sĩ - con người được trao phó sứ mệnh cao cả diệt ác, trừ gian bảo vệ cộng đồng trước sự đe dọa của kẻ thù xã hội và các hiểm họa trong

tự nhiên. Công cuộc tác động và khai khẩn tự nhiên để mưu sinh cũng đòi hỏi con người phải có sức lực, sự gan góc, lòng dũng cảm. Sừng sững trong những áng truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là hình ảnh người dũng sĩ - nhân vật đại diện cho ước mơ, khát vọng cao cả, thiêng liêng, cháy bỏng nhất của con người thời đại cổ xưa: bất khuất vươn lên chiến thắng mọi kẻ thù, để bách chiến, bách thắng. Các dũng sĩ Tây Nguyên không phải là mình đồng da sắt, chỉ có một điểm yếu duy nhất nơi gót chân như chàng Achilles của người Hy Lạp, cũng không phải là vị thánh thần năng lực vô biên có thể đội đá, vá trời,... Người dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là biểu tượng cho ước mơ của toàn thể cộng đồng về một con người có đầy đủ sức mạnh thể chất và tinh thần, lòng dũng cảm để không đầu hàng trước bất kỳ thử thách, ngáng trở nào. Nhân vật này là hình ảnh về một con người tuấn kiệt, lý tưởng với những phẩm chất của người dũng sĩ trong chiến đấu và lao động. Những con người này luôn đầy đủ khả năng lập nên những chiến công, kì tích bảo vệ cộng đồng. Đó là những chiến công: diệt “quái vật” cứu “người đẹp”, cứu dân làng; diệt giặc, khuất phục kẻ ác để bảo vệ cuộc sống yên vui của cộng đồng. Vận mệnh của người dũng sĩ luôn gắn với những chiến công lập nên trong những cuộc giao tranh khốc liệt. Lập công lớn đối với cộng đồng là nhiệm vụ cốt tử của nhân vật dũng sĩ. Lối tạo dựng hình tượng con người lý tưởng như thế có vẻ công thức, một chiều, đơn điệu, song đó chính là nhân vật nảy sinh tất yếu trong một thời đại lịch sử gian nan nhưng cũng hào hùng của một vùng đất.

Nhân vật dũng sĩ với kì công, chiến tích - luôn là nhân vật trung tâm của nhiều truyện cổ tích dũng sĩ và những thiên sử thi anh hùng. Đó là chàng Đam Bri (*Đam Bri*, Mnông) một mình chống lại thế lực của tên vua bạo ngược và binh lính của hắn, cứu dân làng. Dũng sĩ K'Huor là nhân vật chính của truyện *Chàng K'Huor dũng cảm* (Chu Ru) giúp vua Chăm tiêu diệt rắn thần khổng lồ, hung ác, có nhiều phép thuật, cứu được công chúa. Dũng sĩ K'Pút trong truyện *Chàng K'Pút con thần Mặt trời* (Cơ Ho) dũng mãnh giết chết hai cọp dữ, rắn thần trừ họa cho dân làng. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp*, Chu Ru) giết vua quỷ Rục Rạc và tất cả họ hàng, dòng tộc của chúng để cứu bảy công chúa con vua Chăm. Chàng Y But Sin (*Chàng Y But Sin*, Ê Đê) diệt trừ cọp tinh hóa người để cứu mẹ. Nhân vật Giông vật

lộn, giao tranh kiên cường với rắn thần Prao cứu hai nàng Xem Yang, Rang Nă xinh đẹp (h' mon *Giông thử thách*). Dũng sĩ Dyông Wiwin (h' mon *Dyông Wiwin*) chiến thắng yêu tinh Bya Kbur chuyên móc tim, hút máu người. Trong akhàt jucar *Sa Ea*, nhân vật dũng sĩ Sa Ea giết rắn ác “năm hồng mao cầm chống trời” chuyên bắt người ăn thịt. Dũng sĩ Kamao trong akhàt jucar *Chàng Kei Kamao* dũng mãnh, đánh thắng quái vật Sâu chuyên ăn thịt, hút máu người, cứu vua Chăm và đất nước họ thoát khỏi nạn ngoại xâm. Chàng Đam Săn (khan *Đam Săn*, Ê Đê) “danh vang đến thân, tiếng lừng khắp núi” liên tục đối đầu, chiến thắng các dũng tướng chuyên đi dày xéo đất đai các tù trưởng nhà giàu là Mtao Grư và Mtao M'xây. Con người đầy dũng khí này lại hiên ngang chặt cây thân smuk, không hề chùn bước trước chặng đường đi bắt Nữ Thần Mặt Trời đã từng chôn vùi biết bao “mãnh tướng, dũng tướng” và “tù trưởng nhà giàu”. Chàng Dăm Duông (h' m'uan *Dăm Duông trong lốt ông già, Xơ Đăng*) giành chiến thắng ở trận chiến với Ding Grang, Măng Lăng những kẻ âm mưu giết chàng và cướp nàng Bar Mã xinh đẹp, vợ chàng,... Sứ mệnh chiến đấu bảo vệ cộng đồng không phải bao giờ cũng chỉ dành riêng cho những nam dũng sĩ. Đó còn sứ mệnh của những nữ dũng sĩ Tây Nguyên xinh đẹp, dũng cảm, tài năng,... Những nữ dũng sĩ can đảm, dũng mãnh trong những trận giao chiến quyết liệt với quái vật, huyết tử với kẻ ác để bảo vệ sự yên bình cho buôn làng, bảo vệ uy tín, danh dự cho gia tộc, cho bản thân khi bị xúc phạm. Ở họ kết tinh những vẻ đẹp của cả cộng đồng. Nàng H'Năng chủ đất (*Sự tích dòng K'Rông H'Năng*, Ê Đê), một mình ra đi tìm đất mới cứu dân làng thoát nạn núi lửa, hạn hán. Nàng Ka Yiêng (*Ka Yiêng đánh giặc*, Cơ Ho) với tài bắn ná đã đánh bại bọn giặc cướp hung hãn, bảo vệ dân làng. Nàng Ma Kọ (*Thần nước Jakia và nàng Ma Kọ*, Chu Ru) diệt rắn ác cứu mẹ, cứu cha và anh bị chúng hút hồn, bắt nhốt trong ngục tối. Nàng Bya Phu (h' mon *Hai chị em Dyông*) trừng trị bọn hung nô Blang Koong, Bloong Mak, Đâkble, Tewek cùng bè lũ của chúng để mang lại cuộc sống bình yên cho buôn làng. Nàng Bya Lingkoong (h' mon *Bya Lingkoong*) giết chết cha con Bok Ter và tòi tó của hắn để trả thù cho cha mẹ, dân làng bị chúng bắt bớ, sát hại. Nữ anh hùng Awoi Năi Tilor (akhàt jucar *Awoi Năi Tilor*) được mô tả là dũng sĩ với sự xông xáo, tài năng chiến trận. Tilor chiến thắng Matien, Sa - ien con gái vua thần Biển để bảo vệ nhân phẩm của mình.

Nàng chiến đấu dũng mãnh, đánh bại 17 vua, giặc Cur, giặc Jawa,... các vị thần ác; tiêu diệt, khuất phục tất cả những kẻ ác để bảo vệ uy tín, danh dự của cộng đồng, bộ tộc nơi nàng đang nắm giữ,...

Khẳng định nhân vật người anh hùng - con người bất khuất trước mọi kẻ thù, đại diện cho sự vươn lên, đi tới và chiến thắng của toàn thể cộng đồng - là nhân vật trung tâm của truyện cổ tích dũng sĩ và các *khan, h'mon, hơ m'uan, akhàt jucar* nghĩa là đã nhận biết một đặc trưng quan trọng của thể loại truyện cổ tích, sử thi trong văn học dân gian Tây Nguyên. Hơn thế, có thể nhấn mạnh rằng: bất chấp những khác biệt xuất phát từ bản sắc văn hóa của các vùng, miền, quốc gia,... thuộc tính cơ bản và nổi bật của truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là sự tạo dựng say mê, đầy hứng khởi của dân gian đối với nhân vật nhân vật trung tâm - người anh hùng, dũng sĩ. Đó là con người xuất sắc, ưu tú về mọi phương diện. Con người với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp, khả năng phi thường và hơn hết là lòng dũng cảm. Đó là nhân vật văn học và cũng là con người đáng mơ ước, là thần tượng của cuộc đời và thời đại, của ước mơ và khát vọng.

2.2. Nhân vật dũng sĩ - biểu tượng con người cao đẹp trong truyện cổ tích và sử thi

Thời đại và cuộc sống chất chồng những hiểm họa, xung đột, chinh chiến đã sản sinh truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng Tây Nguyên. Đó là thời đại cần đến những con người có khả năng đứng đầu trong mọi hoạt động của buôn làng, bộ tộc, gánh vác sứ mệnh bảo vệ cộng đồng, vượt qua mọi trở ngại, thử thách, đem lại cuộc sống yên vui. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng với những đặc tính chung và riêng về thể loại, đã cùng nỗ lực khắc họa nên nhân vật dũng sĩ - hình tượng con người cao đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Nhân vật dũng sĩ là biểu tượng con người lý tưởng của thời đại, con người với đầy đủ sự đẹp đẽ, cao quý từ thể chất đến tinh thần, từ tình cảm cho đến hành động.

2.2.1. Vẻ đẹp ngoại hình của nhân vật dũng sĩ

Nhân vật dũng sĩ trong sử thi Hy Lạp được mô tả có vẻ đẹp siêu phàm, lung linh như các vị thần. Ở cả hai chiến tuyến, các dũng sĩ đều là những con người có ngoại mạo toàn thiện, toàn mỹ, là linh hồn của sử thi. Với sử thi Ấn Độ, các anh

hùng, dũng sĩ đều hiện lên với hình ảnh là những con người tràn đầy sức mạnh, diện mạo đẹp đẽ, tuấn tú,... Sử thi các quốc gia thời cổ đại đều cho thấy sự quan tâm và đề cao, coi trọng vẻ đẹp con người. Sự đẹp đẽ về cơ thể, dáng vóc và sâu xa hơn là vẻ đẹp tâm hồn, tính cách con người đã từ xa xưa là sự mong mỏi, mơ ước của nhân loại.

Tương tự sử thi thế giới, trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên, nhân vật dũng sĩ (đại diện cho phe chính nghĩa, đối lập với thế lực tà ác, đen tối) luôn được thể hiện là những con người với dung mạo tuyệt vời. Đó là những chàng trai với cơ thể cân đối, rắn rỏi, săn chắc, những cô gái dáng vóc khỏe khoắn nhưng duyên dáng, mềm mại, uyển chuyển, xinh tươi. Những trai tráng dẫn đầu các hoạt động săn bắt, chiến đấu luôn phải là những con người khỏe mạnh, dồi dào sức lực, tư thế đàng hoàng. Tuy thế, đối thủ của nhân vật anh hùng, dũng sĩ trong một số sử thi (như Mtao Mxây, Mtao Grư (khan *Đam Săn*), Tơđăm Pola (h'mon *Tơđăm cướp vợ Giông*), Trevắt (h'mon *Trevắt ghen ghét Giông*) cũng được mô tả là những tù trưởng trẻ tuổi, nổi tiếng “xinh đẹp, thần cho cái giàu”. Nhưng bên trong dung mạo và dáng vẻ đẹp đẽ là sự gian tham, lòng ganh ghét, đố kỵ với danh tiếng người khác. Đó là lý do các nhân vật này đã không được các truyện kể khen ngợi, tôn vinh như là những dũng sĩ thực thụ, chính diện có vẻ đẹp “từ trong ra ngoài”. Truyện cổ tích và sử thi không hiếm khi còn mô tả cái đẹp của nhân vật ở dáng điệu đi đứng, nét mặt, làn da, mái tóc,... Nghệ nhân dân gian cũng không quên nhấn mạnh: vẻ đẹp thật sự ấy còn phải chứa đựng sự cuốn hút, lay động lòng người. Một vẻ đẹp như thế hẳn không đơn thuần chỉ toát ra từ dung nhan, đường nét mà còn từ tâm hồn, tính cách sâu xa. Các áng sử thi cũng đặc biệt chú ý đến vẻ đẹp trang trọng của các nam và nữ thủ lĩnh, tù trưởng oai hùng trong những bộ trang phục mới mẻ, lịch lãm. Ngắm kỹ họ về tầm vóc thì thấy “cao cũng không cao”, “thấp cũng không thấp”, “cao to đều rất vừa phải”,... Trong nhiều sử thi, diễn tả vẻ đẹp chàng trai tuấn kiệt khiến người ta ngây ngất, sửng sốt là cả sự so sánh có tính vượt thoát, siêu nhiên “đẹp như thần linh”, “sáng như vàng mặt trời”. Đó là vẻ đẹp của các nam dũng sĩ và nữ dũng sĩ Tây Nguyên tràn đầy sức sống, hấp dẫn và lôi cuốn. Dũng sĩ Ka Yiêng có công đánh giặc cướp bảo vệ dân làng trong truyện *Ka Yiêng đánh giặc* là cô gái Mạ có vẻ đẹp “kiên

cường, duyên dáng”. Các dũng sĩ K’Lanh, K’Sách, K’Giông, K’Pút, K’Huor, Kachây Parogáp,... được miêu tả là mắt sáng như sao, như ánh mặt trời, tóc gọn như thác nước, thân hình vạm vỡ, ngực nở tròn như gốc cây, cứng như trái núi, vàng trán rộng, khôi ngô, tuấn tú,... Vẻ đẹp của chàng Kachây Parogáp được đặc tả là “...*cực kì khôi ngô, tuấn tú. Toàn thân chàng sáng như trắng, đẹp như nhũn vàng, thơm như khăn mới, ngời như gương soi, hùng dũng như một khẩu súng thần, tỏa sáng chói lọi không ai dám nhìn thẳng*” (Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện, 2006, *Truyện cổ Chu Ru*, tr.133).

Trong hầu như mọi sử thi Ba Na, dũng sĩ Giông được mô tả với diện mạo đẹp đẽ, hình thể chuẩn mực, ngời sáng. Toàn thân chàng “đẹp như thân linh”, “sáng như vàng mặt trời”. Chàng đi chưa đi tới mà “ánh sáng long lanh”, “rạng rỡ đã lan tỏa” khiến “người người xô đẩy lẫn nhau” để được ngắm nhìn. Chàng đẹp thật không sao tả xiết, như là con của thánh thần vậy, không một ai dám ngắm nhìn Giông lâu. Người người đều “... *cúi đầu ngại ngùng vì mẹ cha đã không sinh ra cho mình là người đẹp được như thế*” (Phan Thị Hồng, 2017, *Giông thử thách*, tr.75 - 76).

Trong cuộc giao tranh diễn ra quyết liệt trên không trung, nàng Xem Yang ngây ngất khi nhìn thấy Giông, vì chàng “*quả là đẹp, mặt mũi sánh tựa thân linh, hồng hào, xinh tươi như đang muốn cười, muốn nói*” (Phan Thị Hồng, 1996, *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*, tr.262). Chàng Xing Nhã trong mắt nàng Bora Lor Tang là “*một chàng trai rất đẹp, da màu nâu đồng, tóc đen như rắn than, cặp mắt óng ánh như mắt ong xây, bước đi hùng mạnh chao đều như sóng nước*” (Y Diêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.23 - 24).

Thông qua ngôn ngữ đầy hình tượng, lối so sánh ví von, sự phóng đại,... vẻ đẹp nhân vật Đăm Tiông hiện lên thật sắc nét “*Trông chàng sau lưng giống như người ta tạc, trông đằng trước giống như người ta đã uốn, một buổi đứng xem cũng không chán mắt*”, “*bộ râu mép, bộ râu cằm giống như sợi mây. Bộ râu quai nón bó sát vành tai trông rất oai hùng*” (Trương Bi, Kna Y Won, 2002, *Đăm Tiông*, tr.29).

Tù trưởng anh hùng Đam Săn (khan *Đam Săn*) có vẻ đẹp trai tráng, mạnh mẽ, dữ dội, đâu đâu, ai ai cũng biết tới. Dũng sĩ Hơ - Lát Dang (khan *Đăm Di đi săn*)

mang dáng dấp một anh hùng trong thần thoại. Chàng trai này *“mạnh chân từ nhỏ, khỏe tay từ bé. Mắt chàng tinh nhanh như vệt bay nghiêng, ... Mẹ đẻ ra chàng xương sắt, cha sinh ra chàng gân đồng, gan to, mật lớn. Thấy chàng, tê giác sừng nhọn không dám tới gần, hổ dữ phải lảng xa, lợn lòi nanh cong, nai sừng nhiều ngạnh không dám ló mặt”* (Y Đúp, Nông Phúc Tước, 1979, *Đăm Di đi săn*, tr.56).

Ở sử thi dân tộc Xơ Đăng, nghệ nhân dân gian cũng chú ý miêu tả vẻ đẹp ngoại hình vượt trội của nhân vật dũng sĩ. Chàng Đăm Duông có dáng vóc tráng kiện, lực lưỡng, oai phong, chân dung của chàng trai này thật sống động, hấp dẫn: *“Đăm Duông nổi tiếng đẹp trai, tướng người oai phong, đi đứng rất hiên ngang khiến ai cũng nể phục”, “Đăm Duông có dáng người hiên ngang như chim nhông hay chim két trống có mỏ đỏ”, “Làn da chàng vừa trắng vàng và vừa pha hồng”* (Võ Quang Trọng, Lưu Danh Doanh, 2006, *Đăm Duông bị bắt làm tôi tớ, Đăm Duông cứu nàng Bar Mã*, tr.1011 - 1012).

Chàng Đăm Duông đẹp từ ngoại hình đến cách đi đứng, lời ăn, tiếng nói. Bằng lối ví von được vận dụng một cách tinh tế, trong lời kể của nghệ nhân, vẻ đẹp cân đối, hài hòa của Đăm Duông hiện ra thật cuốn hút. Khi Đăm Duông xuất hiện, các cô gái trẻ, xinh đẹp đều hướng mắt nhìn, thầm thương, trộm nhớ dáng hình *“không thể chê chỗ nào”, “không cao, không thấp”, “không to, không nhỏ”, “không béo”* và cũng *“không gầy”*. Trong đôi mắt nhìn đăm đăm và qua lời nói của tộc trưởng Tur Dũ, Đăm Duông là một chàng trai khỏe khoắn, cường tráng ấn tượng nhất, xứng đáng được chọn làm thủ lĩnh để gánh vác mọi việc, tăng uy thế và sức mạnh của buôn làng. Các nhân vật Đam Săn, Xing Nhã, Đăm Di, Hơ - Lát Dang, Đăm Tiông, Giông, Đăm Duông,... đều là những chàng trai khỏe, đẹp, oai hùng, sức vóc hơn người. Trong các akhàt jucar Ra Glai nhân vật dũng sĩ cũng được miêu tả với ngoại hình tuyệt đẹp, hoàn hảo. Chàng trai Cuvau Vongcoi (akhàt jucar *Amã Cuvau VongCoi*) khi ẩn thân trong hình hài con trâu đực khổng lồ toát lên vẻ đẹp lực lưỡng, cường tráng *“đôi sừng sáng loáng, nhọn hoắt, bén, sắc”, “oai vệ to mạng như măng xà. Oai vệ như sấm vang, như tiếng gầm của hổ báo vồ. Như sét đánh cuốn vẩn, sét bổ chém tóe lửa đây”* (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Amã ChiSa, Amã Cuvau VongCoi*, 2007, tr.894).

Sau khi chiến thắng giặc Cur, giặc Jawa, Amã Cuvau VongCoi trở về nơi sông to, biển lớn tắm gội, trút bỏ lột trâu. Chàng trở thành tráng sĩ cao lớn, vạm vỡ. Chàng Udai trong sử thi Ra Glai *Udai - Ujàc* (2004) với dáng vóc đẹp lạ thường, khó người sánh kịp. Các cô gái trông thấy chàng thì thần thờ, ngẩn ngơ quên cả quạt lúa, sảy gạo,... Hình ảnh người chiến binh can trường hiện lên như chạm, như khắc, thật rắn rỏi, kiêu hùng “*Ta đây phải buộc khăn vắt, đội nón sắt, ... Thanh kiếm cựa trong bao, cây đao cựa trong vỏ, Thanh gươm nỏ trong bao, cây đao nỏ trong cán, Cây gươm dựng bên lưng, cây giáo dựng trên vai*” (tr.739). Các cô gái ở phía trên, phía dưới đều ngỡ ngàng, muốn sờ, muốn vỗ vào Udai khi nhìn thấy chàng trong dáng vẻ hiên ngang như thế. Các nữ dũng sĩ được nghệ nhân dân gian miêu tả vừa mang vẻ đẹp dịu dàng, nữ tính vừa khỏe khấn, rắn rỏi, mạnh mẽ, kiêu hùng, ấn tượng và quyến rũ. Nàng Đãng Giai (*Nữ thần Đãng Giai, Xơ Đãng*) xinh đẹp tuyệt trần. Ma Kọ (*Thần nước Jakia và nàng Ma Kọ, Chu Ru*) vừa lọt lòng mẹ, toàn thân phát sáng. Mang vẻ đẹp của một nữ chiến binh, Bya Phu “thân căng như cây lớn rừng già”, da dẻ “cứng như là đá núi”. Dân làng trên, làng dưới trầm trồ, hết lời ca tụng vẻ xinh đẹp của nàng Bya Linhkoong “*Cổ mang cườm ngũ sắc tay đeo cong đồng, Lưng buộc dây bạc tay cầm khăn knuôk, Đầu quấn khăn đính một lông công, Nàng bước xuống sân váy rung nhẹ nhẹ, Da đùi lóe sáng như ánh trăng rằm, ... Người thanh mảnh mà sức như con gấu, Mắt long lanh mà rất đôi dịu dàng, Là con gái nhưng chịu cầm đao cầm giáo*” (Hà Giao, 2012, *Sử thi Bahnar Kriêm - Bahnar Konkđen*, tr.324 - 352).

Nàng Awoi Nãi Tilor là chủ một paley ở cõi trần gian với sắc đẹp tuyệt trần làm rung động, xao xuyến lòng người chiêm ngưỡng “*Chu cha ơi! Đẹp xinh quá, ... Sáng đẹp như cái tô, mảnh mai như cái chén, Cái môi nàng tím như màu mảnh tô, Cái môi nàng như màu mảnh chén, ... Trông cứng rắn tựa thép màu bông đỏ*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai, 2009, *Awoi Nãi Tilor*, tr.1666 - 1668).

Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên còn đẹp hơn khi trên mình họ khoác những bộ trang phục. Với vẻ đẹp hình thể kết hợp vẻ đẹp của trang phục, các dũng sĩ Tây Nguyên chứng minh rằng họ là những tù trưởng, thủ

lĩnh hùng mạnh, giàu sang nhất của buôn làng.

Nhân vật anh hùng, dũng sĩ gắn liền với sự nghiệp và hành động cao cả luôn được mô tả với ngoại hình tuyệt đẹp. Cái đẹp về thể hình, dung mạo của các nhân vật bao giờ cũng là cái đẹp của sự khỏe khoắn, mạnh mẽ, sung sức. Đó là cái đẹp nảy sinh từ nhu cầu và thực tế cuộc sống lao động, chiến đấu đầy những cam go, thử thách. Sâu xa hơn, sự quan tâm, quý trọng và đề cao mọi nét đẹp trong cuộc sống cũng là điều khiến các tộc người Tây Nguyên tô điểm, nâng tầm vẻ đẹp ngoại hình nhân vật con người lý tưởng của họ.

2.2.2. Sức khỏe, tài năng phi thường và lòng dũng cảm

Sức khỏe và tài năng đều đạt tới mức phi thường là đặc điểm chung của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên. Với sức lực hơn người, những con người này có thể “chạy nhanh như ánh sao”, “nhẹ nhàng như gió”, “nhảy qua những con suối dữ”, đánh nhau với quỷ rồng rã “bảy ngày bảy đêm” mà không biết mệt (motif chạy nhanh như ánh sao, nhẹ như gió; motif nhảy xa, motif con số 7). Đó chính là sức lực dẻo dai, bền bỉ của các chàng trai Sóc K’Pro, K’ Sur, K’Đrit, K’Choi, K’Sách, K’Giông, Kđrun, Kđru trong các truyện kể. Chàng K’Hưor (*Chàng K’Hưor dũng cảm*, Cơ Ho) chỉ cần vung gươm lên, mỗi nhát gươm khiến một cây cổ thụ gục ngã, một nhát chém làm đứt hai thân cây cổ thụ (motif nhát gươm sắc, motif sức khỏe thần kỳ). Sức khỏe và tài năng khiến các dũng sĩ có thể dùng tay nhắc những quả đồi, nhảy qua bảy ngọn núi, bảy quả đồi, uống cạn cả hồ nước trong nháy mắt, chém đứt cùng một lúc bảy cây cổ thụ, vung một đường gươm cả một vạt rừng đổ gục (motif sức khỏe thần kỳ, motif nhảy xa, motif con số 7, motif uống nước khỏe, motif nhát gươm thần kỳ,...) (*Chàng Heo K’Sur và chàng K’Đrit*, Cơ Ho). Những motif như trên là phương tiện hữu hiệu, công thức quen thuộc nhưng ấn tượng khẳng định sức mạnh phi thường của các nhân vật. Có thể thấy điều này trong hầu như các truyện kể, từ truyện cổ tích đến sử thi về nhân vật dũng sĩ. Tuy nhiên, các tình tiết dưới dạng motif được sử dụng không bất biến, cứng nhắc mà có sự thay thế, biến hóa linh hoạt. Dũng sĩ K’Choi (*K’Choi và Ma Lêng*, Cơ Ho) vung gươm “chém đứt dòng nước” đang “gầm gào dữ dội”, buộc nó phải chảy về hướng khác nhường đường cho chàng đi. Chàng lấy chân “đạp vào núi đá”, khiến “núi đá vỡ

tan”, âm âm lao xuống vực sâu. Chàng Đăm Thí (*Chàng Đam Thí*, Ê Đê) sức mạnh tựa thần linh chỉ cần co chân, “đạp mạnh xuống đất”, “bảy cái”, “đất rung chuyển”, “sập sâu thành cái hồ lớn”; “cắm dao chém đá”, “đá vỡ tan”, “như bỏ quả dưa ngoài rẫy”, gió bão nổi lên âm âm như sấm dậy; nhảy về đặng đông đạp gục núi Dú, nhảy về đặng tây đạp nát núi Tư Linh. Chàng Porông Pha (Truyện *Anh em chàng Pơ Rông Pha*, Ê Đê) “nhảy từ trên cao”, “giẫm chân thật mạnh”, đất đã lún sâu xuống hàng sải tay. Chàng Mơ Kốc có thể “nhảy vút cao”, lao âm xuống cái hồ sâu thăm thẳm, nước ào ào vọt lên, tung trắng xóa tạo thành dòng sông Kơ Rông Pha. Khỏe mạnh và tài nghệ, các dũng sĩ vùng giáo là đâm chết thú dữ, vùng kiếm là “chẻ đôi sợi tóc”, bắn cung “trăm phát trăm trúng”. Chàng Đăm Bri (Truyện *Đăm Bri*, Mnông) được nước thần tiếp sức, tôi luyện đã vượt suối, băng rừng “nhanh như gió cuốn”. Giặc đâm gươm tua tua vào người chàng “như đâm vào đá”, gươm cái uẩn, cái gãy, lửa tóe sáng, chàng vẫn trơ như đá. Sức lực trai tráng khiến các dũng sĩ một lúc ăn hết “bảy con trâu”, “bảy nồi thịt hầm”, ăn hết “bảy ống sừng trâu ớt đầy”, uống hết “bảy ché rượu”, đánh bảy chiếc chiêng và trồng vỡ tan tàn. Cánh tay họ cứng như sắt bẻ gãy cây to “như ngắt ngọn cỏ”. Cặp chân họ “chạy nhanh như gió”, một bước “nhảy vượt băng một cánh rừng”. Họ mài gươm khiến cho tảng đá cong như một vành trăng, chặt một nhát cây lớn như chiếc trống bị chẻ làm hai, “phi ngựa nhanh như tên bắn” (*Ba chàng dũng sĩ*, Ba Na). Chàng Y Rít (*Y Rít giết đại bàng*, Gia Rai) vùng gươm, “chặt một nhát” hai cái đầu của đôi chim đại bàng to bằng con voi chúa, đôi cánh rợp cả con suối lớn, “đứt phăng”, rơi xuống đất như trái mít rụng. Chàng Niăn (*Chàng Niăn*, Gia Rai) có sức mạnh khủng khiếp. Chàng vùng gươm “chém tảng đá”, tảng đá vỡ đôi “như bỏ một trái dưa hấu”, chém vào sắt “như chém bùn”; vùng gươm chém chết bầy cọp một cách dễ dàng. Chàng Jrong (*Sự tích núi hang cọp*, Ba Na) vùng tay đao nhanh như tia chớp chém chết 20 con cọp to như con bò thiên, đầu đứt làm đôi. Tyông Vivin (*Tyông Vivin*, Ba Na) vùng gươm chém quái vật Kpư to như núi, da cứng hơn đá, đầu văng ra làm ba khúc: “*Một khúc bay lên đầu sông, một khúc văng xuống biển, một khúc nằm nguyên tại chỗ*” (Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam, 1994, tr.644).

Dũng sĩ Jarumũq (*Chàng Jamahlurq và chàng Jarumũq*, Ra Glai) với sức khỏe và khả năng phi thường lấy cây thật to, vót nhọn hai đầu làm cọc “chông hai hàm cá sấu” không cho nó ngậm miệng. Đông Tư (*Cha con Tăm Đông*, Chu Ru) sức khỏe phi thường “lao mình rất nhanh” như tên bắn “xuông đề chặt lên lưng chúa Voi” làm cho “bốn chân chúa Voi khụy xuống”. Đất như dãn ra, chúa Voi cứ thế lún sâu dần, sâu dần xuống đất. Đông Tư khỏe và mạnh đến nỗi chúa Voi phải thốt lên “*Giàng ôi! Chưa bao giờ ta thấy ai khỏe như người này... Cháu của ta khỏe quá, khỏe hơn bất cứ ai trên trần gian này*” (*Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên*, 1985, Tập 1, tr.176 - 177).

Nữ dũng sĩ Ka Yiêng (*Truyện Ka Yiêng đánh giặc*) được ca ngợi là tay “bắn ná giỏi giang”, song phẩm cách hơn người của nàng là sự dũng cảm, không hề run sợ trước cái ác. Truyện kể rằng, một chiều, bỗng có con quạ đen “lạ cạ kêu” và đậu trên một cây lớn giữa buôn “khiến ai cũng sợ sệt, lo buồn”, “chả ai dám đuổi”. Vì con quạ là “ác thần của giặc cướp được sai đến để dò xét tình hình của làng buôn”, Ka Yiêng nhìn con quạ đen, “tức giận bèn giương ná bắn chết tươi”. Rồi nàng còn “nhỏ cái lông thứ bảy” đem vào nhà. Chẳng hề sợ hãi trước “sứ thần” điềm báo xui rủi là quạ đen, dũng sĩ Ka Yiêng còn chủ động tìm đến hang ổ bọn cướp để đánh đuổi chúng, cứu những người bị bắt. Nàng Mạ (*Sự tích bái tiên*, Mạ) một mình dũng cảm đối đầu, đánh tan bọn cướp kéo tới làng buôn đốt nhà, cướp của, đánh đập dân làng. Chưa hết, với sức khỏe và tài năng phi thường, “... *tiếng thét Tăm Đông vang như sấm dậy*”, “*Cái khiên rất nặng mà chàng cầm lên nhẹ nhàng như cầm cái quạt. Theo đôi tay rắn chắc, dẻo dai của chàng, chàng múa khiên đao quay vù vù*” (*Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên*, 1985, tr.185) khiến cả dân làng vô cùng sửng sốt, thán phục. Hai tráng sĩ K’Tông, K’Tang (*Cây thần núi Lang Biang*, Cơ Ho) trên mảnh đất Nam Tây Nguyên hùng vĩ hạ cây thần, giết đại bàng khổng lồ, hung dữ trên núi Lang Biang trong tích tặc. Với tài năng siêu phàm, nàng Tiluiq phóng tới bên cạnh Jarumũq, lấy tay chà mạnh vào chiếc nhẫn thần chàng đeo trên tay. Những tia lửa sấm sét từ chiếc nhẫn phóng ra xuyên qua tim, thân thể Mỏq Rác chảy ra thành nước, hút vào lòng đất, kết thúc cuộc đời quỷ ác người - tinh cộc.

Đối với sử thi, các nhân vật anh hùng, dũng sĩ tất yếu phải là những con người

phi thường về thể lực, tài năng và lòng dũng cảm. Những hoạt động mưu sinh và tự vệ thường nhật của cộng đồng đòi hỏi người đứng đầu, các tù trưởng, tộc trưởng trẻ tuổi phải thực sự là những chiến binh xuất sắc. Bởi lẽ “*Cuộc chiến đấu với thú dữ, với núi cao, sông sâu, với kẻ thù hung ác từ nơi khác đến cướp phá, đòi hỏi con người phải có sức mạnh của thiên thân, của dũng sĩ, của nam giới. Nhân vật anh hùng sử thi xuất hiện là gương mặt anh hùng nam giới vì con người muốn tồn tại và phát triển phải nhanh chóng vượt ra khỏi thời kỳ dã man với lao động hái lượm, để đối đầu với mãnh thú, san đồi, chặt cây*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.35).

Không có gì khó hiểu khi tất cả các *khan, h'ri, h'mon, akhat jucar* đều không chỉ ca ngợi mà còn phóng đại sức mạnh các nhân vật dũng sĩ. Chàng Đăm Di (*khan Đăm Di*) có thể “*gồng núi phía đông, nghiêng núi phía Tây; sông nước chảy thành thác, hồ nước cuộn thành sóng ào ào*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.57).

Nhát rìu của chàng Xing Nhã (*khan Xing Nhã*) mạnh đến mức làm “*tóe lửa, bắn những mảnh cây Kơ - long tung bay tứ phía*”, “*gãy xà ngang, tan xà dọc, bẻ ché túc trị giá bằng con voi, bẻ ché ba trị giá bằng con bò*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.34).

Dũng sĩ Bya Phu (*h'mon Hai chị em Dyông*) bằng sức khỏe phi thường và lòng dũng cảm đã tiêu diệt bọn giặc đông như đàn kiến. Khi chúng dàn trận bao vây, đè lên người nàng hết lớp này đến lớp khác, nàng vùng vẫy mạnh đến nỗi khiến chúng “*văng xa lớp lớp*”, va đập vào nhau “*trạo căng, gãy tay*”. Nàng đá Đakble bằng một sức mạnh xé đất “*đá cũng tróc*”, “*gốc cây cũng bật*” khiến thân hắn “*bay qua mấy lớp hàng rào*”, “*roi phịch xuống sân làng*”. Dũng sĩ Bya (*h'mon Bya Linhkoong*) phóng mình lao giữa bầu trời, giết chết hàng trăm hàng ngàn quân Bok Ter ác độc cùng bốn con trai của hắn. Cuộc đọ sức giữa dũng sĩ Bya Linhkoong và Tmun diễn ra khốc liệt. Tmun đâm vào mặt Bya Linhkoong. Hắn chưa kịp hoàn hồn đã bị nàng Bya Linhkoong dồn sức mạnh như gió bão vào đôi bàn tay “*bạt tai bên phải*”, “*bạt tai bên trái*” khiến hai con mắt hắn “*vọt văng xuống đất*”, “*chết ngay tức khắc*”.

Sức trai tráng và tài múa khiên của nhân vật Xing Nhã được mô tả “*múa xoay phía dưới chết con cọp, xoay phía trên chết con voi, khiên xoay theo đường cái đất bụi đầy mịn mù, trời nổi giông to, gió lớn*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.35).

Xing Nhã chơi quay, con quay của chàng kêu “*như giông rú, như tiếng gió to thổi, lượn trên không làm cho trâu bò gặm cỏ không yên, lợn gà bị chết, voi tê giác gặm la như sấm động. Con trai đi lấy nước bị ngã tại suối nước, ông già đi hái củi bị ngã tại rẫy, hàng trăm hàng nghìn người chạy về làng hét. Đàn ông tụt khó tuôn vào rừng, đàn bà tụt váy lội xuống nước*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.22).

Dũng sĩ Xing Mơ Nga (khan *Đăm Di*) sức khỏe khủng khiếp, ai ai cũng trầm trồ thán phục “*lấy sức bằng một con voi, bằng tê giác. Đóng chân xuống rễ cây, chôn chân xuống mặt đất*”, chàng “*giật một lần cuối, các nhánh cây, gãy tuôn tuột*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, tr.108 - 109).

Sức lực hơn người và tài múa khiên của Đam Săn được mô tả “*Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi.... Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh bật rễ tung bay*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.192 - 193).

Dũng sĩ Dăm Trao (khan *Dăm Trao, Dăm Rao*) sức mạnh “*khỏe như tê giác*”, “*manh như voi*”, một mình có thể giết chết hàng vạn quân lính, đánh nhau với tù trưởng giàu mạnh “*bảy đêm mà không biết mệt*”; “*đánh nhau dưới đất*”, bay lên trên “*chín tầng mây*” làm “*náo động cả bầu trời*”. Sức mạnh của anh hùng Giông trong các *h'mon* Ba Na thể hiện qua tiếng hét xuất trận rung trời chuyển đất, khả năng phá đá, chặt cây, băng rừng, vượt biển,... Trong những cuộc không chiến dữ dội, trời rung đất chuyển, với sức mạnh xẻ rạch trời xanh, tài sử dụng khiên đao, Giông luôn hiên ngang trước kẻ địch. Chàng “*bật khiên làm ra mưa to. Mưa đá chảy xuống. Chàng tiếp tục làm ra gió thổi bay đám người Reng Kheng, Giơ Ngai. Bọn chúng ngã nghiêng, chao đảo, quay như chong chóng, đầu chúi xuống, chân thẳng lên. Chúng bay xa như lá rụng bị gió cuốn. Mưa to, gió bão của Giông tạo ra làm cho chúng kinh hoàng vô cùng. Bầu trời đen ngòm, chớp sáng lòe liên tục trên bầu trời*”

tối mịt. Bầu trời như muốn sập, mặt trời cũng quay cuồng” (Võ Quang Trọng, 2007, *Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng*, tr.407).

Sức mạnh của Giông thật khủng khiếp, có thể làm “núi sập”, “cây to ngã rạp”, “đá rơi”, “nước biển dâng tràn đất liền”,... Bằng những hình ảnh ví von, lối so sánh, cường điệu, trí tưởng tượng bay bổng, nghệ nhân vô danh đã khắc họa hình ảnh dũng sĩ Giông dũng mãnh, quả cảm, không ai sánh bằng.

Một trong những tiêu chí đánh giá sức mạnh, tài năng chiến trận của người dũng sĩ là khả năng sử dụng khiên, đao. Sự vượt trội về sức mạnh và tài năng phi thường của người dũng sĩ trước mọi đối thủ trong giao tranh như thế đã từng được sử thi Hy Lạp khắc họa ở nhân vật Achilles. Dũng sĩ Achilles “dòng dõi của Dớt, con của Pêlê” có sức mạnh vô song, tài phóng lao, bổ kiếm siêu hạng đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng của quân Troie. Giữa chiến trận, khuôn mặt bừng bừng sát khí, dũng sĩ Achilles *“tiến lại gần Multôt, phóng lao vào tai y, mũi lao xuyên ra khỏi tai kia, khi cầm thanh gươm có chuỗi mà bỏ vào giữa đầu Esêclôt, con của Agiêno, cả thanh gươm liền nóng rực lên vì máu. Ngọn lao của Achilles cũng thật khác thường vì nó nặng và dài đến mức không ai ngoài dũng tướng này có thể nhắc lên nổi”* (Phan Thị Miên, 2001, *Iliat và Ôđixê*, tr.72).

Trong sử thi Xơ Đăng, chàng Dăm Duông (*Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*) có thể “dịch chuyển cả tảng đá lớn” chỉ bằng cái dang tay, “đẩy nhẹ nhẹ như không”. Sức khoẻ của chàng không ai sánh bằng, thể hiện qua hành động bắt sống quỷ Te Tô, loài quỷ có răng to bằng lưỡi rìu, gươm chém vào nó toé lửa; trói nó bằng dây mây, dây xích sắt, nó chỉ cựa quậy là đứt tung,... Nhiều chàng trai khoẻ mạnh, hùng dũng chặn đánh quỷ Te Tô như Hơ Nep Plêng, Ding Grang, Ring Rông, Dăm Rok, Dăm Gap,... nhưng không ai giết được nó. Đến lượt Dăm Duông, chàng quật ngã quỷ dữ, trói nó bằng “một sợi chỉ mỏng mảnh”, cứu dân làng khỏi tai họa. Dăm Duông lại “lặn xuống chỗ sâu nhất” của thác Kơ Tu Jang Jri, vào hang quái vật Thuồng luồng có những chiếc răng nanh dài bằng nửa sải tay, xách nó ném mạnh ra ngoài. Với “cú đá như trời giáng”, Dăm Duông đá tung đười ươi Gluih, làm nó văng xa, ngã nhào, đập mặt vào tảng đá. Vẫn bằng sức mạnh phi thường ấy, Dăm Duông tiếp tục chiến thắng Hoi Mã Nơ Nâng và Tre Wet Krong Bung - những kẻ tham lam,

độc ác đã bắt cóc nàng Bar Mã trong đám cưới. Qua mỗi cuộc giao đấu, dũng sĩ Duông luôn tỏ rõ sức mạnh hơn người của mình, uy danh lan xa, được dân làng kính phục, nể trọng. Hành động của dũng sĩ Dăm Duông là vì lẽ phải, vì sự sống, hạnh phúc của gia đình, cộng đồng dân làng. Trong các sử thi *Duông làm thủ lĩnh, Dăm Duông trong lót ông già*, vẫn với sức mạnh phi thường ấy, Dăm Duông đã chiến thắng thủ lĩnh Tur Gok ở dưới nước và bọn cướp hại người như Ding Grang, Măng Lãng. Nhân vật Sa Ea (akhàt jucar *Sa Ea*) được mô tả có sức mạnh thần thánh và tài năng siêu việt. Chàng “nhấc bổng bốn cây cột sắt” nặng “như đá tảng” mà “cứ nhẹ như lá cỏ”, “như lá vàng rơi”. Chàng trai này lại có thể “chống bốn góc trời” để tránh nạn “trời sập, đất đổ” đe chết con người ở cõi đất bằng. Một mình Sa Ea đối diện với rắn ác “năm hồng mao”, “cắm chống trời”, to lớn, cuộn mình “*bao bọc cả xứ, cả bản làng, mắt nó bằng cái nia, vảy nó bằng cái nong, trên mình nó mọc toàn đá tảng, cây cối*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Sa Ea*, 2009, tr.1365). Sức mạnh của chàng là sức mạnh của vị thần bất tử nên mới có thể lấy cột sắt “chống được hàm rắn ác” không lồ, chém nát thây rắn “thành ba mươi bảy khúc”, khiến đất trời mù mịt, khói bụi nồng nặc, kinh thiên động địa. Nhân vật Kamao (akhàt jucar *Chàng Kei Kamao*) là dũng sĩ vô cùng dũng mãnh, có sức mạnh, tài năng trác tuyệt. Cuộc chiến giữa Kei Kamao và quái vật Sâu chuyên ăn thịt, hút máu người diễn ra suốt “bảy ngày, bảy đêm”; “từ bầu trời xuống mặt đất”, “từ đông sang tây”, “từ núi này sang núi khác”. Rồi chàng giao chiến với bọn Ja Dua, bọn cạp dử chuyên ăn thịt người; bọn buôn người vào làng cướp gái đẹp, bọn Jrao Lku người mọc đuôi để bảo vệ cuộc sống bình yên cho buôn làng. Dũng sĩ Cei Balaok Li-u (akhàt jucar *Cei Balaok Li - u*) sức mạnh không kém Kei Kamao. Chàng đánh bại vợ chồng Chăn Tinh thân mình to lớn, da dày, gươm giáo đâm không thủng, chém không đứt, chuyên xẻ da, hút máu, ăn thịt người. Cei Balaok Li - u với sức mạnh khủng khiếp, không hề sợ hãi lao vào đánh Rak Dewa khiến mặt trời, mặt trăng rung rinh. Chàng mạnh đến mức Rak Dewa mổ vào người chàng “*bằng mỏ gãy mỏ, đá bằng vuốt gãy vuốt, đâm bằng giáo gãy giáo, chém bằng gươm gãy cán gươm*” (Sakaya chủ biên, 2018, *Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*, tr.400).

Khả năng chinh chiến của chàng thật hiếm có, chàng đánh 15 trận liên tiếp,

có trận kéo dài 37 ngày đêm với các vua ác Atau, Wan Cada, Tanah Riya, Maok Sa Banah Dre,... ở khắp mọi nơi: trên núi, dưới biển, đồng bằng, mặt đất, không trung; ở các xứ Raglai, Chăm, Kinh, Tàu mà không biết mệt. Dũng sĩ Ujàc (akhàt jucar *Udai - Ujàc*) sức mạnh, quyền năng siêu hạng. Trong con người chàng, hai thế giới thần và người đã tập hợp, tạo nên sức mạnh vô song. Cái sức mạnh trác tuyệt ấy đã giúp chàng chiến thắng trong mọi cuộc đối đầu với các thế lực ác Chi Ta, Hu lou Valac, vua thần Lửa Tumur, vua quỷ Ốc Brou,... Dũng sĩ Ujàc tung hết sức mạnh, đến nỗi “*mỗi nhát gươm của chàng chết hàng nửa xứ sở, mỗi nhát cuộn vào vằn sạch một làng*”. Còn cây bảo đao của chàng thì “*mỗi lần rút ra như sét bổ, mỗi lần chém như sấm gầm*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Udai - Ujàc*, 2004, tr.120).

Sức mạnh của Ujàc khiến lưỡi gươm thần của Hu lou Valac bị chẻ làm đôi, hấn khiếp vĩa bỏ chạy vào rừng; còn Chi Ta - người rời khỏi ngựa, gươm văng khỏi tay. Trong con người Ujàc tiềm tàng cái sức mạnh khủng khiếp của lửa, của nước, của bão giông, của phép linh, sánh ngang với thần sấm sét nên các kẻ thù của chàng từ vua Chăm quyền uy đến vua Quỷ ốc Brou, vua Muba, vua thần Rồng gác nơi cửa miệng mặt trời, chúa thần Rắn,... đều bị chàng chế ngự. Nữ dũng sĩ Awoi Năi Tilor (akhàt jucar *Awoi Năi Tilor*) có nhiều tài phép không ai sánh bằng. Với sức mạnh trời long đất lở, Tilor đá Jahuruoi “bay ra cạnh hàng rào”, “văng vào bụi rậm” kết liễu cuộc đời Jahuruoi - kẻ xảo quyệt, gian trá gây ra mọi tai họa, phải trả giá bằng chính sinh mạng của mình. Với sức mạnh ấy, nữ potao Tilor có thể “rạch đất, xé trời” đã đánh tan đội quân cầu viện hùng hậu đến hàng trăm, hàng ngàn của Jahuruoi kéotói. Nàng chiến đấu dũng mãnh, đánh bại 17 vua, giặc Cur, giặc Jawa,...; các vị thần ác: thần Lửa Tumuh, vợ chồng thần Éch, thần Bão tố, thần Gió lốc. Bằng sức mạnh phi thường, vô song, Tilor vung gươm, chĩa thẳng vào quân thù. Cây gươm thần của nàng bay từ bờ biển bên này đến tận bờ bên kia tạo thành cầu vồng lửa. Giặc Cur, Jawa, Muba, Cuson, bọn giặc Xiêm,... thuộc hạ của chúa, thuộc hạ của vua, “chết bằng một làng”, “bằng nửa xứ”. Nữ anh hùng Tilor vừa có sức mạnh phi thường, vừa có lòng dũng cảm vô song ẩn dưới một dáng vóc mạnh mẽ mà duyên dáng. Tilor trên chiến trận thật oai phong, dũng mãnh, can đảm, kì vĩ, tả xung hữu

đột như một nữ thần bất tử.

Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên còn có các khả năng thần kỳ như lắng nghe và hiểu được tiếng nói của cây cối, động vật, đồ vật, cùng trò chuyện với chúng, có thể cảm hóa cả thú dữ như voi, hổ,... Thực tế hơn, đó là những chàng trai được mô tả rất đỗi giỏi giang, tài hoa trong lao động sản xuất cũng như vui chơi, giải trí. Mùa vụ đến, họ dẫn đầu dân làng khi chặt cây to, phát rẫy lớn, đảm nhận việc canh giữ, xua đuổi, ngăn chặn thú rừng phá hại rẫy ruộng. Không chỉ siêng năng tập luyện võ nghệ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ buôn làng, những con người ưu tú này còn dẫn đầu trong những cuộc săn bắt thú rừng. Trong các dịp lễ hội lớn, họ thể hiện sức mạnh, sự can đảm khi lãnh nhận nhiệm vụ đâm trâu hiến tế thần linh. Họ còn là những tay đàn lát giỏi, thành thạo, khéo léo. Nhân vật dũng sĩ trong sử thi các tộc dân Bắc Tây Nguyên như Ba Na, Xơ Đăng là những trai tráng tài nghệ khi tham gia xây cất những ngôi nhà rộng chọc trời. Chế tác và sử dụng điều luyện nhạc cụ là khả năng đặc biệt của họ. Tiếng chiêng các dũng sĩ đánh mạnh và hay đến nỗi *“giật lở bờ sông, bờ suối”, “người M’ông nghe tiếng chiêng mê mãi đến quên cả việc nấu cháo chua bỏ vào vỏ quả bầu làm thức ăn mang đi rẫy. Tiếng chiêng khiến con voi quên lắc ngà, con quạ mẹ, con sáo mẹ quên lấy mồi cho con ăn; lũ vợ quên cả chuyện chuyện cày; bọn ma quỷ mãi nghe quên làm hại con người,... chúng vui sướng khi nghe tiếng chiêng của chàng Dăm Tiông”* (Trương Bi, Kna Y Won, 2002, *Dăm Tiông*, tr.16).

Các trai làng là những chiến binh tài năng, dũng cảm cũng thường được khen ngợi về tài gảy đàn, thổi sáo, kèn, ca hát,... Tiếng đàn, tiếng sáo, lời ca của họ trầm bổng, lúc ồn ào, lúc thì thâm như dòng Krông Pa, ngân nga, réo rắt, du dương làm cho những cô gái đi qua rẫy bắp thấy nhớ ngẩn ngơ, dừng chân đứng lại. Tiếng đàn chàng Parogáp (*Truyện Ka Chây Parogáp*, Chu Ru) có sức cảm hóa thần kỳ, khiến cho bọn giặc *“bùn rùn chân tay, rơi cả kiếm, đầu óc mê mẩn không còn nhớ gì nữa. Cả bảy cô gái cũng không sao chịu nổi tiếng đàn réo rắt kì dị đó. Vừa mới nghe tưởng như tiếng đế kêu, nhưng nghe kĩ thì giống như tiếng kêu vọng lên từ lòng đất. Tiếng đàn vang xa như có ma lực, làm rung trời, chuyển đất”* (Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện, 2006, *Truyện cổ Chu Ru*, tr.142).

Sức mạnh, tài năng phi thường và lòng dũng cảm vô song là tiêu chí quan trọng được truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên thiết lập đối với nhân vật dũng sĩ. Để hoàn thành sứ mệnh khó khăn, cao quý là đương đầu và chiến thắng các thế lực tà ác, bảo vệ cộng đồng, nhân vật dũng sĩ tất yếu phải là những con người với các phẩm cách vượt bậc như thế.

2.2.3. Sự thông minh, mưu trí của nhân vật dũng sĩ

Trí thông minh, sự mưu trí là đặc điểm được truyện cổ tích và sử thi chú ý khi khắc họa nhân vật anh hùng, dũng sĩ. Để có thể chiến thắng kẻ thù gian ác, vượt qua những thử thách cam go trong mọi hoạt động, con người cần phải vận dụng tư duy, trí óc, sự khôn ngoan. Đây là những năng lực, phẩm chất quan trọng thường thấy ở nhân vật dũng sĩ thời cổ đại, nhất là khi những con người này đảm nhận vai trò thủ lĩnh, được tập thể trao phó trọng trách. Nhân vật anh hùng, dũng sĩ không chỉ có sức mạnh thể lực, lòng dũng cảm mà còn phải có trí thông minh, mưu trí hơn người. Đương đầu với những kẻ thù mưu mô, nham hiểm, có thể biến hóa như loài tinh cọp, rắn thần, quỷ dữ, uy quyền như vua, các nhân vật dũng sĩ đã luôn thể hiện sự khôn ngoan, mưu mẹo. Họ biết dùng tên tâm thuốc độc, trộn thuốc độc vào thức ăn để giết kẻ thù (*Chàng K'Lanh và loài tinh cọp*, Cơ Ho); biết dùng tro bếp, muối, cối giã ớt, kim chi,... giết hồ tinh chuyên ăn thịt người (*Anh em Porông Pha*, Ê Đê). Chàng Sóc K'Pro (*Chàng Sóc K'Pro*, Cơ Ho) mưu trí, hiểu được đặc tính của sừng trâu, sừng hươu, sừng dê khi đun nóng sẽ dẻo, mềm, thơm nhưng ăn, uống thêm nước lạnh sẽ bị đông cứng trong bụng, bụng vỡ ra và chết. Vậy nên, một mình chàng đã giết chết bọn giặc đông không đếm xuể cướp bóc, tàn sát dân lành. Bằng sự thông minh, lanh lợi chàng Rơ Rum (*Chàng Rơ Rum*, Xơ Đăng) giết chết voi khổng lồ, dữ tợn chuyên phá hoại mùa màng. Để giết quái vật rồng nước Nang Giai, dụ nó lên khỏi mặt nước, chàng Pa Tan mưu mẹo hiểu được quái vật thích mùi thơm mè rang, bèn lấy túi mè đã rang rắc xuống suối làm cho Nang Giai thích thú ngoi lên khỏi mặt nước. Con vật bị giết chết bởi sự hiểu biết và nhanh trí của Pa Tan. Bằng sự mưu trí, chàng Rôk (*Chàng Rôk*, Xơ Đăng) đã lấy được viên ngọc quý “*nằm trong mõm con lợn rừng đầu đàn lông vàng, nanh cong và cứng như ngà voi*” (*Truyện cổ Xê Đăng*, 1979, tr.96), giúp chàng cưới được sủng dũ, bảo to, chiến thắng tất cả thú dữ trong

rừng. Dũng sĩ Jarumũq (*Chàng Jamahlurq và chàng Jarumũq*, Ra Glai) giết chết quái thú Cơi Rác Mỏq Rác thân mình quý, biến hóa khôn lường trước hết bằng trí thông minh, sự mưu trí. Nhờ sự khôn khéo, chàng thợ săn Pa Tan (*Hai anh em chàng Xét, Xơ Đãng*) đã giết được quái vật Nang Giai có bộ mặt người chuyên bắt, dìm chết phụ nữ, trẻ em ra sông tắm; lại thường dâng nước ngập nương rẫy, nhà cửa, hại buôn làng. Truyện *Chàng Rôk* ca ngợi tinh thần dũng cảm, sự khéo léo của dũng sĩ Rôk “*đã lấy được thanh kiếm thần dưới sông, mà xung quanh thanh kiếm có đàn cá sấu hung ác bảo vệ*” (*Truyện cổ Xê Đãng*, 1979, tr.97). Có được thanh kiếm này, Rôk giết được đại bàng hung dữ chuyên ăn thịt, làm hại dân lành. Hai chàng Đăm Đoăn, Đăm Mao (*Đăm Đoăn, Đăm Mao, Xơ Đãng*) tài trí, không sợ hiểm nguy, rất mực can đảm, đã đối đầu với bọn lính và tên vua độc ác, bạo tàn, cứu nguy cho buôn làng. Chàng Amã Ja - Rìq (*Chàng Amã Ja - Rìq*, Ra Glai) dũng cảm, thông minh đánh bại quân, tướng của vua Chăm Putau Pitrai với đầy đủ gươm giáo, súng ống các loại. Trước ba quân của triều đình, Ja - Rìq không hề run sợ, chàng bình tĩnh, sáng suốt khi đặt điều kiện, yêu cầu vua chấp thuận thì mới đồng ý giúp vua đánh giặc Cur, Jawa ra khỏi đất nước. Quân của Ja - Rìq đã đánh bại giặc Cur, Jawa, ca khúc khải hoàn trở về trong sự chào đón hân hoan của mọi người. Chàng Porông Pha (*Anh em Porông Pha, Ê Êê*), khôn ngoan, dũng mãnh trong cuộc chiến giết quỷ ác, hồ tinh, vua Lửa trừ hỏa hoạn cho dân. Tài trí của chàng khiến vua Nước phải quy hàng, không dâng nước bắt người, cướp trâu, bò, gà lợn. Chàng K'Chơi (*K'Chơi và Ma Lênh, Cơ Ho*) vất óc quyết tìm ra kẻ giết tên vua Cá nổi tiếng hung ác, cứu em gái thoát khỏi sự đày đọa của hắn. Dũng sĩ Nđăm Brai N'glang (*Ma lai con mang vàng, Mnông*) thông minh, nhanh trí đưa lưỡi dao chém đứt đầu con quỷ đội lốt người độc ác. Các dũng sĩ Jring, Jrông (*Sự tích núi hang cộp, Ba Na*) rất tài lược khi giết chết đàn cộp dữ 20 con chuyên bắt người ăn thịt. Phương cách của họ là phóng hỏa vào hang sâu, bẻ lá cây còn tươi ném vào đốt lửa để tạo khói, làm đàn cộp ho sặc sụa, cay mắt, lao ra khỏi hang và giết chúng. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp, Chu Ru*) giết vua quỷ Rục Rạc cũng chủ yếu bằng mưu kế. Chàng dùng *dininh* là một loại củ độc, bỏ trong ché rượu cần, dâng lên vua quỷ trong ngày hắn cưới bảy công chúa con vua Chăm mà hắn cướp được. Nàng Tiluiq (*Chàng Jamahlurq và*

chàng Jarumĩq, Ra Glai) giết quỷ người tinh cạp Mỏq Rắc bằng sự mưu trí. Nhanh như cắt, Tiluiq cầm lấy cần bẫy gạt cho quỷ rớt vào trong nồi nước đang sôi sùng sục trên bếp lò. Hiểu được nhẫn thần đang đeo trên tay Jarumĩq nếu lấy tay chà mạnh vào, từ chiếc nhẫn sẽ phát ra những tia lửa sấm sét xuyên qua tim, khiến thân thể Mỏq Rắc chảy ra thành nước, hút vào lòng đất. Nàng Tiluiq thông minh, phóng tới bên cạnh Jarumĩq, nhanh trí thực hiện được điều đó, giết chết quỷ bà ác độc Mỏq Rắc chuyên bắt người trong làng ăn thịt, trừ họa cho dân. Dũng sĩ Ka Yiêng (*Ka Yiêng đánh giặc, Mạ*) là cô gái “bảy ngày sinh ra đã nói năng đủ tiếng”, “đi lại nhanh nhẹn” và bắn ná rất giỏi. Một mình đương đầu với lũ giặc đông đảo, nàng biết chọn lợi thế là “đứng trên mỏm đá cao”, giương ná, nhằm thẳng vào bọn cướp, chặn đứng cuộc cướp bóc của chúng. Thông minh, nhanh trí và can đảm, Đấng Giai (*Nữ thân Đấng Giai, Xơ Đấng*) giương cung, đặt mũi tên thần “nhằm trúng ngực” ác điều dữ tợn, chuyên bắt người và súc vật xé xác ăn thịt mà bắn,... để trừ họa cho dân làng.

Phải có lòng dũng cảm, hơn nữa là sự thông minh, tài trí, hai anh em Giông, Gió (*h'mon Giông Gió mô coi từ thuở bé*) mới vượt qua nổi những vùng “rừng núi rộng lớn, âm u, chỉ có tiếng chim hót, tiếng gào của hổ”, tiếng gió hú. Hai anh em phải chiến đấu với người rừng, giết hổ, gấu, thắng cạm bẫy của ma rừng, chinh phục vực thẳm, núi cao,... Trong h'mon *Giông giết sư tử cứu làng Sét*, dũng sĩ Giông tài trí giết cùng một lúc hai quái vật là sư tử đực và sư tử cái “thân hình to như trái núi”, có “trăm tai, tám đuôi”, chuyên ăn thịt người. Anh hùng Đam Săn (*khan Đam Săn*) là chàng trai thông minh, ngang bướng và dũng cảm. Chàng chấp nhận cuộc hôn nhân nổi dậy một cách chủ động, biết khẳng định vị thế của mình một cách vừa cứng rắn vừa uyển chuyển. Đó là phẩm chất cao sang cần có để chàng có thể trở thành một tù trưởng hùng mạnh khi lấy chị em Hơ Nhi, Hơ Bhi. Dũng sĩ Udai (*akhàt jucar Udai - Ujàc*) không kém phần trí lực khi một mình đối đầu và đánh bại yêu tinh Người - Cạp - Hồ biến hóa khôn lường. Udai một mình trên lưng ngựa chiến tìm đến xứ sở của Người - Cạp - Hồ Tinh “*oai vệ như chúa to*”, “*oai phong như vua lớn*” “*đốt sạch nhà to, kho tàng, thiêu sống vợ chồng Người - Cạp cứu em gái Tiluiq*” (*Sử thi Ra Glai Udai - Ujàc*, 2004, tr.662).

Dũng sĩ Ama Sa Ea (*akhàt jucar Sa Ea*) đầy dũng cảm song cũng rất mực khôn

ngoan, tài trí trong cuộc chiến với quái vật rắn ác “năm hồng mao cầm chống trời” chuyên ăn thịt người. Để chui được vào bụng rắn, Sa Ea thông minh lấy cột sắt “chống hàm rắn lên cao”. Chàng dùng mảnh “chui vào bụng rắn”, cầm dao “rạch ruột, cắt tim, gan” và toàn bộ lục phủ ngũ tạng, lại vung gươm “chém nát thây rắn” thành “ba mươi bảy khúc”. Dũng sĩ Kamao (akhàt jucar *Chàng Kei Kamao*) có thể “suốt bảy ngày bảy đêm” truy đuổi quái vật Sâu “từ bầu trời xuống mặt đất”, “từ đông sang tây”, “từ núi này sang núi khác”, khiến “trời long đất lở”, “lửa cháy rực trời”, “đất thành tro”. Với trí thông minh, sự nhanh nhạy, chàng biết tận dụng tất cả các loại vũ khí để tấn công, tiêu diệt quái vật. Chàng rất nhanh trí khi “phun thuốc độc” khiến quái vật Sâu “tối mắt, quay cuồng”, “không thấy trời thấy đất”. Nhân cơ hội đó, chàng vung dao găm bên trái, vung gươm bên phải chém nó đứt thành hai khúc. Sự can đảm, lòng dũng cảm, trí thông minh luôn tràn trề, cháy rực trong tim của dũng sĩ Ujàc (akhàt jucar *Udai - Ujàc*) nhưng lại được che đậy với vẻ lạnh lùng khi chàng đối đầu với tất cả các thế lực ngang tài, ngang sức như: Chi Ta, Hu lou Valac, vua thần Lửa Tumur, vua quỷ Ốc Bươu - có phép linh làm người chết sống lại; thần Bão,...

Cùng với vẻ đẹp diện mạo, sức mạnh và tài năng phi thường, lòng dũng cảm thì trí thông minh, sự mưu trí đã góp phần tạo nên vẻ đẹp hoàn hảo của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên. Những bộ sử thi lớn của thế giới như *Iliad*, *Odyssey*, *Mahabharata* vẫn luôn khắc họa nhân vật anh hùng, dũng sĩ là những con người ưu tú, xuất sắc về mọi phương diện. Phát sinh từ hiện thực lịch sử, xã hội song cũng chứa đựng, gửi gắm ước mơ, khát vọng về con người lý tưởng là những điều sâu xa khi chúng ta nói đến nhân vật dũng sĩ trong nền văn học dân gian vùng đất Tây Nguyên. *Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng* là bản hợp xướng hào hùng về tài năng, phẩm chất của người dũng sĩ đã được khơi nguồn và tồn tại bền chặt, dài lâu trong đời sống xã hội các tộc người. Đây là mạch nguồn văn hóa tinh thần quý giá nuôi dưỡng tâm hồn, tính cách mạnh mẽ, cao đẹp của bao thế hệ con người Tây Nguyên.

2.2.4. Chiến tích cứu giúp, bảo vệ cộng đồng

Lập nên những chiến công, kỳ tích cứu giúp và bảo vệ cộng đồng là điểm gặp

gỡ của người dũng sĩ - nhân vật lý tưởng, chất chứa biết bao kỳ vọng, ước mơ trong truyện cổ tích và sử thi các tộc người Tây Nguyên. Nhận lãnh trách nhiệm cứu người, khôi phục và bảo vệ cộng đồng, nhân vật dũng sĩ không chỉ đối đầu, giao tranh mà hầu như luôn giành chiến thắng trước đủ loại đối thủ phi nghĩa, tà ác. Có thể nói đến hai kiểu chiến công, kỳ tích tiêu biểu của nhân vật này như sau:

2.2.4.1. Kỳ tích diệt quái vật

Trong truyện cổ tích và sử thi, thế lực phi nghĩa xuất hiện dưới nhiều hình thù, kiểu dạng xâm hại cuộc sống con người. Với bất kỳ dạng thái nào, là quái vật như hồ tinh, rắn thần không lò, đại bàng, quỷ, thường luồng, chằn tinh,... hay giặc cướp hung hãn, các tù trưởng, tộc trưởng, vua chúa tham bạo, thì chúng cũng đều gây nỗi khiếp sợ vì sự uy hiếp và tàn phá, giết chóc. Chiến công, kỳ tích diệt quái vật cứu người là motif cốt truyện (hay typ truyện) phổ biến và xuyên suốt trong cả truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi. Nhân vật dũng sĩ đương đầu diệt quái vật, giúp cộng đồng thoát khỏi thảm họa do chúng gây ra là chủ đề lớn trong cả truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên.

Trong các câu chuyện, nạn nhân của quái vật có khi là những cô gái trẻ trung, xinh đẹp là công chúa con vua, con gái tù trưởng, tộc trưởng, chủ làng; là em gái hoặc vợ các dũng sĩ. Những người đẹp luôn trong tình thế bất ngờ rơi vào nanh vuốt quái vật. Quái vật ngang nhiên, trắng trợn cưỡng ép hoặc cướp người đẹp ăn thịt hoặc bắt về làm vợ khi những người đẹp đang có cuộc sống êm đềm, hạnh phúc bên người thân. Nhưng cũng không hiếm khi hàng trăm, hàng ngàn dân chúng các làng trở thành nạn nhân của loài quỷ ăn thịt người, gieo rắc nỗi kinh hoàng cho cả cộng đồng. Đặc biệt, ngang ngược cướp “trao đẹp” là con “quỷ cái” nhiều phép thuật cao cường trong truyện *Anh hùng Đam Đông* (Ba Na),... Trước sự dữ tợn, nham hiểm, độc ác của quái vật, các nạn nhân rơi vào tình trạng hoảng loạn, tuyệt vọng và bất lực, chỉ biết trông chờ một con người thần kỳ xuất hiện cứu giúp. Trước nạn lớn, nhân vật dũng sĩ tự nguyện gánh vác cuộc chiến đấu với quái vật, cứu người đẹp trong tư thế là người đại diện xuất sắc nhất cho sức mạnh, tài năng và lòng dũng cảm. Dũng sĩ K’Hưor (*Chàng K’Hưor dũng cảm*, Cơ Ho) giúp vua Chăm tiêu diệt rắn thần hung ác, to lớn, có nhiều phép thuật, cứu được công chúa. Dũng sĩ K’Pút

(*Chàng K'Pút con thần Mặt trời*, Cơ Ho) dùng mãnh giết chết hai cọp dữ, rắn thần trừ họa cho dân làng. Chàng phóng cây giáo nhọn vào mình cọp, dùng lưới grom sắc chặt đứt đầu nó. Con cọp thứ hai to lớn hơn nhảy vọt đến. Chàng can đảm chém mạnh vào đầu cọp làm đầu nó vỡ đôi. Chàng dùng mãnh diệt rắn thần bảy đầu, to như con voi, chuyên ăn thịt người. Rắn thần phun lửa cháy đỏ rực vào K'Pút, chàng không sợ hãi, vung grom chém rồi chặt từng cái đầu ra khỏi thân nó. Dũng sĩ K'Bong Ong (*Chàng trai K'Bong*, Cơ Ho) giết chết loài quỷ Chạ Arac dữ tợn, đông hàng đàn, nhiều phép thuật, chuyên ăn thịt các cô gái đẹp. Hai dũng sĩ K'Sách và K'Giông (*K'Sách và K'Giông đi tìm vợ*, Cơ Ho) vượt qua mọi trở ngại trong rừng sâu, núi thẳm, trên biển rộng, quyết đi tìm hai nàng Ka Mách, Ka Mor xinh đẹp về làm vợ. Trên đường đi, hai chàng giết hổ dữ, chém cá sấu, diệt loài ác quỷ chuyên ăn thịt người. Dũng sĩ K'Huoi (*Dòng sông Đa Huoi*, Cơ Ho) biết được con quỷ dữ nhiều phép thuật, đang chiếm giữ nguồn nước của dân làng. Quỷ đe dọa, đòi ăn thịt mọi người nếu hàng năm không cống nạp con gái đẹp. Chàng K'Huoi dùng xà gạc và 10 mũi tên đồng tẩm thuốc độc giết chết quỷ, giành lại nguồn nước cho dân làng. Dũng sĩ chặn trâu với sức khỏe phi thường, lòng dũng cảm đã dùng thanh kiếm sắc giết chết hai ác điều cứu người đẹp, mang lại cuộc sống yên vui cho buôn làng người Chăm (*Cậu bé chặn trâu*, Cơ Ho). Chàng K'Lanh đầy mưu lược, nhanh trí (*Chàng K'Lanh và loài tinh cọp*, Cơ Ho) giết chết lũ cọp Som - mri thành tinh, hung ác, “biến hóa khôn lường”, trả thù cho em gái bị chúng ăn thịt, trừ họa cho dân làng. Hai dũng sĩ K'Tang, K'Tông (*Cây thần núi Lang Biang*, Cơ Ho) với chiếc nỏ trong tay, bắn chết chim dữ chuyên bắt dân làng mỗi ngày phải cống nộp một người con gái đẹp, đem lại sự yên bình yên cho buôn làng. Dũng sĩ K'Lang thông minh, mưu trí (*K'Lang giết đại bàng*, Cơ Ho) giết chết đại bàng chuyên ăn thịt các cô gái trẻ đẹp. Đại bàng hung ác, dữ tợn, to lớn, đôi cánh rộng gần như phủ kín bầu trời, không một ai xách nổi một cái lông của nó. K'Lang vung kiếm, chém một nhát đứt đầu đại bàng. Xác quái vật đổ xuống làm rung chuyển cả làng, trời đất tối sầm lại. Chàng K'Lang nhắc bổng đầu và thân đại bàng ném mạnh xuống biển. Dũng sĩ K'Chai và K'Rong (*Nàng Ka Biêng*, Cơ Ho) thông minh, mưu trí giết rồng dữ cứu em gái. Biết dùng sức khỏe không giết được rồng, hai chàng nghĩ kế làm chuỗi vòng thật đẹp

tặng nó. Ròng vừa đeo vào cổ, sợi dây râu chuỗi siết chặt lấy cổ nó. K'Rong kéo ròng lên bờ, buộc đầu ròng vào gốc cây to, lấy dao mổ bụng nó cứu em gái. Dũng sĩ Giông (*Chàng Giông*, Mạ) giết ròng ác, cứu nàng Glong xinh đẹp bị nó bắt về làm vợ. Chàng còn giết chết quý chuyên phá phách bon làng, bắt các chàng trai, cô gái trong bon ăn thịt. Hai anh em Lông và Pu Por (*Lông và Pu Por*, Mạ) bằng trí thông minh đã thu phục hồ đực hung dữ, giết chết hồ cái mưu mô, nham hiểm (đội lột thiếu nữ xinh đẹp để dụ dỗ trai trẻ), trả đũa mỗi thù cho người cha bị chúng ăn thịt. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp*, Chu Ru) giết vua quý Rục Rạc cùng họ hàng, dòng tộc của chúng để cứu “bảy nàng công chúa” con vua Chăm. Chàng không giết quý bằng gươm, đao, kiếm mà bằng trí thông minh: dâng rượu ngâm củ độc *dininh* cho vua quý uống trong ngày hấn làm lễ cưới với bảy nàng công chúa. Vua quý và họ hàng của hấn uống xong lăn ra chết. Trong truyện *Quý râu xanh* (Chu Ru), dũng sĩ giết chết quý, cứu được ba cô gái. Đồi diện con quý to lớn, dữ tợn với tiếng cười “làm chao đảo cả khu rừng”, chàng trai không hề run sợ, giương nỏ, nhằm tim quý bắn. Mũi tên bay thẳng, cắm phập tim quý, kết liễu đời con quý độc ác ăn thịt người. Chàng Út (*Bảy anh em trai và nàng Aré*, Ê Đê) trên đường đi tìm đất lành để làm ăn sinh sống đã giết quý một mắt (nửa giống người, nửa giống khỉ) trừ họa cho dân làng. Chiến công của chàng Y But Sin (*Chàng Y But Sin*, Ê Đê) là diệt trừ cạp tinh hóa người cứu mẹ. Truyện *Y Tolông giết trần tinh* (Ê Đê) ca ngợi dũng sĩ Y Tolông giết trần tinh chuyên ăn thịt những người con gái đẹp trong vùng. Cuộc chiến diễn ra trong tình thế đầy kịch tính. Đã có rất nhiều dũng sĩ khỏe mạnh, tài ba đi giết Trần tinh nhưng không một ai sống sót trở về. Đến lượt mình, chàng Y Tolông tung sợi dây thòng lọng cổ Trần tinh, thắt chặt lại. Rồi với sức mạnh phi thường, chàng vung đao bổ một nhát, đầu Trần tinh vỡ làm đôi, quái vật lăn quay ra chết. Dũng sĩ Ponan (*Ponan giết cạp*, Ê Đê) lập chiến công giết cạp dữ thành tinh, chuyên ăn thịt người. Cạp tinh thường biến thành cô gái trẻ đẹp dụ dỗ, lừa gạt dân làng, lừa cả vua cưới làm vợ, được phong hoàng hậu. Trước sự mưu mô thâm độc của cạp, Ponan quyết giết nó để trừ họa cho dân làng, trả thù cho người cha bị nó ăn thịt, cứu được tính mạng của vua. Rất thông minh và mưu trí, dũng sĩ Giông (*Ba anh em mồ coi*, Ba Na) đốt một đồng lửa lớn cháy rục trong nhà rông, nơi có cô gái đang bị trói chờ cạp tới

ăn thịt. Chàng còn lấy ớt khô, rễ cây *Hyam* đổ vào đồng lửa để tạo khói. Cọp dữ mình to như quả núi xông vào nhà định nhảy bổ tới con mồi đang bị cột chặt. Khói ớt, khói rễ cây tỏa ra làm mắt cọp không mở được. Chàng Giông tiến về phía cọp, vung lưỡi dao sáng lóe, chặt một nhát, đứt đầu cọp. Từ đó dân làng được sống yên vui, không lo sợ bị cọp ăn thịt và phá phách nữa. Hai anh em Jring, Jrông (*Sự tích núi hang cọp*, Ba Na) giết chết đàn cọp dữ, trả thù cho em trai cùng dân làng bị chúng ăn thịt. Hơn hai mươi con cọp to lớn như bò thiến, dữ tợn, trúng kế phóng hỏa, bị rơi đầu dưới lưỡi kiếm sắc nhọn của Jring, Jrông. Dũng sĩ Xin Xay trong truyện *Cha con Đăm Bông Pha* (Gia Rai) giết chết chúa quỷ có bộ da cứng như sắt, gươm chém không đứt, dao đâm không thủng, ăn thịt người, cứu người cô H'bia Phêla. Dũng sĩ Y Rít (*Đại bàng bị giết*, Gia Rai) giết chết cặp đại bàng to như con voi chuyên bắt người ăn thịt. Mtao cùng các trai tráng khỏe mạnh nhất trong làng bàn mưu, tính kế nhưng không giết nổi cặp đại bàng hung dữ. Chàng Y Rít thông minh nấp vào một chỗ kín, chờ đại bàng thò chiếc cổ dài qua cửa sổ rửa thịt cô gái thì vung thanh gươm cắt đứt cổ hai ác điểu. Chàng Nđăm Brai N'glang (*Ma lai con mang vàng*, Mnông) tinh táo, thông minh nên không bị mua chuộc bởi những lời dụ dỗ, lừa phỉnh của quỷ. Đó là con quỷ đã giết hai người anh của chàng và quấy nhiễu, phá hoại buôn làng. Giả bộ ngây ngô, khờ khạo trước mặt quỷ, chờ cho nó sơ ý, nhanh như chớp, chàng tóm ngay tóc nó rồi đốt lửa thiêu sống. Nhân vật Piêng (*Chàng Piêng giết con rồng ác*, Mnông) vô cùng dũng mãnh, một mình với con dao sắc, đã lao vào đâm chết rồng ác, cứu người con gái xinh đẹp, trừ họa cống nộp cho dân làng. Truyện *N'Krăh đánh nhau với làng dân ma lai* (Mnông) là câu chuyện về chiến tích diệt ma ác của chàng trai trẻ dũng cảm, rất thương cha mẹ, chịu khó, chăm chỉ làm lụng. Trước cái chết đau thương của người cha do bàn tay của bọn ma lai thâm độc, chàng N'Krăh đã tìm cách tiêu trừ bọn chúng, cứu nạn cho cả dân làng. Các nhân vật Xét (*Dũng sĩ Xét*, Xơ Đăng), Ai Poọc Thây (*Ai Poọc Thây*, Ê Đê) nổi danh với kỳ tích giết “cọp dữ”, “hổ tinh”. Quái vật chết bởi tay chàng Xét thiện chiến là cọp cái thành tinh có tài biến hóa kinh dị. Chàng Ai Poọc Thây với sức lực hơn người, tài “săn bắt” đã giết chết cọp dữ to bằng trâu mộng, khỏe như voi, tiếng gầm của nó làm cây đổ, đá xô, muôn vật khiếp vía kinh hồn. Ai Poọc Thây với sự thông minh, mưu trí đã treo

con hổ dữ lên cành cây cổ thụ trên đỉnh núi Răng Cưa. Bằng cách này, chàng dụ họ hàng nhà cọp trở về quây quần bên cọp chúa. Ngay tức khắc, chàng châm lửa đốt cháy cánh rừng, giết chết hổ chúa và họ hàng của chúng. Từ đó, đồng bào dân tộc Xơ Đăng dưới chân núi được sống trong cảnh thanh bình, không bị nạn hổ bắt người ăn thịt, phá phách nương rẫy, mùa màng nữa. Quái vật hại người dù xuất hiện kinh dị bao nhiêu đi nữa, khi là rồng nước “mặt người” Nang Grai (*Hai anh em chàng Xét, Ê Đê*), đại bàng khổng lồ có 12 móng vuốt sắc nhọn (*Chàng Rook, Ê Đê*), ác thú 7 tai, đầu chân to như đám rẫy, biến hình đủ kiểu để lừa mị người,... thì cuối cùng đều bị diệt trừ bởi đao, kiếm của dũng sĩ. Ở truyện cổ Ra Glai, dũng sĩ Jarumqũ (*Chàng Jamahluq và chàng Jarumqũ*) thông minh giết cùng một lúc vợ chồng quái thú Cơi Rắc Mỏ Rắc chuyên phá hoại mùa màng, ăn thịt người dân trong làng. Chàng dũng cảm nhảy vào miệng cá sấu, vung kiếm chém đứt hết ruột gan, rạch bụng nó, quyết cứu sống người anh bị nó nuốt chửng. Không kém phần tài năng, dũng cảm, các nữ kiệt Đăng Giai (*Nữ thần Đăng Giai, Xơ Đăng*), Ma Kọ (*Thần nước Jakia và nàng Ma Kọ, Chu Ru*) giết ác điều, rắn dữ trừ họa cho buôn làng.

Nếu nói truyện cổ tích là thế giới của huyền thoại dũng sĩ diệt quái vật cứu người thì thể loại sử thi vẫn là mảnh đất màu mỡ để typ truyện này phát huy lợi thế. Truyện cổ tích và sử thi là sự xác nhận con người Tây Nguyên không bao giờ chịu đầu hàng, khuất phục, lùi bước trước bất kì trở ngại nào trong các cuộc chiến chống cái ác, cái xấu. Đó là những con người luôn khao khát chiến thắng và giành chiến thắng. Những chiến công, kỳ tích của người anh hùng, dũng sĩ sử thi thật kì vĩ, hào hùng. Đó là chiến công của anh hùng Đăm Noi chống lại loài quỷ lạ đột nhiên xuất hiện, tác yêu tác quái khiến người khiếp sợ (h’mon *Đăm Noi*). Quái vật Đrang Hạ - Đrang Hơm đã ăn thịt tất cả dân làng, gieo kinh hoàng cho cả một vùng rộng lớn. Cuộc giao tranh của Đăm Noi với quỷ Đrang Hạ - Đrang Hơm kéo dài, kết thúc với chiến thắng của chàng trai trẻ dũng cảm. Anh hùng Giông (h’mon *Giông thử thách*) một mình vật lộn với rắn thần Prao cứu hai nàng Xem Yang, Rang Nă. Quái vật Prao thân mình to lớn, dữ tợn, đầu nó vươn cao tận trời mà thân mình và đuôi vẫn nằm ngoằn nghèo dưới đất, miệng há to như muốn nuốt chửng tất cả mọi người. Cuộc giao tranh của Giông với rắn thần được dân gian truyền kể diễn ra đầy kịch

tính. Dững sĩ Giông thét lên một tiếng vang trời, bay thẳng lên không trung giao tranh với rắn, đâm chém thật mau lẹ, vô cùng khéo léo. Giông “quay khiên thành lửa”, thân mình chàng “quay tít”, không còn thấy đâu là đầu tóc, chân tay. Rắn tấp vào tấm khiên của chàng, lửa lập tức “bùng lên”, ăn lan sang cả miệng rắn. Quái vật mệ há to miệng thở, chàng nhảy vọt, chui thẳng vào bụng nó, chém rưng quả tim khiến nó ngã vật xuống mặt đất. Trước khi chết, con Prao vùng vẫy, quần quai, giãy giụa, trúng cây, cây liền bật gốc, lá bay lá tả như gió bão; trúng đá thì đá văng tứ tung, đất cát mù mịt, trời đất tăm tối như ban đêm (h’mon *Giông thử thách*). Nhân vật Giông tái xuất ở h’mon *Giông cứu nàng Rang Hu* với chiến công đánh thắng loài cá dữ Jơ Gôk chuyên ăn thịt dân làng “từ già đến trẻ, từ con trai đến con gái”, đặc biệt là những người con gái đẹp. Chàng Giông đánh nhau với quái vật cá rồng rã suốt sáu tháng trời, cứu được nàng Rang Hu cùng nhiều dân làng trong buôn thoát khỏi bụng nó. Sau cuộc chinh phạt cá dữ thắng lợi, “*kẻ đi hướng Bắc người về hướng Nam*”, “*kẻ đi ngược, người về xuôi, người ở làng nào thì về làng đó, nhà nào về nhà đó*” và *cuộc sống yên bình đã trở lại ở mỗi làng quê*” (Võ Quang Trọng - Phạm Cao Đạt, 2006, *Giông cứu nàng Rang Hu; Giông đi tìm vợ*, tr.313 - 317).

Ở h’mon *Giông giết sư tử cứu làng Sét*, quái vật là sư tử đực và sư tử cái “to như trái núi”, có “trăm cái tai, tám cái đuôi”, chuyên ăn thịt người, gây bao tai họa cho dân làng. Tương tự, ở h’mon *Dyông Kman*, quái vật là vợ chồng con cái tinh cạp Bok Glung, Bok Gloong chuyên bắt người ăn thịt. Dù bè lũ quái vật biến hóa trăm chiều, khi là người, khi là tinh cạp, mê hoặc, quyến rũ, lại sử dụng đủ thứ vũ khí sắt thép, vẫn không thắng được chàng trai trẻ Kman tài ba, dũng cảm. Dững sĩ Dyông Wiwin (h’mon *Dyông Wiwin*) lập kì tích giết yêu tinh Bya Kbur là con Vích cái khổng lồ đã thành tinh. Quái vật Kbur thân mình đồ sộ, đầu to như con thuyền, da “nung không chảy”, “cứng hơn đá”, “đập không vỡ”, chuyên ăn thịt dân của một vùng rộng lớn. Nó bắt nhốt cô gái đẹp Bya Bông ngoài biển khơi để móc trái tim và hút máu. Dyông Wiwin vung một đường gươm, đuôi con Bya Kbur văng ra biển. Chàng xẹt đường gươm thứ hai, ánh chớp lóe lên, thân Bya Kbur bay lên nguồn, cái đầu đầy máu nằm “lăn quay giữa sàn”. Dững sĩ Dyông Knoa (h’mon *Dyông Knoa*) giết quái vật Bok Jrakông khổng lồ, nửa người nửa thú, chuyên bắt sống người ăn

thịt. Hắn bắt hai em gái Dyông Knoa về làm vợ cho đạt số chẵn ba nghìn “thê thiếp”. Cuộc chiến với quái vật kéo dài, đến năm thứ bảy, Dyông Knoa cùng hai người em của chàng mới kết liễu được cuộc đời kẻ hung bạo, đem lại sự sống bình yên cho con người ở chốn rừng núi hoang sơ. Trong khan *Dãm Trao - Dãm Rao*, dũng sĩ Dãm Rao giết rắn thần khổng lồ hàng năm dâng nước sông cuốn trôi nhà cửa khiến cuộc sống của người dân khắp các buôn trở nên nghèo đói, xác xơ. Quái vật còn thích “*ăn thịt người*”, đặc biệt là những cô gái đồng trinh, trẻ đẹp. Hình dung nó thật đáng sợ, đầu to bằng đầu voi, da và vẩy “*cứng như sắt thép*”, “*kiếm chém vào đều bị bật ra*”. Nhiều người từng đến thử sức giết nó đều bị ăn thịt. Con quái vật trong akhàt jucar *Sa Ea* cũng xuất hiện dưới dạng rắn thần khổng lồ dữ tợn có “*năm hồng mao cầm chống trời*” (tức miệng há to thì đung trời). Nó to lớn đến nỗi khi cuộn mình có thể “*bao bọc cả bản làng*”, mắt “*bằng cái nia*”, vẩy “*bằng cái nông*”, trên mình nó “*mọc toàn đá tảng, cây cối*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Sa Ea*, 2009, tr.1365). Quái vật ngang nhiên ăn thịt dân làng, bắt nàng Anai Ubala xinh đẹp về ngắm chơi rồi nuốt sống. Chiến trận diệt rắn thần của dũng sĩ Sa Ea diễn ra trên mặt đất được mô tả có phần giống như cuộc không chiến kết liễu đời rắn thần Prao của anh hùng Giông trong sử thi Ba Na. Chàng Sa Ea khỏe mạnh, tài ba “*lấy cột sắt*”, “*chống hàm rắn*”, lại “*chui vào bụng rắn*” rạch, cắt hết mọi lực phủ ngũ tạng khiến rắn gằm thét, vùng vẩy làm núi non sụp đổ, đất trời rung chuyển, khói bụi mịt mù, giông bão nổi lên, đất bằng nổi sóng, các ngôi sao cũng rung rinh. Sa Ea tuốt gươm chém rắn ác thành ba khúc, thấy nàng Anai Ubala đã chết do phải chịu cực hình khủng khiếp của quái vật, chàng lại nổi cơn thịnh nộ, vung gươm chém nát thân nó thành “*ba mươi bảy khúc*” khiến “*đất trời mù mịt*”, “*khói bụi nồng nặc*”, thật “*kinh thiên động địa*”. Nhân vật Kamao trong akhàt jucar *Chàng Kei Kamao* là dũng sĩ với chiến tích diệt quái vật Sâu sống dưới biển, chuyên ăn thịt và hút máu người. Cuộc chiến giữa Kei Kamao với quái vật Sâu diễn ra suốt “*bảy ngày bảy đêm*”, “*từ bầu trời xuống mặt đất*”, “*từ đông sang tây*”, “*từ núi này sang núi khác*”, “*dưới biển sâu*” khiến “*trời long đất lở*”, “*lửa cháy rục trời, đất thành tro*”, “*Kei Kamao chém quái vật Sâu thành hai khúc, diệt Trăn ác, Rắn mắt to chuyên ăn thịt người, gia súc trâu, dê, heo, bò, gà ,v.v...*”

(Sakaya, 2018, *Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*, tr.280).

Dũng sĩ Cei Balaok Li - u trong sử thi *Cei Balaok Li - u* liên tiếp đánh thắng vợ chồng quái vật Rak Dewa (Chăn Tinh) độc ác từ hải đảo trùng khơi đến tàn phá buôn làng của chàng. Chàng chém rớt đầu con gái Rak Dewa khi nó quyết sống chết với chàng để trả thù cho cha mẹ. Cei Balaok Li - u tới xứ Chăm giúp nhà vua giết vợ chồng Chăn Tinh khi chúng ép vua phải dâng công chúa út để chúng ăn thịt, nếu không sẽ phá tan nát xứ sở này. Cei Balaok Li - u đã kết liễu đời của tất cả quái vật hung dữ gây hại cho muôn loài. Chiến công của chàng Udai (akhàt jucar *Udai - Ujàc*) lại là giết chết yêu tinh Người - Cọp - Hồ - Tinh, cứu em gái Tiluiq. Chàng dũng cảm tìm đến xứ sở của Người - Cọp - Hồ - Tinh “đốt sạch nhà to”, kho tàng, thiêu sống vợ chồng Người - Cọp. Chàng phóng mũi lao, rút gươm bên lưng, xông tới phang, chém Chi Capa Via Rawơ con gái Người - Cọp - Hồ - Tinh.

Chiến tích diệt quái vật trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là motif truyện kể phổ biến, mang tính huyền thoại. Đây là đỉnh điểm cuộc chiến có ý nghĩa lớn lao, cao đẹp, cuộc chiến bảo vệ cuộc sống thanh bình cho buôn làng, bộ tộc. Nhân vật dũng sĩ với kỳ tích diệt quái vật là sự khẳng định sức mạnh chính nghĩa, lẽ phải, uy danh cộng đồng. Motif cuộc chiến diệt quái vật cứu người, bảo vệ cộng đồng là huyền thoại được nảy sinh trên cơ sở thực tế là những vấn đề lịch sử, xã hội của Tây Nguyên xưa. Cuộc chiến ấy được thần thánh hóa sâu sắc trong một tầm vóc thật lớn lao. Sức mạnh tàn phá, sự nham hiểm, độc ác, hung dữ của “quái vật” là sự huyền thoại hóa tính chất dữ dội, khắc nghiệt của cuộc đấu tranh xã hội, khắc phục hiểm họa thiên nhiên của con người. Trấn áp và chiến thắng cái ác luôn rình rập, bủa vây, đe dọa cuộc sống con người là ước mơ to lớn, đẹp đẽ. Nhân vật dũng sĩ đi vào cuộc chiến với “quái vật” trong tư thế là người đại diện xuất sắc nhất cho sức mạnh và tài năng cùng khát vọng chiến thắng của toàn thể cộng đồng.

2.2.4.2. Kỳ tích đánh thắng các tù trưởng, tộc trưởng, giặc cướp tham bạo

Thế lực tàn hại cuộc sống con người trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên không phải bao giờ cũng “hiện hình” là những “quái thú”, “quái vật” lộng hành, man rợ. Sự huyền thoại hóa cuộc chiến gian nan, muôn hình muôn vẻ chống lại thế lực phi nghĩa của người xưa dường như đã không hề lặn át hết sự trần trụi của những

xung đột, chinh chiến giữa chính con người và con người trong lịch sử, xã hội. Đối thủ của nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là những tù trưởng, tộc trưởng láng giềng hùng mạnh, tham bạo; vua và binh lính cường quyền, cả những đám giặc cướp vô danh hung hãn,... Dám đương đầu chống lại và chiến thắng sự hung bạo, dã man của lực lượng tàn ác này là kỳ tích của nhân vật dũng sĩ, con người mà dân gian mơ ước. Bằng những câu chuyện khác nhau nhưng có chung hoặc gần gũi về typ truyện, thế giới truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên đã truyền kể chiến công “diệt ác, trừ bạo” bao gồm các loại địch thủ nguy hiểm của nhân vật anh hùng, dũng sĩ.

Đối với truyện cổ tích, khác với sử thi, thường nhân vật dũng sĩ “không phải là con dòng cháu giống”, “có tên tuổi, địa vị, danh vọng”, mà đó là “một chàng trai nghèo”, “chàng mồ côi”, “chàng da đen”, “chàng lười”,... Những nhân vật này “*tiếp nhận sự phù hộ của thần linh hoặc nhờ sự giúp đỡ của một sức mạnh khác thường, một ma thuật chẳng hạn, và thế là họ làm nên những điều thiện, trừng trị kẻ ác ngay giữa trần thế*” (Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, 1985, tr.13).

Chàng K’Pro (Chàng Sóc K’Pro, Cơ Ho) trước bọn giặc đông đúc, ngang ngược, nhờ sự thông minh hiểu đặc tính sừng trâu, sừng dê, sừng hươu nên đã nấu cho chúng ăn. Bọn giặc ăn xong lại uống nước lạnh, sừng gập nước lạnh đông cứng lại thành độc dược giết chết lũ giặc. Chàng K’Pút (Chàng K’Pút con thần Mặt trời, Cơ Ho) chiến thắng bọn cướp đông như đàn vắt, hung hăng, ngang ngược. Chúng đi đến đâu đốt phá buôn làng đến đó, cướp trâu bò, bắt con gái đẹp, đuổi người lương thiện vào rừng. Biết bao dũng sĩ lên đường đánh đuổi chúng nhưng không bao giờ trở lại. Máu họ đã thấm đỏ vùng đất quê hương. Căm giận bọn cướp tàn độc, chàng K’Pút vung gươm lao thẳng vào bọn cướp, đánh đuổi bọn chúng tan tành như lá rụng. Bước chân K’Pút đi đến đâu đều nghe tiếng rì rào của dòng suối ngày đêm kể về những kỳ tích của chàng. Chàng Tú (Gươm ông Tú, Ba Na) nhìn quê hương bị giặc tàn phá đau thương, tang tóc, lòng vô cùng căm giận, nung nấu chí diệt giặc. Chàng được Trời ban cho thanh gươm thần. Gươm tỏa ánh hào quang làm mờ ánh sáng mặt trời, mặt đất tối sầm, gió bão nổi lên, sấm sét gầm thét. Dũng sĩ múa gươm xông thẳng tới kẻ thù. Gươm của chàng vung tới đâu, quân giặc tan tới đó. Chỉ trong

một đêm, lũ giặc hung hãn và tên bạo chúa đều bị giết chết dưới lưỡi gươm của người anh hùng. Dũng sĩ Baraká (*Anh hùng Baraká*, Chu Ru) lãnh đạo dân làng đánh đuổi bọn cướp hung ác kéo tới tàn phá buôn làng. Baraká căm nộ, mỗi lần lấy bắn thì “bảy mũi tên” đồng loạt nhằm thẳng vào bọn cướp, khiến chúng bỏ chạy, sập bãi chông mà chết. Chàng trai trẻ Tăm Đông (*Cha con Tăm Đông*, Chu Ru) không hề run sợ đã ra tay tiêu trừ bọn cướp chuyên bắt các cô gái đẹp mang bán cho vua xứ Ma làm vợ. Tên Lang Đạt gian ác, con trai chúa đất ngang nhiên cướp nàng H’bia Luy vợ chàng trong ngày cưới cũng bị chàng trừng trị. Dũng sĩ K’Chơi (*K’Chơi và Ma Lêng*, Cơ Ho) vượt qua rừng rậm, sông sâu, tìm em gái bị vua Cá nổi tiếng hung ác cướp. Đoàn quân của vua Cá với nhiều gươm giáo và bầy voi ngựa hung tợn bủa vây K’Chơi. Chàng K’Chơi vung lưỡi gươm mạnh như giông bão khiến quân của vua Cá khiếp sợ bỏ chạy. Vua Cá phải trả lại em gái cho K’Chơi. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp*, Chu Ru) đánh nhau “bảy ngày, bảy đêm”, rượt đuổi vua Tao Nông Na khắp cùng trời cuối đất, cát đá bung khói lên trời mù mịt. Chàng giết chết vua để bảo vệ người vợ thân yêu bị vua cướp đoạt. Dũng sĩ Têê (*Kachây B’nhool*, Chu Ru) một mình phi ngựa chiến đánh bại vua và binh lính các nước Tàu, Miên, Lào, Xiêm cứu vua Chăm và đất nước họ thoát khỏi nạn ngoại xâm. Chàng tìm được xác vua Chăm bị mắc trên cây đào, mang về hoàng cung, làm phép cho vua sống lại. Dũng sĩ Đăm Đoăn, Đăm Mao (*Đăm Đoăn và Đăm Mao*, Xơ Đăng) quyết trừng trị tên vua bạo ngược và hàng trăm ngàn binh lính. Đó là những kẻ độc ác, giết người không ghê tay. Chúng sát hại từ người già đến người trẻ, bắt những cô gái đẹp làm vợ. Chúng đi đến đâu là ra tay đốt phá nhà cửa, làng mạc của người dân đến đó. Khắp nơi, tiếng khóc dậy vang thảm thiết. Cuộc huyết chiến của hai chàng với bọn chúng kéo dài “suốt ngày này sang đêm khác”. Đăm Đoăn, Đăm Mao giết chết hàng ngàn binh lính của tên vua độc ác với bằng tất cả các loại vũ khí nỏ, khiên, đao, kiếm. Ở truyện *Chàng Trăng* (Ba Na), dũng sĩ Trăng dũng cảm giết tên bạo chúa và bọn lính đến chiếm đất của dân làng, bắt tất cả mọi người làm tôi tớ. Chàng thúc ngựa, tiến thẳng đến tòa thành của bạo chúa, vung gươm chém đầu giặc rụng như sung. Cả tòa thành chìm trong vắng lặng, kẻ ác bị trừng trị đích đáng. Để cứu người em gái bị tên Potao cưỡng quyền cướp đoạt, dũng sĩ trong truyện *Nàng*

Koi Boling (Cờ Ho) không quản ngại vượt qua muôn trùng khó khăn, trở ngại để tìm đến được buôn làng kẻ bạo ngược. Kết thúc chặng đường với đầy rẫy những cam bẫy, hiểm nguy, chàng trai trẻ lại trực diện giao tranh với lão Potao hung tợn, thiện chiến. Truyện *Chàng Đam Thí* (Ê Đê) là bản anh hùng ca về chiến công chống lại tên tù trưởng Đam Phu đầy thế lực và tàn ác. Truyện kể rằng, dưới sự cai quản của Đam Phu, dân làng chịu trăm ngàn cơ cực. Nay hấn phá làng này, mai phá làng khác. Dân bị bắt làm nô lệ. Con gái đẹp bị ép làm vợ. Buôn làng dậy tiếng khóc than. Rừng núi, sông suối gào lên giận dữ. Đam Thí chứng kiến thảm cảnh, nhức nhối trong tim, quyết tìm và giết bằng được tên Mtao hung ác. Lâm trận, chàng Đam Thí vung đao lao vào Đam Phu và đám tôi tớ. Chàng múa đao, bọn chúng chết ngã nghiêng, chạy tán loạn vào rừng, ra suối. Đường đao “nhanh như chớp” của Đam Thí hạ gục Đam Phu. Từ đó, buôn làng yên lành, trẻ, già, trai, gái thoát kiếp nô lệ. Dũng sĩ Nai Ngọc (*Tiếng hát người đá*, Ra Glai) bằng tài nghệ ca hát của mình đã hạ gục hàng ngàn tên giặc biển tới cướp phá buôn làng. Không sử dụng vũ khí gươm, đao mà chàng sử dụng vũ khí âm nhạc thần diệu. Khi chàng cất cao tiếng hát như gió mát, du dương, trăm bông thì quân giặc đờ người, buông tay kiếm, binh khí tuột khỏi tay, ngã xuống, chết dưới chân những đàn voi, đàn ngựa. Chàng Cá Sấu (*Chàng Cá Sấu*, Ê Đê) là đối thủ đáng gờm của bọn Mtao ở “buôn làng phía Tây” và bọn Mtao ở “buôn làng phía Đông”. Thế lực chúng là những kẻ nổi tiếng hung bạo, tàn ác, “đông như bầy mối, bầy kiến”, “giáo mác tua tủa như cây rừng”. Chúng đi đến đâu, cướp của, đốt nhà đến đó. Dũng sĩ Cá Sấu đánh cho bọn chúng phải quỳ xuống xin hàng. Chàng tha tội chết cho chúng. Những kẻ ác thề thốt từ đó về sau sẽ không còn dám làm điều ác độc, sống vui vẻ, hòa thuận cùng bà con dân làng. Nhân vật Đăm Kơ Tía Truôl (*Đăm Kơ Tía Truôl*, Ê Đê) là một trang nam nhi hào kiệt đã trừng trị lão Mtao Hơ ril, một *Yang boriêng* (hung thần) chuyên cưỡng ép, cướp đoạt những người con gái đẹp làm vợ. Nữ dũng sĩ Ka Yiêng (*Ka Yiêng đánh giặc*, Mạ) là anh hùng buôn làng thực thụ với chiến tích đẩy lùi nạn cướp bóc, mang lại cuộc sống yên ổn cho mọi người. Hình ảnh nàng giương ná, đứng trên “mỏm đá cao” bắn hàng trăm mũi tên chặn đứng đà tiến của lũ giặc cướp thật oai phong. Truyện còn kể rằng, khi lũ giặc bị bắt run sợ xin tha tội chết, đồng thuận với các già làng “mở lòng độ

lượng”, Ka Yiêng “khoan hồng”, khuyên bảo chúng “đừng làm việc ác”, “về xứ làm ăn, ở hiền với vợ con”. Thêm nữa, nàng còn cấp cho những kẻ bại trận “bảy tưng (chén) gạo để ăn đường”. Nàng Mạ (*Sự tích bái tiên*, Mạ) đánh tan bọn cướp kéo tới làng buôn đốt nhà, cướp của, đánh người và trả thù cho cha mẹ bị chúng làm đi hai mắt, đánh liệt hai chân. Người dũng sĩ vượt biển cả mênh mông ròng rã ba năm, đến vương quốc của Nữ Thần Mặt Trời, đánh bại Thần Sét (chồng Nữ Thần) và lấy nàng làm vợ cũng được coi là chiến công rất đáng ngợi ca (*Di Ông lấy Mặt Trời* - Gia Rai).

Các *khan, h'mon, h'ri, akhat jucar, hơ m'uan,...* gần như đều là những áng văn ngợi ca chiến công, kì tích “diệt ác trừ bạo” cứu giúp, bảo vệ cộng đồng của nhân vật anh hùng, dũng sĩ. Nhân vật trung tâm trong sử thi là các dũng sĩ trận mạc thường có vai trò là người thủ lĩnh tài ba, quả cảm đến mức kì vĩ. Người dũng sĩ sử thi cho dù phải đối đầu với kẻ thù hùng mạnh đến bao nhiêu đi chăng nữa thì họ cũng đều đánh bại chúng. Vận mệnh nhân vật này luôn gắn với những chiến tích lớn lao được lập nên trong những cuộc giao tranh với đối thủ cũng thường là những thủ lĩnh, những tù trưởng, tộc trưởng hùng mạnh, hung hãn lừng giềng.

Chiến công bảo vệ buôn làng của anh em Giông, Gió được truyền kể từ bao đời nay trong các plei Ba Na ở Bắc Tây Nguyên, trong *h'mon Giông, Gió đánh giặc từ thửa bé*. Trước sự xuất hiện bất ngờ, hành động cướp bóc, tàn phá hung hãn của bọn giặc, dân làng Giông lúng túng, hoang mang. Giông, Gió lúc ấy mới “đến tuổi đóng khố” nhưng quyết đòi ra trận cho bằng được, thay cha đánh đuổi giặc. Hai anh em đã hợp sức cùng dân làng truy đuổi giặc “từ mặt đất lên không trung”, “từ thượng nguồn xuống hạ nguồn”. Giữa không trung, khiên đao Giông, Gió chém giặc lấp loáng, sáng rực. Quyết chấm dứt giao tranh, dũng sĩ Giông dồn hết sức lực giết chết hai tên thủ lĩnh của giặc là Pupung và Xormam. Cuộc giao tranh kéo dài đến lúc Giông, Gió lấy vợ mới kết thúc. Hai chàng đánh giặc khi tuổi còn niên thiếu, thắng giặc khi đến tuổi trưởng thành. Trong nhiều *h'mon* Ba Na, Giông là nhân vật dũng sĩ có vai trò quyết định làm nên chiến thắng bảo vệ buôn làng. Trong các cuộc giao tranh diễn ra trên không trung, Giông xông vào bọn giặc với tinh thần quyết chiến, chàng “kéo khó lại thật chắc” rồi “nhảy phất lên” trời “vung tay phải, múa tay trái”,

quân giặc bị chàng “chém rụng hàng loạt”, như người ta phạt những đám khoai môn”, “xác người rơi lá tả như lá rụng” (motif cuộc không chiến dữ dội) (Phan Thị Hồng, 2002, *Giông, Gió mờ cõi từ thửa bé*, tr.138). Anh hùng Giông luôn làm chủ các trận chiến chống lại mọi sự tấn công cướp phá của kẻ thù. Sức mạnh của chàng khiến cho “núi phải lở”, “biển phải động, nước dâng lên ùn ùn”, “ngập lụt cả miền hạ nguồn”. Ở h’mon *Giông nghèo tám vợ*, từ cuộc phiêu lưu dũng cảm đi tìm nàng Jên Yron xinh đẹp xứ biển, dũng sĩ Giông đã khám phá được cội nguồn, căn nguyên gây nên sự đổ vỡ, thất thế của gia đình, làng buôn mình. Bản lĩnh người dũng sĩ đã giúp chàng tìm được lễ vật tạ ơn thần, trả lại sự thịnh vượng xưa cho buôn làng. Giông còn dẫn đầu dân làng mình liên minh với các làng bên chặn đứng cuộc tấn công hung hãn của bọn trai tráng hạ nguồn, bảo vệ những người vợ xinh đẹp, xây dựng làng buôn hùng mạnh. Dũng sĩ Giông trong h’mon *Giông giết sư tử cứu làng Sét* dẫn đầu cuộc chiến đánh bại bọn giặc từ hạ nguồn kéo tới cướp phá buôn làng. Bọn chúng ghen ghét, đố kỵ sự giàu có, hùng mạnh của buôn làng chàng. Với vai trò thủ lĩnh, Giông “bày binh bố trận” khôn khéo: một đội phục sẵn ở khe núi chặn đường rút lui của đối phương, số còn lại kéo lên rẫy vẫy đánh bọn giặc cứu các cô gái bị chúng bắt. Một cuộc giao tranh xảy ra, quân giặc bị quân của Giông vây đánh, chạy tán loạn, một số tên cầm đầu bay lên trời. Cuộc không chiến dữ dội diễn ra khiến cho trời đất chìm trong mưa bão. Cuối cùng, Giông chiến thắng, tiêu diệt được năm tên cầm đầu là Klot Mãng, Jrăng Wal, Bung Lung, Jrung Mãng, Jrăng Kiak hung dữ. Cuộc sống yên bình trở lại với buôn làng Giông, mọi người cùng “chăm chỉ làm ăn”, “sống yên vui, thanh bình. Sử thi *Giông đập đổ núi đá cao ngất* đã “tái hiện” cuộc chiến kéo dài giữa Giông và Glai Phang cùng đồng bọn. Glai Phang phao tin Giông cướp vợ của hắn để lấy cớ đem quân đi đánh lại chàng. Cuộc chiến giữa Giông và Glai Phang diễn ra dữ dội. Giông dùng khiên “bay lên trời” rồi rải gạo xuống, gạo “biến thành lửa” đốt cháy hết bọn giặc ở dưới đất. Glai Phang cũng bay lên trời thách đấu với Giông, Giông “vung gươm” giết chết Glai Phang. Lũ trai tráng đồng bọn Glai Phang là Pư Pung, Xor Mam, Jrung Mãng, Pro Har, Kơ Đông, Chrông Dơ Xi,... cũng cùng chung số phận. Nhân vật Bya Phu (h’mon *Hai chị em Dyông*) giết bọn Blang Koong, Bloong Mak, Đâkble, Tewek cùng những kẻ gây nhiều tai

họa cho buôn làng. Nàng Bya Lingkoong (h' mon *Bya Lingkoong*) dám chống lại và chiến thắng cha con Bok Ter và tội tở của chúng, trả thù cho cha mẹ, dân làng bị chúng bắt bớ, sát hại. Nữ anh hùng Awoi Nãi Tilor (akhàt jucar *Awoi Nãi Tilor*) tá xung hữu đột trong các cuộc chiến với kẻ thù, chiến thắng Matien, Sa - ien con gái vua thần Biển để bảo vệ nhân phẩm của mình. Nàng cũng chiến đấu dũng mãnh, đánh bại 17 vua, giặc Cur, giặc Jawa cùng nhiều ác thần khác như thần Lửa Tumuh, vợ chồng thần Éch, thần Bão tố, thần Gió lốc để bảo buôn làng. Đó cũng là uy danh của cả cộng đồng, bộ tộc nơi nàng Tilor đang nắm giữ.

Nhìn chung, những cuộc chiến của người dũng sĩ có mục đích cao đẹp là đem lại cuộc sống bình yên, sung túc cho cộng đồng. Những cuộc chiến đó mang tính chất là những cuộc chiến tự vệ, trả thù, giành lại vợ “bị cướp”, “bảo vệ” người đẹp, “đòi lại vật quý” của các dũng sĩ. Thông qua những chiến công, kỳ tích người dũng sĩ khẳng định sự hùng mạnh, giàu có của cộng đồng mình. Trong công trình *Sử thi Êđê*, nhà nghiên cứu Phan Đăng Nhật (1991) nhận xét: “*Giành lại được người vợ của tù trưởng trong chế độ mẫu hệ là bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lực của cộng đồng*” (tr.110). Do vậy, dũng sĩ Đam Săn (khan *Đam Săn*) đã quyết chiến thắng các Mtao để giành lại vợ bị chúng cướp. Dũng sĩ Mdrong Dăm (khan *Mdrong Dăm*) từng băng rừng, lội suối đi tìm và giành lại người vợ bị cướp. Các Mtao chuyên đi cướp vợ nhà giàu lần lượt ngã xuống dưới sức mạnh khiên đao của chàng. Anh em Đăm Di (khan *Đăm Di*) đánh bại các tù trưởng Đăm Chút, Chi Morê, Đăm Bra, Đăm Đrang để giành lại nàng Hbia Plao. Chiến tranh trong sử thi Tây Nguyên là những cuộc chiến vì sự sống còn và vì hạnh phúc của cộng đồng. Sử thi *Giông nghèo tám vợ* là cuộc chiến giữa dũng sĩ Giông với Glaih Phang để giành nàng Jên Yrou. Sử thi *Tre Vắt ghen ghét Giông* lại là cuộc chiến giữa Giông với Tre Vắt giành nàng Xem Yang. *Sử thi Giông bọc trứng gà* là cuộc đấu sức giữa dũng sĩ Giông với Glai Phang. Cuộc chiến diễn ra khốc liệt suốt ba tháng ròng, bầu trời không còn ánh sáng, mưa gió nổi lên khiến cả vùng ngập lụt. Cuối cùng Giông chiến thắng Glai Phang cùng bọn xấu ở vùng hạ nguồn. Chiến công của người dũng sĩ còn là những cuộc chiến phục thù, khôi phục tự vệ thành công. Dũng sĩ - những người lỗi lạc đứng đầu công cuộc khôi phục - tất yếu sẽ đứng lên lãnh đạo cuộc chiến phục thù và lập công

lớn. Đây là nhân vật luôn chiếm vị trí trung tâm trong các sử thi. Dưới nhiều cái tên khác nhau: Xing Nhã, Đăm Di, Giông,... tất cả các dũng sĩ đều mang trong tim nỗi đau là người thân của họ bị kẻ xấu, kẻ ác đánh đập, hành hạ, bắt giết,... Vì thế, trong họ thường trực ý thức tiến công kẻ ác, kẻ xấu để đòi lại công lí. Chàng Xing Nhã (khan *Xing Nhã*) đã giết bè lũ Giarơ Bú báo thù cho cha, cho mẹ. Khan *Đăm Di đi săn* lại là cuộc chiến báo thù của anh em Đăm Di. Trước cảnh buôn làng bị tàn phá tro bụi, điêu tàn, người người kêu khóc gọi cha, gọi mẹ, gọi con, gọi vợ,... Trong hoàn cảnh này, vai trò của dũng sĩ Đăm Di được khẳng định. Chàng dẫn đầu đoàn người trong làng đi đánh bọn Carơ Bú với mũi giáo “dày như bông lau”, “mũi dao nhiều như ngọn lách”, “cánh ná dày như cành cây rừng già”, ống tên “như giàn mướp đang sai”, đĩa khiên “lấp lánh như ánh mặt trời”, lưỡi dao “sáng loáng như tia chớp”,... đàn voi, đàn ngựa chiến “vội khí thế hùng hục”. Sức mạnh áp đảo của cuộc chiến phục thù, dũng sĩ đã đẩy đối phương vào tình thế bị động. Kẻ mạnh trở thành kẻ yếu, kẻ ác đã đến lúc phải trả nợ máu, thua cuộc, bỏ chạy tan tác trước sự xuất thân của lực lượng báo thù. Nổi bật trong cuộc giao tranh là hình ảnh chàng trai trẻ Holát Dang tài ba, tay khiên, tay đao nhảy một nhảy đã đuổi kịp Carơ Bú, chẳng để hấn kịp van xin, chàng vung đao, Carơ Bú gục xuống. Câu chuyện về cuộc chiến báo thù, khôi phục gia đình, làng buôn của Xing Nhã, Đăm Di, Holát Dang,... quả là quyết liệt. Tinh thần phục thù, khôi phục cộng đồng, trả thù thế lực tà ác của các dũng sĩ luôn ở trong trái tim của họ. Đây cũng là type truyện phổ biến, đặc thù của sử thi các dân tộc Tây Nguyên. Ở các sử thi Ê Đê, Ba Na khác, ta cũng tìm thấy trong nhiều chiến công của các nhân vật dũng sĩ tinh thần phục thù, khôi phục. Với h' mon *Xét giàu có vàng*, trong vai trò đưa con sống sót, Giông lớn lên đã ý thức được mối thù xưa. Đó là cuộc tàn hại của bè lũ Jai, Lao khiến cuộc sống giàu có nức tiếng của gia đình chàng bỗng chốc sụp đổ. Giông đã thực hiện trọn vẹn cuộc đoàn viên gia đình, tái lập cuộc sống đông vui, hùng mạnh của buôn làng từng bị phá nát. Khan *Đăm Tiông* truyền kể về cuộc chiến tranh cướp người đẹp H' Bia Diệt kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cuối cùng Mtao Ksok phải đứng ra can ngăn, hòa giải các dũng sĩ không nên đánh nhau, khuyên nhủ xóa bỏ hận thù; chủ buôn, nô lệ ai ở đâu trở về nơi đó, chung sống thuận hòa với vợ con, buôn làng. H' mon *Giông*,

Giờ mờ cõi từ thừa bé là sự kết nối chuỗi kỳ tích của dũng sĩ Giông: hoàn thành chuyến trở về quê hương thượng nguồn gian khổ; xây dựng lại buôn làng, lấy vợ và chiến đấu bảo vệ vợ thắng lợi; đánh bại cuộc tấn công, cướp phá của các đối thủ Jrai, Lao, Pư Pung, Xơ Mam. Ở h' mon *Giông mài đao*, công cuộc phục thù, khôi phục vẫn là cái đích cuối cùng của các dũng sĩ. Biết tin cuộc giao tranh do Giớ dẫn đầu với bọn Klót Măng đang diễn ra trong tình thế bất phân thắng bại, Giông lập tức mang khiên, đao ra trận, kết thúc thắng lợi. Những kẻ vốn ghen ghét, thù hận với danh tiếng của Giông, từng giết hại chàng đã bị trừng trị. Trong sử thi *Giông leo mía thân*, dũng sĩ Giông đã giành hai chiến công liên tiếp: giết chết Dăm Der để trả thù cho em trai bị chính hắn giết hại trong cuộc chiến tranh giành vợ; đánh bại bọn Pư Pung, Jrung Măng, Jrăng Kiăk, Hri Kơ Đông, Chrông Doxi - những kẻ giết người, tàn phá buôn làng. Ở sử thi Xơ Đăng, những câu chuyện ngợi ca chiến công của dũng sĩ Dăm Duông trừng trị những kẻ phá phách, tàn ác được các nghệ nhân truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chàng Dăm Duông (hơ m'uan *Dăm Duông trong lót ông già*) giành chiến thắng ở trận chiến với Ding Grang, Măng Lăng những kẻ âm mưu giết chàng, cướp người vợ Bar Mã xinh đẹp. Cuộc giao đấu giữa Dăm Duông và Măng Lăng rất quyết liệt. Hai người quần nhau tới gốc cây đa làm “cây đa đổ”, tới cây sung “cây sung tróc gốc”, tới tảng đá khiến “tảng đá sập xuống”. Dăm Duông tóm được Măng Lăng ném tung lên trời, máu hắn tuôn chảy như mưa, kêu cứu âm ỉ. Bằng trí thông minh và sức mạnh phi thường, Duông đánh bại hắn, giành chiến thắng. Dăm Duông (hơ m'uan *Dăm Duông làm thủ lĩnh*) đã khẳng định vị thế thủ lĩnh của mình, không chỉ giỏi “điều binh khiển tướng”, chàng còn trực tiếp tham chiến một cách ngoan cường. Chàng đánh bại tên tướng sừng sỏ nhất của Tur Gôk là Măng Lăng, đuổi theo giết chết Tur Gôk, thu lại toàn bộ vùng đất rộng lớn mà Tur Gôk đã chiếm của tộc trưởng Tur Dũ. Trong hơ m'uan *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*, Duông đã có những cuộc đấu trí, đấu sức với nhiều đối thủ, giết quỷ Te Tô cứu nàng Bar Mã xinh đẹp, đánh thắng thường luồng và đười ươi Gluih hại người. Tiếp đó, Dăm Duông giao tranh với Hơ Mã Nơ Nang, kẻ định giết hai vợ của chàng là nàng Bar Mã và Bia Kơ Ton. Dăm Duông múa khiên, những tia chớp lóe lên rực sáng. Lửa khói bốc lên cao ngàn ngút. Với sức mạnh của mình, chàng đã giết chết

Hơ Mã Nơ Nâng độc ác và gian dối. Trận chiến thứ năm, Duông đánh bại Tre Wet Krong Bung, kẻ đã bắt cóc người vợ của chàng là nàng Bar Mã ngay trong đám cưới.

Sử thi các dân tộc Tây Nguyên là những câu chuyện hàm chứa quy luật: cuộc sống luôn đổi thay, vận động và vươn lên. Thế hệ sau sẽ tiếp nối thực hiện, giải quyết những vấn đề của thế hệ trước. Chiến thắng sẽ thay thế thất bại, đoàn viên sẽ thế chỗ chia li, hưng thịnh sẽ phủ định đổ nát. Trong rất nhiều áng truyện trường thiên ở khắp mọi địa bàn Tây Nguyên là điệp khúc ca tụng chiến công, kì tích cứu giúp, khôi phục cộng đồng của người dũng sĩ. Khi đối diện và giao tranh với kẻ ác, kẻ xấu, suy nghĩ của họ rất rõ ràng - đó là để bảo vệ người thân, buôn làng. Đây chính là trách nhiệm và nghĩa vụ chính đáng, cao quý của họ. Dũng sĩ Hơlat Dang (khan *Đăm Di đi săn*) đồng dục tuyên bố *“Làm trai tôi phải đánh kẻ ác giữ buôn, giữ nhà. Nếu còn sống, ta còn trở về ăn cơm, uống rượu nhà ta, nếu phải bỏ xương nơi bãi trâu, bỏ xác nơi bãi bò vì buôn làng, ta cũng hả dạ, cam lòng”* (Nhiều tác giả, 1998, *Sử thi Tây Nguyên*, tr.442).

Số phận của người dũng sĩ sử thi gắn liền với số phận của cộng đồng, làng buôn. Như vậy, chiến tranh, xung đột luôn xảy ra trong cuộc sống và sứ mệnh cao đẹp của người dũng sĩ là chiến đấu và lập nên những chiến tích, đem lại sự bình yên cho cộng đồng. Trong sử thi Ra Glai *Udai - Ujàc*, dũng sĩ Ujàc đến xứ sở của Hulòu Valàc hỏi tội và trừng trị hấn trả thù cho người mẹ từng bị hấn ngược đãi cho đến chết. Chàng Ujàc “mắt đỏ rực như cà chín”, “gân như trái ớt chín” và “gươm không rút ra sẽ nổ trong bao”, “đao không rút ra sẽ nổ tung trong cán” đốt trụ cả xứ sở của Hulòu Valàc. Chàng so gươm với hấn đến mức gươm thần “chạm nhau như sét nổ sấm vang” và lưỡi gươm thần của Hulòu Valàc bị “chẻ làm đôi”. Hulòu Valàc bị hất tung từ lầu cao xuống đất, hoảng loạn chạy thoát vào rừng. Ujàc lại phóng ngựa đến phá nát kinh thành của vua Chăm, trả mối thù xưa cho người mẹ bất hạnh bị hàm oan. Ujàc cưỡi ngựa chiến, “phóng ào ào”, “lao vùn vụt” giao chiến với vua Chăm. Ngọn giáo của vua Chăm rực lửa, xẹt nơi đỉnh đầu Ujàc như sét đánh. Thanh gươm của Ujàc mạnh hơn, cả nhà vua Chăm bị giết sạch, lầu to đài lớn bị thiêu hủy thành đống tro tàn. Dũng sĩ Ujàc còn đánh thắng Chi Ta, kẻ đã từng từ hôn với mẹ chàng, bắt dì của chàng làm nàng hầu. Dũng sĩ được suy tôn lên làm vua trị vì xứ sở. Chiến

công của Ujàc là trừng trị kẻ ác, rửa sạch oan khuất, mở mang bờ cõi, xừ sở, khẳng định sự giàu có, quyền uy và phẩm giá làm người. Dũng sĩ Dãm Chi Lãng (akhàt jucar *Dãm Chi Lãng*) đánh thắng giặc Cur, giặc Jawa từ biển tràn vào, từ đất liền kéo tới. Bọn chúng kéo đến xâm chiếm đất đai, giết hại dân lành, sát hại cha mẹ chàng. Dãm Chi Lãng giết hết giặc Cur, giặc Jawa trên sông, trên biển, trên đất liền trả thù cho cha mẹ và mang lại cuộc sống yên bình trên quê hương. Dũng sĩ Amã ChiSa (akhàt jucar *Amã ChiSa*) với vai trò chủ làng đã tập hợp các thành viên trong gia tộc đánh giặc Cur, giặc Jawa đến quấy nhiễu, phá phách cuộc sống yên bình của họ. Xác quân giặc chất đầy đồng, đầy sông, đầy biển, làm nghẽn dòng nước nơi cửa biển, những tên sông sót thì khiếp sợ bỏ chạy. Dũng sĩ Amã Cuvau VongCoi (akhàt jucar *Amã Cuvau VongCoi*) chưa từng một lần chiến bại trong các cuộc giao tranh với giặc Cur, giặc Jawa để bảo vệ cuộc sống bình yên cho toàn thể cộng đồng. Ba lần chàng ra trận, hai lần đánh giặc Cur, giặc Jawa và một lần đánh quân của vua Chăm do giặc Cur, giặc Jawa cầu viện, chàng đều giành chiến thắng. Thế tiến công của Amã Cuvau VongCoi dũng mãnh như chẻ tre khiến giặc Cur, giặc Jawa buộc phải đầu hàng, thề độc sẽ không bao giờ đi xâm lược nữa. Dũng sĩ Sa Ea (akhàt jucar *Sa Ea*) đi tiên phong trong trận chiến khốc liệt với “quân trăm, quân ngàn” của vua Tamul và Chay Grăm Chay Grăm. Sa Ea một mình một ngựa phi thẳng vào nơi “đất chết”, đối đầu vua Tamul, kẻ nắm giữ “17 vua các xứ, 17 chúa các làng”. Đội quân của chúng tràn ngập cả xứ sở đồng bằng mênh mông, “đen đặc như đêm tối trời”. Dũng sĩ Sa Ea phá tan vũ khí của kẻ thù. Chàng dẫn đầu đoàn chiến binh bay trên mình ngựa bạch, dùng mưu trí, tài phép trói đứng vua Tamul, “đánh tan xứ vua”, “đánh thắng xứ chúa”. Dũng sĩ Sa Ea và đại gia tộc đã giành chiến thắng, cùng chung vui trong tiệc mừng thắng trận. Dũng sĩ Cei Balaok Li - u (akhàt jucar *Cei Balaok Li - u*) diệt các vua ác đến phá làng, chiếm đất đai, rừng núi, biển cả của quê hương chàng. Hơn mười trận chiến với các vua Atau, Cak Ceng nơi xứ biển; vua Tanah trên núi và rừng già; các vua Maok Sa Banah Drei, Phak Kalak, Masek, Cak Ceng Tabeng Hareh, Soh Baya trên trời; xứ Raglai, xứ Kinh, xứ Tàu, xứ Chăm,... chàng đều giành chiến thắng. Dũng sĩ Cei Balaok Li - u thống nhất cộng đồng, đem lại hòa bình, ấm no cho muôn dân; xây dựng được “ba mươi bảy làng”, “ba mươi bảy xứ”.

Từ đó, xóm làng yên vui, mọi người đoàn kết làm ăn giàu có, lấy nhau sinh con, đẻ cháu, phát triển, bình an.

Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là con người của chiến công, kì tích, con người không bao giờ khuất phục, lùi bước trước bất kì trở ngại nào trong cuộc chiến chống cái ác, cái xấu. Sự xung đột, tranh chấp giữa lực lượng chính nghĩa và phi nghĩa, tà ác luôn diễn ra ác liệt trong mọi không gian và kéo dài về thời gian. Người dũng sĩ bám sát, giao tranh với các đối thủ từ “mặt đất” lên “bầu trời”, giữa biển khơi mênh mông, đồng bằng rộng lớn, rừng núi, âm phủ, thủy cung; ở các xứ Tàu, xứ Chăm, xứ Lào, xứ Miên, đất Khơ Me,... Thời gian đo sức, quyết đấu là không thể giới hạn, có khi “năm ngày”, “bảy ngày”, “nửa tháng”, “mấy kì trăng”, nhưng cũng không hiếm khi là liên miên từ năm này sang năm khác. Người dũng sĩ đánh đuổi kẻ địch, bảo vệ buôn làng phải lăn lộn nơi chiến trận từ tuổi ấu thơ cho tới lúc trưởng thành, khi tóc còn xanh cho đến khi mái đầu bạc trắng. Thậm chí có những trận đánh phải mất hơn hai trăm năm mới giành chiến thắng (*Tyông và lũ người có đuôi* - Ba Na),... Sẽ là không quá lời khi nói rằng, ẩn chứa sau sự diễn đạt trên là một sự thực về tính dai dẳng, quyết liệt của cuộc xung đột, đối đầu giữa chính và tà, thiện và ác, tốt và xấu trong xã hội loài người từ cổ xưa. Tuy nhiên, với việc sử dụng tất cả mọi thứ vũ khí nguy hiểm nhất như: khiên, đao, dao, lao, tên độc, thuốc thần,... cho đến tiếng hát, bản đàn ngọt ngào, tiếng chiêng, khèn, sáo, mã la,... nhân vật dũng sĩ và cộng đồng của mình hầu như luôn đánh bại kẻ địch. Sức mạnh của nghệ thuật, thứ “quyền lực mềm” một vũ khí vô hiệu hóa sự tàn bạo từng là mơ ước đẹp được truyện cổ tích *Tiếng hát người đá* (Ra Glai) truyền kể: “*Quân địch tấn công ào ạt, thế mạnh như nước tràn bờ...*” và bỗng nhiên, tiếng hát ngân nga trầm bổng cất lên “*Nghe giọng hát như gió mát, quân địch ngừng tay kiếm, đứng chờ người ra, như nuốt lấy những lời ca, binh khí tuột khỏi tay, rơi xuống đất lúc nào không biết. Rồi từ từ, chúng ngã xuống... dưới chân những đàn voi, đàn ngựa*” (*Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên*, 1985, tr.127).

Nhân vật dũng sĩ với chiến công, kỳ tích lớn lao trong cuộc chiến chống lại thế lực phi nghĩa, tà ác là một mô thức truyện kể phổ biến, đặc thù của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc Tây Nguyên. Đây là mô thức (hay type truyện) khiến

các câu chuyện vừa “khác nhau” lại vừa “giống nhau” một cách kỳ lạ (V.Ia. Propp, 1985). Khát vọng sinh tồn cháy bỏng trước mọi sự đe dọa, hủy diệt là động lực sâu xa làm nảy sinh những thiên truyện tôn vinh kỳ tích người dũng sĩ. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là tiếng nói của con người ở thời đại mà chiến công, kì tích bảo vệ cộng đồng luôn là điều được quan tâm, kỳ vọng, đề cao. Trong vai trò những đứa con kỳ tài, những hậu duệ ưu tú, đại diện cho lẽ phải, nhân vật dũng sĩ lẫm liệt, oai hùng bất chấp mọi hiểm nguy, gánh vác và hoàn thành sứ mệnh bảo vệ cộng đồng, chiến đấu chống lại các thế lực uy hiếp, tàn phá làng buôn. Chiến công của họ trước hết là vì quyền lợi, sự sống còn của cộng đồng mà trong đó bao hàm quyền lợi, sự sống còn của người thân, uy danh của chính họ. Những chiến công, kỳ tích của người dũng sĩ còn thể hiện quan niệm, triết lí nhân sinh chính nghĩa thắng gian tà, thiện thắng ác, người tốt sẽ được hưởng hạnh phúc, những kẻ độc ác, xấu xa sẽ bị trừng trị. Lập nên những kỳ tích, dũng sĩ trở về từ chiến trận trong sự đón tiếp nồng nhiệt và ngưỡng mộ của dân làng. Bản làng, bộ tộc mở tiệc mừng chiến thắng. Phần thưởng dành cho người chiến binh dũng cảm là được kết duyên với những cô gái xinh đẹp, tài ba, con Mtao, chủ làng, chủ bến nước, được suy tôn làm thủ lĩnh, làm vua,...

2.2.5. Nhân vật dũng sĩ - hiện thực, huyền thoại và ước mơ, khát vọng

Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là hình tượng nghệ thuật về con người cao đẹp, lý tưởng của một thời đã qua. Nhân vật này là sự kết hợp kỳ lạ giữa hiện thực và huyền thoại, giữa sự giới hạn của cuộc đời và ước mơ, khát vọng bay bổng của con người trong cuộc đấu tranh xã hội và vật lộn với thiên nhiên để sinh tồn. Các yếu tố đời thực và huyền thoại cùng những ước mơ, khát vọng cao xa đan xen, hòa trộn vào nhau khiến cho hình tượng người dũng sĩ càng trở lên thật lung linh, kì vĩ. Các cộng đồng tộc người Tây Nguyên luôn mong ước có được những chàng trai, cô gái giỏi giang, can đảm, những tù, tộc trưởng, thủ lĩnh buôn làng phong độ, tài năng phi thường. Vẻ đẹp thể chất gắn liền với sức khỏe vô biên cùng những phẩm chất, năng lực thần kỳ của nhân vật dũng sĩ chính là xuất phát từ sự đòi hỏi của thực tế cuộc sống con người nơi vùng đất này. Từ lâu đời, sinh sống giữa một vùng núi non, rừng rậm, đất rộng người thưa, cùng với những ưu đãi của

điều kiện tự nhiên, con người Tây Nguyên lại phải đối diện với rất nhiều những khó khăn, cản trở. Đe dọa đến cuộc sống của họ là thiên nhiên hoang dã, những vấn đề thiên tai như hạn hán, lũ lụt, núi lửa, động đất, dịch bệnh, thú dữ,... Tình trạng chậm phát triển, ngưng trệ về văn hóa xã hội do sự biệt lập với thế giới bên ngoài khiến đời sống các tộc người khó thoát ra khỏi các hủ tục, lối sống lạc hậu. Nguy hiểm hơn, nạn cướp bóc lẫn nhau, xung đột giữa các buôn làng, nhóm và tộc người là những vấn nạn xã hội gây đau thương, bất ổn sâu sắc cho cuộc sống con người nơi đây. Để có thể sinh tồn, con người Tây Nguyên từ hàng nghìn năm trước đã phải nỗ lực đối phó và vượt qua vô vàn thử thách của thiên nhiên, những nghiệt ngã, chông gai trong đời sống xã hội. Trong điều kiện sống đầy rẫy những trở lực như thế, văn học truyền miệng là nơi để các tộc dân giải bày, chia sẻ những gì sâu kín, mãnh liệt nhất của đời sống tinh thần, tình cảm. Mơ ước, khát vọng được gửi gắm trong truyện cổ tích và sử thi của họ là có được những con người có thể biến nắng hạn thành mưa, chinh phục núi cao, rừng rậm, chặt cây, phá đá, khai khẩn rẫy nương, khuất phục, thuần hóa thú dữ,...; có thể đánh đuổi bất kỳ kẻ thù hung ác nào đến phá hoại cuộc sống. Hình tượng người dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi là một trong số những thông điệp nghệ thuật chứa đựng nhiều tâm tư, ước vọng đẹp đẽ, cao xa của con người Tây Nguyên. Đặc biệt, là sáng tạo nghệ thuật ngôn từ dân gian độc đáo, hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện kể các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng, Mnông, Cơ Ho, Chu Ru,... vừa có nét gần gũi, mộc mạc, vừa cao xa, huyền bí; vừa hiện thực đời thường vừa là ước mơ, khát vọng của cộng đồng tộc người Tây Nguyên xưa. Về nguồn gốc, lai lịch, nhân vật sẽ là con người tài ba, dũng cảm “trừ yêu, diệt quái” trong truyện cổ tích thường được kể là đứa con của người mẹ vô danh, gắn bó với công việc nương rẫy; là đứa cháu mồ côi ở với “bà ngoại” trong cảnh nghèo; đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi vì bệnh tật hiểm nghèo,... Nhưng đặc biệt hơn, các câu chuyện lại thường có xu hướng thần kỳ hóa, bao phủ màu sắc siêu nhiên, huyền bí lên nguồn gốc xuất thân của nhân vật. Vì lẽ con người của chiến công, kỳ tích lớn lao, có khả năng trừ gian diệt bạo, cứu đời không thể chỉ là con người bình thường và trần tục. Thế nên, theo suy luận và quan niệm của tác giả dân gian, những đứa con kỳ tài là kết quả việc người mẹ trong khi đi làm rẫy, trời nắng, khát và uống nước ở hốc cây,

khe suối, ăn quả rùng,... mà mang thai (motif sự thụ thai kỳ lạ). Thai kì người mẹ cũng không phải của người thường, có khi chỉ 7 ngày, có khi vài ba tháng hoặc kéo dài nhiều năm tháng mới sinh hạ đứa con (motif con số 7, motif thai kì huyền bí, khác thường) (Truyện *Anh hùng Đam Đông*, Ba Na; *Ka Yiêng đánh giặc*, Mạ; *Ba chàng dũng sĩ*, Ba Na,...). Kỳ lạ hơn, có khi cặp vợ chồng hiếm muộn đi rẫy, người vợ thấy quả bầu đẹp bèn bẻ ẵm, hôn hít từ đó thai nghén rồi sinh ra đứa con là “quả bầu” (motif sự thụ thai kỳ lạ, motif người mang lột); hoặc người mẹ lên rẫy vì khát mà uống nước dưới gốc cây Tông Lôg, mang thai sinh ra “hai hạt Tông Lôg”, tiền thân chàng trai diệt chim ác, đánh Thần Sét (motif sự thụ thai kỳ lạ, motif người mang lột), (Truyện *Chàng Bầu*, Mnông; *Cây Tông Lôg*, Ê Đê...). Nhưng sự huyền ảo cao xa lại cũng luôn kề cận sự hiện hữu của cuộc sống đời thường. Về gia cảnh và thân phận, nhân vật dũng sĩ của truyện cổ tích cũng thường là những chàng trai nghèo, mồ côi. Đó là các chàng Y Rit, Y Siêm, Rít,... trong chuỗi truyện: *Đai bàng bị giết*, *Sự tích Draï Sáp*, *Sự tích dòng Draï H’Ling*, *Chàng Y Rít và khi 7 đầu*, *Nung Kuang và bác cháu chàng Rít*,... Nhân vật Y Rít trong các truyện là chàng trai sớm mồ côi, sống với bà ngoại trong túp lều nhỏ “cuối làng” hoặc “bìa rừng”. Y Rít nghèo đến mức “không có áo mặc”, “chỉ có độc một cái khó”, “gầy gò, xấu xí”. Chàng Pơ Nan (Truyện *Pơ Nan giết cọp*, Ê Đê) là con của đôi vợ chồng gia sản chỉ “lèo tèo con dao mẻ, cái nỏ tre, cái ché thủng, cối gỗ, nồi đất”,... Vì nghèo, những chàng trai này có khi bị các tù trưởng, tộc trưởng kì thị, coi khinh, từ chối gả con gái; họ hàng thân thích ghẻ lạnh, đối xử tệ bạc. Như những đứa trẻ bình thường nơi các làng buôn, thuở nhỏ nhân vật có khi là những cậu bé siêng năng (biết chăn trâu, bắt cá, săn thú, làm rẫy giúp ông bà, cha mẹ), có khi là cậu bé nghịch ngợm, tai quái (bắn gà, chọc heo, đánh chó,...), mãi chơi (thả diều, đánh quay,...), hoặc lười nhác “cả ngày chỉ biết ăn với ngủ”,... Tuy nhiên, tài năng, khí phách phi thường của nhân vật không phải bao giờ cũng được ẩn kín sau vẻ dung dị, đời thường, chỉ vụt tỏa sáng khi gặp sự biến bất ngờ (như truyện *Thánh Gióng* của người Việt) mà còn sớm phát lộ. Sinh ra từ việc mang thai huyền bí của người mẹ, những đứa con từ thuở thơ ấu không hoàn toàn là những đứa trẻ bình thường mà kì tài, khác lạ. Nhân vật Ka Yiêng (Truyện *Ka Yiêng đánh giặc*, Mạ) được xem như nữ “cứu tinh” thần kì, huyền bí của

cộng đồng khi sinh ra đúng vào ngày buôn làng bị nạn lớn. Cô bé “ít khóc, hay cười, chịu ăn, chóng lớn”, bảy ngày đã “nói năng đủ tiếng, đi lại nhanh nhẹn”, “bắn ná giỏi giang”. Chàng Bầu (Truyện *Chàng Bầu*, Mnông) sinh ra ba ngày đã “lăn đi được”, “biết chẵn trâu”, lại biết ẩn giấu hình hài “ở rừng là người, về nhà là bầu”,... Chàng Pơ Rông Pha (Truyện *Anh em chàng Pơ Rông Pha*, Ê Đê) vừa lọt lòng mẹ đôi chân đã “to như chân voi”, có thể nhảy một cái “vọt qua hai quả núi”, người mẹ phải vội vã chạy theo cắt dây rốn. Người em út Đam Mơ Kốc sức lực phi thường hơn hẳn các anh, vừa ra khỏi bụng mẹ đã nhảy một cái vượt qua 7 quả núi, người mẹ hồi hải chạy theo, mãi mới cắt được dây rốn cho con. Chàng Đam Poh Kneh (Truyện *H'bia Yăk Yong*, Ê Đê) ra khỏi bụng mẹ với đầy đủ các chiến khí khiên, đao, giáo mác và bầu nước (motif chiến binh thơ ấu); có thể nhảy phắt lên mặt đất, tự đặt tên cho mình,... Tính hiện thực đời thường và màu sắc thần thiêng, huyền bí đan kết, hòa quyện trong bức tranh về cuộc đời nhân vật dũng sĩ của truyện cổ tích. Tuy nhiên, kì tích diệt quái vật cứu người đẹp, trừ họa cho cộng đồng mới là đỉnh điểm của huyền thoại về nhân vật dũng sĩ. Dù các câu chuyện có thể được truyền kể bằng những cách khác nhau, dường như rất biệt lập, riêng rẽ, nhưng nối kết, tập hợp chúng với nhau (thành một kiểu truyện) chính là motif dũng sĩ diệt quái vật cứu người đẹp. Đây là một trong số motif huyền thoại phổ biến của truyện cổ các dân tộc khu vực Đông Nam Á và cả thế giới. Điều cần chú ý ở đây là sự nở rộ, đâm hoa kết trái nhiều kiểu dạng của truyện cổ tích dũng sĩ trong truyện kể các tộc dân Tây Nguyên. Những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của vùng đất này như chúng tôi đã đề cập đến ở các phần trên chính là cơ sở giúp chúng ta ít nhiều hiểu được căn nguyên của vấn đề nhân vật dũng sĩ - biểu tượng con người cao đẹp trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên.

Có phần khác với truyện cổ tích, ở sử thi, nhân vật dũng sĩ thường là con những cặp vợ chồng giỏi giang, gia cảnh giàu có, nơi những buôn làng thịnh vượng. Đó là những chủ làng, những tù trưởng, tộc trưởng giàu có, hùng mạnh. Nhưng dù thế, màu sắc huyền thoại ở nhân vật anh hùng, dũng sĩ trong sử thi vẫn là điều khiến hình tượng con người lý tưởng của cộng đồng trở nên kì vĩ, lung linh hơn. Là con, cháu những Motao, tù trưởng, tộc trưởng, “công chúa vua Chăm”, hậu duệ các thần

linh tối cao của bộ tộc, hoặc gần gũi, thân thích với các vị thần, nhân vật trung tâm của sử thi anh hùng là những trang nam và nữ nhi tuấn kiệt, khí phách. Chàng Đam Săn (khan *Đam Săn*) không chỉ là cháu ông Mtao Kla (vợ là bà Hbia Klu) quyền thế mà còn được vị thần tối cao Ađiê săn sóc, đỡ đầu mỗi khi chàng gặp sự cố. Đam Săn vì thế mà chẳng hề thụ động trong cuộc hôn nhân nổi dậy, lại dũng mãnh, hiên ngang khi đi đánh các tù trưởng láng giềng giành lại vợ. Cũng với tư thế của một tù trưởng hùng mạnh “danh vang đến tận tiếng lừng khắp núi”, Đam Săn hùng dũng lên đường đi bắt Nữ Thần Mặt Trời về làm vợ. Các dũng sĩ Đăm Di (khan *Đăm Di*, *Đăm Di đi săn*), Xing Nhã (khan *Xing Nhã*), Xing Chơ Niép (khan *Xing Chơ Niép*), đều là những chàng trai ưu tú, những đứa con chiến binh với sự nghiệp phục thù, đánh bại mọi đối thủ hung bạo của làng buôn. Dũng sĩ Dăm Duông trong hồ m’uan Xơ Đẳng là con của vị thần Tơ Ro khai thiên lập địa, thủy tổ của dòng tộc, ở trên trời cao. Vì vậy, Duông mới hùng mạnh, không ai có thể đánh thắng được chàng. Anh hùng Giông trong sử thi Ba Na là con cặp vợ chồng Xét và Bia Xin, cháu Bok Koidoi và bà Kung Ker (thần tạo ra mặt trăng, mặt trời, dựng nên trời, đất). Các nhân vật trong akhàt jucar Ra Glai như: Ujàc, Cei Balaok Li - u, Amã ChiSa, Amã Cuvau VongCoi, ... xuất thân là con của các vị thần hoặc dòng dõi vua chúa. Dũng sĩ Ujàc là con đầu thai của công chúa vua Chăm, bằng cách hóa thành con ruồi “bay lút” vào miệng người mẹ. Amã Cuvau VongCoi (akhàt jucar *Amã Cuvau VongCoi*) sinh ra trong lót con trâu đực. Dũng sĩ Kei Kamao (akhàt jucar *Chàng Kei Kamao*) sinh ra do người mẹ ăn cây nấm, về nhà thụ thai. Cei Balaok Li - u được sinh ra do cha mẹ chàng vào rừng thấy trái dừa bèn bửa ra, uống nước, ăn cùi dừa; về nhà thụ thai, sinh con, ... Dũng sĩ Dăm Tiông ra đời ra đời trong tư thế một chiến binh thực thụ với khiên, đao, giáo mác, bầu nước (motif chiến binh thơ ấu). Vừa lọt lòng mẹ, chàng đứng phắt dậy, chạy ra khỏi nhà, nhảy xuống đất, lấy cối giã gạo ném lên sàn nhà, cầm cái khiên trên tay, cái đao đeo bên hông, bước đi khoan thai. Dũng sĩ Ujàc vừa ra khỏi bụng mẹ đã cất tiếng nói, đòi đi tắm nước biển, sông to vì không chịu ở dơ, ở bẩn; chàng tự đặt tên cho mình là Amã Ujàc, tự xỏ tai và nhảy xuống biển rộng mênh mông, nhảy xuống sông bơi lội; đòi ăn cơm và uống rượu. Hai ngày sau khi sinh, chàng làm nhà lớn, nhà to cho mẹ ở (akhàt jucar *Udai - Ujàc*). Amã Cuvau

VongCoi ra đời “ẩn thân” là một con trâu đực biết nghe và nói tiếng người. Vừa ra đời, chàng đòi tự đặt tên cho mình và em gái. Amã Cuvau VongCoi lớn nhanh như thổi, cơ thể không dao nào đâm thủng, không gươm nào chém đứt (akhàt jucar *Amã Cuvau VongCoi*). Cei Balaok Li - u khi sinh ra là một trái dừa, không có tay, chân nhưng chàng biết rèn vũ khí, làm cung tên (akhàt jucar *Cei Balaok Li - u*). Các dũng sĩ đều có sức mạnh siêu phàm “dời non, lấp bể”, dùng tay nhắc từng quả đồi, uống cạn cả hồ nước trong nháy mắt. Họ có sức khỏe phi thường “xé đất, rạch trời”, phá núi đá, chặt cây thân, có thể chui vào bụng ác thú khổng lồ rắn thân “năm hồng mao cầm chống trời, thân bao bọc cả xứ” chém nát lục phủ ngũ tạng, cứu người bị nạn. Các chiến binh dũng cảm lại có thể bay lên không trung đánh nhau với kẻ ác ở chín tầng mây, rông rã nhiều tháng năm mà không biết mệt. Da thịt họ cứng như đá, gươm đao của kẻ thù đâm vào cái uẩn, cái gãy, lửa tóe sáng,.. Những chiến binh có sức mạnh, tài năng phi thường, lập nên những chiến công huyền thoại trong các truyện kể cũng là những chàng trai với các hoạt động và công việc mưu sinh thường nhật. Trước khi lâm trận giết quái vật cứu người đẹp, diệt giặc cướp, đánh đuổi các tù trưởng, tộc trưởng láng giềng hùng mạnh, hung hãn, dũng sĩ là những trai tráng giỏi việc nương rẫy, thạo săn bắn, đan lát, làm nhà cửa, lên rừng chặt cây, biết đục đẽo khiên đao, đánh chiêng, gảy đàn, thổi sáo,... Đến tuổi trưởng thành, các chàng trai cũng biết đêm đêm rủ nhau đi tán tỉnh các cô gái, tìm vợ.

Có thể nói, ước mơ, khát vọng về một con người có thể “cứu nhân độ thế”, “diệt ác trừ bạo” là động lực tinh thần to lớn ẩn sau những câu chuyện nhân vật dũng sĩ của văn học dân gian Tây Nguyên. Nhân vật dũng sĩ là hình ảnh con người lí tưởng, là điểm hội tụ mọi khát vọng của các cộng đồng tộc người luôn mong ước cuộc sống bình yên, hưng thịnh, hùng cường. Có những con người với đầy đủ sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm đứng đầu thì cả cộng đồng yên tâm, không lo sợ bất cứ kẻ ác nào tới đe dọa, phá phách, quấy nhiễu. Vì vậy, hình tượng người dũng sĩ đã trở thành niềm tự hào, kiêu hãnh và bất tử trong lòng mọi cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Cho dù, người dũng sĩ sau khi lập nên kì tích liền “bay về trời” hay đi đâu không ai rõ, hoặc hóa thân thành “những hạt vàng lấp lánh”, thành dòng nước mát, ngọn lửa,... thì người dân vẫn ấp ủ niềm tin mãnh liệt về sự sát cánh và phù hộ

thần thiêng của họ.

Tiểu kết

Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi phát triển, tồn tại với số lượng lớn cho đến ngày nay đã tạo nên màu sắc, đặc điểm khá riêng biệt cho văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Trong hàng trăm áng truyện, nhân vật dũng sĩ được tác giả dân gian xây dựng là con người tài năng, hành động dũng cảm với công cuộc chiến đấu chống lại các thế lực phi nghĩa, tà ác, cứu giúp cộng đồng, buôn làng, kẻ yếu thế,... ở xã hội của các tộc dân Tây Nguyên trong lịch sử.

Dù mang những nét khác biệt về thể loại, nhưng truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi đều hướng tới việc tạo dựng nhân vật dũng sĩ như là biểu tượng về con người đẹp đẽ, cao quý, từ suy nghĩ, tình cảm cho đến hành động, từ tinh thần cho đến thể chất. Nhân vật dũng sĩ dù trong vai trò là những nam, nữ thủ lĩnh tộc người, những vị tù trưởng uy danh, đôi khi là chàng trai nghèo nơi các buôn làng,... nhưng hầu như đều được mô tả là có sức khỏe hơn người, diện mạo tuấn tú, tài năng phi thường, lòng dũng cảm vô song. Dũng sĩ cũng lại là con người thông minh, tài trí khi phải đối đầu với những đối thủ ngang tài ngang sức, những thử thách cam go,... Với đầy đủ những phẩm chất, năng lực phi thường, nhân vật dũng sĩ luôn đảm nhận và hoàn thành trọng trách “cứu nhân độ thế” với các chiến tích diệt “quái vật”, đánh thắng các tù trưởng láng giềng hùng mạnh, đẩy lùi bọn giặc cướp hung bạo,... Cùng với các chiến tích trong cuộc chiến với đủ loại đối thủ, nhân vật dũng sĩ còn có khả năng chặt cây to, hạ đá lớn, băng rừng vượt núi, khuất phục thú dữ,... Từ chiến trận trở về với cuộc sống đời thường, người dũng sĩ xuất sắc trong các hoạt động lao động tập thể như: phát rẫy, chặt cây, săn bắt, xây dựng nhà cửa,... Những chiến binh ấy có lối sinh hoạt chan hòa, gần gũi, thân thiện với dân làng. Họ cũng “ăn trâu trên lưng trâu”, “hút thuốc trên lưng ngựa”, “có sẵn những tám chiếu” dùng “trái một căn chòi canh” để giữ gìn nương rẫy,... Song, cũng cần nhìn nhận sự khác nhau giữa truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, những thiên truyện cơ bản là tương đồng về đề tài, chủ đề, nhân vật. Đó là, nếu hành trạng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích còn giới hạn trong việc phản ánh những vấn đề lịch sử, xã hội rộng lớn, nóng bỏng, cấp thiết thì sự nghiệp người anh hùng, dũng sĩ trong sử thi đã được nghệ nhân dân gian xây dựng

như một sự bổ sung, một bước phát triển mới của hình tượng người dũng sĩ. Truyện cổ tích phần nhiều đề cập, mô tả một (chủ yếu) hoặc hơn một (hiếm khi) chiến công của người dũng sĩ. Những chiến công ấy cũng thường được miêu tả ngắn gọn, súc tích. Trong truyện cổ tích, cuộc giao chiến của người dũng sĩ với lực lượng thù địch thường diễn ra trong không gian hẹp và thời gian không dài thì ở sử thi, số lượng các cuộc chiến và chiến tích người dũng sĩ lại ít khi bị giới hạn như thế. Các cuộc giao tranh của nhân vật dũng sĩ sử thi với các đối thủ diễn ra khốc liệt trong mọi không gian, kéo dài về thời gian, vô cùng kỳ vĩ, hào hùng.

Vừa mang hơi thở của huyền thoại, vừa phản ánh hiện thực lịch sử, xã hội theo tinh thần nhân văn, hình tượng nhân vật dũng sĩ là sự gửi gắm ước mơ, khát vọng lớn lao của con người các dân tộc Tây Nguyên. Motif diệt “quái vật” cứu người là huyền thoại, nhưng cuộc chiến để lập nên chiến công kỳ diệu ấy của người dũng sĩ lại chưa bao giờ chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, sự hư cấu. Sức mạnh, tầm mức mưu mô, độc ác của các “quái vật” là sự phóng đại, hình tượng hóa tính chất dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, của cái ác luôn rình rập, bủa vây, đe dọa cuộc sống con người. Người dũng sĩ đi vào cuộc chiến với “quái vật” trong tư thế là người đại diện xuất sắc nhất cho sức mạnh, tài năng cùng khát vọng chiến thắng của toàn thể cộng đồng. Qua hành động giết “quái vật”, người dũng sĩ đã thể hiện sức mạnh, tài năng vượt bậc, phi thường, lập nên những chiến tích, đem lại sự bình yên cho cộng đồng.

Từ hình tượng người dũng sĩ trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, các tộc dân Tây Nguyên đã gửi gắm nhiều bài học giáo dục về đạo đức, triết lý nhân sinh “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”, ước mong người tốt được hưởng hạnh phúc, kẻ tham bạo, bất nhân sẽ bị trừng trị,...

Hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên chứa đựng sâu sắc khí thế “diệt ác trừ bạo” của thời đại mà con người đã bắt đầu nhận thức được sức mạnh của mình. Sự kết hợp, hòa quyện chặt chẽ nhưng cũng bay bổng, bi tráng giữa hiện thực và huyền thoại, giữa đời thường và ước mơ, khát vọng đã tạo sự kì vĩ cho hình tượng nhân vật, tạo nên sự lôi cuốn đối với các thế hệ người tiếp nhận. Bài ca hào hùng về sự nghiệp cao cả của người dũng sĩ thật thiêng liêng, tồn

tại bền chặt, dài lâu trong đời sống xã hội của các tộc dân Tây Nguyên, trở thành mạch nguồn nuôi dưỡng tinh thần của bao thế hệ con người nơi đây.

CHƯƠNG 3

THI PHÁP KHẮC HỌA NHÂN VẬT DŨNG SĨ TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ SỬ THI TÂY NGUYÊN

Vốn có nguồn gốc từ hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của vùng đất Tây Nguyên, song nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi trước hết là sản phẩm sáng tạo nghệ thuật của biết bao thế hệ tác giả tập thể, của những nghệ nhân dân gian. Chỉ với phương thức truyền miệng, truyện cổ tích và sử thi từng có sức lôi cuốn sâu sắc niềm say mê của con người ở hầu như các cộng đồng tộc người, của mọi cư dân tại khắp các buôn làng. Hình tượng nhân vật dũng sĩ được các tộc người cùng miệt mài khắc họa, tô điểm là một trong những tâm điểm thu hút sự quan tâm của công chúng đối với những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ dân dã của xứ sở mình. Những thành tựu và giá trị thi pháp đặc sắc của hai thể loại tự sự này trong văn học dân gian Tây Nguyên là điều chúng ta có thể khẳng định. Chương thứ 3 này, chúng tôi tiếp tục triển khai việc nghiên cứu hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi ở phương diện thi pháp, chủ yếu từ hai phương thức xây dựng nhân vật rất đặc thù của thể loại tự sự dân gian đó là cốt truyện (plot), kết cấu cốt truyện và mô tả (description) với các biện pháp tu từ đặc trưng nhất.

3.1. Vai trò của kết cấu cốt truyện trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên

3.1.1. Khái niệm “kết cấu cốt truyện”

Để làm sáng tỏ khái niệm “kết cấu cốt truyện” trước hết chúng ta hãy trả lời câu hỏi “cốt truyện” là gì? Trong *Từ điển văn học*, ở mục từ “cốt truyện”, Nguyễn Xuân Nam đã lí giải: “Là hệ thống hoàn chỉnh các sự việc và hành động chính trong tác phẩm tự sự và kịch. Cốt truyện hình thành từ những quan hệ phức tạp, chông chéo giữa nhân vật và hoàn cảnh, nhân vật và nhân vật, vừa bộc lộ tính cách các nhân vật, vừa phản ánh các mối quan hệ xã hội. Cơ sở của cốt truyện là những mâu thuẫn và xung đột trong đời sống xã hội mà nhà văn đã nhận thức, lí giải và thuật lại theo một dụng ý nhất định” (Nhiều tác giả *Từ điển văn học*, 1983, tr.161).

Một cách diễn giải khác, khái niệm cốt truyện, theo các tác giả *Từ điển thuật ngữ văn học*: “Hệ thống sự kiện cụ thể, được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ

thuật nhất định, tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất trong hình thức động của tác phẩm văn học thuộc các loại tự sự và kịch” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, tr.99).

Như vậy, theo cách hiểu đơn giản nhất, cốt truyện trong các tác phẩm văn học thuộc loại hình tự sự và mang đặc tính tự sự (bao gồm cả văn học dân gian và văn học thành văn) là phần sườn cốt, chủ yếu và căn bản nhất của câu chuyện. Tất nhiên, nội dung, ý nghĩa của câu chuyện chỉ có thể được truyền tải thành công và toát lên khi phần căn cốt của tác phẩm là cốt truyện được thiết kế theo một logic nhất định.

Về vai trò của cốt truyện:

“Có thể tìm thấy qua một cốt truyện hai phương diện gắn bó hữu cơ: một mặt, cốt truyện là một phương diện bộc lộ nhân vật, nhờ cốt truyện, nhà văn thể hiện sự tác động qua lại giữa các tính cách nhân vật; mặt khác, cốt truyện còn là phương tiện để nhà văn tái hiện các xung đột xã hội. Cốt truyện vừa góp phần bộc lộ có hiệu quả đặc điểm mỗi tính cách, tổ chức tốt hệ thống tính cách, lại vừa trình bày một hệ thống sự kiện phản ánh chân thực xung đột xã hội, có sức mạnh lôi cuốn và hấp dẫn người đọc” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, Từ điển thuật ngữ văn học, tr.100).

Nghiên cứu để khái quát những điểm chính yếu của kiểu cốt truyện (điển hình, truyền thống) cho thấy:

“Dù đa dạng, mọi cốt truyện đều trải qua một tiến trình vận động có hình thành, phát triển và kết thúc. Vì vậy, mỗi cốt truyện thường bao gồm các thành phần: trình bày, khai đoạn (thắt nút), phát triển, đỉnh điểm (cao trào) và kết thúc (mở nút)” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, Từ điển thuật ngữ văn học, tr.100).

Mặc dù các định nghĩa và việc xác định đặc điểm, vai trò của cốt truyện như trên dường như nghiêng về văn học thành văn, nhưng cơ bản đó vẫn là cách hiểu, là khái niệm cốt truyện được khái quát nên từ loại hình tự sự của văn học nói chung, bao gồm cả văn học dân gian. Đặc biệt là đối với truyện cổ tích thần kỳ và sử thi, kiểu cốt truyện của hai thể loại này rất tiêu biểu, mang tính truyền thống sâu sắc.

Về bản chất, cốt truyện trong mỗi tác phẩm văn học là cốt truyện nghệ thuật,

là sản phẩm của sự sắp xếp, chọn lọc đầy “dụng ý” và sáng tạo của tác giả. Riêng đối với văn học dân gian, đặc biệt với truyện cổ tích và sử thi, cốt truyện chính là thành quả kết nối, thêu dệt, cắt xén, thay thế (ở cấp độ tình tiết, motif) không ngừng nghỉ theo thời gian và không gian của đời sống tác giả tập thể.

Như vậy, chúng ta có thể xác định nội hàm khái niệm “kết cấu cốt truyện” trong một tác phẩm văn học (cả văn học dân gian và văn học thành văn) như sau: kết cấu cốt truyện là cách thức sắp xếp, bố trí, liên kết một cách có ý thức của tác giả đối với hệ thống các sự kiện, hành động, tình tiết xảy ra đối với nhân vật để tạo nên sự thống nhất, liền mạch và làm toát lên ý nghĩa chính của câu chuyện. Nói đến kết cấu cốt truyện là nói đến nỗ lực và nghệ thuật thiết kế logic nội tại của câu chuyện, nhằm mục đích nêu bật chủ đề tư tưởng của câu chuyện đó. Khái niệm cốt truyện và kết cấu cốt truyện không tách rời nhau mà có mối quan hệ mật thiết. Khái niệm kết cấu cốt truyện so với cốt truyện là sự nhấn mạnh thêm khía cạnh chủ quan, sự sáng tạo, nhào nặn (hay ý đồ nghệ thuật) trong xây dựng, gia cố cốt truyện, nhằm khắc họa nhân vật và truyền tải một cách hiệu quả và mạnh mẽ nhất tư tưởng của tác giả.

Đối với việc nghiên cứu các tác phẩm văn học thuộc loại hình tự sự như truyện cổ tích và sử thi, việc nhận dạng cốt truyện và phân tích, lý giải ý nghĩa ẩn chứa trong kết cấu cốt truyện là điều hết sức cần thiết. Kết cấu cốt truyện là một trong số phương tiện và biện pháp quan trọng giúp làm nổi bật tính chất, tính cách và ý nghĩa tư tưởng của hình tượng nhân vật. Có thể nói, nhân vật trong loại hình tự sự dân gian nói chung không thể thoát li, nằm ngoài cốt truyện. Cốt truyện bao giờ cũng là cốt truyện của nhân vật, dành cho nhân vật, mà chủ yếu và trước hết là của nhân vật chính, nhân vật trung tâm.

3.1.2. Vai trò của kết cấu cốt truyện truyện cổ tích và sử thi trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ

Thuộc loại hình tự sự, nói đến truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là nói đến những “câu chuyện”, cụ thể đó là những “áng truyện” về nhân vật dũng sĩ, nhân vật trung tâm, tiêu biểu. Nhìn ở góc độ là những tác phẩm tự sự (nghĩa là những truyện kể), ta sẽ thấy phương tiện quan trọng đầu tiên để khắc họa, tôn tạo nên hình tượng nhân vật dũng sĩ của hai thể loại này chính là cốt truyện,

nói đúng hơn là cách thức kết cấu cốt truyện. Đó là những câu chuyện với cốt truyện phản ánh, chứa đựng những vấn đề bức thiết, trọng đại của cuộc sống, xã hội con người đã sáng tạo nên chúng. Mặt khác, những cốt truyện ấy với đặc điểm, ý nghĩa và ở các cấp độ khác nhau đều hướng đến việc làm nổi bật lên hình tượng con người dũng khí, can đảm, đó là hình tượng người dũng sĩ. Trải qua thời gian, với biết bao sự nghiên ngẫm, suy tư theo chiều hướng khái quát cuộc đời, gửi gắm ước nguyện, truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đã hình thành, bảo lưu được những lược trình (hay lược đồ) kết cấu cốt truyện vừa mang tính phổ quát, vừa có những nét đặc thù, riêng biệt.

3.1.2.1. Vai trò của kết cấu cốt truyện trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích

- Về lược trình kết cấu cốt truyện kết thúc có hậu và ngoại lệ

+ Lược trình kết cấu cốt truyện kết thúc có hậu: Xét về phương diện kết cấu và quy mô nội dung, giới nghiên cứu phân chia cốt truyện thành hai loại: cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến:

“Trong cốt truyện đơn tuyến, hệ thống sự kiện được tác giả kể lại gọn gàng và thường đơn giản về số lượng, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của một vài nhân vật chính, có khi chỉ là một giai đoạn trong cuộc đời nhân vật chính. Vì vậy, cốt truyện đơn tuyến thường có dung lượng nhỏ hoặc vừa” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, *Từ điển thuật ngữ văn học*, tr.100).

Có thể nói, bộ phận truyện cổ tích dũng sĩ thuộc loại hình cốt truyện đơn tuyến, cơ bản là khá đơn giản, ổn định và bền vững. Đây là những câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp của nhân vật dũng sĩ. Dù có những thay đổi, co giãn nhất định về kết cấu cốt truyện trong hàng trăm tác phẩm khác nhau, nhưng nhân vật trung tâm của kiểu truyện này bao giờ cũng là nhân vật dũng sĩ với các đặc điểm về phẩm chất, tính cách hầu như thống nhất. Đồng thời, các nhân vật đối thủ luôn xuất hiện dưới dạng những kẻ ác (đó là những Mơ tao bạo ngược, giặc ngoại xâm, giặc cướp; những “quái vật”, “ác thú” như tinh cạp, đại bàng, rắn bảy đầu, quỷ dữ,...). Đối thủ của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích còn là thú dữ (hổ, trâu, rắn rết,...), là thiên tai (hạn hán, lũ lụt, núi lửa, động đất,...). Như vậy, chúng ta cũng có thể nhìn nhận, phân

chia nhân vật truyện cổ tích dững sĩ ra hai loại: chính nghĩa - phi nghĩa, thiện - ác, tốt - xấu.

Theo tổng kết của giới nghiên cứu, một cốt truyện điển hình, truyền thống thường theo công thức ba giai đoạn “bao gồm các thành phần: trình bày, khai đoạn (thắt nút), phát triển, đỉnh điểm (cao trào) và kết thúc (mở nút)” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, *Từ điển thuật ngữ văn học*, tr.101).

Ở lĩnh vực văn học dân gian, đặc biệt là truyện cổ tích thần kỳ, tiêu biểu là với kiểu truyện cổ tích dững sĩ, một kết cấu cốt truyện “đơn tuyến” theo “trình tự thời gian”, “gồm ba phần” và “kết thúc có hậu” là mô hình phổ biến, quen thuộc. Ở đây, chúng tôi tạm gọi một cách ngắn gọn là lược trình cốt truyện kết thúc có hậu. Tìm hiểu và nghiên cứu lược đồ cốt truyện cổ tích dững sĩ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, chúng tôi một lần nữa xác nhận khái quát trên. Tuy nhiên, điều mà chúng tôi không thể không đề cập và suy nghĩ là, ở cấp độ lược hóa (hay lược trình, diễn trình) đơn giản và khái quát nhất của cốt truyện, bộ phận truyện cổ tích dững sĩ còn bộc lộ sự không hoàn toàn thuần nhất và đơn giản. Dù không xuất hiện với số lượng lớn những truyện “phá cách” về mô hình cốt truyện kết thúc có hậu nhưng số ít trường hợp ngoại lệ vẫn là điều rất đáng chú ý. Trước hết, từ hàng trăm tác phẩm truyện cổ tích đã thống kê thuộc kiểu truyện dững sĩ, chúng tôi có thể khái quát một tiến trình cốt truyện chung như sau:

Hầu như mọi câu chuyện với sườn cốt cơ bản đều trải qua diễn trình vận động với: *Phần mở đầu* (giới thiệu hoàn cảnh, điều kiện xuất thân và cuộc sống, số phận trong gia đình, cộng đồng của nhân vật chính; sự diễn ra bất ngờ của một biến cố, tai họa gây nguy hiểm cho vận mệnh của cộng đồng với sự xuất hiện các nhân vật đại diện cho cái ác, sự hủy diệt, tàn phá,...); *Phần phát triển, cao trào* (nhân vật lãnh nhận và tiến hành công cuộc chiến đấu chống lại thế lực phi nghĩa, tàn bạo, vượt qua các thử thách, cứu giúp các nạn nhân, bảo vệ cộng đồng,...), *Phần kết thúc* (dững sĩ hoàn thành nhiệm vụ khó khăn, được cộng đồng tôn vinh, hưởng hạnh phúc; thế lực phi nghĩa, tàn bạo bị tiêu diệt hoặc thất bại).

Có thể nói, sự vận hành của cốt truyện ở kiểu truyện nhân vật dững sĩ như trên chính là sự phát triển của xung đột giữa hai tuyến nhân vật thiện - ác, tốt - xấu, chính

nghĩa - phi nghĩa, tà ác. Ngoài ra, như chúng tôi đã thống kê và phân loại đề tài, chủ đề ở *Chương 1*, nhân vật dũng sĩ còn được trao phó nhiệm vụ chinh phục sức mạnh và sự hủy diệt, tàn phá của thế lực tự nhiên (với thác dữ, sông sâu, các thiên tai như: hạn hán, lũ lụt, bão tố,...); thuần hóa ác thú phục vụ cuộc sống. Tính chất gay gắt của mâu thuẫn, xung đột và hành động phi thường, bất khuất đương đầu với các đối thủ hung hãn, mưu mô, tàn ác của nhân vật dũng sĩ là những điều luôn được bộc lộ trong các câu chuyện. Tiến trình cốt truyện với ba giai đoạn (hay ba bước) như trên là cách thức phô diễn vẻ đẹp, phẩm chất và chiến công, kỳ tích vẻ vang của nhân vật dũng sĩ. Kết thúc các thiên truyện thường bao giờ cái chính nghĩa, cái tốt, cái thiện, cái cao cả cũng chiến thắng; cái ác, cái xấu, cái phi nghĩa phần lớn bị trừng trị, tiêu diệt. Và như một định đề khó thay đổi, những kẻ tham tàn, độc ác rút cục sẽ thất bại, bị trừng phạt nặng nề, còn người dũng sĩ - đại diện cho sự tốt đẹp, cao cả - luôn được lĩnh nhận phần thưởng xứng đáng. Sau những sự cố, tai ương, cuộc sống người dân trong cộng đồng buôn làng trở lại yên vui, giàu có, thịnh vượng. Người dũng sĩ được suy tôn “làm vua”, Motaot, thủ lĩnh, hoặc chủ làng, được kết duyên cùng “công chúa”, với “người đẹp”, sống hạnh phúc bên những người thân yêu. Những câu chuyện với “cốt kể” chung, quen thuộc như thế được lặp lại theo những cách khác nhau trong hầu như các tác phẩm. Có thể hình dung ít nhiều sự thống nhất về nội dung tư tưởng, về đề tài, chủ đề trong hàng loạt những câu chuyện về nhân vật dũng sĩ được lưu truyền ở khắp các tộc người Tây Nguyên như sau: Dũng sĩ chẵn trâu (*Cậu bé chẵn trâu*, Cơ Ho) với chiến tích giết đại bàng cứu người đẹp đã mang lại cuộc sống yên vui cho buôn làng người Chăm. Dũng sĩ K’Hưor (*Chàng K’Hưor dũng cảm*, Mạ) giúp vua Chăm tiêu diệt rắn thần hung ác, có nhiều phép thuật cứu được công chúa. Dũng sĩ K’Pút (*Chàng K’Pút con thần Mặt trời*, Mạ) giết chết hai cọp dữ, diệt rắn thần bảy đầu trừ họa cho dân làng. Dũng sĩ Giông (*Chàng Giông*, Mạ) giết rồng cứu nàng Glong xinh đẹp, tiêu diệt quỷ dữ chuyên phá phách bon làng, bắt cóc, ăn thịt chàng trai, cô gái. Dũng sĩ Jard Mah (*Cậu bé Jard Mah*, Chu Ru) đã dùng mưu giết cọp để trả thù cho cha. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp*, Chu Ru) giết vua quỷ Rục Rục cứu bảy nàng công chúa con vua Chăm. Dũng sĩ Y But Sin (*Chàng Y But Sin*, Ê Đê) diệt trừ cọp tinh hóa người cứu mẹ. Dũng sĩ Giông

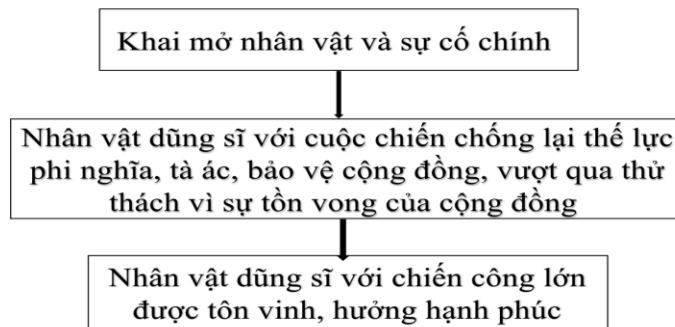
(*Ba anh em mô côì*, Ba Na) thông minh và mưu trí giết cọp dữ cứu sống các cô gái đẹp bị chúng bắt chờ ăn thịt. Dũng sĩ Xin Xay (*Cha con Đăm Bông Pha*, Gia Rai) giết chết chúa Quý ăn thịt người, cứu sống cô ruột H'bia Phêla. Dũng sĩ Nđăm Brai N'glang (*Ma lai con mang vàng*, Mnông) tinh táo, thông minh giết quỷ cứu hai anh và cả buôn làng. Dũng sĩ Xét (*Dũng sĩ Xét*, Xơ Đăng) dũng cảm, giết chết cọp cái thành tinh có tài biến hóa để trừ họa cho dân làng. Dũng sĩ Jarumqũ (*Chàng Jamahlurq và chàng Jarumũq*, Ra Glai) thông minh giết vợ chồng quái thú Cơi Rắc Mỏq Rắc chuyên phá hoại mùa màng và ăn thịt dân trong làng; giết cá sấu cứu anh trai. Dũng sĩ K'Choi (*K'Choi và Ma Lêng*, Cơ Ho) trừng trị vua Cá nổi tiếng hung ác cứu em gái. Dũng sĩ Kachây Parogáp (*Kachây Parogáp*, Chu Ru) giết vua, bảo vệ người vợ thân yêu bị vua cướp đoạt. Dũng sĩ Têê (*Kachây B'nhoyal*, Chu Ru) đánh bại vua và binh lính các nước Tàu, Miên, Lào, Xiêm cứu vua Chăm và đất nước Chăm thoát khỏi nạn ngoại xâm. Dũng sĩ Trăng (*Chàng Trăng*, Ba Na) dũng cảm giết tên bạo chúa và bọn lính đến chiếm đất của dân. Dũng sĩ Bàu (*Chàng Bàu*, Cơ Ho) chém vỡ đầu thần Nước, mổ bụng thần, cứu sống vợ. Dũng sĩ Gơ - răn Dơ - hông (*Chàng Gơ - răn Dơ - hông*, Ê Đê) giết thần Nước ác độc, cứu nàng Hơ-bia Mah xinh đẹp, con gái Mtao. Dũng sĩ Pơ Rong Pha (*Anh em chàng Pơ Rong Pha*, Ê Đê) trừng trị thần Nước dâng nước làm lụt lội làng mạc, phá hoại mùa màng, hoa màu của dân; diệt thần Lửa - kẻ đã thiêu rụi buôn làng, rừng rẫy của họ ra tro. Dũng sĩ K'Huoi (*Dòng sông Đa Huoi*, Cơ Ho) đắp đập, chống hạn giúp dân. Dũng sĩ Di Ông (*Di Ông lấy Mặt Trời*, Gia Rai) đánh bại thần Sét lấy Nữ Thần Mặt Trời làm vợ,...

Xem xét ở góc độ diễn trình cốt truyện, hầu như các truyện cổ tích dũng sĩ như trên đều kết thúc có hậu. Nghĩa là công cuộc diệt ác trừ gian, chiến đấu chống lại các thế lực tà ác, bạo quyền, cứu vớt các nạn nhân yếu thế, bảo vệ cuộc sống cộng đồng của nhân vật dũng sĩ đều đạt được thắng lợi. Đối thủ của nhân vật dũng sĩ dưới bất kỳ hình thức, dạng thái nào, dù có sức mạnh đáng sợ, tác yêu tác quái khủng khiếp đến mức độ nào đi chăng nữa cuối cùng cũng sẽ bị tiêu diệt. Nhân vật dũng sĩ, con người dám đương đầu với thế lực đen tối, hủy diệt phải chiến thắng và bất tử, được ân thưởng từ cộng đồng. Một cái kết tốt đẹp cho những câu chuyện “diệt ác trừ

gian” như thế rõ ràng đã là lựa chọn của phần lớn các áng truyện. Có thể nói, lược đồ hay một công thức cốt truyện như thế hiển nhiên đã là sự tôn tạo một cách cô đúc và sắc bén nhất hình tượng đẹp đẽ, cao quý của nhân vật dũng sĩ. Con người này là đỉnh cao của sự dấn thân, công hiến và lòng dũng cảm, ngoan cường. Theo thống kê, trong số 109 truyện chúng tôi chọn để nghiên cứu đã có tới 100 truyện có lối kết thúc có hậu, chiếm 92 phần trăm. Điều này thể hiện ước mơ, niềm khao khát, mong đợi của nhân dân về một cuộc sống bình yên, hợp đạo lí, con người phải và sẽ được hưởng hạnh phúc, những kẻ độc ác, xấu xa phải bị trừng trị đích đáng bởi tội ác mà chúng gây ra. Nhân vật dũng sĩ là biểu tượng, là đại diện cho khát vọng về một xu thế vận hành của cuộc sống, cho tinh thần và sự hướng thiện trong một xã hội vẫn còn cái ác, cái xấu xa tội lỗi nảy sinh và nhiều khi ngự trị.

Để minh chứng cho kết cấu cốt truyện theo mô hình “ba giai đoạn”, gắn với “trình tự thời gian” và “kết thúc có hậu” như trên, sau đây là lược hóa diễn trình cốt truyện “ba giai đoạn” theo trình tự thời gian và “kết thúc có hậu” của kiểu truyện cổ tích dũng sĩ.

3.1. Lược hóa diễn trình cốt truyện kết thúc có hậu



+ Lược trình kết cấu cốt truyện mang tính ngoại lệ: *Kết thúc không có hậu và không hoàn toàn có hậu.*

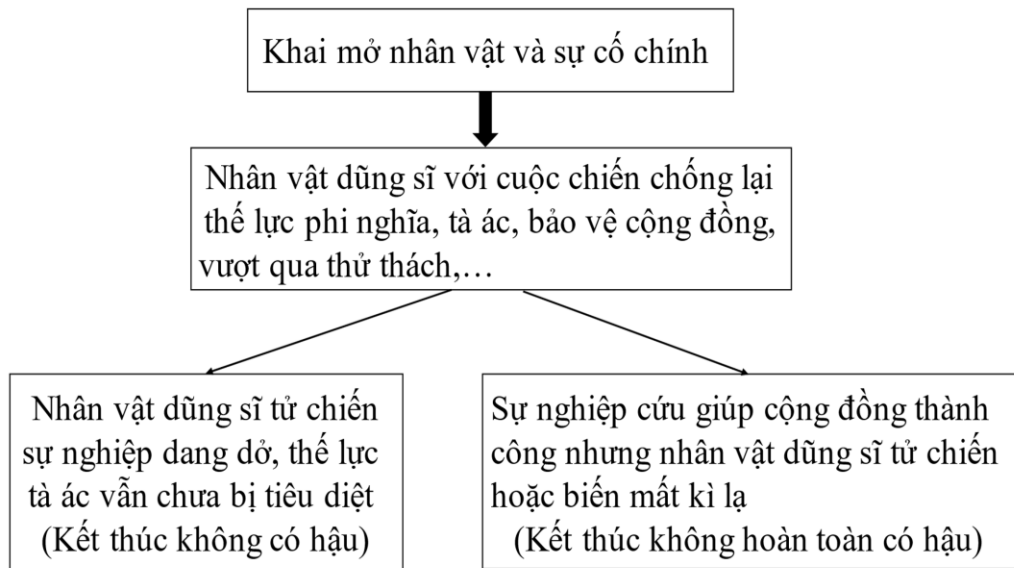
Đối với truyện cổ tích nói chung, kết thúc có hậu mang tính điển hình và phổ biến. Kiểu kết thúc này không chỉ giới hạn trong phạm vi văn học dân gian với những đặc thù riêng biệt mà từng có “ảnh hưởng” sang cả lĩnh vực văn học thành văn như đối với thể loại truyện thơ Nôm thời kỳ Trung đại. Lối kết thúc có hậu đã là lựa chọn

tối ưu cho hầu như mọi thiên cổ tích ca ngợi sự nghiệp, chiến công phi thường của nhân vật dũng sĩ. Điều này trước hết xuất phát từ ngay chính đặc thù về chủ đề, nội dung của kiểu truyện. Truyện cổ tích dũng sĩ xoay quanh các đề tài, chủ đề liên quan đến những vấn đề mâu thuẫn xã hội gay gắt, đến cuộc đấu tranh giữa lành và dữ, thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa, tích cực và tiêu cực. Kiểu truyện này còn đề cập đến cuộc đối đầu không cân sức giữa sức người với sức mạnh hủy diệt của tự nhiên, sự tác động của con người đến môi trường tự nhiên, hoang dã,... Công cuộc đấu tranh của con người nhằm duy trì, đảm bảo một cuộc sống yên lành, thịnh đạt trước mọi thử thách to lớn, ngáng trở nghiệt ngã của môi trường xã hội cũng như thiên nhiên quả là gay go, ác liệt. Tuy nhiên, vượt lên tất cả, truyện cổ tích dũng sĩ đã lấy kết thúc có hậu làm khúc khải hoàn cho các thiên truyện, làm cứu cánh cho cuộc đấu tranh khốc liệt, nhiều khi là giằng co khó phân thắng bại và vượt tầm thời đại. Nhưng dù thế, những tác giả vô danh, tập thể cũng đã không hoàn toàn khép lại những câu chuyện gay cấn về cuộc chiến sinh tử một cách tốt lành, mỹ mãn như trên. Nói đến tính điển hình, truyền thống của kiểu cốt truyện kết thúc có hậu không có nghĩa là chúng ta phải hoàn toàn bỏ qua sự có mặt của các trường hợp “ngoại lệ”, có nghĩa là không theo lệ thường và khuôn mẫu đơn thuần. Đó là các truyện có kết thúc không có hậu, hoặc kết thúc không hoàn toàn có hậu (hay nửa có hậu nửa không). Đối với số truyện này, các câu chuyện kết thúc với cái chết (hoặc sự biến mất không rõ nguyên nhân) của nhân vật dũng sĩ sau thắng lợi cuộc chiến diệt tà ác. Sự nghiệp chiến đấu chống lại thế lực bạo tàn, sức mạnh, sự tàn phá từ thiên nhiên của nhân vật dũng sĩ có trường hợp cũng chưa thành công. Trong số 109 truyện được chúng tôi thống kê, nghiên cứu đã xuất hiện một số tác phẩm (9 truyện) có lối kết thúc như vậy. Đó cụ thể là các truyện như: *Đăm Bri* (Mnông), *Dòng sông Đạ Huoai* (Cơ Ho), *Sự tích dòng Draï H’Ling* (Thác nàng H’Ling) (Ê Đê), *Sự tích Draï Sáp* (Thác khói) (Ê Đê), *Sự tích Ea H’Leo* (Suối nàng H’Leo) (Ê Đê), *Sự tích dòng K’Rông H’Năng* (Sông nàng H’Năng) (Ê Đê), *Sự tích Lang Bian, núi Voi và suối Đạ Nhim* (Cơ Ho), *Anh hùng Baraká* (Chu Ru), *Đăm Đoăn, Đăm Mao* (Xơ Đăng). Nhân vật chính của các truyện này phần lớn đã ngã xuống trong cuộc chiến không cân sức, có khi sự nghiệp hãy còn dang dở. Dũng sĩ Đăm Bri (Truyện *Đăm Bri*)

không cam chịu trước cảnh buôn làng bị tàn phá, dân làng bị bức hại, chết chóc đã dưng cảm đứng lên chống lại vua Pơ Rum có tham vọng nông cuồng và hàng trăm tên lính hung hãn của hắn. Nhưng chàng trai Mnông can đảm, ngoan cường đã tử chiến trước sự trả thù man rợ của chúng. Cái chết của Đăm Bri khiến hình tượng người dũng sĩ chống bạo tàn trong câu chuyện trở nên vô cùng bi tráng. Để cứu buôn làng thoát khỏi nạn hạn hán triền miên, chàng Bian (Truyện *Sự tích Lang Bian, núi Voi và suối Đa Nhim, Cơ Ho*) bất chấp mọi lời can ngăn, một mình lên đường đi “kiện trời”. Chàng đã gục ngã dọc đường vì đói, khát và kiệt sức. Tiếng khóc than thảm thiết của người vợ trước cái chết bi thương của chồng đã khiến trời cảm động cho mưa xuống. Trong hành động dũng cảm và cái chết của chàng Bian, nàng Lang ẩn chứa một sự dâng hiến thiêng liêng vì sự sống của cộng đồng. Đó là hành động mang ý nghĩa hiến sinh cao cả. Sự kết thúc câu chuyện như thế có thể nói là không hẳn hoàn toàn không có hậu. Chính sự gan góc trên chặng đường gian nan đi tìm đất mới lập làng, khắc phục nạn núi lửa, cháy rừng, hạn hán cứu dân làng của chàng Bian cũng khiến trời đất cảm động đổ mưa, đem lại sự sống. Người con trai, con gái kiên cường, giỏi giang đã công hiến cuộc đời mình cho hạnh phúc của buôn làng, hồi sinh muôn vật. Nhân vật chàng Y Rit mồ côi, sức khỏe hơn người, dũng mãnh, can đảm ở các truyện *Sự tích dòng Draï H’Ling, Sự tích Draï Sáp, Sự tích Ea H’Leo* cũng ngã xuống trong cuộc chiến giành giật người yêu từ móng vuốt các quái vật như hổ dữ, cọp 7 đầu, chim ác khổng lồ. Chàng Y Rít dũng cảm còn hiến ngang “vác những tảng đá lớn” ném xuống sông chặn “dòng nước chảy xiết” cứu người yêu nhưng bất thành. Dũng sĩ Đăm Đoăn, Đăm Mao (*Đăm Đoăn và Đăm Mao, Xơ Đăng*) trừng trị tên vua bạo ngược, chuyên bắt những cô gái đẹp về làm vợ và hàng ngàn binh lính của hắn - những kẻ độc ác, giết người không biết ghê tay nhưng hai chàng đã bị quân triều đình sát hại. Thủ lĩnh Baraká (*Anh hùng Baraká, Chu Ru*) dũng cảm đứng ra tập hợp dân làng đánh tan bọn giặc cướp nhiều lần kéo tới gây họa, tàn phá cuộc sống yên lành. Nhưng khi giặc tan, người ta không còn tìm thấy người anh hùng thủ lĩnh Baraká ở đâu cả.

Truyện *Đăm Bri*, một trong số tác phẩm kết thúc không theo khuôn hình có hậu truyền thống.

3.2. Lược hóa diễn trình cốt truyện kết thúc không có hậu và kết thúc không hoàn toàn có hậu:



+ Về chiều sâu của kết cấu cốt truyện và vai trò của motif

Kết cấu tổng thể (hay lược trình ba giai đoạn) của cốt truyện kiểu truyện dũng sĩ được lặp lại trong hàng trăm tác phẩm khác nhau. Công thức cốt truyện như trên là một khái quát cuộc sống có giá trị, ý nghĩa nhiều mặt. Những tín hiệu “nghệ thuật” đơn giản mà sâu xa trong diễn trình cốt truyện của truyện cổ tích dũng sĩ là điều khiến nó trở thành “công thức”, “mô hình”, có thay đổi cũng trong một giới hạn nhất định. Vấn đề chúng tôi tiếp tục tìm hiểu và cố gắng làm sáng tỏ ở đây là: Truyện cổ tích thần kỳ nói chung mà kiểu truyện dũng sĩ một bộ phận tiêu biểu, ngoài việc cùng sử dụng một bộ cục cốt truyện quen thuộc, truyền thống còn thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo khá là đa dạng ở cấp độ sự cố, sự kiện, hành động hay tình tiết (thường dưới dạng là những motif, tức được motif hóa). Chính vì sự thêu dệt kỳ công của các tác giả - nghệ nhân ở cấp độ này, các câu chuyện phần lớn trở nên uyển chuyển, hấp dẫn hơn, nhân vật cũng được khắc họa một cách sắc nét, nổi bật hơn. Với những bồi đắp cho diễn trình cốt truyện về chi tiết mang tính chiều sâu như thế, các câu chuyện dù phần lớn ngắn gọn nhưng cũng không quá là sơ lược, thiếu đi những tình tiết li kỳ. Sự khác lạ, “mới mẻ” đa dạng giữa các câu chuyện vốn gần gũi nhau về nhiều mặt một phần chính là xuất phát từ điều này. Để tìm hiểu đầy đủ vấn đề chiều sâu, sự tỉ mỉ

trong từng phần của kết cấu cốt truyện và vai trò của những motif tương thích đối với hàng trăm truyện được thông kê cùng các đề tài, chủ đề khác nhau là công việc cần nhiều thời gian và công sức. Vì thế, chúng tôi chỉ xin đề cập một cách khái quát, theo trình tự bố cục cốt truyện ba giai đoạn như phân trên đã nói tới.

Đối với *Phần mở đầu* các truyện, tức sự khai mở, giới thiệu nhân vật và sự cố (hay tai họa) xảy ra. Với chức năng khai mở, giới thiệu nhân vật, phần này có các xu hướng sau:

**Huyền thoại hóa sự ra đời và việc sớm phát lộ những khả năng phi thường của nhân vật*

Phần lớn các câu chuyện đều nói đến sự ra đời kỳ lạ, thần bí của nhân vật, nhấn mạnh những khả năng đặc biệt xuất sắc của con người phi thường này. Nhân vật Ka Yiêng (Truyện *Ka Yiêng đánh giặc*, Cơ Ho) được người mẹ sinh ra sau một lần đi rẫy, khát nước, ăn quả dưa chín (motif khát nước, ăn quả lạ), bảy ngày sau thì đau bụng sinh ra một đứa con gái (motif thụ thai thần kỳ, motif sinh nở kỳ lạ, motif con số 7). Rồi nàng Ka Yiêng - dũng tướng đánh giặc cướp cứu dân làng - sau bảy ngày sinh ra đã biết “nói năng đủ tiếng, đi lại nhanh nhẹn và bắn ná giỏi giang” (motif đứa bé kỳ tài, motif con số 7). Một điều trùng hợp kỳ lạ, cũng vào ngày bà Ka Yang ăn dưa lạ, mang thai, buôn làng bị giặc cướp tấn công, bắt ông già đầu buôn và ông K'Tẻ chồng bà (motif tai họa bất ngờ). Các tình tiết mang tính chất là những motif làm tăng tính huyền thoại, thần kỳ, khác thường của nhân vật xuất hiện ở đây gồm: Motif thụ thai thần kỳ (do ăn quả lạ), motif sinh nở kỳ lạ (mang thai bảy ngày đã sinh con), motif con số 7 (biểu hiện số nhiều, số thiêng), motif đứa bé kỳ tài (ra đời bảy ngày đã biết đi lại, nói năng, bắn ná). Truyện *Anh hùng Đam Đông* (Ba Na) cũng kỳ lạ hóa việc mang thai của người mẹ. Chuyện kể rằng, cô gái trẻ, xinh đẹp một hôm lên rẫy, trời nắng to, khát nước, thấy quả dưa chuột xanh rơi giữa đường, liền nhặt lên rửa sạch rồi ăn (motif khát nước ăn quả lạ). Ăn xong, cô thấy trong người khó chịu, về nhà bụng cứ lớn dần lên (motif thụ thai thần kỳ), bốn năm sau thì sinh được hai đứa con trai (motif sinh nở thần kỳ). Hai đứa bé lớn nhanh như thổi, ba tuổi đã biết cầm ná, vác gậy ra suối, đi rừng một mình, biết săn bắt, mười tuổi đã biết cầm được khiên đao của người lớn (motif đứa bé kỳ tài),... Tương tự, ở truyện

Chàng Bầu (Mnông), nhân vật chính là con “một cặp vợ chồng nhà nọ”, lấy nhau 10 năm vẫn chưa có con (motif hiếm muộn). Một hôm, người vợ đi rẫy thấy trái bầu đẹp thì hái lấy, bẻ ẵm, hát ru, từ đó mang thai (motif thụ thai thần kỳ), ba năm sinh ra một trái bầu (motif sinh nở thần kỳ, motif người mang lột bầu). Mới ba ngày, đưa con bầu đã lăn đi được, biết chẵn trâu (motif đưa bé kỳ tài), ở rừng là người, về nhà là bầu (motif người mang lột bầu). Đứa con Bầu tương lai sẽ là một chàng trai dũng cảm, đáng mặt nam nhi. Các motif biểu hiện sự xuất thân thần kỳ, khả năng hiếm có của nhân vật trong truyện *Chàng Bầu* phần lớn “lặp lại” truyện trên, chỉ thêm một vài chi tiết như sự hiếm muộn (vợ chồng lấy nhau 10 năm vẫn chưa có con), người mang lột (đứa bé về nhà là bầu, ở rừng là người). Chúng ta sẽ lại thấy sự xuất hiện số lớn các motif trên trong phần khai mở, giới thiệu nhân vật chàng trai ra tay giết chim dữ cứu người ở truyện *Cây Tông lông* (Gia Rai). Nhân vật dũng sĩ ở truyện này là con một đôi vợ chồng nghèo, hiếm muộn, đã già mà chưa có con (motif hiếm muộn). Một hôm đi rẫy, người vợ khát bèn uống vũng nước dưới gốc cây Tông lông rồi mang thai (motif uống nước lạ, motif thụ thai thần kỳ), “một đêm mưa to, bão lớn, sấm sét âm ầm” sinh ra hai hạt Tông lông (motif sinh nở thần kỳ). Hai hạt Tông lông mọc thành hai cây Tông lông cao lớn, mập mạp, mới bảy ngày đã cao tới mái nhà (motif cây thần, motif con số 7), chim đại bàng bay đến đẻ một quả trứng vuông - một người vác không nổi (motif chim đại bàng và đại thụ). Trứng rơi xuống đất thì nở thành chim. Chim (tiền thân chàng trai trẻ dũng cảm) “nói rất sõi” và rất “háu ăn”, chưa mọc lông mỗi bữa đã ăn hết phần cơm của hai người lớn, vừa mọc lông đã “cao to đụng vào nóc nhà” (motif chim thần; motif ăn khỏe, lớn nhanh). Chim lớn lên từ già cha mẹ ra đi sống tự lập. Trước khi đi, chim rung cây lấy “hạt vàng” trả ơn cha mẹ nuôi. Đến ngày, chim cởi lột thành chàng trai khỏe mạnh (motif người mang lột chim, motif cởi lột), xô nghiêng quả núi (motif sức khỏe thần kỳ) lấy rìu và đục, lại chặt cành Tông lông làm tên, chặt thân cây làm ná (motif chặt cây thần, chế tác vũ khí). Nhân vật với nguồn gốc thần kỳ (người mẹ thụ thai do uống nước thần, tiền thân là hạt cây, là chim,...), tài năng và sức lực hơn người, đã được khai mở một cách đầy đủ với một loạt những motif huyền thoại. Truyện *Ba chàng dũng sĩ* (Ba Na) cũng kể rằng, một người đàn bà chăm làm, một hôm đi rẫy, trời nắng

uống phải dòng nước chảy ra từ quả núi “hình người đàn ông to lớn, đang cầm chà gạc ngó trời”, sau đó thụ thai, mãi ba năm sau vào ngày mặt trăng mặt trời gặp nhau (nhật thực) tỏa ánh sáng vàng vàng dịu dịu, bà mẹ mới trở dạ sinh ra được ba đứa con trai giống nhau như đúc,...

Xu hướng thần kỳ hóa sự ra đời và tài năng khác thường sớm phát lộ của nhân vật qua các motif mang tính huyền thoại rất phổ biến ở phần mở đầu của kiểu truyện dững sĩ. Điểm chung ở nhiều truyện là người mẹ khi đi làm rẫy, vào rừng (nơi xa xôi, không gian vắng vẻ), trời nắng nóng nên khát nước (lý do ăn quả rừng, uống nước khe,...), hoặc vì hiếm muộn, mong mỏi có con mà ẵm bé trái lạ, rồi trở về bỗng nhiên mang thai. Thời gian mang thai và sinh nở cũng không bình thường mà rất ngắn ngủi (bảy ngày) hoặc kéo dài nhiều năm. Có khi thời điểm người mẹ mang thai, sinh hạ đứa con cũng rất bất thường (buôn làng gặp tai họa, hạn hán, lũ lụt,...),... Đứa con sinh ra (là người, trái cây, con vật) đều chóng lớn, khỏe mạnh, thông minh cùng nhiều khả năng vượt trội khác so với những đứa trẻ bình thường. Chứa đựng trong những motif sự ra đời kỳ lạ, khả năng khác thường sớm phát lộ của nhân vật chính là sự đề cao, huyền thoại hóa con người có công lớn với cộng đồng. Nhân vật dững sĩ với sự nghiệp diệt ác trừ gian, cứu độ cộng đồng chính là con người phi thường như thế. Đây là quan niệm và kiểu tư duy thâm đậm tính huyền thoại rất phổ biến trong xã hội, văn hóa thời cổ - trung đại.

**Xu hướng bình thường hóa nguồn gốc xuất thân, kỳ lạ hóa phẩm chất, tài năng của nhân vật*

Khác với những câu chuyện nhân vật được huyền thoại hóa, thần kỳ hóa ngay từ đầu như trên, xu hướng này lại gần như nhân cảnh nghèo khó, bất hạnh của nhân vật. Các khả năng phi phàm, phẩm chất tốt đẹp của nhân vật cũng không hẳn sớm được bộc lộ mà nhiều khi ẩn giấu đến mức không một ai ngờ tới. Đây là một trong số cách thức mở đầu (mang tính motif) rất phổ biến, quen thuộc của kiểu truyện dững sĩ. Dường như xu hướng khai truyện này muốn cho người ta hiểu rằng con người tài ba không hẳn phải có nguồn gốc xuất thân thần kỳ, huyền bí, hoặc phải có đẳng cấp và uy thế, giàu có trong xã hội. Sự giỏi giang, tài ba lắm khi lại xuất hiện từ nơi những con người nghèo khó, cô cút và đơn độc. Nhân vật Y Rit giết đại

bàng cứu con gái Motao (Truyện *Đại bàng bị giết*) là một chàng trai rất nghèo sống với một bà già nghèo tên là Pôm. Và vì nghèo quá, Y Rít “không có áo, chỉ có độc một cái khố”, những đêm lạnh phải “ngủ trong tro bếp”. Do đã nghèo, Y Rít lại gầy gò xấu xí nên khi kêu gọi trai làng đánh đại bàng cứu con gái, chàng bị Motao khinh thường mà không báo tin cho biết,... Truyện *Bảy anh em trai và nàng Arê* (Ê Đê) kể rằng: Vùng rừng núi Mơ Đắc (một địa danh thuộc tỉnh Đăk Lăk hiện nay) xưa có cặp vợ chồng nghèo rất chịu thương chịu khó làm ăn, lần lượt sinh được bảy đứa con trai (motif con số 7). Bảy đứa con lớn lên đều ăn rất khỏe, nồi cơm to mấy cũng chẳng đủ (motif ăn khỏe) nên “nhà chưa khi nào được bữa no”. Tuy nhiên, “bảy anh em trai” lại là những đứa con sớm biết tự lập, quyết ra đi “kiếm nơi rừng lành đất hiền mà làm nương rẫy nuôi mẹ cha”. Chặng đường gian nan đi tìm phương kế sinh sống khiến họ không chỉ phải vượt qua rừng rậm, sông sâu mà còn phải gan góc đương đầu với Quỷ Một Mắt hung ác, quái vật Kona Kinh lắm tài phép để cứu mình, cứu người (motif băng rừng, vượt sông; motif diệt quỷ). Nhân vật dũng sĩ Pơ Nan (Truyện *Pơ Nan giết cọp*, Ê Đê) với hành trình gian nan giết giống cọp tinh chuyên ăn thịt người là con đôi vợ chồng nghèo. Nhà họ sống giữa rừng, tài sản chỉ lèo tèo con dao mẻ, cái nỏ tre, cái ché thủng, cái cối gỗ, chiếc nồi đất. Do ăn thịt cọp, Pơ Nan “lớn nhanh như thổi” (motif lớn nhanh như thổi). Ở với bà, hàng ngày Pơ Nan chần lợn cho bà nhưng thường nghịch bắn chết lợn và bị bà mắng (motif đứa bé nghịch ngợm, bướng bỉnh). Để chuẩn bị đi giết cọp tinh, chàng trai trẻ biết chuẩn bị “dao lớn, dao bé” rồi trồng, mỡ,... Nhân vật dũng sĩ chém Thần nước cứu người đẹp trong truyện *Chàng Gorăn Dohông* (Ê Đê) thuở thiếu thời là cậu bé siêng năng, chăm chỉ nhưng cũng có lúc “mải chơi” đến quên cả ăn. Khi sinh ra cậu được cha mẹ vốn chỉ biết việc nương rẫy đặt cho một cái tên mộc mạc là Cán dao (Gorăn Dohông nghĩa là cán dao) với mong muốn bình dị đứa con sẽ giúp cha mẹ được nhiều việc như con dao, và vì dao muốn làm được nhiều việc thì phải có cán dao tốt mới cầm chắc được. Cậu bé Gorăn Dohông - Cán dao lớn lên rất siêng năng, ngoan ngoãn chỉ lo làm ăn, hết việc nương rẫy tới việc bắt cá, săn thú, không mảy may ham thích kéo điều, thả quay như những đứa trẻ thôn quê khác. Thế rồi, chỉ vì cha mẹ cứ bần khoản, nhắc nhở đến lần thứ bảy (motif con số 7), vì sao chỉ lo chuyện nương

rầy mà không lúc nào chơi “kéo điều, thả quay” như chúng bạn, cậu bé sinh khó chịu mà lại đâm ra mãi mê, sa đà vào các trò “thả quay, kéo điều”. Ham chơi, chàng trai trẻ bỏ bê việc nương rẫy đến mức rựa và chà gạc “để rỉ quạch”, “lưới đơm mọc rêu đỏ rêu xanh” khiến mẹ cha quở phạt mà giận bỏ nhà ra đi. Chuyến đi bắt đắc dĩ khiến chàng trai tình cờ chứng kiến thảm họa công nạp gái đẹp cho Thần nước mà dân làng nọ phải chịu đựng nhiều năm trời. Thế là, từ một “cậu bé hư”, Gorăn Dohông lại bất ngờ trở thành một anh hùng ra tay “rèn đao” giết quái vật “cứu nhân độ thế” thật đáng ngưỡng mộ. Chàng Y Rít với chiến công diệt Thần nước - vị hung thần trần thủ, tác yêu tác quái cả một khúc sông Ba (Truyện *Nung Kuang và bác cháu chàng Rít*, Ê Đê) - vốn là cậu bé mồ côi cha mẹ từ lúc (motif đưa bé mồ côi) “chưa biết thả quay chạy điều”, ở với bà, nhà nghèo không có đủ cơm ăn, con rựa chặt cây để đi rừng cũng không có nốt (motif sự nghèo khó). Vì quá nghèo như thế, Y Rít và người bà bị họ hàng coi khinh, đối xử tệ bạc. Thế rồi, chuyến đi của Y Rít cùng lươn thần Nung Kuang để “bán mua kiếm ăn” nhằm thoát cảnh nghèo đã khiến chàng trở thành đối thủ của vị Thần nước “tài giỏi và giàu có” nhưng vô cùng hung hãn, hiếu chiến. Tương tự, đó là thân phận mồ côi, gia cảnh nghèo hèn của Y Rít trong các truyện của người Ê Đê khác như: *Chàng Y Rit* và khi bẫy đầu, *Sự tích dòng Draï H’Ling*, *Sự tích Draï Sáp*, *Sự tích Ea H’Leo*; nhân vật Y Siêm trong truyện *Chàng Y Siêm*,...

**Một vài cách thức khai mở diễn trình cốt truyện, nhân vật, sự cố mang tính ngoại biệt khác*

Với con số hàng trăm tác phẩm truyền miệng khác nhau để chỉ tìm thấy một vài công thức khai truyện là điều khó có thể xảy ra. Hai xu hướng trên dù rất điển hình, phổ biến nhưng cũng không phải đã chiếm vị trí độc quyền và tuyệt đối. Phần nào thấy được điều này, chúng tôi xin đề cập đến một vài phương thức khai mở diễn trình cốt truyện thuộc nhóm ngoại biệt ấy.

+ Xu hướng câu chuyện khởi đầu gần như với định đề đưa trẻ bất hạnh nhưng thông minh, kỳ tài

Ở các truyện này, câu chuyện được khởi đầu bằng sự việc đưa trẻ vừa mới sinh ra đã gặp rủi ro, thiếu may mắn và thậm chí rất bất hạnh. Nhân vật sớm bị cha

mẹ bỏ rơi một cách vô tình hoặc bất đắc dĩ vì một lý do nào đó. Tuy nhiên, chính những rủi ro, bất hạnh thời thơ ấu ấy đã khiến các cậu bé sớm được thử thách, tôi luyện, đó cũng là cơ duyên dẫn dắt nhân vật thể hiện tài năng và lập công lớn. Ví dụ ở truyện *Tết tê lê* (Cơ Ho), chàng trai đẹp đẽ, tài ba hàng phục được quái thú khổng lồ, đánh đuổi bọn giặc cướp Mất tư ngại hung bạo cứu dân làng, vốn khi sinh ra đã bị “ghẻ lở đầy người”. Cha mẹ cậu bé chạy khắp các khu rừng tìm kiếm các thứ thuốc đắp cho mà bệnh vẫn không khỏi. Chẳng ai muốn chăm nom bé ốm, cha mẹ lo sợ bệnh ghẻ lở của con lan truyền khắp buôn gần, buôn xa, người đầu buôn sẽ phạt vạ nên đem con bỏ vào rừng “đợi con hồ tha đi”. Nhờ sự khôn ngoan, nhanh trí (cậu bé hẹn vợ chồng cọp khi mình khỏi bệnh hãy tới ăn thịt, nếu không sẽ bị lây bệnh, cọp tin lời bỏ đi) (motif đưa trẻ thông minh) và tình thương của người bà (ngày ngày lén mang cơm, thức ăn cho cháu), cậu bé đã thoát chết. Sau một thời gian, cậu bé khỏi bệnh và “lớn nhanh như thổi, cao khỏe, đẹp trai”, trở về với buôn làng (motif thoát hiểm, motif lớn nhanh như thổi,...). Rồi trong chuyến đi săn theo người làng vì thấy “nhớ rừng ghê gớm”, trước “quái thú rừng xanh” và bọn giặc cướp hung hãn, Tết tê lê đã thể hiện bản lĩnh, sự thông minh, mưu trí trong cuộc đối đầu gay go với bọn chúng.

Ở truyện *Chàng Cua* (Ba Na), thời thơ ấu bất hạnh, gian truân của nhân vật được kể theo một cách khác. Chàng Cua khỏe đẹp, tài ba (hơn hẳn bọn trai tráng huênh hoang, khoe mẽ nhưng hèn nhát trong buôn, đã khuất phục được trâu dữ, giành được phần thưởng là người đẹp Rang Hu con gái già làng) vốn là đứa trẻ yếu mệnh, bất hạnh ngay từ lúc mới ra đời. Truyện khởi đầu rằng, sắp đến ngày sinh nở nhưng Bia Xin vẫn đòi theo chồng là Xét đi làm rẫy. Không may dọc đường trở về, nàng chuyên dạ, người chồng nắm đứa con kéo ra, thấy không khóc tưởng đứa bé đã chết bèn cởi áo quần lại, moi đất vùi con xuống (motif đưa bất hạnh). Xong xuôi, hai vợ chồng dắt nhau về nhà. Mẹ cha rời đi chưa được bao xa, đứa bé đã bò ra khỏi lỗ, dây rốn dài lòng thòng vẫn quấn quanh người nó. Đứa bé lẩm bẩm một mình “Nếu mẹ cha không vùi con xuống lỗ thì con sẽ bò theo mẹ cha về nhà. Còn bây giờ con chỉ bò ra khỏi rừng thôi”. Thế rồi, nó bò đi tìm bà Dui Dai Tai To (nữ thần bảo hộ trẻ sơ sinh yếu mệnh), được bà chăm bẵm, bú mớm. Lên năm tuổi, nó tìm tới ở

với ma Bung Lung, học đủ các phép màu của thần. Năm năm sau lại đến ở với Thần Núi, học hỏi tu luyện đủ mọi phép thuật kỳ diệu của vị thần này. Cuối cùng, cậu bé lại tới ăn ở, học hành với Thần Nước (thần cho cái dạng thành cua và được đặt tên là Todām Kotam tức Chàng Cua) cho đến khi trở thành chàng trai khỏe mạnh, dũng cảm, phép thuật toàn năng không còn ai sánh nổi. Với đủ mọi lợi thế về sức mạnh, lòng dũng cảm, tài năng, Chàng Cua, trở thành một đấu thủ xuất sắc khi cuộc tranh tài khuất phục trâu dữ tình cờ diễn ra trong chuyến đi tìm vợ.

Nhìn ở góc độ vai trò cốt truyện đối với việc xây dựng hình tượng nhân vật thì các cách thức khai truyện, giới thiệu nhân vật như trên dù có những điểm khác biệt song đều có tác dụng làm nổi bật hơn hành trạng xuất sắc, phi thường của nhân vật dũng sĩ. Nhân vật dũng sĩ chính là một trong những biểu tượng con người cao đẹp, lý tưởng của truyện cổ tích. Nhân vật này vừa mang những nét gần gũi, thân thuộc với cuộc sống xã hội, con người Tây Nguyên nhưng cũng đầy tính hư cấu, được dân gian thần kỳ hóa, huyền thoại hóa. Những câu chuyện về nhân vật dũng sĩ trong văn học các dân tộc thiểu số Tây Nguyên hầu như đều được khắc họa theo xu hướng và cách thức như thế.

+ Đối với phần phát triển, cao trào (bước hai) của cốt truyện

Nhân vật dũng sĩ lãnh nhận và tiến hành công cuộc chiến đấu chống lại thế lực phi nghĩa, tà ác, cứu giúp nạn nhân, bảo vệ cộng đồng, hoặc vượt qua các khó khăn, thử thách,... Trong diễn trình cốt truyện ba giai đoạn, đây là chặng có vai trò hoàn thiện hình ảnh nhân vật dũng sĩ của kiểu truyện. Mọi tình tiết, diễn biến, hành động của nhân vật (thường dưới dạng motif, tức được motif hóa) đều có giá trị khắc họa, tô điểm hình tượng người dũng sĩ với đầy đủ sức mạnh thể chất, tài năng chiến trận, dũng khí,... trong các cuộc đối đầu, giao tranh. Đặc điểm chung ở hàng trăm truyện khác nhau ở đây là các cuộc giao tranh giữa nhân vật dũng sĩ (đại diện cho chính nghĩa, cái thiện, lẽ phải,...) và các đối thủ (tượng trưng cho thế lực phi nghĩa, cái ác, sự bất thiện,...) luôn diễn ra gay go, khốc liệt. Đối thủ của nhân vật dũng sĩ luôn xuất hiện với sức mạnh áp đảo, sự hung bạo, tàn ác của chúng gây nỗi khiếp sợ lớn cho cộng đồng. Nhân vật dũng sĩ, con người xuất sắc, tài năng, can đảm nhất dấn thân vào cuộc đối đầu với tinh thần và ý chí sắt thép, không chút đắn đo, suy

tính và run sợ. Thế lực phi nghĩa, tà ác cũng không hề là những kẻ hèn nhược, ngược lại chúng ngang sức, ngang tài với người dũng sĩ, khả năng chiến trận, tài phép đủ kiêu, vũ khí lợi hại,... Dù thế đi nữa, nhân vật dũng sĩ, với sức mạnh chính nghĩa, tài năng phi thường, bền bỉ trong giao tranh vẫn luôn chiến thắng. Nhân vật dũng sĩ là một kiểu, một motif nhân vật, là con người của chiến công, kỳ tích và sự chiến thắng, bất chấp mọi cản lực. Dù có bị kẻ thù giết hại, bị tử chiến, không còn trở về sau cuộc giao tranh thì người dũng sĩ vẫn là biểu tượng cho sức mạnh, sự bất khuất của cuộc chiến chính nghĩa.

Xét ở chiều sâu của kết cấu cốt truyện, để khắc họa hình ảnh nhân vật dũng sĩ như trên, ta thấy cuộc đối đầu, giao tranh giữa nhân vật dũng sĩ với thế lực phi nghĩa, tà ác thường không diễn ra một cách dễ dàng, kết thúc nhanh chóng mà trải qua nhiều chặng và kéo dài. Đây là cuộc chiến gay go, quyết liệt, nhân vật phải trải qua nhiều thử thách, ngáng trở, phải được tôi luyện võ nghệ, trang bị chiến khí,... Phương thức “kéo dài sự kiện” này khiến cho các câu chuyện trở nên li kì, hành trình “diệt ác trừ bạo” của nhân vật dũng sĩ cũng trở nên căng thẳng, hấp dẫn hơn. Giai đoạn mang tính trung gian, quá độ này dù có thể không xuất hiện trong một số không ít truyện nhưng rất đặc thù và tiêu biểu của truyện cổ tích. Đây là kiểu kết cấu cốt truyện thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo rất tinh tế, đa dạng, giàu tính nghệ thuật của các thể hệ nghệ nhân vô danh, tác giả tập thể. Đặc điểm, ý nghĩa, giá trị thi pháp của phương thức kết cấu nói trên được thể hiện qua một số truyện điển hình, cụ thể như sau:

Ở truyện *Anh hùng Đam Đông* (Ba Na), nhân vật người em quyết chí theo đuổi việc đi tìm giết quỷ, bất chấp mọi lời can ngăn, nhưng cũng vì quá nóng lòng đi cứu người anh, chàng đã phải ném trái thất bại. Chuyến đi đầu tiên, chàng Đam Đông đã không thể thực hiện được nguyện vọng giết quỷ cái hung dữ. Sức lực, tài phép của chàng hãy còn thua xa so với nó. Chàng phải được tập luyện võ nghệ, rèn giũa khả năng chiến trận, trang bị vũ khí,... thì mới có thể thắng được con quỷ có lắm phép màu. Hành trình gian nan đi tìm giết quỷ, cứu anh của nhân vật Đam Đông có thể lược kể như sau:

+ *Chuyến đi tìm giết quỷ lần 1 thất bại*

Sự kiện thứ nhất (Với các motif: Motif nhân vật can ngăn hay lời can ngăn, motif sự kiên quyết ra đi giết quái vật): Trên hành trình đi tìm giết quỷ cứu người anh, Đam Đông gặp người tiêu phu kỳ lạ (gánh củi ông ta chất cao như chòi rẫy, đòn gánh là thân cây cao lớn, gánh đi nhẹ như không,...), biết chuyện tiêu phu can ngăn, khuyên Đam Đông quay về vì tin chàng chưa đủ sức đánh quỷ. Đam Đông một mực không nghe lời khuyên của tiêu phu, tiếp tục lên đường.

Sự kiện thứ hai (Với các motif: Motif cuộc chiến không thành công, motif tử chiến tạm thời): Dọc đường đi, bỗng con voi Đam Đông cưỡi rổng to, nhìn phía trước thấy một pho tượng gỗ sơn đen. Pho tượng hóa thành người khổng lồ mắt trợn ngược, miệng phun lửa cản đường. Hai bên lao vào đánh nhau từ lúc mặt trời mới lên khỏi núi cho tới lúc mặt trời xế bóng vẫn không phân được thua. Đam Đông rút mũi tên thuốc độc, giương ná bắn thẳng vào ngực người khổng lồ, hấn giờ tay bắt mũi tên cắm xuống đất. Đam Đông dốc hết sức đánh nhau với người khổng lồ, cuối cùng mệt lả, toàn thân cháy bỏng và ngất đi. Voi quấn xác chàng đặt lên lưng, chạy như gió về làng để thuốc thang, cứu chữa.

Kết cục chuyến đi tìm giết quỷ, cứu người anh lần 1 của Đam Đông không thành công.

+ *Tiên ông xuất hiện, giúp đỡ*

Sự kiện thứ ba (Với các motif: Motif nhân vật thần kỳ, nhân vật người mang lột, motif con số bảy, motif cây thần, motif chặt cây thần, motif vật thiêng). Một đêm, Đam Đông lên rẫy canh lúa, dọc đường gặp một cụ già ngỏ ý xin giúp đỡ. Đam Đông đổi đãi ân cần, chu đáo, đêm khuya cụ già cởi lột trần, hóa thành tiên ông, khuyên chàng hãy lo tập luyện, không được nóng nảy thì mới thắng được quỷ cái. Tiên ông trao cho Đam Đông hạt giống, bảo đem gieo nơi sườn núi, cây mọc phải xuống núi cống nước tưới mỗi ngày đủ bảy lượt. Đam Đông làm theo lời khuyên của tiên ông. Cây lớn nhanh, gốc ngàn người ôm không xuê, ngọn cao tới trời, cành dài xum xuê. Tiên ông lại bảo chàng đốn cây lấy gỗ đẽo khiên, đao, lại cho thêm ngựa trắng và quả bầu thần để đi đánh quỷ,...

+ *Chuyến đi giết quỷ lần 2 thành công*

Sự kiện đỉnh điểm (Với các motif: Motif cuộc giao tranh quyết liệt, motif con

số bảy, motif gương thân, motif phép thuật thần kỳ, motif đối thủ ngang tài, ngang sức, motif vật thiêng, motif quái vật bị giết,...). Cuộc giao tranh giữa Đam Đông với quỷ diễn ra bảy ngày bảy đêm, vô cùng gay go, quyết liệt. Quỷ cái giờ đủ mọi phép thuật, biến huyễn đủ kiểu với vũ khí lợi hại là gương thân (khiến trời đất khi tối sầm, lúc gió bão gầm rú, điên cuồng, khi nước dâng cuộn cuộn, lúc trời đất nóng như thiêu như đốt), đánh lại Đam Đông. Đam Đông cũng đáp trả lại mọi đòn tấn công khủng khiếp của quỷ cái với đủ mọi phép thuật và tài nghệ khiên đao của mình. Cuối cùng, nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của tiên ông cùng ngựa và quả bầu thần, mọi phép thuật của quỷ bị vô hiệu hóa, Đam Đông giết chết quỷ, cứu thoát người anh và các nạn nhân khác.

Với một kết cấu phân đoạn cốt truyện gồm các chặng từ thử thách gay go, rồi giao tranh lần đầu thất bại, đến kiên trì tôi luyện (với sự phù hộ, giúp đỡ của lực lượng siêu nhiên, thần kỳ) và cuối cùng cuộc chiến gian nan diệt quỷ, cứu người thành công - hình tượng nhân vật Đam Đông kiên cường, bền bỉ, tài năng, đầy dũng khí đã được khắc họa hoàn tất. Các nhân vật, sự kiện, tình tiết truyện với vai trò, ý nghĩa như những motif đã là phương tiện đặc lực, đặc thù cho sự thể hiện, tôn tạo sắc nét hình ảnh nhân vật.

Với truyện *K'Tông, K'Tâng, Kon Jút* (Mạ) cuộc chiến đi tìm giết quỷ của ba anh em diễn ra vô cùng li kỳ. Lần lượt từ người anh cả K'Tông, đến người anh thứ K'Tâng đi giết quỷ đều thất bại, cuối cùng tới phiên người em út Kon Jút thì mới giết được quỷ. Phân cao trào, phát triển của cốt truyện với phương thức kết cấu lặp lại (3 lần, với một số đổi khác về tình tiết, motif, tính cách, tài năng nhân vật) việc đi giết quỷ mới đạt kết quả. Điều này đồng nghĩa với những khó khăn, thử thách gian nan mà nhân vật dũng sĩ phải vượt qua, những phẩm chất, tài năng mà nhân vật phải đạt tới. Con người với đầy đủ phẩm chất, năng lực hơn người đó chính là nhân vật người em út Kon Jút. Sau đây là lược trình cuộc chiến giết quỷ, phân cao trào, phát triển trong bố cục cốt truyện.

+ *Chuyến đi giết quỷ của nhân vật người anh K'Tông bị thua*

- Công việc chuẩn bị

Sự kiện thứ nhất (Với các motif: Motif rèn chiến khí, motif thử tài): K'Tông

rèn gương, đao, con ma Lách Lum biến thành người xin được cùng rèn kiếm rồi bắt ngờ vung kiếm chém vào chân K'Tông chảy máu, ma hút ăn rồi biến mất.

+ *Dọc đường đi tìm giết quỷ:*

Sự kiện thứ hai (Với motif sát khí gương, đao): Dọc đường, K'Tông thấy voi, lợn, hươu, nai chạy tán loạn, chàng hỏi vì sao, chúng đáp vì sợ kiếm, đao.

Sự kiện thứ ba (Với các motif: Motif nhân vật thần kỳ, motif thử tài ăn, uống, motif sự kiên quyết lên đường): K'Tông tình cờ gặp bà Nhím, bà ái ngại, không tin chàng giết được quỷ. Để thử tài K'Tông, bà Nhím chặt 1 buồng chuối, 5 cây mía, luộc 1 nồi khoai môn, nấu 1 nồi cơm nếp, đem ra 1 bát ớt bột, 1 ống thuốc lá, 1 ché rượu cần nhỏ, bảo chàng dùng hết mọi thứ thì hãy đi giết quỷ. K'Tông ăn chuối, mía, khoai, cơm nếp, ớt bột không hết, hút thuốc cũng không hết, uống ché rượu chưa nhạt đã say lăn ra ngủ.

Sáng sớm hôm sau, bà Nhím đánh thức chàng dậy và khuyên đừng nên đi, hãy quay về. Nhưng K'Tông vẫn kiên quyết đi tìm giết quỷ.

Sự kiện thứ tư (Với các motif: Motif quỷ cản đường, motif quỷ giả người): K'Tông gặp hang nước quỷ trú ngụ, gọi xin thuyền qua sông. Quỷ biến thành người chèo thuyền đưa K'Tông qua sông. Đến giữa sông, quỷ trêu chọc, dọa dẫm rồi đâm và chìm K'Tông xuống nước, K'Tông sợ hãi không dám nói gì.

Sự kiện thứ năm (Với motif thử tài uống rượu): Quỷ thử tài hút thuốc, uống rượu. Qua sông, quỷ lại đưa thuốc lá mời K'Tông hút, chàng hút không hết thuốc lá quỷ đưa. Tối đến, quỷ lại mang hai ché rượu ra mời K'Tông cùng uống, chàng uống chưa nhạt rượu đã say, lăn ra ngủ. Quỷ uống nhạt hết ché rượu vẫn không say.

Sự kiện thứ sáu (Với các motif: Motif chuẩn bị chiến khí, motif quỷ giả người, motif cuộc giao tranh không thành công): Cuộc giao tranh giữa K'Tông và quỷ, K'Tông thua, bị quỷ nuốt.

Quỷ dậy sớm vào rừng chặt cây, vót nhọn, K'Tông dậy muộn hơn cũng vào rừng chặt cây vót nhọn. Quỷ hiện nguyên hình đánh nhau với K'Tông, chàng bị quỷ phi lao trúng người chảy máu. Quỷ hút máu K'Tông rồi nuốt chửng chàng.

+ *Chuyến đi giết quỷ của nhân vật người anh thứ hai K'Tông cũng thất bại, bị quỷ nuốt*

Các giai đoạn (chuẩn bị chiến khí, dọc đường đi, cuộc giao tranh thất bại) và các sự cố xảy ra (với những motif mang tính chất thử tài, trí thông minh, sự nhạy bén,...) trong chuyến đi giết quỷ của K'Tông cũng được kể lặp lại như chuyến đi giết quỷ của người anh K'Tông. Tuy nhiên, có một số điểm khác là mức độ thử tài đối với nhân vật K'Tông được nâng lên nhiều lần. Khi thử tài ăn của chàng, bà Nhím chặt 2 buồng chuối (chứ không phải 1 như lần trước). K'Tông ăn không hết buồng chuối thứ 2, 5 cây mía, nôi khoai môn, hút không hết ống thuốc, nhưng chàng ăn hết nôi cơm nếp, bát ớt bột. Những sự thay đổi này nhằm chứng tỏ, K'Tông tài năng hơn K'Tông, nhưng vẫn chưa phải là toàn tài, K'Tông cũng chưa uống hết chén rượu đã say và ngủ muộn, sáng sớm bà Nhím đánh thức mới dậy. Có nghĩa là chàng vẫn còn kém sức, kém tài, khó giết được quỷ.

Bà Nhím khuyên K'Tông không nên đi đánh quỷ, đi là chết. Nhưng K'Tông vẫn kiên quyết lên đường (motif kiên quyết lên đường),...

+ *Chuyến đi giết quỷ của nhân vật người em út Kon Jút thành công*

Các giai đoạn trong chuyến đi giết quỷ của Kon Jút cũng lặp lại hoàn toàn như đối với hai người anh. Tuy nhiên, có một số điểm khác là, ma Lách Lum giả người cảm thấy sợ hãi khi cùng rèn kiếm với Kon Jút, rồi Kon Jút nhanh tay chém nó chết trước khi nó kịp chém và hút máu chàng như với hai người anh. Để thử tài ăn, uống của Kon Jút, bà Nhím bày ra 7 buồng chuối, Kon Jút ăn hết cả 7; chặt 7 khóm mía, mang ra một giỏ to cơm nếp chàng cũng ăn hết sạch. Cuối cùng, thay vì chén rượu nhỏ, bà Nhím mang chén R'lung ra, chàng cũng uống hết mà không say (motif thử tài ăn, uống, motif con số bảy). Sáng sớm, trời chưa sáng, Kon Jút đã thức dậy chuẩn bị lên đường (mà không dậy muộn phải đánh thức như hai người anh), được bà Nhím khen ngợi. Tất cả những tình tiết trên (dưới dạng motif hóa) khẳng định sự thông minh, sáng suốt, khỏe mạnh, toàn tài hơn hẳn của Kon Jút so với hai người anh. Điều này càng được khẳng định khi chàng đối đầu và giao tranh với quỷ tiếp theo.

Khi đi đến hang nước nơi quỷ trú ngụ, Kon Jút thét gọi nhiều lần nó vẫn không tỉnh giấc. Chàng tức giận chém vỡ chiếc cối đá, quỷ giật mình tỉnh giấc, vô cùng run sợ. Khi quỷ chèo thuyền đưa Kon Jút qua sông, chàng nhéo, đấm, dìm nó xuống nước chứ không để bị nó nhéo, đấm, dìm xuống nước (mà không dám nói gì) như

hai người anh trước đó. Kon Jút hút ống thuốc lá bị khoét một lỗ thủng ở đáy quỹ mồi, chàng hút mãi, hút mãi không dừng khiến quỹ sợ hãi. Quỹ thi uống rượu bằng ché R'lung, Kon Jút uống nhạt rượu trước, ném ché vào góc nhà (motif thử tài uống rượu), quỹ uống mãi rượu vẫn chưa nhạt, nó say lăn ra ngủ (motif kém tài uống rượu). Sáng sớm, Kon Jút đi chặt cây vót nhọn mang về trong lúc quỹ hãy còn đang ngủ. Quỹ cũng thức dậy đi đôn cây vót nhọn nhưng trong bụng bắt đầu run sợ. Cuộc giao tranh giữa Kon Jút với quỹ diễn ra và mau chóng kết thúc. Cuối cùng, Kon Jút ném lao trúng quỹ rồi trói chặt nó lại, bắt “nôn hết ra” những người nó đã nuốt (motif cuộc giao tranh thắng lợi),...

Một chuỗi những tình tiết (phần lớn là những motif thử tài, thể hiện sức khỏe, tài năng, sự thông minh,...) như trên được kể theo một trình tự không thay đổi. Tuy nhiên, khác với hai người anh, nhân vật Kon Jút nhanh chóng phát hiện và chém chết ma Lách Lum (khi bị nó ám thi, thử thách). Chàng cũng ăn, uống hết mọi thức ăn đồ uống (với số lượng gấp nhiều lần những người anh) bà Nhím dọn ra mà sáng mai vẫn thức dậy sớm (chẳng cần phải đánh thức như hai người anh). Kon Jút cũng nhanh chóng phát hiện và không chế quỹ khi nó giả người chặn đường đưa đồ qua sông. Chàng quát nạt quỹ, néo, đấm, dìm nó xuống nước mà không để bị nó trêu, néo, đấm, dìm xuống nước dễ dàng như K'Tông, K'Tâng. Với một kết cấu xâu chuỗi những tình tiết, motif đầy ý nghĩa như thế, hình tượng nhân vật Kon Jút tài năng, khí phách, thông minh giết quỹ đã nổi bật và ấn tượng.

Khác với hai truyện trên, những thử thách mà nhân vật người anh phải vượt qua trên hành trình đi cứu em gái bị Pơ tao cướp đoạt (Truyện *Nàng Koi Bơ Ling*, *Cơ Ho*) là đủ thứ hiểm họa, chướng ngại từ nhỏ đến lớn liên tục xuất hiện. Khắc phục được ngáng trở này, chàng trai lại phải đối mặt với hiểm họa khác. Đầu tiên là một con rắn nước xông ra cản đường (motif rắn cản đường), chàng rút đao chém nó chết rồi tiếp tục tiến lên (motif chém rắn ác). Đang đi, lại một con hổ mang bất ngờ lao vào người, chàng nhanh chân né tránh rồi nhanh tay chém chết rắn. Tiếp đến là một ổ rết lớn chặn đường, bịt mắt lối đi (motif rết bịt lối đi), nhờ gà mổ rết và vịt (nở ra từ hai quả trứng chàng được gà thần tặng trước lúc lên đường) mở đường, chàng trai thoát hiểm tiếp tục hành trình (motif nhân vật thần kỳ). Vừa thoát được ổ rết, lại

bị một con rắn rất to há miệng chực sẵn phía trước, chàng nhảy vào bụng rắn, mồm bụng nó chui ra và tiếp tục đi (motif diệt rắn lớn). Các ngáng trở mà chàng trai phải vượt qua để tiếp tục hành trình tiếp theo lần lượt như sau:

- Những vùng núi trùng điệp, những cánh rừng rậm rạp, hoang vu không đường đi lối lại (motif vượt núi, băng rừng),...

- Những ngọn núi đá cao dựng đứng, đá xếp liền nhau không một kẽ hở (motif vượt núi cao, hiểm trở),...

- Biển nước rộng mênh mông không thấy đâu là bờ bến (motif vượt biển),...

Câu chuyện kể rằng, những chướng ngại như rắn rết, núi cao, rừng rậm, biển lớn là âm mưu cản đường chàng trai của Potao. Với tất cả những câu chuyện tương tự, nhân vật dũng sĩ đảm nhận vai trò diệt ác cứu người thì những trở ngại dù lớn lao đến mấy cũng được san phẳng, vượt qua. Cuộc giao tranh với tên Potao của nhân vật chàng trai dũng cảm chỉ là chiến tích kết thúc cuộc chiến trường kỳ mà thôi.

Phương thức kết cấu *Phân cao trào, phát triển* như trên rất phổ biến đối với kiểu truyện nhân vật dũng sĩ. Một mặt, chúng ta thấy chúng vừa có tính khuôn dạng, công thức, đồng thời cũng biến đổi rất đa dạng, tinh tế. Tất cả những tìm tòi, sáng tạo về kết cấu sự cố, sự kiện, tình tiết (mang tính chất là những motif), ở cấp độ chiều sâu như thế đều là phương thức, biện pháp khiến hình tượng nhân vật dũng sĩ trở nên nổi bật, sắc nét hơn.

+ *Phân kết thúc*: Kiểu kết thúc có hậu chiếm phần lớn các thiên truyện, là lối kết truyện mang tính đặc thù, truyền thống của truyện cổ tích. Tuy nhiên, dù mang tính ngoại lệ và với số lượng không lớn (9/100 truyện) nhưng kiểu kết thúc không có hậu hoặc nửa có hậu nửa không vẫn rất đáng chú ý, có giá trị và ý nghĩa đặc biệt.

Đối với kiểu kết truyện có hậu, nhân vật dũng sĩ lấy được vợ đẹp con chủ làng, Potao giàu có; được cộng đồng chọn làm thủ lĩnh hoặc chủ làng, đứng đầu làng, hưởng hạnh phúc lâu dài. Dân chúng mở hội ăn mừng vượt qua hoạn nạn, cuộc sống trở lại yên vui, sung túc. Trường hợp dũng sĩ sau khi “diệt quái vật”, cứu cô gái bị nạn liền bỏ đi ngay thì thường cô gái chạy theo nắm đuôi khổ giật lại. Để chạy thoát, chàng trai rút kiếm cắt đuôi khổ (đôi khi kèm cả chuôi gươm buộc ở dải khổ cũng bị giữ lại). Đây là vật làm tin khiến nhân vật dũng sĩ không bao giờ lâm vào tình trạng

bị kẻ khác tranh công, chiếm mất người đẹp. Trong lễ hội mừng công nô nức, để nhận biết ân nhân cứu mạng, lấy làm chồng, cô gái (thường là con chủ làng, Potao) so đuôi khô và chuôi gươm (motif so đuôi khô, motif so chuôi gươm),... Tất cả những điều tốt đẹp như thế dĩ nhiên là không xuất hiện ở phần kết ngoại lệ ở một số truyện. Cái chết bất khuất, can trường (hay sự ra đi không rõ căn nguyên) trong cuộc chiến chống phi nghĩa, bạo tàn của nhân vật người anh hùng cứu nạn khiến cộng đồng không nguôi tiếc thương, xa xót, song cũng đầy tự hào. Bằng cách nào đi chăng nữa thì *Phần kết thúc* các thiên truyện cũng là sự đề cao và tôn vinh đối với chiến công và sự nghiệp cao quý của nhân vật dũng sĩ - người anh hùng cộng đồng.

3.1.2.2. Vai trò của kết cấu cốt truyện trong việc khắc họa nhân vật dũng sĩ ở sử thi

+ *Về lược trình kết cấu cốt truyện kết thúc có hậu và ngoại lệ*

Từ những mối quan hệ gắn bó về đề tài, chủ đề, nhân vật, về mặt thi pháp giữa truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi có nhiều mối liên hệ và tương đồng. Cùng thuộc phạm trù truyện kể dân gian nên về kết cấu cốt truyện dù sử thi có tầm vóc đồ sộ, kết nối nhiều sự kiện, tình tiết, câu chuyện gắn với sự rộng lớn của không gian và thời gian,.. nhưng xét kỹ, chúng vẫn tuân thủ lược trình ba giai đoạn như truyện cổ tích. Tất cả các tác phẩm sử thi đều có một bố cục cốt truyện, diễn trình sự kiện khá là chặt chẽ. Các thiên truyện dù có trường thiên đến mấy (diễn xướng cần vài ba đêm, văn bản hóa với hàng trăm trang sách, hàng nghìn câu văn, thơ) thì chúng đều có phần mở đầu với sự xuất hiện của nhân vật trung tâm, tiếp theo là những sự cố, sự biến đổi nhân vật vào vòng xoáy của những xung đột, những cuộc chiến, giao tranh, đối đầu; và cuối cùng là sự khép lại tất cả những biến động, chiến chinh để cuộc sống trở lại bình yên. Trung tâm của những sự cố, những va đập xã hội khốc liệt ấy là các nhân vật chuyển tải mong muốn, ước mơ, lý tưởng của cộng đồng về những con người có thể khắc phục những tổn thất, nâng đỡ, cứu giúp khi hoạn nạn, tai ương xảy đến. Con người lý tưởng đó được thể hiện, gửi gắm vào nhân vật trung tâm của các thiên truyện. Đó là nhân vật dũng sĩ - những thủ lĩnh anh hùng của cộng đồng buôn làng, xứ sở. Có phần khác với truyện cổ tích, trong khá nhiều sử thi, lập nên chiến công, kỳ tích bảo vệ và khôi phục cộng đồng không chỉ đơn độc một nhân

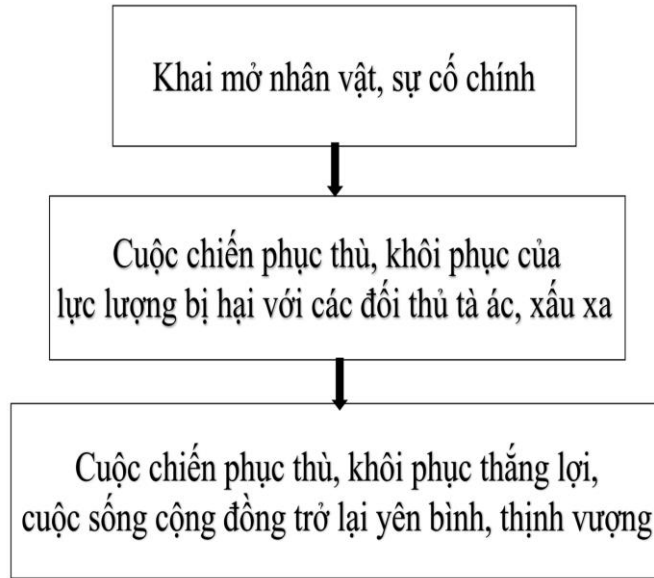
vật dũng sĩ mà bao gồm cả sự tham gia của cả nhóm, tập thể những trai tráng can trường và đông đảo cộng đồng dân chúng. Đó là khía cạnh phản ánh lịch sử, xã hội rất đặc trưng của sử thi. Nhưng dù thế đi nữa thì sự soi chiếu của các câu chuyện bao giờ cũng hướng đến việc làm sáng tỏ vai trò cốt lõi của nhân vật anh hùng, dũng sĩ trung tâm, tiêu biểu nhất. Thế nên, cũng như với truyện cổ tích, cốt truyện sử thi là cốt truyện gắn với sự nghiệp cao cả của nhân vật dũng sĩ. Sự thành công hay thất bại của công cuộc chiến đấu vì lẽ phải và chính nghĩa, vì cuộc sống yên bình, thịnh vượng, sự sống còn của nhân vật trung tâm gắn liền với vận mệnh cộng đồng có thể nói gần như đã được “lập trình” sẵn trong trong kết cấu cốt truyện các tác phẩm. Bởi thế, nói đến kết cấu cốt truyện sử thi, cũng như truyện cổ tích là nói đến kiểu cốt truyện ba giai đoạn (hay ba phần, ba bước) với kết thúc có hậu rất rõ ràng, khúc chiết. Đây là kiểu kết cấu cốt truyện truyền thống, chủ đạo, chiếm tuyệt đại đa số tác phẩm.

Nghiên cứu vai trò kết cấu cốt truyện khan *Đam Săn* trong việc khắc họa hình tượng nhân vật trung tâm của tác phẩm này, Nguyễn Văn Hoàn nhận xét:

“Điểm khác biệt trong kết cấu cốt truyện của Đam Săn so với một số sử thi Ê đê khác như Kinh Dú, Xing Chơ Niép, là Đam Săn tập trung vào chỉ một nhân vật trung tâm. Toàn bộ cốt truyện nêu lên số phận và đặc biệt là những hành động có tính chất sử thi của nhân vật anh hùng Đam Săn. Có thể nói, khi toàn bộ những phẩm chất chủ yếu của Đam Săn đã bộc lộ đầy đủ, hoàn chỉnh, thì truyện kể dừng lại” và *“với kết cấu cốt truyện tập trung như vậy, Đam Săn đã xây dựng được một hình tượng anh hùng sử thi toàn vẹn với những hành động và kỳ tích thể hiện đẹp đẽ, sâu sắc, hoàn chỉnh ba chức năng của nhân vật anh hùng sử thi...”* (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.50).

Dù có những nét phân biệt về đề tài, chủ đề, kiểu dạng nhân vật cũng như cách thức kết cấu các sự kiện, tình tiết ở hàng chục sử thi tiêu biểu được nghiên cứu, có thể khái quát một lược trình kết cấu cốt truyện chung như sau:

3.3. Lược trình kết cấu cốt truyện chung của sử thi



Nhân vật dũng sĩ với vai trò là nhân vật trung tâm xuất hiện xuyên suốt diễn trình cốt truyện. Đó là hình tượng nhân vật đặc trưng, là tiêu chí quan trọng hàng đầu của một cốt truyện sử thi. Tuy nhiên, tham gia vào cuộc chiến phục thù để giành lại “người đẹp”, đòi lại “vật quý”, khôi phục và bảo vệ buôn làng, bên cạnh nhân vật thủ lĩnh như Đam Săn, Đăm Di, Xing Nhã, Xing Chơ Niếp, Giông, Dăm Duông, Sa Ea, Udai Ujác,... còn có các gương mặt dũng sĩ đồng đội là những người anh em, tôi tớ, họ hàng thân thích. Đây cũng là điểm khác của sử thi so với truyện cổ tích vì hầu như chỉ với tài năng, sự can đảm phi thường của mình, nhân vật dũng sĩ của truyện cổ tích đã có thể đảm nhận sứ mệnh cứu nạn, “trừ gian, diệt bạo”. Dù có một đội ngũ nhân vật dũng sĩ thì lược trình cốt truyện sử thi trước hết vẫn tập trung làm nổi bật hình tượng nhân vật trung tâm, tiêu biểu nhất. Bởi vậy, tên gọi các sử thi trong dân gian cũng thường là tên các nhân vật chính, hoặc gắn với nhân vật chính, nhân vật trung tâm như: Đam Săn, Xing Nhã, Đăm Di, Xing Chơ Niếp, Giông, Dăm Duông, Udai, Ujác, Sa Ea,... Có thể khái quát rằng, diễn trình cốt truyện sử thi gần như đã trở thành một mô thức chung về cuộc đời, sự nghiệp chiến đấu khôi phục và bảo vệ cộng đồng, là những bản anh hùng ca về chiến công, kỳ tích của nhân vật dũng sĩ. Những giao tranh, xung đột được mô tả, phản ánh trong sử thi là hình bóng những cuộc chiến tranh giữa các nhóm người, tộc người, giữa các cộng đồng, các thế lực trong thực tế lịch sử, xã hội. Đó là những cuộc xung đột, giao tranh đầy tổn thất và

đồ máu được khởi xướng và điều khiển bởi những thủ lĩnh là các tù trưởng, những potao (hay Motao), chủ làng... Đây là những nhân vật tiêu biểu cho tinh thần và dũng khí sinh tồn, xả thân chiến đấu chống lại các thế lực tàn bạo. Với “lăng kính” nhân văn của những cộng đồng tộc người đã thoát ra khỏi thời kỳ dã man, khao khát được sống yên lành, nhân vật người anh hùng, dũng sĩ đại diện cho tinh thần chính nghĩa, cho cái thiện (đối lập với cái ác, sự cướp đoạt và hủy diệt dã man,...) đã trở thành nhân vật trung tâm, tiêu biểu của diễn trình hay mô thức cốt truyện sử thi như trên.

Cũng như truyện cổ tích dũng sĩ, kết cấu cốt truyện *Ba phần* (ba giai đoạn, ba bước) với kết thúc có hậu là một bố cục truyền thống vững chắc của sử thi. Với bố cục này, nhân vật anh hùng, dũng sĩ hầu như là nhân vật của kỳ tích và bất tử. Kết thúc các thiên truyện luôn là các lễ cưới nô nức của người dũng sĩ chiến trận với các cô gái đẹp, giỏi giang, là lễ hội ăn mừng thắng trận báo hiệu sự phục hồi, phồn vinh của cả cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn có phần ngoại lệ, trong số những sử thi được chúng tôi tìm hiểu, khan *Đam Săn* không hoàn toàn thuộc typ truyện kết thúc có hậu. Áng sử thi nổi tiếng bậc nhất này của người Ê Đê đã khép lại với cái chết của nhân vật anh hùng Đam Săn. Trong suốt câu chuyện, Đam Săn là một dũng sĩ, chàng thể hiện đúng vai trò một tù trưởng trẻ tuổi với tất cả sức mạnh, sự ngang bướng và dũng khí hơn người trong tất cả mọi hoạt động (lấy vợ, vui chơi, chặt cây, đánh thắng các Motao đến cướp vợ chàng). Thế nhưng, chàng Đam Săn trong cuộc chinh phục Nữ Thần Mặt Trời không những chịu thua mà trên đường quay về, cả người và ngựa còn bị “chìm chìm” trong vùng “rừng hoang đẫm vắng”. Tiếng khóc chồng của người vợ Hơ Nhị đã nói lên sự đau thương cùng tổn thất lớn lao mà cái chết của Đam Săn đã gieo vào lòng cộng đồng: *“O nuê ơi, thế là cây đa không còn nữa, cây không đã đổ rồi ! Khắp vùng Bih, vùng Mnông đâu còn một tù trưởng giàu mạnh, đâu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa như nuê nữa. Nuê giàu có với dàn chiêng đồng, tưởng đâu nuê chết bia cao hòm tốt, mồ mả giữ cả tháng năm. Ngờ đâu nuê lại chết chìm trong vùng Đất Sáp Đen,...”* (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đam Săn sử thi Ê - đê*, tr.216).

Như thế, cái chết của Đam Săn vẫn là cái chết can đảm, cái chết của một con

người quyết không từ bỏ khát vọng của mình trong bất kỳ tình huống nào. Hình tượng nhân vật dũng sĩ Đam Săn không bị lu mờ đi mà còn trở nên bi hùng hơn từ cái chết được báo trước mà chàng tự nguyện lãnh nhận. Tuy nhiên, nếu xem khan *Đam Săn* thuần túy là câu chuyện về tập tục hôn nhân nối dây chứ không phải là bản anh hùng ca về cuộc đời của tù trưởng Đam Săn, thì kết thúc tác phẩm sẽ thuộc về cuộc hôn nhân nối dây thuận thành tiếp theo giữa nhân vật Đam Săn cháu (do Đam Săn đầu thai) với Hơ Nhi, Hơ Bhi. Có thể nói, cái “kết thúc kép” như thế của khan *Đam Săn* là hệ quả khá đặc biệt của kiểu kết cấu “truyện trong truyện” rất phổ biến của loại hình sử thi. Và cũng vì thế, dường như kết cấu cốt truyện khan *Đam Săn* cũng không hoàn toàn trùng khít với diễn trình cốt truyện ba giai đoạn như chúng tôi đã khái lược. Tuy nhiên, từ những chương khúc quan trọng (Đam Săn đánh lại các tù trưởng hùng mạnh cướp vợ, chặt cây thần, đi chinh phục Nữ Thần Mặt Trời), khan *Đam Săn* lại gần như thể hiện đầy đủ tiêu chí một áng sử thi anh hùng tiêu biểu nhất.

+ *Về chiều sâu của kết cấu cốt truyện sử thi và vai trò của motif*

Cũng như truyện cổ tích, tìm hiểu chiều sâu của kết cấu cốt truyện sử thi (với sự nghiên cứu, nhận diện cụ thể hơn các cấu kiện, tình tiết, ý nghĩa sự kiện, sự cố, hành động và kiểu loại nhân vật,...), chúng ta sẽ khám phá cụ thể hơn không chỉ đặc điểm hình tượng nhân vật dũng sĩ mà chính là phương thức tác giả tập thể đã xây dựng nhân vật này. Đồng thời, việc xem xét cốt truyện ở cấp độ chiều sâu cũng giúp chúng ta thấy rõ hơn sự gần gũi, tương đồng cũng như điểm khác biệt giữa truyện cổ tích dũng sĩ và loại hình sử thi anh hùng trong văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Đối với *Phần khai mở* nhân vật, sự cố chính. Các khan, h' mon, h'ri, hơ m'uan, akhàt jucar,... thường không mở đầu câu chuyện với việc giới thiệu nhân vật chính một cách ngắn gọn, không quá chú trọng việc huyền thoại hóa, cá biệt hóa sự ra đời của nhân vật chính như truyện cổ tích. Các trường thiên “dã sử” này rất chú ý đến việc miêu thuật (có khi khá là tỉ mỉ, dài dòng) về nguồn cội, gia thế của nhân vật “đưa con”, sẽ là những trai tráng, nữ nhi tài năng, dũng cảm, kế thừa xuất sắc sự nghiệp thế hệ trước. Vấn đề số phận, lịch sử thăng trầm của gia đình, cộng đồng hầu

như luôn được đề cập, khai mở ngay từ đầu các thiên truyện. Khan *Xing Nhã* khởi đầu với câu chuyện về tình cảm lứa đôi, rồi việc “kết thành vợ chồng” của cô gái mồ côi sống một mình là Hơ bia Đá và chàng Gia rơ Kết. Đôi vợ chồng trẻ rất siêng năng, chăm lo việc nương rẫy nên chẳng bao lâu trở nên sung túc “*Lúa đầy rẫy. Hành tỏi đầy vườn. Cà ớt như cỏ rừng. Vườn chuối như cây rừng. Vườn mía như mây song. Bầu bí không còn chỗ giẫm chân*”. Họ trở nên giàu có, tiếng tốt “*truyền đi buôn phía đông, làng phía tây*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.11).

Cứ thế, phần khởi đầu câu chuyện tiếp tục kể về sự phồn thịnh của gia đình đôi vợ chồng Gia rơ Kết, Hơ bia Đá, đặc biệt là việc họ sinh con đẻ cái: Ở một ngày, nghỉ một tháng, qua một mùa xuân, Hơ bia Đá có mang, đầu vú sẫm đen, sắp đến ngày con bông con bẻ. Sau khi lọt bụng mẹ, Xing Nhã khóc miết 7 ngày, 7 đêm. Mẹ cha đặt cho tên là Xing Nhã mới thôi khóc (motif con số 7, motif đặt tên). Rồi đưa bé (sẽ là nhân vật đưa con tài ba, dũng cảm khôi phục gia đình, buôn làng bị kẻ thù hãm hại, tàn phá) lớn “bảy tháng” được cha mẹ làm lễ “thôi tai”, “ăn bảy con trâu, bảy con bò, bảy con lợn, bảy con gà” (motif con số 7, xuất hiện nhiều lần). Lễ mừng tuổi Xing Nhã là ngày hội của cả buôn làng “Dân làng nhộn nhịp”. Con trai đi chặt ống máng nước, con gái đi hái lá, lượm củi. Sớm chiều nghe tiếng giã gạo, giã bắp “ình, ỳnh, ỳnh”. Họ sửa soạn đón bà con và khách từ “làng phía tây đến vùng phía đông tới”. Lễ cúng “thôi tai” Xing Nhã kéo dài “bảy ngày, bảy đêm” (motif con số 7), “tiếng chiêng, tiếng trống kêu ròn rã. Tiếng kêu điếc tai, nhức óc, nghiêng nhà, xiêu cửa, vang vọng khắp núi rừng, buôn rẫy”, “bay qua bảy đồi tranh, lướt qua chín suối nước” (motif con số 7 và số 9),... Tất cả những miêu thuật trên đều nhằm nhấn mạnh sự giàu sang, sung túc, thịnh vượng không riêng một gia đình mà là của cả một cộng đồng làng buôn. Họ kết đôi lứa, làm ăn phát đạt, sinh nở thuận lợi, cùng chung hưởng và chia sẻ niềm vui, thành quả vật chất, tinh thần. Nhưng đó chính lại là lý do khơi dậy sự tức tối, thèm khát và cuồng vọng chiếm đoạt của kẻ thù “láng giềng”, “bè bạn” có tên là “cặp vợ chồng Gia rơ Bú và Hơ bia Guê” cùng những người anh em của chúng. Sự cố chính của bản khan *Xing Nhã* đến đây cũng xuất hiện: Bè lũ kẻ ác Gia rơ Bú tiến đánh, cướp bóc, hủy hoại toàn bộ buôn làng Gia rơ

Kết, giết người, cướp của, bắt Hơ bia Đá làm nô lệ,... Đứa con nhỏ Xing Nhã của vợ chồng Gia rơ Kót, Hơ bia Đá (đóng vai trò là nhân vật phục thù, khôi phục gia đình, cộng đồng trong tương lai), may mắn được người cứu, trốn thoát. Như vậy, *phần mở đầu* của bản khan bao gồm ba cấu kiện chính: 1/ Đôi vợ chồng trẻ với cuộc sống làm ăn phát đạt, hạnh phúc và sự ra đời của đứa con đầu lòng trong một cộng đồng đoàn kết, phồn thịnh, sung túc. 2/Sự nảy sinh lòng đố kỵ, ganh ghét, tham vọng chiếm đoạt của những kẻ láng giềng và cuộc tấn công cướp bóc, tàn hại dã man diễn ra như một thảm kịch tất yếu. 3/Trong đau thương, đổ nát, nhân vật đứa con còn thơ ấu may mắn sống sót. Sự kết thúc của *phần mở đầu* bản khan như thế lại chính là sự khơi mở câu chuyện trường thiên về công cuộc phục thù gian nan của nhân vật đứa con - mầm sống còn lại của gia đình, cộng đồng. Câu chuyện với những sự cố như vậy đã không chỉ đề cập đến vận mệnh thăng trầm đối với một gia đình mà chính là của cả cộng đồng làng buôn.

Nghiên cứu, tìm hiểu *phần khai truyện* với hàng chục sử thi khác nhau của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên, dù chúng có phần khác lạ, không hoàn toàn lặp lại, nhưng dường như trong sự khác biệt vẫn ẩn giấu những mối liên hệ, sự tương đồng rất đặc trưng. Câu chuyện về thảm kịch của gia đình, buôn làng vợ chồng Gia rơ Kót, Hơ bia Đá và công cuộc phục thù gian nan của nhân vật đứa con Xing Nhã như ẩn hiện trong rất nhiều những thiên sử thi ở mọi địa bàn của vùng đất Tây Nguyên. Kiểu nhân vật những “đứa con”, “cháu” ưu tú - biểu tượng cho thế hệ kế thừa xuất sắc sự giàu có, hùng mạnh của gia tộc, cộng đồng - ở khan *Đam Săn* là nhân vật Đam Săn tuần kiệt (với cuộc hôn nhân nối dây giữa hai dòng họ tù trưởng), ở các khan *Đăm Di*, *Đăm Di đi săn* là nhân vật Đăm Di cùng những người em tài ba, dũng cảm và trai làng hùng hậu, dẫn đầu trong mọi hoạt động mưu sinh, chiến đấu chống kẻ thù. Các sử thi Ba Na, Xơ Đăng luôn khởi đầu với những lời ngợi ca nguồn cội thần linh (cháu Bok Koi Đoi và Yă Xok Yer), con đôi vợ chồng giàu có, danh tiếng (Xét và Bia Xin) trong những buôn làng sung túc, hùng mạnh của các nhân vật Giông, Giớ, Dam Duông,... Điều này cũng được lặp lại, tái hiện trong hầu hết các akhàt jucar với hình tượng những nam và nữ chiến binh đi đầu trong các cuộc chiến chống giặc Cur, giặc Jawa xâm lược của người Ra Glai. Vấn đề ở đây chính

là bản chất của loại hình sử thi, nghĩa là những câu chuyện dù khác nhau bao nhiêu vẫn xoay quanh vấn đề tranh chấp, xung đột, chiến tranh giữa các cộng đồng, tộc người, nhóm tộc người,... Và trọng tâm hơn, sử thi là những thiên “dã sử” đề cao các nhân vật thủ lĩnh, chủ chiến hàng đầu, nổi bật mang tầm cộng đồng và vì sự sống còn của gia tộc, cộng đồng,... Từ các khan *Xing Nhã*, *Xing Chơ Niép*, *Chi Lơ Koh*, *Đăm Di*, *Đăm Di đi săn* (Ê Đê, Gia Rai) đến các h’mon về nhân vật Đăm Noi, Giông, Giớ, Dăm Duông (Ba Na, Xơ Đăng), các akhàt jucar về nhân vật Udai, Ujàc, Sa Ea,... (Ra Glai), trong sự biến dị đa dạng, chúng ta vẫn không khó để nhận thấy những nét chung giữa chúng ngay từ phần khởi đầu.

+ *Phần phát triển, cao trào của cốt truyện*

Về đặc điểm, ý nghĩa của *Phần phát triển, cao trào* trong cốt truyện sử thi đối với việc khắc họa hình tượng nhân vật dũng sĩ cơ bản cũng tương tự truyện cổ tích như chúng tôi đã đề cập ở phần trên. Điều khác biệt là nhân vật dũng sĩ ở sử thi với địa vị là những thủ lĩnh, tù trưởng, tộc trưởng danh tiếng đứng đầu công cuộc bảo vệ, khôi phục cộng đồng, những cuộc giao tranh, đối đầu với thế lực phá hoại, xâm phạm phi nghĩa thường kéo dài, đòi hỏi ở người chiến binh sự bền bỉ, ngoan cường. Khả năng chinh chiến trường kỳ với mọi đối thủ là một thông điệp thường được gửi gắm kèm theo hình tượng nhân vật dũng sĩ ở loại hình sử thi. Sự nghiệp chiến đấu phục thù, khôi phục gia đình, làng buôn bị cướp bóc, tàn hại hay đòi lại “vật quý” bị chiếm đoạt, giành lại “người đẹp” bị cướp từ tay những kẻ mạnh, hung hãn luôn đòi hỏi các thủ lĩnh, tù tộc trưởng một ý chí cao độ, lòng dũng cảm, tài năng chiến trận vượt bậc. Nhân vật dũng sĩ của sử thi là những tay khiên đao, những chiến binh thực thụ, thấm đẫm tinh thần thượng võ của con người Tây Nguyên. Những cuộc giao tranh, chinh chiến triền miên, kéo dài như những điệp khúc, lặp đi lặp lại trong các khan, h’ri, h’mon, hơ m’uan, akhàt jucar đã tô đậm màu sắc lịch sử của nhân vật dũng sĩ ở loại hình sử thi so với truyện cổ tích. Đặc thù thể loại cũng cho thấy nhân vật anh hùng, dũng sĩ của sử thi không chỉ giới hạn vai trò, sứ mệnh cao cả trong hoạt động chiến đấu chống kẻ thù. Các nhân vật Đam Săn, Đăm Di, Giông, Giớ, Dăm Duông,... trong sử thi Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng,... là những trai tráng dẫn đầu dân làng với các hoạt động mưu sinh, khai thác thiên nhiên (săn bắt, chặt

cây, phá đá, chống lại thú dữ,...) đến canh tác nương rẫy,... Đây là những hoạt động đòi hỏi con người không chỉ có sức lực mà cả những phẩm chất của người dũng sĩ trước những thử thách, ngáng trở của môi trường tự nhiên khắc nghiệt, hoang dã. Tất cả những lĩnh vực hoạt động quan hệ đến sự sinh tồn của cộng đồng như thế hầu như đã được sử thi phản ánh. Từ rất nhiều những nguyên do dẫn đến sự xuất hiện, cần đến vai trò của người thủ lĩnh tài năng, can đảm (với *Phân khai mở* nhân vật, sự cố), thì các cốt truyện sử thi đều gặp gỡ nhau ở chặng then chốt, đó là những cuộc chiến ngoan cường chống lại các loại kẻ thù của nhân vật dũng sĩ (Phân cao trào, phát triển). Việc theo đuổi và chiến thắng trong những cuộc chiến gay go, trường kì, khốc liệt với những đối thủ hùng mạnh, hung hãn; thứ đến là không đầu hàng, chùn bước trước mọi trở ngại mà thiên nhiên đặt ra trong công cuộc mưu sinh, là những vấn đề được sử thi thấu nhận, phản ánh. Nhân vật trung tâm của sử thi, người anh hùng, dũng sĩ là nhân vật thực thi trách nhiệm, sứ mệnh khó khăn và lớn lao như thế. Có thể lấy ví dụ về những chiến tích các loại của nhân vật dũng sĩ ở sử thi các tộc người như sau:

Ở sử thi Ê Đê, Gia Rai, các nhân vật Đam Săn, Xing Nhã, Đăm Di, Xing Chơ Niép,... là những thủ lĩnh tiến hành các cuộc chiến với các Mtao láng giềng hùng mạnh, những kẻ đã cướp bóc, tàn phá buôn làng, chiếm đoạt những người vợ, người yêu của họ. Đam Săn trước danh tiếng lẫy lừng của những đối thủ cướp vợ là Mtao Grư, Mtao Mxây vẫn lần đi lượt lại, rất thản nhiên, hiên ngang tập hợp lực lượng đi đánh lại chúng, giành lại vợ. Những cuộc chiến phục thù, khôi phục gia đình, làng buôn, các chàng trai Xing Nhã, Đam Di, Hơ Lát Dang, Xing Chơ Niép,... là những chiến binh kiên cường trước những đối thủ hung hãn như bè lũ Gia rơ Bú, Ca rơ Bú,... Trong cuộc giao tranh với thế lực Gia rơ Bú, Xing Ba, Xing Ala, Porong Pha, Porong Mtih,... Xing Nhã (khan *Xing Nhã*) phải lần lượt vượt qua vòng vây và chiến thắng các loại “chiến hữu” lợi hại của chúng như: Lũ gà trống cựa dài, đàn lợn đực nanh nhọn, ròi trâu, bò dữ, voi chiến. Để giết được con voi hung dữ “thành thạo chiến trận” của anh em Gia rơ Bú, dũng sĩ Xing Nhã phải được ông Gổn (Thần trời) giúp đỡ (motif những khó khăn, thử thách, motif yếu tố thần kì). Đó mới chỉ là khúc dạo đầu của cuộc chiến muôn trùng gian nan. Chàng trai trẻ Xing Nhã còn phải lần

lượt đương đầu với lực lượng đông đảo gồm bảy anh em nhà Gia rơ Kốt (motif con số 7) đều là những tay thiện chiến. Nhưng gay go nhất là cuộc giao đấu với Porong Mung, đưa em tài giỏi nhất của Gia rơ Bú. Hai người đánh nhau liên miên “bảy ngày, bảy đêm” (motif con số 7), “gió, bão, mây, mưa, sấm chớp rền trời”, “đổ cây, lở núi”, đánh nhau “từ khi trái kơla chín đến mùa kê trở vẫn không phân thắng bại” (motif cuộc chiến gian nan, motif đối thủ ngang tài, ngang sức). Cuối cùng, khi cả hai đều cùng kiệt sức, nhờ sự ra tay của ông Gõn, Porong Mung mới bị giết chết (motif yếu tố thần kì). Các dũng sĩ Đăm Di, Hơ Lát Dang (khan *Đăm Di đi săn*) để khôi phục buôn làng đã phải tiến hành cuộc chiến gay go với bè lũ Ca rơ Bú, Ca rơ Ba, Ca rơ La, Ca rơ Mung hung hăng, hiếu chiến. Trong số những bản khan Ê Đê, *Đăm Săn* là tác phẩm mang tính tổng hợp, xâu chuỗi nhiều kỳ tích của nhân vật anh hùng. Đăm Săn không chỉ nhiều lần kéo quân đi đánh các tù trưởng láng giềng giành lại vợ, bảo vệ thanh danh gia tộc, buôn làng, mà chàng còn đứng đầu dân làng trong việc chặt cây thần Smuk (motif chặt cây thần), hành động tượng trưng cho sự nghiệp chinh phục thiên nhiên trong lao động sản xuất. Đăm Săn cũng không hề chùn bước khi phải vượt qua những khu rừng âm u, bùn lầy, những vùng núi hoang sơ (motif băng rừng, vượt núi) trong chuyến đi chinh phục Nữ Thần Mặt Trời.

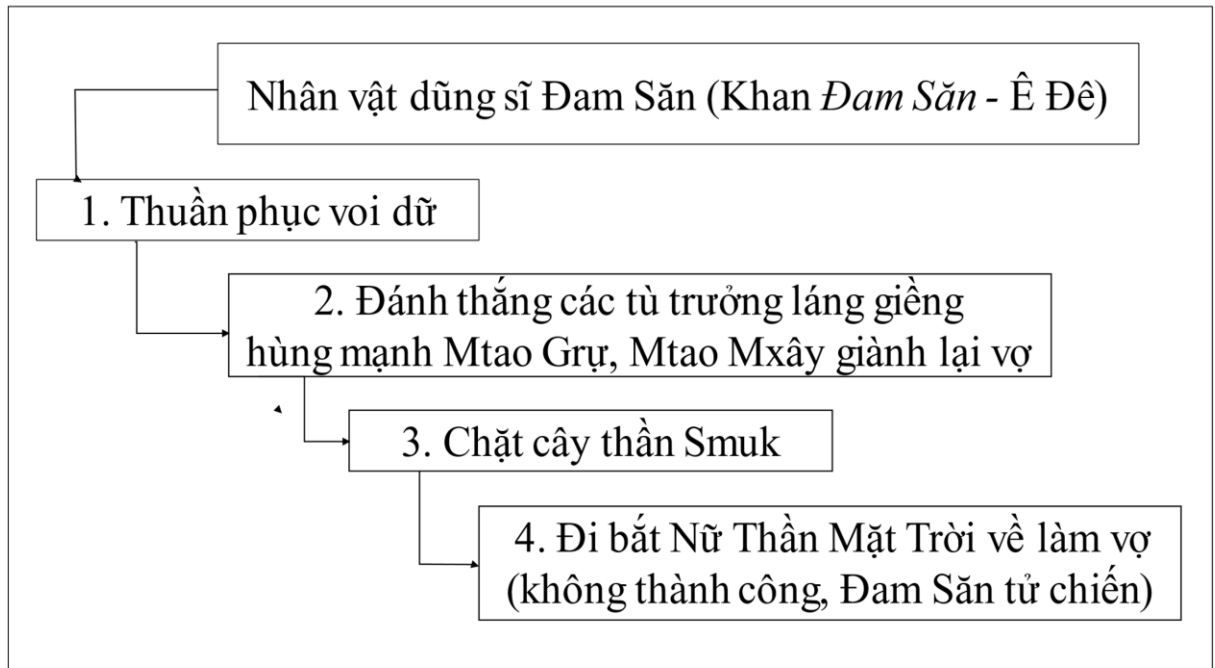
Với sử thi Ba Na, Xơ Đăng, các nhân vật Đăm Noi, Đăm Duông, Giông, Gió,... được miêu tả là những chiến binh dũng cảm, bền bỉ, kiêu hùng trong các cuộc giao tranh diễn ra và kéo dài từ mặt đất lên không trung, từ thượng nguồn xuống hạ nguồn (motif cuộc chiến gian nan, motif đối thủ ngang tài ngang sức). Đó là những cuộc xung chiến nảy lửa, triền miên từ lúc Giông, Gió còn trai trẻ cho đến khi họ lấy vợ, sinh con đẻ cái vẫn chưa kết thúc. Đối thủ của Đăm Noi, Giông, Gió thuộc đủ các kiểu loại: Quỷ Đrang Hạ, Đrang Hơm (ăn thịt người, thiêu đốt, hủy hoại cây cỏ, làng buôn), rắn thần, hổ thần, hồn ma (cướp đoạt, không ché “người đẹp”) (motif người đẹp bị cướp), những thủ lĩnh láng giềng tàn bạo, ngang ngược như Tre Vắt, Todăm Pola, Klót Măng,... Đó là những cuộc giao tranh giữa các thế lực chính nghĩa, phi nghĩa, những chiến binh ngang tài, ngang sức, không kém cạnh nhau về tài khiên đao, độ bền bỉ, gan dạ. Trong các cuộc chiến khốc liệt, nảy lửa khiến “trời như muốn rách, đất như muốn sụp” dũng sĩ Giông cũng lắm khi không tránh khỏi bị tử chiến.

Nhưng những lần bị giết chết từ không trung, chàng rơi xuống mặt đất mà tay vẫn “ôm chặt khiên đao” không chịu rời. Trong nhiều h’mon, nhân vật anh hùng chiến trận Giông cũng lập nên những kỳ tích đòi hỏi lòng dũng cảm phi thường như: băng rừng, vượt biển, chinh phục núi cao, chặt cây to, phá đá lớn (motif băng rừng, vượt núi, motif vượt biển, motif chặt cây thân),...

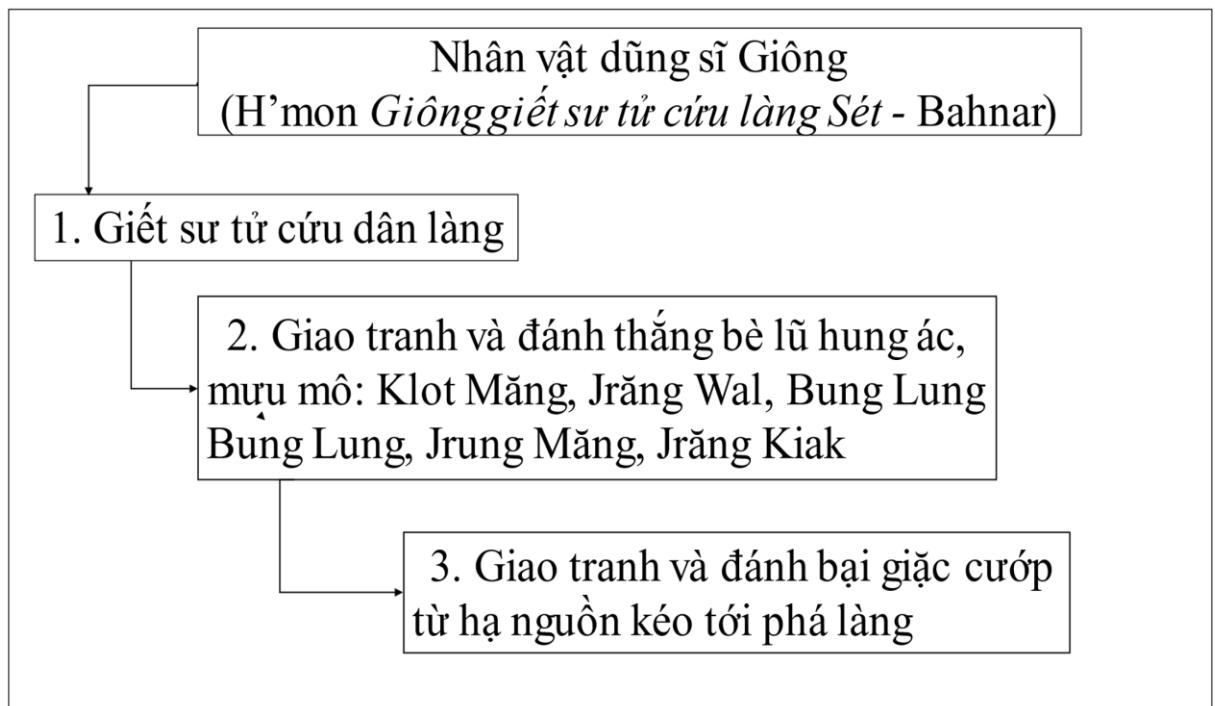
Các akhàt jucar dân tộc Ra Glai dù luôn réo rắt tiếng Mã la, đầy rẫy không khí lễ hội, giáo huấn luật tục,... nhưng cũng tràn ngập cảnh chinh chiến, xung đột. Chiến tranh và vai trò chủ đạo của các chiến binh dũng liệt (cả nam và nữ) tung hoành nơi chiến trận hầu như chiếm trọn các chương khúc của những trường thiên cổ truyện của tộc người này. Nghiên cứu cốt truyện sử thi Ra Glai, Vũ Anh Tuấn nhận thấy, dù dài hay ngắn, phức hợp về nội dung bao nhiêu đi chăng nữa thì chiến tranh và chiến trận, nơi không chấp nhận sự thiếu can đảm, dũng lược của con người vẫn là những chương khúc quen thuộc. Ông nhận xét *“Nếu trong kết cấu sử thi Udai - Ujàc với hơn 14.000 dòng được diễn xướng thành 28 khúc hát và là sự nối tiếp liên tục thường xuyên của hàng chục cuộc chiến tranh ở những quy mô khác nhau theo xu thế ngày một dữ dội quyết liệt, thì ở sử thi Sa Ea chỉ diễn tả có bốn cuộc chiến tranh trong hơn 22.000 dòng thơ hát kể. Phần còn lại của sử thi trường thiên này là những trang tràn đầy không khí lễ hội, đan cài hàng trăm câu hát về cái ăn, cái mặc, cái ở, hàng ngàn câu hát về đạo đức luân thường, giáo huấn,...”* (Vũ Anh Tuấn, 2014, *Sử thi Raglai*, tr.45).

Hình tượng nhân vật dũng sĩ như một biểu tượng về tinh thần, khí phách cộng đồng trước mọi bạo lực được các thiên truyện mô tả, tôn vinh cao độ ở những chương khúc cao trào, nóng bỏng nhất. Vì thế, ở *Phần cao trào, phát triển của cốt truyện* trong một số sử thi, chúng tôi lược hóa: Nhân vật dũng sĩ và các cuộc chiến với các đối thủ bằng những lược đồ như sau:

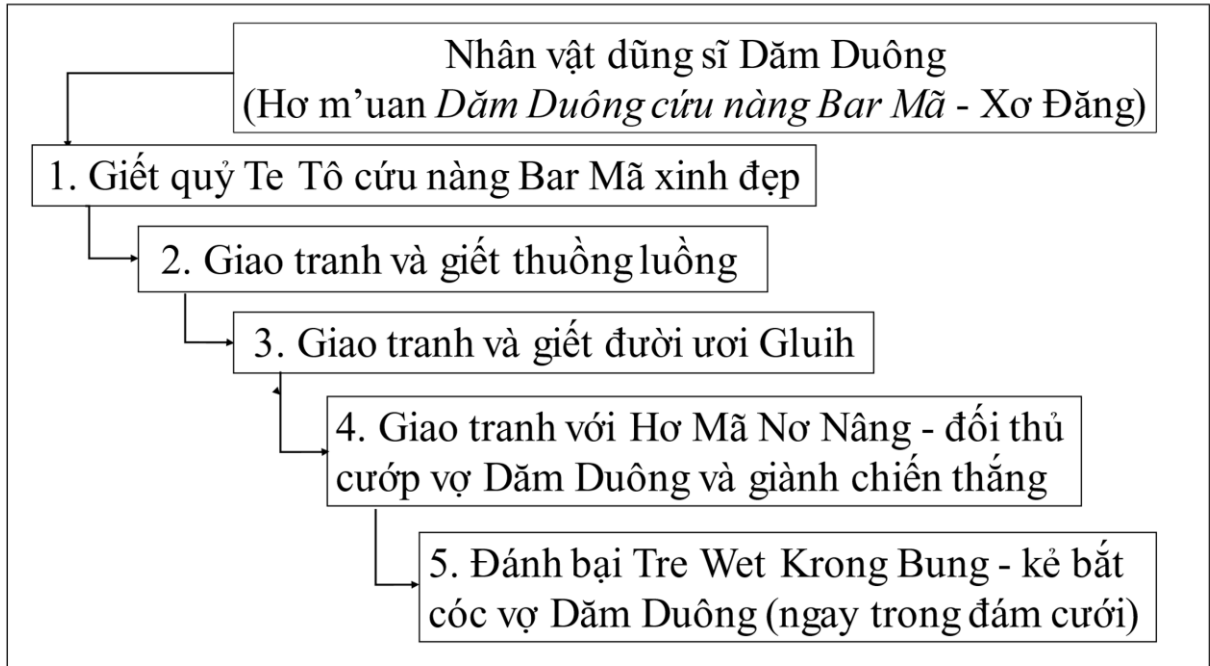
Lược đồ: 3.4. Nhân vật dũng sĩ Đam Săn và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi *Đam Săn - Ê Đê*).



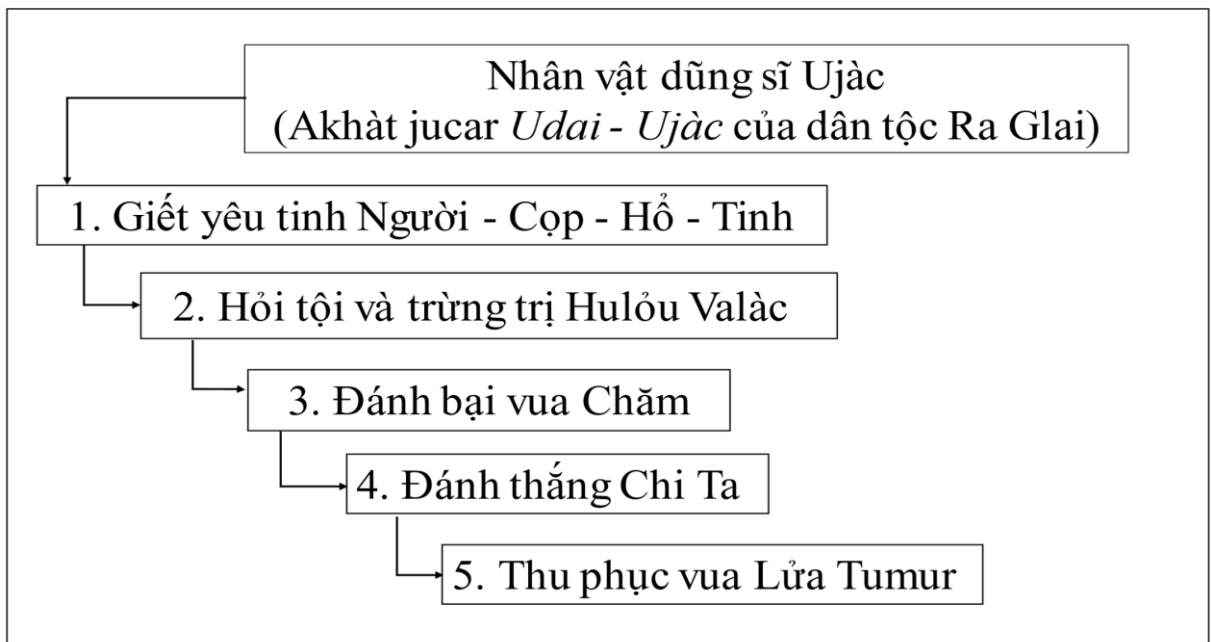
Lược đồ: 3.5. Nhân vật dũng sĩ Giông và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi *Giông giết sư tử cứu làng Sét - Bahnar*).



Lược đồ: 3.6. Nhân vật dũng sĩ Dăm Duông và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã - Xơ Đăng*).



Lược đồ: 3.7. Nhân vật dũng sĩ Ujàc và những cuộc chiến với các đối thủ (ở phần cao trào, phát triển của cốt truyện trong sử thi *Udai - Ujàc* của dân tộc Ra Glai).



+ *Phần kết thúc*

Ngoài kết thúc có phần phức hợp ở khan *Đam Săn*, các khan, h' mon, h'ri, hơ m'uan, akhàt jucar được chúng tôi khai thác, tìm hiểu, nghiên cứu đều kết thúc có

hậu. Mọi “sự cố” dù đau thương, bi đát, éo le đến mấy cuối cùng vẫn được giải quyết ổn thỏa. Người anh hùng, dũng sĩ hoàn thành sứ mệnh chiến chinh, chiến thắng kẻ thù các loại, trở về đoàn tụ, sum họp trong gia đình, cộng đồng. Cùng với lễ hội ăn mừng tai qua nạn khỏi, cuộc sống trở lại yên bình là những hôn lễ kéo dài “ăn năm uống tháng” của các đôi “tra tài gái sắc”. Việc lấy vợ và “chia vợ” cho các chiến binh vừa trở về từ trận mạc thường được thực hiện theo nguyên tắc: Người thủ lĩnh can trường, đảm lược nhất được kết duyên cùng cô gái xinh đẹp, tài giỏi nhất,... Các kết thúc truyện cũng thường nhấn mạnh rằng, sự tiếp diễn của công cuộc phòng vệ, ngăn chặn mọi hiểm họa rình rập là trọng trách tiếp theo của người anh hùng cộng đồng và đông đảo trai tráng khác.

Dù chứa đựng những nét riêng mang tính đặc thù từ hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa tộc người, nhưng bố cục, kết cấu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các tộc người Tây Nguyên vẫn gần như tuân thủ một mô thức chung, các phương thức khắc họa nhân vật qua các sự cố, sự kiện, hành động, tình tiết được motif hóa. Trước sau, đó vẫn là những thiên “cổ sử” dân dã về một thời đại đã qua, thời đại những anh hùng, dũng sĩ được đề cao, là biểu tượng cao đẹp về phẩm giá, tài năng của con người. Từ mọi góc độ, khái quát, tổng hợp hay cụ thể, chi tiết, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên vẫn là những câu chuyện, cốt truyện về nhân vật anh hùng, dũng sĩ của thời đại chinh chiến, “thời đại anh hùng” trong quá khứ.

Nếu truyện cổ tích của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên thuộc cốt truyện đơn tuyến thì sử thi thuộc cốt truyện đa tuyến. Cốt truyện đa tuyến được hiểu là *“Cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, nhằm tái hiện nhiều bình diện của đời sống ở một thời kỳ lịch sử, tái hiện những con đường diễn biến phức tạp của nhiều nhân vật, do đó có một dung lượng rất lớn. Hệ thống sự kiện trong cốt truyện đa tuyến được chia thành nhiều dòng, nhiều tuyến gắn liền với số phận các nhân vật chính của tác phẩm”* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, *Từ điển thuật ngữ văn học*, tr.100 - 101).

Từ định nghĩa về cốt truyện đa tuyến, cốt truyện trong sử thi có sự kế thừa rõ rệt cốt truyện cổ tích thuộc kiểu dũng sĩ diệt kẻ ác. Tuy nhiên, tầm vóc mỗi cuộc

chiến của người dũng sĩ đôi đầu, tiêu diệt kẻ thù hai chân và bốn chân ở địa hạt sử thi đã được khuếch trương ở tầm mức khác hẳn: rộng lớn và kỳ vĩ. Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, cốt truyện trong sử thi Tây Nguyên có trường hợp là sự tổng hợp của nhiều cốt truyện, dung chứa nhiều nội dung lịch sử, xã hội, văn hóa,... Mỗi sử thi thường không chỉ chứa đựng một sự kiện, một chiến công, đồng thời cũng là những cảnh huống ly kỳ, hấp dẫn, lôi cuốn sự tham dự của hết thảy các tráng sĩ khắp nơi. Nhiều sự kiện và các chuỗi hành động của nhân vật được thể hiện tương đối hoàn chỉnh trong một phần của cốt truyện nhằm tập trung khắc họa phẩm chất của người dũng sĩ: Tài năng phi thường, dũng cảm, sự thông minh, mưu trí,... Trong từng khan, h'mon, h'ri, akhat jucar,... nhân vật dũng sĩ được đặt vào những hoàn cảnh hoặc tình huống với mâu thuẫn ngày càng cao đòi hỏi nhân vật phải hành động, phải chứng minh bản thân có sức khỏe phi thường, tài năng trác việt, trí tuệ thông minh, lòng dũng cảm,... để đôi đầu và giành chiến thắng trước mọi kẻ thù. Trong h'mon *Giông*, *Gió mô coi từ thua bé*, chặng đường Giông, Gió trở về quê hương đầy gian nan, thử thách. Họ vượt núi, băng rừng, bơi qua biển, chiến đấu với cọp, gấu, ma rừng,... (motif vượt núi, băng rừng; motif vượt biển, ...), chịu đói, khát ròng rã nhiều tháng trời. Trở về quê thượng nguồn, Giông lấy nàng Xem Yang, Gió lấy nàng Rang Hu, cả hai nàng đều xinh đẹp, giỏi giang. Thông Yươn tới cướp vợ Giông. Giông đánh thắng Thông Yươn, lên làm chủ làng. Đố kỵ vì làng của Giông giàu có, hùng mạnh và ghen tị vì Giông có vợ xinh đẹp, giỏi giang, bọn Jrai, Lao, Xor Mam kéo đến đánh làng Giông. Giông tập hợp dân làng, các làng liên minh tiến hành cuộc chiến tự vệ và giành chiến thắng. Từ đó, buôn làng Giông ngày càng giàu mạnh, tiếng tăm lẫy lừng khiến kẻ thù không dám tiến đánh, cướp phá làng của Giông nữa. Cốt truyện sử thi như thế là sự xâu chuỗi nhiều sự kiện, biến cố và ở mỗi tình huống khác nhau thì hành động, cách xử lý của người dũng sĩ cũng khác nhau. Người dũng sĩ trải qua hết gian nguy này đến hoạn nạn khác. Nhờ có sức khỏe, lòng dũng cảm, sự can đảm,... tình yêu cội nguồn sâu sắc, sự hiếu kính tổ tiên, ông bà, cha mẹ cùng lối sống trọng tình, trọng nghĩa, dũng sĩ Giông đã đánh bại kẻ thù, lập nhiều chiến công, mang lại cuộc sống bình yên, thịnh vượng cho buôn làng. Ở h'mon *Giông bọc trứng gà*, dũng sĩ Giông cùng các dũng sĩ đồng minh chiến đấu liên tiếp với các kẻ

thù: Glaih Phang, bè lữ Pur Pung, Xor Mam, Jai, Lao,... ở hạ nguồn suốt ba, bốn tháng ròng để bảo vệ vợ - nàng Pơ Lao Chuơh Dreng và buôn làng. H' mon *Giông giết sư tử cứu làng Sét* gồm hai sự cố gắn với hai chiến công của dũng sĩ Giông. Chiến công đầu tiên là giết sư tử, ác thú ăn thịt nhiều dân trong đó có Bok Roh già làng. Chiến công thứ hai là đánh thắng bọn giặc hạ nguồn kéo tới phá hoại buôn làng. Thông qua những cuộc giao đấu, những phẩm chất tiêu biểu như lòng dũng cảm, sức mạnh, tài năng của dũng sĩ Giông được mô tả sống động, tôn lên vẻ đẹp của một thủ lĩnh cộng đồng. Dũng sĩ Giông xả thân chiến đấu vì việc nghĩa, bảo vệ bản thân, gia đình, dân làng, được mọi người ủng hộ, được thần linh giúp sức nên luôn chiến thắng. Đối với các khan Ê Đê, sức mạnh, tài năng của các dũng sĩ luôn được đề cao, khẳng định và chủ yếu bộc lộ cao độ trong các cuộc chiến với kẻ thù. Các cuộc giao tranh diễn ra với nhiều màu sắc, tính chất khác nhau, không hoàn toàn rập khuôn. Trong sử thi *Đam Săn*, dũng sĩ Đam Săn giao chiến với các Mtao láng giềng để giành lại người vợ bị cướp. Trong mỗi cuộc chiến, Đam Săn thật bình tĩnh, tự tin trước mọi việc xảy ra. Chàng tập hợp lực lượng đánh tù trưởng Mtao Grự và Mtao Mxây danh tiếng chuyên giày xéo đất đai của các tù trưởng giàu có khác để giành lại vợ. Trong chiến trận, Đam Săn uy dũng đi trước “*Một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau... Tôi tớ kéo theo tầng tầng lớp lớp, bóng người đi rợp cả một vùng...*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.171 - 172).

Mỗi cuộc giao chiến với Mtao Grự và Mtao Mxây diễn ra đầy kịch tính với sự phân biệt rõ ràng về tài năng, sức mạnh của Đam Săn và Mtao Grự, Mtao Mxây. Đam Săn là dũng tướng đang hoàng, cao thượng không thêm tấn công đối thủ khi hắn đang trong tình thế bất lợi “*... Mtao Grự bối rối, ... Áy khoan, ... Để ta xuống. Không được đâm ta khi ta đang xuống... đang đi đó, nghe*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.173).

Đam Săn khẳng định sự sẵn sàng nghênh chiến với tư thế của một tráng sĩ oai hùng và làm chủ thế trận. Mtao Grự yếu ớt chống lại những đòn đánh như bão táp của Đam Săn và cuộc chiến mau chóng kết thúc, thắng lợi thuộc về Đam Săn. Đặc điểm của sử thi Ra Glai, cốt truyện đa tuyến thể hiện khá rõ ở sự nối tiếp, liên tục

thường xuyên của hàng chục cuộc chiến tranh ở những quy mô khác nhau theo chiều hướng trận sau dữ dội, quyết liệt hơn trận trước. Đó tất nhiên là những cuộc giao tranh giữa người dũng sĩ với những kẻ thù tàn bạo, ác độc. Sử thi *Udai - Ujàc* diễn tả mười cuộc chiến, *Sa Ea* bốn cuộc chiến, *Amã Cuvau Vongcoir ba cuộc chiến*, *Awoi Nãi Tilor* hai cuộc chiến,... với kẻ ác, quái thú và các Thần Ác. Ở sử thi *Xơ Đăng*, cốt truyện đa tuyến thể hiện khá rõ nét. Trong sử thi *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*, dũng sĩ Duông đã chiến đấu dũng mãnh và giành thắng lợi trong những trận giao tranh với kẻ ác để cứu “người đẹp”. Đó là những cuộc đấu trí, đấu sức với thế lực siêu nhiên: Giết quỷ Te Tô cứu nàng Bar Mã, đánh thắng thường luồng và đười ươi Gluih hại người; giao đấu và giết chết Hơ Mã Nơ Nang - kẻ độc ác, gian dối để cứu vợ là nàng Bar Mã và Bia Kơ Ton. Trận chiến thứ năm, dũng sĩ Duông đã đánh thắng Tre Wet Krong Bung, kẻ bắt cóc người vợ Bar Mã của chàng ngay trong lễ cưới,...

Trong tính công thức của kết cấu cốt truyện, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi có sự gặp gỡ đầy ý nghĩa, luôn hàm chứa quy luật vĩnh cửu: Truyện kết thúc có hậu, phản ánh ước mơ của nhân dân trong các buôn làng, bộ tộc về một cuộc sống hoà bình, hạnh phúc, no đủ, giàu mạnh, thịnh vượng. Chỉ có thể là người dũng sĩ mới diệt trừ hết kẻ ác và mang lại cho cộng đồng cuộc sống như thế. Vì vậy, cốt truyện đơn tuyến (truyện cổ tích) hay cốt truyện đa tuyến (sử thi) đều đạt đến cái đích cuối cùng là phản ánh những vấn đề xã hội nóng bỏng, cuộc sống con người và đặc biệt là vai trò không thể thay thế của người dũng sĩ khi mà cái ác, cái xấu vẫn luôn bủa vây, rình rập.

3.2. Các biện pháp miêu tả nhân vật dũng sĩ

Phối hợp với kết cấu cốt truyện, miêu tả là phương tiện “tái hiện” trực tiếp khiến hình tượng nhân vật dũng sĩ trở nên sống động, có hình có khối trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên. Về dung lượng và tầm mức miêu tả, truyện cổ tích có phần hạn chế hơn sử thi, nhưng cả hai thể loại, chúng ta vẫn thấy sự miêu tả nhân vật về diện mạo, tính tình, hành động, đôi khi cả tâm tư, suy nghĩ nữa. Đây là phương diện mà khi tìm hiểu, khám phá hình tượng nhân vật trung tâm có độ nổi bật, sắc nét lớn trong kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên cũng cần được quan tâm

xem xét. Ở phần này, chúng tôi chỉ giới hạn việc nghiên cứu một số biện pháp mang tính tu từ trong miêu tả nhân vật dũng sĩ, cụ thể như sau:

3.2.1. Biện pháp so sánh

Về khái niệm, “so sánh” được hiểu “... là phương thức biểu đạt bằng ngôn từ một cách hình tượng dựa trên cơ sở đối chiếu hai hiện tượng có những dấu hiệu tương đồng nhằm làm nổi bật đặc điểm, thuộc tính của hiện tượng này qua đặc điểm, thuộc tính của hiện tượng kia” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, *Từ điển thuật ngữ văn học*, tr.282).

Tìm hiểu truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên, chúng tôi nhận thấy phương thức so sánh (hay biện pháp so sánh) được sử dụng phổ biến, nhằm nhấn mạnh, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Điều đó thể hiện rõ nhất khi tác giả dân gian miêu tả vẻ đẹp ngoại hình, phẩm chất, sức mạnh, tài năng của nhân vật dũng sĩ.

Với biện pháp so sánh, các nghệ nhân dân gian thường mượn những hình ảnh gần gũi, thân thuộc, gắn bó với môi trường sống để làm nổi bật vẻ đẹp hình thể độc đáo của nhân vật dũng sĩ. Vẻ đẹp ngoại hình của các dũng sĩ được miêu tả: Mắt các chàng sáng như sao, như ánh mặt trời; tóc gọn như thác nước; ngực nở tròn như gốc cây,... Vẻ đẹp chàng Kachây Parogáp (Truyện *Kachây Parogáp*) được đặc tả “*Toàn thân chàng sáng như trăng, đẹp như nhẫn vàng, thơm như khăn mới, ngời như gương soi, hùng dũng như một khẩu súng thần, tỏa sáng chói lọi không ai dám nhìn thẳng*” (Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện, 2006, *Truyện cổ Chu Ru*, tr.133).

Chàng Đam Thí (Truyện *Chàng Đam Thí*) mang vẻ đẹp khỏe khoắn, vững chắc “chân tay to hơn cây kơ lông” trên rừng, ngực “lớn hơn núi đá Tư Linh”. Chàng K’Dùng (Truyện *Ka Dùng Wài*) mang vẻ đẹp gắn với loài hoa và cây lá trong rừng “môi chàng đỏ như cánh hoa” và “tóc chàng xanh như lá hoa” còn chàng K’Sách, K’Giông “mặt sáng đẹp như mặt trăng tròn”. Chàng Jard Mah (Truyện *Cậu bé Jard Mah*) có vẻ đẹp vững chãi, uy nghi như cây cổ thụ trong rừng, không ai có thể lay chuyển được, giọng nói âm vang tiếng gió hú nơi cánh rừng đại ngàn “*Thân hình vạm vỡ, chắc nịch như cây gỗ lim trên rừng, giọng nói như gió hú...*” (Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện, 2006, *Truyện cổ Chu Ru*, tr.99).

Nữ dũng sĩ Ma Kọ mang vẻ đẹp lung linh, lấp lánh như ánh sáng của các vì sao “toàn thân phát sáng” xinh đẹp nhất buôn làng (*Thần nước Jakia và nàng Ma Kọ*, Chu Ru).

Chàng trai Xơ Đăng Ai Poọc Thây (Truyện *Ai Poọc Thây*) có vẻ đẹp vừa gần gũi, vừa kì vĩ, mẹ chàng cũng phải ngỡ ngàng, bàng hoàng, sửng sốt, tự hào “*Đầu nó gần chạm giàn để lúa, vai nó rộng bè như cánh ná, bắp thịt cuộn cuộn và hai mắt sáng tựa sao hôm,... Bóng chàng cao lớn như một con gấu khuất dần vào rừng thấp thoáng ánh trăng*” (Truyện cổ *Xê Đăng*, 1979, tr.76).

Những dũng sĩ Đam Săn, Xing Nhã, Đăm Di, Hơ - Lát Dang, Đăm Noi, Giông, Dăm Duông, Amã Cuvau Vongcoi, Udai, Ujác, Awoi Nãi Tilor,... trong sử thi Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng, Ra Glai,... đều là những chàng trai, cô gái tuyệt đẹp về ngoại hình. Đó là những chàng trai đẹp “như thần linh”, “sáng như vàng mặt trời”,... Đây là hình ảnh nhân vật Amã Dam CuvauVongCoi trong tác phẩm *Amã Cuvau VongCoi* “... to mạng như măng xà. Oai vệ như sấm vang, như tiếng gầm của hổ báo vồ. Như sét đánh cuốn vắn, sét bổ chém tóe lửa đây...” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Amã ChiSa, Amã Cuvau VongCoi*, 2007, tr.894) khiến các cô gái thần thờ, ngẩn ngơ đứng xem mà quên cả quạt lúa, sảy gạo, giã lúa. Còn các nữ dũng sĩ mang vẻ đẹp duyên dáng ẩn sau dáng vóc mạnh mẽ, trông đẹp như nữ thần làm rung động, xao xuyến nhiều trai tráng trong vùng, thậm chí chúa thần Biển cũng phải rung động “*Chu cha ơi! Đẹp xinh quá, ... Sáng đẹp như cái tô, mảnh mai như cái chén, Cái môi nàng tím như màu mảnh tô, Cái môi nàng như màu mảnh chén,... Trông cứng rắn tựa thép màu bông đỏ*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai, 2009, *Awoi Nãi Tilor*, tr.1666 - 1668). Ca ngợi sắc đẹp tuyệt trần của Bya Lingkoong, nghệ nhân người Ba Na đã hết lời ca tụng và đã sử dụng biện pháp so sánh để diễn tả, nhấn mạnh điều đó “*Cổ mang cườm ngũ sắc tay đeo cong đồng, Lưng buộc dây bạc tay cầm khăn knuôk, Đầu quấn khăn đính một lông công, Nàng bước xuống sân váy rung nhẹ, Da đùi lóe sáng như ánh trăng rằm, ... Người thanh mảnh mà sức như con gấu, Mắt long lanh mà rất đổi dịu dàng, Là con gái nhưng chịu cầm đao cầm giáo,...*” (Hà Giao, 2012, *Sử thi Bahnar Kriêm - Bahnar Konkđen* h’mon *Bya Lingkoong*). Với ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, không quá trau chuốt, bóng bảy, vẻ

đẹp hình thể của các dũng sĩ được các nghệ nhân dân gian miêu tả, so sánh, hiện lên như chạm, như khắc, khỏe khoắn và rắn rỏi, mềm mại nhưng dũng mãnh, kiêu hùng.

Biện pháp so sánh còn được tác giả dân gian sử dụng để ngợi ca sức khỏe, những khả năng phi thường của người dũng sĩ đặt trong bối cảnh xã hội với chiến tranh liên miên. Người dũng sĩ lao vào trận chiến với lòng quả cảm vô song, tinh thần dũng mãnh tuyệt vời “như một vị thần tung mình nhảy vào chiến trận” như “đám cháy thân kì lồng lộn qua những thung lũng sâu” (Phan Thị Miên, 2001, *Iliat* và *Ôđixê*, tr.118).

Nhấn mạnh sức khỏe không ai sánh bằng và nhiều khả năng phi thường khác của người dũng sĩ thuộc các tộc người Ba Na, Chu Ru, Ê Đê, Cơ Ho, Mạ, Mnông, Ra Glai, Xơ Đăng,... trong truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên, tác giả vô danh đã sử dụng thủ pháp so sánh để làm nổi bật điều đó. Những dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi của các tộc người Tây Nguyên có khả năng “chạy nhanh như ánh sao, nhẹ như gió”. Chàng Đăm Thí (Truyện *Chàng Đăm Thí*, Ê Đê) cầm đao chém đá “đá vỡ tan như vỏ quả dưa ngoài rẫy, gió bão nổi lên âm âm như sấm dậy”. Chàng Đăm Bri (Truyện *Đăm Bri*, Mnông) vượt suối, băng rừng “nhanh như gió cuốn”. Giặc đâm grom vào người chàng, lửa tóe sáng “chàng vẫn trơ như đá”. Cánh tay dũng sĩ “cứng như sắt”, bẻ gãy cây to “như ngắt ngọn cỏ”. Dũng sĩ “chạy nhanh như gió, một bước nhảy vượt băng một cánh rừng,...” (Truyện *Ba chàng dũng sĩ*, Ba Na). Chàng Niăn (*Chàng Niăn*, Gia Rai) có sức mạnh siêu phàm. Chàng vung nhẹ thanh grom, chém vào sắt “như chém bùn”. Sức khỏe phi thường của dũng sĩ Đông Tư (*Cha con Tăm Đông* - Chu Ru) được miêu tả, so sánh thật ấn tượng “*Chàng lao mình rất nhanh như tên bắn xuống đê chặt lên lưng chúa Voi làm cho bốn chân chúa Voi khụy xuống. Đất như dãn ra, chúa Voi cứ thế lún sâu dần, sâu dần xuống đất*”; “*Tiếng hét của Tăm Đông vang như sấm dậy, ... Cái khiên rất nặng mà chàng cầm lên nhẹ nhàng như cầm cái quạt. Theo đôi tay rắn chắc, dẻo dai của chàng, chàng múa khiên đao quay vù vù*” làm cả dân làng sững sốt, thán phục. Còn Tăm Đông sức khỏe, tài năng không kém Đông Tư. Vừa nghe xong chuyện của hai ông già trong làng kể về cha, Tăm Đông đứng phắt dậy, chạy thẳng ra hiên “... *hét vang như sấm... Trong chốc lát, Tăm Đông vụt cao lớn như Đông Tư ngày xưa. Cái khiên rất nặng*

mà chàng cầm lên nhẹ nhàng như cầm cái quạt. Theo đôi tay rắn chắc, dẻo dai của chàng, múa khiên đao quay vù vù” (Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, 1985, Tập 1, tr.176 và tr.185).

Trong các áng sử thi Tây Nguyên, sức khỏe, tài năng siêu quần của người dũng sĩ cũng được các nghệ nhân vô danh khắc họa đặc sắc nhờ sử dụng thủ pháp nghệ thuật so sánh. Với sứ mệnh đánh thắng kẻ thù Giarơ Bú, trả thù cho cha mẹ và khôi phục buôn làng, sức mạnh vượt trội của dũng sĩ Xing Nhã được khẳng định trong hành động chặt cây, múa khiên và chơi quay. Con quay của chàng kêu “... *như giông rú, như tiếng gió to thổi, lượn trên không làm cho trâu bò gặm cỏ không yên, lợn gà bị chết, voi tê giác gằm la như sấm động,...*” (Y Điêng và Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.22). Khả năng phi thường, sức lực hơn người của dũng sĩ Đam Săn tiềm ẩn, tác giả dân gian đã mô tả điều đó trong mọi hành động, như: chặt đổ cây thần Smuk, hiên ngang đi bắt nữ thần Mặt Trời về làm vợ, đánh thắng các tù trưởng giàu mạnh. Nhất là khi múa khiên, sức mạnh của Đam Săn phát lộ “*Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lãn lóc. Cây cối chết rụi....*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đam Săn sử thi Ê - đê*, tr.192). Dũng sĩ Giông trong các *h'mon* là sự hội tụ sức khỏe phi thường, những tài năng thiết yếu để phải gánh vác trọng trách, sứ mệnh bảo vệ cộng đồng. Sức mạnh dữ dội của Giông là rung trời, chuyển đất được bộc lộ qua tiếng thét mỗi khi xung trận “... *khiến nước sông chao đảo, núi non đu đưa, trời như muốn rách, đất như muốn sụp, các ngôi nhà rông xiêu vẹo như muốn đổ ụp xuống. Loài người run rẩy, hoảng sợ*” (Phan Thị Hồng, 1996, *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*, tr.148). Bằng lối so sánh, ví von, sức mạnh vô song, thần thánh của dũng sĩ Giông bộc lộ rõ nét, khiến chàng trở nên oai phong, dũng mãnh. Chàng “phóng mình lên” đập mạnh vào thân núi đá cao vùi vọi, chót vót “*Tức thì cả ngọn núi rung chuyển, các tảng đá lớn nhỏ rơi rầm rầm... Cả một khối đá từ trên cao rơi xuống đất. Tiếng động vang lên như trời long, đất lở, như ngày tận cùng... Cả một ngọn núi to cao đã sập xuống*” (Võ Quang Trọng, 2006, *Giông đập đổ núi đá cao ngất*, tr.445 - 446). Đặc biệt, với thủ pháp so sánh, tiếng hú của dũng sĩ Giông được tô đậm trở nên càng dữ dội hơn “...*tiếng hú vang dội cả núi rừng và làm rung*

chuyển cả đất trời, tưởng chừng như trời sắp long, đất sắp lở. Cả núi rừng rung chuyển...” (Võ Quang Trọng, 2006, *Giông đập đổ núi đá cao ngất*, tr.445 - 446). Nhờ thủ pháp so sánh, chúng ta thấy rõ hơn sức khỏe phi thường của người dũng sĩ. Đây là sức mạnh siêu phàm của dũng sĩ Cei Balaok Li-u (*Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*), sức mạnh vô song của Ujàc (*Udai - Ujàc*), sức mạnh xẻ đất, rạch trời của nữ dũng sĩ Awoi Nãi Tilor (*Awoi Nãi Tilor*). Trong con người của các dũng sĩ, hai thể giới thần và người đã tập hợp, tạo thành sức mạnh của lửa, nước, bão giông của sấm sét nên tất cả kẻ ác đều bị chế ngự, diệt trừ.

Ca ngợi sức mạnh, tài dùng đao, dùng kiếm giết kẻ ác của các dũng sĩ Ujàc, Tilor, tác giả dân gian sử dụng nghệ thuật so sánh để nhấn mạnh, khẳng định khả năng sử dụng vũ khí không ai sánh bằng của họ “...*cây bảo đao của chàng mỗi lần rút ra như sét bổ, mỗi lần chém như sấm gầm*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Udai - Ujàc*, 2004, tr.120); Tilor chẳng cần chém mà chỉ “... *búng nhẹ ngón tay đã làm gãy đứt thanh gươm của Matien, Sa-ien như hom lạt, như nan tre bỏ lửa*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Awoi Nãi Tilor*, 2009, tr.1787).

Tất cả các cuộc giao chiến cam go giữa dũng sĩ Cei Balaok Li - u với những kẻ ác độc, chàng đều chiến thắng. Khẳng định sức mạnh có thể làm cháy núi, cháy rừng, sức mạnh như lửa, như sấm sét rền vang, như mưa trút nước của dũng sĩ, nghệ nhân dân gian sử dụng nghệ thuật so sánh làm nổi bật những điều nói trên “... *vua Phak Kalaka Masek râu dài, thân to như ngọn núi, Cei Balaok Li-u chỉ cần nắm râu, ném vua vào biển khơi cứ nhẹ như không, khiến nước dâng lên ngập cả đất rừng, ...*” (Sakaya, 2018, *Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*, tr.351-427).

So sánh là một trong số biện pháp miêu tả rất đặc trưng, quen thuộc ở truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên. Miêu tả vẻ đẹp ngoại hình, sức mạnh vượt bậc, tài năng siêu phàm của các dũng sĩ, nghệ nhân dân gian đã khéo léo vận dụng nghệ thuật so sánh. Nhờ thủ pháp nghệ thuật so sánh, kết hợp sử dụng ngôn ngữ giàu tạo hình, điệp từ, điệp ngữ đặt trong những cấu trúc câu, đoạn hài hòa đối xứng, tác giả vô danh đã nhấn mạnh: ngoại mạo toàn mỹ, sức mạnh thần thánh, khả năng phi thường có thể đoạt trời cao của các dũng sĩ. Vẻ đẹp hình thể và phẩm chất của người

dũng sĩ càng hiện lên rõ nét, sống động, kì vĩ hơn. Hình tượng nhân vật dũng sĩ hiện lên với vẻ đẹp oai phong, sức vóc phi thường chính là hiệu quả được tạo nên một phần từ biện pháp miêu tả này.

3.2.2. *Biện pháp phóng đại*

Về cơ bản, biện pháp phóng đại (hay còn gọi là khoa trương, thậm xưng, ngoa ngữ, cường điệu), được hiểu là cách dùng từ ngữ hoặc diễn đạt để nhân lên gấp nhiều lần những thuộc tính của khách thể hoặc hiện tượng, nhằm mục đích làm nổi bật bản chất của đối tượng cần miêu tả, gây ấn tượng đặc biệt mạnh mẽ: “*Phóng đại không phải là thổi phồng sự thật hay xuyên tạc sự thật, mà chỉ cốt hướng cho người ta hiểu được sâu sắc hơn điều diễn tả*” (Đình Trọng Lạc, 1998, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, tr.46).

Vì vậy, lối diễn đạt phóng đại trong văn học là một trong những thủ pháp nghệ thuật ngôn từ để tạo ra các hình tượng kì vĩ, nhằm tăng cường sức mạnh biểu hiện cho hình tượng. Biện pháp nghệ thuật này rất phổ biến trong các sáng tác dân gian đặc biệt ở thể loại truyện cổ tích và sử thi. Với khả năng “*cường điệu kích thích, quy mô, tính chất của đối tượng hay hiện tượng được miêu tả*” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2004, *Từ điển thuật ngữ văn học*, tr.212), phóng đại là biện pháp giúp trí tưởng tượng của con người bay bổng, sáng tạo nên những hình tượng thâm mỹ hào hùng, vượt ngưỡng đời thực, vươn ngang tầm vũ trụ và các lực lượng siêu nhiên. Điều đặc biệt, biện pháp phóng đại thường kết hợp với so sánh là phương tiện ngôn từ đặc lực giúp hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi trở nên hấp dẫn, thú vị và độc đáo hơn. Với nghệ thuật phóng đại, nhân vật được nâng lên tầm cao mới, từ nét đẹp ngoại hình đến vẻ đẹp tâm hồn, thỏa mãn khát vọng bao đời của con người ở thời kỳ lịch sử một đi không trở lại. Nhờ thi pháp phóng đại, nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên hiện lên kì vĩ với sức khỏe, tài năng phi thường, phẩm cách tuyệt vời. Chính từ sự phi thường, vượt bậc về mọi phương diện như thế, các dũng sĩ mới có thể đánh bại mọi kẻ thù nguy hiểm, độc ác nhất đến phá hoại cuộc sống bình yên của buôn làng, bộ tộc nơi họ nắm giữ, là thủ lĩnh. Chỉ có người dũng sĩ mới có thể chạy nhanh như gió, nhìn xuyên qua đêm tối, vung nhẹ gươm; có thể chặn đứng dòng nước đang gầm gào

chảy, buộc nó phải quay hướng khác; có thể dùng tay nhắc những quả đồi, nhảy qua bảy núi, bảy quả đồi như dạo chơi; uống cạn cả hồ nước trong nháy mắt,... Dũng sĩ co chân, đạp mạnh xuống đất, đất rung chuyển âm âm, sập sâu xuống thành cái hồ lớn; cầm dao chém đá, đá vỡ tan như bỏ quả dưa ngoài rẫy, gió bão nổi lên âm âm như sấm dậy; nhảy về đằng đông đạp gục núi Dú, nhảy về đằng tây đạp nát núi Tơ Linh. Chàng Porông Pha chỉ cần nhảy từ trên cao, giẫm chân thật mạnh đất đã lún sâu xuống hàng sải tay. Chàng Mơ Kốc nhảy vút cao, lao âm xuống cái hồ sâu thăm thăm, nước ào ào vọt lên, tung trắng xóa tạo thành dòng sông Kơ Rông Pha (Truyện *Anh em chàng Pơ Rông Pha*). Dũng sĩ Đăm Di (Sử thi *Đăm Di*) có thể “*gông núi phía Đông, nghiêng núi phía Tây; sông nước chảy thành thác, hồ nước cuộn thành sóng ào ào*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.57).

Nhân vật Xing Nhã (khan *Xing Nhã*) khi chặt cây, những nhát rìu tóe lửa, gãy xà ngang, tan xà dọc, khi múa khiên “*múa xoay phía dưới chết con cạp, xoay phía trên chết con voi, khiên xoay theo đường cái đất bụi đầy mịn mù, trời nổi giông to, gió lớn*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, *Xing Nhã, Đăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*, tr.35).

Chàng Xing Mơ Nga (khan *Đăm Di*) có sức khỏe khủng khiếp: giật tung bụi mây đồ sộ “*lấy sức bằng một con voi, bằng tê giác. Đóng chân xuống rễ cây, chôn chân xuống mặt đất...*” (Y Điêng, Y Ông, 1983, tr.108 - 109).

Dũng sĩ Đam Săn (khan *Đam Săn*) ngang nhiên chặt đổ cây thân smuk, hiên ngang đi bắt Nữ Thần Mặt Trời về làm vợ, đánh thắng các tù trưởng giàu mạnh. Khi chàng múa khiên, sức mạnh phát lộ hơn cả những trận cuồng phong. Chàng “*múa trên cao, gió như bão*”, “*múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lãn lốc. Cây cối chết rụi*”, “*múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay*” (Nguyễn Văn Hoàn, 1988, *Đăm Săn sử thi Ê - đê*, tr.192 - 193).

Các dũng sĩ chỉ cần vung giáo là đâm chết thú dữ, chỉ cần vung kiếm là chém đôi sợi tóc. Họ bắn cung trăm phát trăm trúng. Một ngày, họ phát xong đám rẫy rộng một trăm sải. Chàng Đăm Bri (*Đăm Bri*, Mnông) vượt suối, băng rừng nhanh như gió cuốn. Lũ giặc đâm gươm tua tủa vào người chàng như đâm vào đá, gươm cái

uần, cái gãy, lửa tóe sáng, chàng vẫn trơ như đá. Ba anh em trong truyện *Ba chàng dũng sĩ* thật là những chàng trai khỏe mạnh, sung sức. Cánh tay họ cứng như sắt có thể bẻ gãy cây to như ngắt ngọn cỏ. Cặp chân họ chạy nhanh như gió, một bước nhảy vượt băng một cánh rừng,... Chàng Y Rít (*Y Rít giết đại bàng*, Ê Đê) chỉ cần vung gươm lên, chặt một nhát hai cái đầu của đôi chim đại bàng to bằng con voi chúa, đôi cánh rợp cả con suối lớn, lập tức đứt phăng, rơi xuống đất như trái mít rụng. Chàng Niãn (*Chàng Niãn*, Gia Rai) vung gươm chém vào tảng đá, tảng đá vỡ đôi như bò một trái dưa hấu, vung gươm chém chết cả bầy cọp. Chàng Jrong (*Sự tích núi hang cọp*, Ba Na) vung tay dao nhanh như tia chớp chém lần lượt 20 con cọp to như con bò thiên, đầu đứt làm đôi. Chàng Tyông Vivin (*Tyông Viwin*, Ba Na) vung gươm chém hai nhát là Kpu to như hòn núi, da cứng hơn đá, đầu văng ra làm ba khúc “Một khúc bay lên đầu sông, một khúc văng xuống biển, một khúc nằm nguyên tại chỗ” (*Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên*, 2011, tr.644).

Dũng sĩ Jarumũq (Truyện *Chàng Jamahluq và chàng Jarumũq*, Ra Glai) giết chết vợ chồng quái thú khổng lồ Rắc Mỏq Rắc chỉ bằng một con dao lá lúa đâm thẳng vào cổ họng, thọc sâu vào giữa ngực, xuyên qua tim, xoáy nát tim gan chúng. Jarumũq dùng cây cọp chống hai hàm cá sấu rồi chui vào bụng cá, vung kiếm chém đứt hết ruột gan giết cá sấu cứu anh trai Jamahluq. Nhân vật Đông Tư (*Cha con Tăm Đông*, Chu Ru) sức khỏe phi thường, chỉ cần buông hai chân lấy đà, lao mình, đè lên lưng chúa Voi đã khiến bốn chân chúa Voi khuyu xuống, lún sâu xuống đất,... Người Cơ Ho, người Mạ luôn tự hào, kể cho con cháu nghe về dũng sĩ K'Tông, K'Tang có sức khỏe phi thường đã hạ cây thần, giết đại bàng hung dữ trên núi Lang Biang để cứu dân làng. Chỉ dũng sĩ Đăng Giai (*Nữ thần Đăng Giai*, Xơ Đăng) mới giết chết loài ác điều hung ác, dữ tợn chuyên ăn thịt người; có sừng nhọn, mỏ cứng - quệt mỏ âm thanh vang như sấm sét, rung chuyển cả núi rừng, giông bão nổi lên âm âm,... Dũng sĩ Dăm Duông (hơ m' muan *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*) dịch chuyển cả tảng đá lớn chỉ bằng cái đẩy tay nhẹ. Chàng cũng bắt trời quý Te Tô khổng lồ như quả núi chỉ bằng một sợi chỉ mỏng mảnh. Một mình chàng vào hang hạ gục quái vật thường luồng, đá đười ươi Gluih tung lên trời cao, bay bổng như cánh diều giữa bầu trời lồng lộng. Trong h' mon *Giông giết sư tử cứu làng Sét*, dũng sĩ Giông dũng

cảm, tài trí giết chết cùng một lúc hai quái vật chuyên ăn thịt người dân trong vùng: sư tử đực và sư tử cái có thân hình to như trái núi, có trăm cái tai, tám cái đuôi, tiếng gầm rung chuyển núi rừng... Diễn tả sức khoẻ thần thánh, sự dũng mãnh vô song của các dũng sĩ, tác giả dân gian đã dùng thủ pháp phóng đại để tô đậm, khắc sâu thêm hình tượng. Nhân vật Dyông Kman (h'mon *Dyông Kman*) tuốt đao lao về phía vợ chồng cọp, chàng chém, ghè vào răng, rút lưỡi, đâm cọp Bok Glung văng lên trời. Con cọp Bok Gloong văng xuống biển phát tiếng kêu kinh hoàng rồi chết ngay. Chàng Ama Sa Ea (akhàt jucar *Sa Ea*) lấy cột sắt chống hàm rắn lên cao, chui vào bụng rắn, cầm dao rạch ruột, cắt tim, gan; vung gươm chém nát thây rắn thành ba mươi bảy khúc, kết liễu cuộc đời loài độc ác, hại người. Nhân vật Kamao (akhàt jucar *Chàng Kei Kamao*) sức khoẻ dẻo dai đến mức đánh nhau suốt bảy ngày bảy đêm, truy đuổi quái vật Sâu từ bầu trời xuống mặt đất, từ đông sang tây, từ núi này sang núi khác, dưới biển sâu, khiến trời long đất lở, lửa cháy rực trời, đất thành tro mà không biết mệt; rồi vung kiếm kết liễu cuộc đời quái vật hại người. Khẳng định sự can đảm, lòng dũng cảm, trí thông minh hơn người của dũng sĩ Ujàc, thủ pháp cường điệu lại được nghệ nhân dân gian sử dụng rất hiệu quả. Chỉ một mình Ujàc mà đánh bại hết kẻ ác và các thần ác nhiều phép thuật lại nham hiểm, mưu mô: Chi Ta, Hu lou Valàc, vua thần Lửa, vua quỷ Ốc Bươu, thần Bão, thần Gió Lốc,...

Sức khỏe, tài năng siêu quần của người dũng sĩ được các nghệ nhân vô danh dùng thủ pháp phóng đại càng tạo ấn tượng sâu đậm về hình tượng nhân vật trong lòng người tiếp nhận. Chàng K'Pút (*Chàng K'Pút con thần Mặt trời, Cơ Ho*) đánh tan bọn cướp đông như đàn vắt làm chúng tan tành như lá rụng. Chàng Tú (*Gwom ông Tú, Ba Na*) vung gươm, ánh hào quang làm mờ ánh sáng mặt trời, mặt đất tối sầm, gió bão nổi lên, sấm sét gầm thét âm âm làm lũ giặc hung bạo và tên bạo chúa tan tác, kinh hoàng. Dũng sĩ Tê-tê (*Kachây B'nhoal, Chu Ru*) đánh bại vua và binh lính các nước Tàu, Miên, Lào, Xiêm để cứu vua Chăm và đất nước họ thoát khỏi nạn ngoại xâm rồi làm phép cho vua Chăm sống lại. Dũng sĩ Đăm Đoăn, Đăm Mao (*Đăm Đoăn và Đăm Mao, Xơ Đăng*) huyết chiến suốt ngày này sang đêm khác, giết chết hàng ngàn binh lính của tên vua độc ác. Dũng sĩ Nai Ngọc (*Tiếng hát người đá, Ra Glai*) giết chết hàng ngàn tên giặc biển tới cướp phá buôn làng chỉ bằng cất cao

giọng hát như gió mát, du dương, trầm bổng khiến quân giặc đờ người, binh khí tuột khỏi tay, ngã xuống, chết. Dũng sĩ Dăm Trao (khan *Dăm Trao, Dăm Rao*) sức mạnh được ví khỏe như con tê giác, mạnh như con voi, một mình có thể giết chết hàng vạn quân lính. Chàng đánh nhau với kẻ ác bảy ngày, bảy đêm mà không biết mệt; đánh nhau dưới đất, rồi bay lên trên chín tầng mây cao làm náo động cả bầu trời. Dũng sĩ Giông trong các h'mon Ba Na là sự hội tụ sức khỏe phi thường, rung trời, chuyển đất. Tiếng thét của chàng mỗi khi xung trận làm núi rừng rung chuyển, biển động dữ dội, sóng nước dâng tràn, đất trời âm u, người người đều run sợ, kinh hoàng. Trong các h'mon, gần như sự diễn tả tiếng thét xuất trận của dũng sĩ Giông đã trở thành công thức. Đó là tiếng thét khiến *“nước sông chao đảo, núi non đu đưa, trời như muốn rách, đất như muốn sụp, các ngôi nhà rông xiêu vẹo như muốn đổ ụp xuống. Loài người run rẩy, hoảng sợ”* (Phan Thị Hồng, 1996, *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*, tr.148).

Diễn tả những cuộc chiến dữ dội, quyết liệt, trời rung đất chuyển, thủ pháp cường điệu lại được phát huy tác dụng, làm nổi bật sức mạnh khủng khiếp của người dũng sĩ. Đó là sức mạnh xé rách đất trời, núi rừng rung chuyển, biển động dữ dội, sóng nước dâng tràn, đất trời âm u, người người đều run sợ, kinh hoàng. Trong h'mon *Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng* *“Giông nói dứt thì lập tức có ánh chớp sáng loáng từ trên trời cao, lóe lên sáng ngời. Giông bật khiến làm ra mưa to. Mưa đá chảy xuống. Bọn chúng ngã nghiêng, chao đảo, quay như chong chóng, đầu cúi xuống, chân thẳng lên. Chúng bay xa như lá rụng bị gió cuốn. Bầu trời đen ngòm, chớp sáng lòe liên tục trên bầu trời tối mịt. Bầu trời như muốn sụp, mặt trời cũng quay cuồng. Giông cho thấy sức mạnh khủng khiếp và sự tài giỏi của mình”* (Võ Quang Trọng, 2007, *Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng*, tr.407).

Nữ dũng sĩ Bya Phu (h'mon *Hai chị em Dyông*) đánh tan kẻ ác đông như đàn kiến. Nàng Bya Phu đá Đăkble với một sức mạnh *“đá cũng tróc, gốc cây cũng bật”*, thân hẳn *“bay qua mấy lớp hàng rào”*. Dũng sĩ Bya Linhkoong (h'mon *Bya Linhkoong*) giết chết cha con Bok Ter luôn làm hại dân làng bằng sức mạnh không ai sánh bằng. Bya Linhkoong phóng mình lao giữa bầu trời mà vây quanh đen đầy quân Bok Ter. Bya Linhkoong *“bạt tai bên phải”, “bạt tai bên trái”* khiến hai con

mắt Bok Ter vọt văng xuống đất, hấn chết ngay tức khắc. Sức mạnh vô song, Bya Linhkoong tiêu diệt hết bọn ác. Dũng sĩ Awoi Nãi Tilor (akhàt jucar *Awoi Nãi Tilor*) giành chiến thắng oanh liệt trong cuộc chiến trời long đất lở với Jahuruoi, đá Jahuruoi “bay ra cạnh hàng rào, “văng vào bụi rậm”. Nữ chiến binh Awoi Nãi Tilor đánh tan đạo quân của mười bảy vua chúa và các thần ác chỉ bằng thanh gươm. Sức mạnh bạt núi, san đồi, Awoi Nãi Tilor búng nhẹ thanh gươm “*Cây gươm thần tức khắc bay từ bờ biển cả bên này bao la đến tuốt tận bờ bên kia tạo thành cầu vòng lửa mênh mông ... khiến cho tất cả đờ người, sợ sệt, ngây ra đứng nhìn, ... Làm cho quân Cur ngã khụy như rạ, quân Jawa ngã đổ như rạ... Bọn ác chết một làng, chết nửa xứ*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Awoi Nãi Tilor*, 2009, tr.2720 - 2721).

Dũng sĩ Dăm Duông sức mạnh thần thánh liên tiếp đánh thắng Hoi Mã Nơ Nang, Tre Wet Krong Bung “*Dăm Duông liền bạt tai hấn ... hất hấn bay lên trời mây xanh.... Chàng liền đá mạnh vào Tre Wet Krong Bung, hấn lão đảo nghiêng ngã, máu mũi, máu mắt đều đều chảy ra ... khiến tảng đá đổ nát, vỡ tan tành, cây đa cổ thụ ngã đổ, cây tre tróc gốc ngã xuống,... tạt vào cằm, đập vào hai đầu gối của Tre Wet Krong Bung khiến hấn mềm nhũn, mệt mỏi, rã rời....*” (Võ Quang Trọng - Lưu Danh Doanh, 2006, *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*, tr.1104-1105).

Khẳng định dũng sĩ Ama Sa Ea (akhàt jucar *Sa Ea*), có tài năng siêu việt, nghệ nhân dân gian cũng sử dụng thủ pháp phóng đại “*Chàng nhắc bổng bốn cây cột sắt nặng như đá tảng, đá bàn mà cứ nhẹ như lá cỏ, nhẹ như lá vàng rơi*” chống bốn góc trời để tránh nạn “*trời sập, đất đổ*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Sa Ea*, 2009, tr.1365).

Chàng Sa Ea lấy cột sắt “*chống hàm của rắn, tuốt gươm chém nát rắn thành ba mươi bảy khúc, đất trời mù mịt, khói bụi nồng nặc, kinh thiên động địa, mặt trời, mặt trăng rung rinh*” (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên Sử thi Ra Glai *Sa Ea*, 2009, tr.1455).

Phóng đại là một trong những khía cạnh thi pháp khắc họa nhân vật độc đáo của kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên. Hình tượng nhân vật anh hùng, dũng sĩ trong các thiên cổ tích ngắn gọn cũng như những áng sử thi trường thiên trở

nên kì vĩ, hào hùng, thấm đẫm niềm tự hào, ngưỡng mộ của dân gian chính là được tạo nên và xuất phát từ biện pháp nghệ thuật rất ấn tượng này.

3.2.3. *Biện pháp lặp lại*

Trong công trình *Nghệ thuật thơ ca*, nhà triết học L. Aristote có nhận xét:

“Mỹ học của sử thi tương ứng với thi pháp sử thi, vốn hoàn toàn là thi pháp lặp lại, bắt đầu từ các đoạn nghi thức cố định, sau đó là những tập hợp cố định và các hình ảnh, các motip được lặp lại, ...” (L. Aristote, 1997, *Nghệ thuật thơ ca*, tr.294).

Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Ngô Đức Thịnh cũng cho rằng *“lặp”* là *“thuộc tính chung của văn học dân gian, văn hoá dân gian, trong đó có một căn nguyên quan trọng là dễ dễ thuộc, dễ nhớ trong điều kiện nền văn hoá không có chữ viết và truyền miệng”* (Ngô Đức Thịnh, 2008, *Tính thống nhất và đa dạng của sử thi Tây Nguyên*, tr.13).

Đối với truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, *“lặp lại”* được sử dụng như một phương thức miêu tả nhân vật không kém phần thú vị. Với biện pháp lặp lại, nghệ nhân dân gian đã tô đậm hơn hình tượng nhân vật dũng sĩ trong tiến trình diễn biến các thiên truyện.

Tìm hiểu truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên, chúng tôi thấy dấu ấn của phép lặp thể hiện khá rõ trong miêu tả vẻ đẹp ngoại hình, tài năng, sức mạnh của nhân vật dũng sĩ.

Ở dạng thức lặp lại, những câu, cụm từ, những phân đoạn dài ngắn khác nhau miêu tả vẻ đẹp diện mạo, hình thể, hành động của nhân vật được sử dụng lại gần như không thay đổi. Có thể xem đây là những công thức, những motif ngôn từ trong miêu tả và khắc họa nhân vật. Trong các công thức, motif ngôn từ này là sự phối kết hợp nhuần nhuyễn các biện pháp so sánh, ví von cũng như phóng đại và cường điệu hóa,... Vì thế, vẻ đẹp của người dũng sĩ trong các truyện cổ tích và sử thi khác nhau vẫn được miêu tả là: Mắt chàng sáng như sao, như ánh mặt trời; tóc gọn như thác nước; tuyệt đẹp, vạm vỡ, khỏe mạnh; ngực nở tròn như gốc cây, cứng như trái núi, săn chắc; đôi chân chạy nhanh như gió; dáng đi khoan thai, đỉnh đạc đàng hoàng; vàng trán rộng, sáng như kim cương, khôi ngô, tuấn tú,...

Sức mạnh hơn người, những khả năng phi thường của các nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích cũng như sử thi Ba Na, Chu Ru, Ê Đê, Cơ Ho, Mạ, Mnông, Ra Glai, Xơ Đăng hầu như được định hình trong các khuôn mẫu nhất định. Các dũng sĩ đều có khả năng chạy nhanh như ánh sao, nhẹ nhàng như gió, nhìn xuyên qua đêm tối, sức lực như con sơn dương, như tê giác, như voi,... Các chàng trai có thể dùng tay nhắc những quả đồi, nhảy qua bảy ngọn núi, bảy quả đồi; uống cạn cả hồ nước trong nháy mắt, vung một đường gươm cả một vạt rừng đồ gục, dùng chân đạp vào núi đá, núi vỡ tan, co chân, đạp mạnh xuống đất đất rung chuyển âm âm; cầm đao chém đá, đá vỡ tan như bỏ quả dưa ngoài rẫy; sức mạnh như gió bão, như sấm dậy, trời rung, đất chuyển, rách đất,... Họ có thể dùng tay nhắc những quả đồi, nhảy qua bảy ngọn núi, bảy quả đồi; uống cạn cả hồ nước trong nháy mắt (*Chàng Heo K'Sur và chàng K'Drit* - Cơ Ho); chém đứt cùng một lúc bảy cây cổ thụ, vung một đường gươm cả một vạt rừng đồ gục. Dũng sĩ K'Choi (*K'Choi và Ma Lêng* - Cơ Ho) (vung gươm chém đứt dòng nước gập gào dữ dội, buộc nó phải chảy về hướng khác nhường đường cho chàng đi. Chàng lấy chân đạp vào núi đá, núi đá vỡ tan, âm âm lao xuống vực sâu. Chàng Đăm Thí (Ê Đê) chỉ cần co chân, đạp mạnh xuống đất bảy cái, đất rung chuyển, sập sâu thành cái hồ lớn; cầm đao chém đá, đá vỡ tan như bỏ quả dưa ngoài rẫy, gió bão nổi lên âm âm như sấm dậy; nhảy về đằng đông đạp gục núi Dú, nhảy về đằng tây đạp nát núi Tư Linh. Chàng Porông Pha (Ê Đê) nhảy từ trên cao, giẫm chân thật mạnh, đất đã lún sâu xuống hàng sải tay. Chàng Mơ Kốc nhảy vút cao, lao âm xuống cái hố sâu thăm thẳm, nước ào ào vọt lên, tung trắng xóa tạo thành dòng sông Kơ Rông Pha. Các dũng sĩ vung giáo là đâm chết thú dữ, vung kiếm là chém đôi sợi tóc. Họ bắn cung trăm phát trăm trúng. Biện pháp lặp lại không chỉ khiến người nghe chuyện choáng ngợp trước vẻ đẹp như thần linh của các dũng sĩ mà còn đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác về sức mạnh như vũ bão, tài năng siêu phàm của họ trong các cuộc giao chiến với kẻ ác. Dũng sĩ Bya Linhkoong có thể phóng mình lao giữa bầu trời, đối diện với kẻ ác đang vây quanh, đen đầy như bầy mối, đàn kiến. Dũng sĩ Tilor chỉ cần uốn cong lưỡi đao là quân thù chết cả một làng; chỉ cần vung gươm, cây gươm của nàng bay từ bờ biển bên này sang bờ biển bên kia tạo thành cầu vòng lửa mênh mông, thiêu đốt kẻ thù thành tro bụi. Chàng

Giông trong giao tranh luôn được diễn tả là “tả xung hữu đột” làm chủ chiến trận khiến các đối thủ “không tài nào chém trúng Giông vì chàng quay tít đến mức không còn thấy đâu là đầu tóc, chân tay, đao chém vun vút”, “*Sức mạnh khủng khiếp của Giông khiến trời như muốn rách, đất như muốn sụp, cả trời đất tối tăm mù mịt, mưa đổ xối xả suốt ngày đêm, các ngôi nhà rông như sắp tả tơi ra hết, ... Giông càng đánh càng mạnh*” (Phan Thị Hồng, 1996, *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*, tr.149).

Đây là sức mạnh của dũng sĩ Giông bộc lộ qua tiếng thét mỗi khi xung trận, tiếng thét khiến “nước sông chao đảo, núi non đu đưa, trời như muốn rách, đất như muốn sụp, các ngôi nhà rông xiêu vẹo như muốn đổ ụp xuống. Loài người run rẩy, hoảng sợ” (Phan Thị Hồng, 1996, *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*, tr.148).

Còn đây lại là sức mạnh vô song của dũng sĩ khi phá đá “*Giông đã phóng mình lên đập mạnh vào thân núi đá cao vùi vùi, chót vót ... Tức thì cả ngọn núi rung chuyển, các tảng đá lớn nhỏ rơi rầm rầm... Cả trời đất rung chuyển, đất đá tung tóe. Cả một khối đá từ trên cao rơi xuống đất. Tiếng động vang lên như trời long, đất lở, như ngày tận cùng... Cả một ngọn núi to cao đã sập xuống*” (Võ Quang Trọng, 2006, *Giông đập đổ núi đá cao ngất*, tr.437-446).

Nhân vật Kamao trong akhàt jucar *Chàng Kei Kamao* có sức mạnh, tài năng trác tuyệt. Sức mạnh của chàng có thể chiến đấu với quái vật chuyên ăn thịt, hút máu người diễn ra suốt” bảy ngày, bảy đêm; từ bầu trời xuống mặt đất; từ đông sang tây; từ núi này sang núi khác”. Cuộc giao tranh của Kamao với các đối thủ khiến “cỏ cây chết rụi, biển khơi sóng cuộn, núi đồi sập xuống, trời tối mù mịt” (Sakaya, 2018, tr.280). Còn dũng sĩ Ujàc sức mạnh khủng khiếp đến nỗi “*mỗi nhát gươm của chàng chết hàng nửa xứ sở, mỗi nhát cuộn vào vẫn sạch một làng. Còn cây bảo đao của chàng thì “mỗi lần rút ra như sét bổ, mỗi lần chém như sấm gầm*” (Sử thi Ra Glai Udai - Ujàc, 2004, tr.120). Chàng Cei Balaok Li-u mạnh đến mức mà Rak Dewa mô vào người chàng “*bằng mỏ gãy mỏ, đá bằng vuốt gãy vuốt, đâm bằng giáo gãy giáo, chém bằng gươm gãy cán gươm, ...*” (Sakaya, 2018, *Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*, tr.400).

Những phân đoạn miêu tả sức mạnh, tài năng của các dũng sĩ được lặp đi, lặp lại ở nhiều cuộc giao tranh trong một cũng như nhiều akhàt jucar khác nhau của người Ra Glai.

Phương thức lặp lại có ưu điểm là khiến nghệ nhân diễn xướng dễ nhớ, dễ thuộc, công chúng thưởng thức cũng dễ theo dõi và cảm nhận từ cốt truyện cho đến hình tượng nhân vật. Theo nhà nghiên cứu Phan Ngọc “lặp lại” là “thủ pháp nghệ thuật đơn giản nhất ở giai đoạn sơ khai”, “có ưu điểm là rất dễ nhớ” (Phan Ngọc, 1986, *Qua Đẻ đất, đẻ nước ta thấy cả một nền văn hóa cổ đại Việt - Mường*, tr.112).

Nhờ ưu điểm này, biện pháp lặp lại giúp “*Người diễn xướng được thuận tiện, dễ dàng còn công chúng thưởng thức dễ lĩnh hội được truyện kể*” (Đỗ Hồng Kỳ, 1996, *Sử thi thần thoại M'ông*, tr.119).

Điều thú vị là thủ pháp lặp lại không hề gây cho người thưởng thức sự nhàm chán mà còn giúp họ hình dung rõ nét hơn về đẹp, tài năng, sức mạnh của người dũng sĩ. Có thể nói, phương thức lặp lại là “chất keo” tạo sự gắn kết và phát huy hiệu quả các phương thức miêu tả khác trong việc khắc họa hình tượng nhân vật dũng sĩ ở truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên.

Tiểu kết

Cùng thuộc loại hình tự sự dân gian, lại gần gũi nhau về nguồn gốc lịch sử, xã hội và môi trường văn hóa cổ truyền Tây Nguyên, truyện cổ tích và sử thi vừa có điểm khác biệt lại vừa có sự gặp gỡ về thi pháp khi khắc họa nhân vật dũng sĩ.

Về mặt cốt truyện, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng đều thiết lập được các “mô thức”, hay “công thức” riêng (dù cơ bản là tương đồng về kết cấu và ý nghĩa) trong tạo dựng hình tượng nhân vật dũng sĩ. Đó là kết cấu cốt truyện ba giai đoạn với kết thúc có hậu (chiếm tỉ lệ lớn) và kết thúc không có hậu (hoặc nửa có hậu) (với tỉ lệ nhỏ hơn nhiều). Mô thức diễn trình cốt truyện của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi chứa đựng tinh thần tôn vinh sự nghiệp “diệt ác trừ bạo” cứu người, bảo vệ cộng đồng của nhân vật dũng sĩ. Hình tượng nhân vật dũng sĩ trong cả hai loại hình cổ tích và sử thi càng trở nên sống động, sắc nét hơn khi tác giả dân gian không ngừng sáng tạo, bồi đắp, tô điểm cho các “mô thức” cốt truyện bằng những cấu kiện, tình tiết điển hình, quen thuộc được motif hóa các kiểu loại.

Thi pháp cốt truyện kết hợp với các biện pháp miêu tả như so sánh, phóng đại, lặp lại,... có khả năng hình tượng hoá sâu sắc các sự vật, hiện tượng tự nhiên, hình ảnh con người, vượt xa thực tại và nguyên mẫu. Ở truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, các biện pháp miêu tả này là nét thi pháp ngôn từ dân gian đặc sắc giúp cảm nhận rõ ràng hơn vẻ đẹp diện mạo cùng sức mạnh tiềm tàng, khả năng phi thường của nhân vật dũng sĩ. So sánh kết hợp với ví von, liên tưởng, cường điệu hóa khiến ngôn từ miêu tả trở nên bóng bẩy, giàu hình ảnh. Trong mọi truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên,, chúng ta hầu như đều thấy sự hiện diện của phương thức biểu đạt này.

Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng Tây Nguyên là những văn phẩm tự sự dân gian có giá trị lớn về thi pháp. Hình tượng nhân vật anh hùng, dũng sĩ biểu tượng con người cao đẹp xả thân vì cộng đồng trong truyện cổ tích và sử thi là thành tựu nghệ thuật quý giá của nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên nói chung. Điều này cũng có nghĩa: các dũng sĩ Tây Nguyên xưa gánh trên vai trọng trách nhân danh cộng đồng, mang lí tưởng, sức mạnh để thiết lập một trật tự xã hội giàu có, yên vui,... Thi pháp cốt truyện hướng đến sự khẳng định lòng dũng cảm, những chiến tích lớn lao trong mọi cuộc chiến cam go, cùng các biện pháp mô tả rất đặc thù chính là phương tiện hữu hiệu làm nổi bật hình tượng người dũng sĩ - con người của thời đại xung đột và chinh chiến.

KẾT LUẬN

Từ việc tìm hiểu, nghiên cứu đặc điểm nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi - hai thể loại đặc biệt phát triển trong nền văn học dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1. Những vấn đề lịch sử, xã hội cấp thiết và tính đặc thù của nền văn hóa cổ truyền các dân tộc là tiền đề và môi trường thúc đẩy sự nảy sinh, phát triển của kiểu truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Suốt nhiều thế kỷ, với địa bàn cư trú là một vùng núi non, rừng rậm hoang dã; thiên nhiên có nhiều ưu đãi song cũng đầy thử thách, cuộc sống các dân tộc thiểu số Tây Nguyên cơ bản vẫn trong tình trạng biệt lập với thế giới bên ngoài, kinh tế, xã hội chậm phát triển. Cho đến giữa thế kỷ XIX, thời điểm đạo Thiên chúa giáo thâm nhập, nền văn hóa truyền thống Tây Nguyên vẫn thuần túy thuộc phạm trù văn hóa dân gian, truyền khẩu (folklore) chữ viết chưa xuất hiện. Sinh tồn trong điều kiện với bao khó khăn chông chéo về thiên tai (hạn hán, bão lũ, động đất, dịch bệnh,...), đặc biệt là những vấn nạn xung đột xã hội nội vùng triền miên, các tộc dân Tây Nguyên suốt trường kỳ lịch sử đã phải nỗ lực để có thể tồn tại và phát triển. Công cuộc lao động mưu sinh gian khổ trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, công cụ sản xuất còn rất thô sơ, đồng thời là cuộc chiến chống lại đủ thứ kẻ thù luôn rình rập cướp bóc, tàn phá khiến con người Tây Nguyên xưa luôn trong tư thế của những chiến binh. Có thể nói, từng xuất hiện một “thời đại sử thi” chông chát những vụ tranh đoạt, xung chiến gay go, kéo dài ở mọi khu vực cư trú của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên suốt một thời kỳ dài. Nền văn học dân gian Tây Nguyên (với đủ các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ngụ ngôn, sử thi, tục ngữ,...) là sáng tạo nghệ thuật ngôn từ, song cũng là một hình thái ý thức, tư tưởng của con người, đã xuất hiện, gắn liền với điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa vùng đất như thế. Nổi bật và tiêu biểu nhất cho tinh thần, ý chí khắc phục, chiến thắng mọi thiên tai, dịch họa của con người Tây Nguyên xưa chính là bộ phận truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi. Với chủ đề ca ngợi sự nghiệp lao động sáng tạo xây dựng cuộc sống và chiến đấu bảo vệ cộng đồng của nhân vật dũng sĩ, truyện cổ tích và sử thi ở mức độ, màu sắc khác nhau, đều tập trung xoay quanh các đề tài (hay type truyện) lớn như: Công

cuộc chinh phục thiên nhiên (nạn hạn hán, thú dữ, vực sâu, núi cao, rừng rậm,...); cuộc chiến tiêu diệt các “quái vật” (rắn thần, hồ tinh, ma rừng, quỷ dữ,...), các thủ lĩnh, Motao lán giềng, giặc cướp hung bạo để cứu “người đẹp”, đòi lại “vật quý”, khôi phục và bảo vệ buôn làng.

Nếu hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm xã hội là cơ sở, tiền đề cho sự nảy sinh những đề tài, chủ đề lớn, nhân vật điển hình của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi, thì thành tựu của nền văn hóa truyền thống lại là điều kiện và môi trường thuận lợi giúp hai bộ phận tự sự này vươn tới những giá trị nội dung, thi pháp có ý nghĩa lớn. Nền văn hóa truyền thống Tây Nguyên với biết bao nỗ lực tìm tòi, sáng tạo thể hiện trên các lĩnh vực văn hóa vật chất, văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần chính là cái nôi nuôi dưỡng sự phát triển của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi. Tuy nhiên, hoàn cảnh lịch sử, xã hội và thành tựu của nền văn hóa các tộc người vẫn chưa phải là tất cả những gì tạo nên đặc điểm truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên cũng như nền văn học dân gian vùng đất này. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi không nảy sinh một cách đơn giản từ thực tế lịch sử, xã hội, cũng không phản ánh cuộc đời một cách đơn sơ mà theo con đường và cách thức riêng với rất nhiều những hư cấu và tưởng tượng. Đặc trưng và những quy tắc sáng tạo, vận hành nội tại của loại hình nghệ thuật ngôn từ dân gian là phần quyết định diện mạo những thiên truyện về sự nghiệp của nhân vật dũng sĩ. Sự phong phú, đa dạng về đề tài, chủ đề với sự đan xen giữa hiện thực và thần kỳ, huyền ảo của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi chính là như thế.

2. Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên là sáng tạo nghệ thuật có giá trị, ý nghĩa nhân văn sâu sắc, lâu dài

Trong một thời đại mà để sinh tồn, con người luôn phải đối đầu với đủ mọi thử thách, áp lực từ môi trường tự nhiên cho đến xã hội, với đủ mọi đối thủ và kẻ thù nguy hiểm thì những câu chuyện tôn vinh nhân vật anh hùng, dũng sĩ nảy nở, lưu truyền rộng khắp không thuần túy chỉ để giải trí, mua vui. Những thiên anh hùng ca về nhân vật anh hùng, dũng sĩ là nguồn lực tinh thần giúp cộng đồng, xã hội đứng vững trước mọi thử thách, ngáng trở của thiên nhiên cũng như xã hội. Nhân vật anh hùng, dũng sĩ là hình mẫu sống động để cộng đồng tôn thờ, ngưỡng mộ, noi theo để rèn giũa ý chí, nghị lực giúp con người hi vọng và vươn lên. Những nhân vật anh

hùng, dũng sĩ được tác giả tập thể xác định là những thủ lĩnh buôn làng tài ba, những vị tù trưởng “giàu sang”, “hùng mạnh”; những chàng trai nghèo tài giỏi; những cô gái thông minh, chí lớn; những nữ tộc trưởng anh hùng,... Từ xuất thân mang tính “hiện thực” như thế, các nhân vật lại được tài trí của nhiều thế hệ nghệ nhân nâng cao đến mức phi thường và huyền thoại. Vẻ đẹp thể chất cho đến các phẩm chất, năng lực và chiến tích trước mọi đối thủ, nhân vật dũng sĩ luôn được nâng tầm, phóng đại không giới hạn. Dù thế đi nữa, chúng ta cũng không thể nói rằng, truyện cổ tích và sử thi luôn là những câu chuyện về sự bách chiến bách thắng của nhân vật dũng sĩ. Các thiên truyện không phải đều kết thúc “có hậu”, nhân vật dũng sĩ có khi chết đi sống lại, thậm chí tử chiến trước kẻ thù. Truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là bức tranh kì vĩ về sự nghiệp cao cả của nhân vật anh hùng, song những thiên truyện đẹp đẽ này cũng không quên nhấn mạnh sự khắc nghiệt, chông gai của hiện thực lịch sử, xã hội.

Truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên được biết đến như cuốn “từ điển sống”, “bức chân dung”, là “bách khoa thư” về đời sống tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên trong quá khứ, của “thời đại lịch sử” một đi không trở lại. Qua truyện cổ tích và sử thi, chúng ta hiểu hơn về lịch sử, văn hóa con người Tây Nguyên. Vì truyện cổ tích và sử thi vừa là văn học vừa là văn hóa; là tín ngưỡng, phong tục tập quán, tư duy, lối sống,... Truyện cổ tích và sử thi “sống” cho đến ngày nay là bởi chúng “sâu rễ bền gốc” trong đời sống các dân tộc Tây Nguyên. Hiện thực đời sống với những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lối sống,... chính là môi trường sinh thành, nảy nở những câu chuyện cổ tích, những thiên sử thi độc đáo, hấp dẫn.

Với hàng trăm truyện kể khác nhau, nhưng điểm chung của truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi anh hùng Tây Nguyên là vai trò chủ đạo, sự nổi bật của nhân vật dũng sĩ. Trong bức tranh nhân vật đông đúc, nhiều màu sắc, nhân vật người dũng sĩ luôn giữ vị trí trung tâm. Tất cả các sự cố, sự kiện, tình tiết truyện đều tập trung soi sáng cho nhân vật này. Thông qua thế giới nhân vật ấy, cuộc sống đời thường cũng như ước mơ, khát vọng của con người Tây Nguyên được khắc họa rõ nét. Cốt lõi tạo nên kiểu truyện dũng sĩ và sử thi là nhân vật người dũng sĩ - nhân vật trung tâm trong hệ thống nhân vật của các thiên truyện. Đó là những dũng sĩ nơi chiến trận - với vẻ

đẹp toàn mỹ, tài năng “lay trời chuyển đất”, sức khỏe hơn người, tài khiên đao, lòng dũng cảm, rất thông minh, mưu trí. Dũng sĩ là con người luôn xả thân chiến đấu, hi sinh để bảo vệ sự bình yên, đem lại sự giàu mạnh cho cả cộng đồng. Họ là niềm tự hào, hãnh diện của buôn làng bởi những chiến công, kỳ tích phi thường. Đồng thời, họ cũng là những anh hùng văn hóa, dẫn đầu công cuộc lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ cuộc sống yên vui, thịnh vượng và hùng mạnh của cộng đồng, bộ tộc.

3. Về thi pháp, kết cấu cốt truyện và các biện pháp miêu tả đặc trưng là phương tiện quan trọng trong việc khắc họa hình tượng nhân vật dũng sĩ của truyện cổ tích và sử thi Tây Nguyên

Đối với loại hình tự sự dân gian, cốt truyện và kết cấu cốt truyện là yếu tố hàng đầu trong việc làm nổi bật chủ đề tác phẩm, đặc biệt là tính cách, số phận nhân vật chính. Với truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi Tây Nguyên, trải qua quá trình lâu dài lưu truyền, hoàn thiện đã hình thành nên những mô thức kết cấu cốt truyện mang tính truyền thống, hướng đến việc làm nổi bật hình tượng con người tài ba, can đảm, dũng khí hơn người, luôn giành thắng lợi trong các cuộc chiến. Tiêu biểu là diễn trình cốt truyện “ba giai đoạn”, theo “trình tự thời gian” và phần lớn là “kết thúc có hậu”. Số truyện kết thúc mang tính “ngoại lệ”, tức “không có hậu” và không hoàn toàn có hậu”, tuy chiếm số lượng nhỏ, nhưng mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, góp phần tạo nên sự đa dạng về thi pháp cốt truyện dân gian nói chung. Ở cấp độ sự cố, sự kiện, tình tiết làm nên kết cấu và diễn trình cốt truyện là hệ thống những motif đặc trưng như motif “diệt quái vật”, “đánh tù trưởng láng giềng”, “thuần phục hoang thú”, “phá đá lớn”, “chặt cây to”, “băng rừng”, “vượt biển”,... Về phương diện cốt truyện, truyện cổ tích dũng sĩ và sử thi là những câu chuyện về sự nghiệp vẻ vang, cao cả và chiến công, kỳ tích của nhân vật anh hùng, dũng sĩ.

Gắn liền với cốt truyện, tác giả dân gian đã thể hiện sự tìm kiếm, chọn lựa những cách thức miêu tả phù hợp để tô đậm hình tượng người dũng sĩ. Đó là các biện pháp miêu tả đặc trưng như: so sánh, ví von; phóng đại, cường điệu hóa; lặp lại,... Những biện pháp này được đúc kết thành các “công thức”, “motif ngôn ngữ” quen thuộc, có thể sử dụng trong nhiều câu chuyện, tình huống, nhân vật,... khác nhau.

Có thể nói, giữa nội dung (thể hiện qua các đề tài, chủ đề, nhân vật,...) và thi pháp của truyện cổ tích và sử thi luôn có sự đan kết, thống nhất. Các khía cạnh thi pháp cốt truyện, biện pháp miêu tả trực tiếp đều tập trung khuyến khích tương tâm với các “thiên anh hùng ca” về phẩm chất cao đẹp, chiến tích phi thường trong cuộc chiến “trừ gian diệt ác” cam go của nhân vật dũng sĩ. Nhân vật anh hùng, dũng sĩ là biểu tượng con người cao đẹp, lý tưởng mà văn học dân gian, cổ truyền vùng đất Tây Nguyên đã vươn tới được.

4. Việc tìm hiểu, nghiên cứu đặc điểm nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi các dân tộc thiểu số Tây Nguyên được chúng tôi xác định là vấn đề lớn, phức tạp

Để bao quát một cách đầy đủ, hệ thống tài liệu nghiên cứu cũng như các nội dung, khía cạnh cần phân tích, lí giải về đối tượng nghiên cứu, đòi hỏi tác giả luận án phải thực sự có kiến thức vừa rộng vừa chuyên sâu. Và vì thế, trong điều kiện thời gian và năng lực có hạn, dù đã nỗ lực hết mình, chúng tôi vẫn biết công trình của mình chưa thể đáp ứng mọi khía cạnh cần thiết của đề tài nghiên cứu. Rất mong được Hội đồng thẩm định, đánh giá luận án tiếp tục góp ý kiến để chúng tôi bổ sung và hoàn thiện luận án trong điều kiện có thể.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

- Đàm Thị Thắm. (2015). *Sự tích về cao nguyên Lang Bian* (tr.10 - 11); *Khái quát về tục ngữ, ca dao - dân ca tỉnh Lâm Đồng*, tr.16 - 24. Tài liệu dạy học Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí địa phương tỉnh Lâm Đồng. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đàm Thị Thắm. (2017). *Kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ Cơ - ho*, tr.336 - 349. *Ngữ văn và văn hóa học những điểm nhìn*. Dương Hữu Biên (Chủ biên). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ISBN: 978-604-73-5693-5).
- Đàm Thị Thắm. (2019). *Phẩm chất và chiến công của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ Mạ và K'ho*, tr.112 - 120. *Nghiên cứu văn học và văn hóa theo loại hình*. Lê Hồng Phong (Chủ biên). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ISBN: 978-604-73-7338-3).
- Đàm Thị Thắm - Nguyễn Tuyết Nga (2019). *Phương pháp dạy - học kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Cơ - ho thuộc Chương trình Ngữ văn địa phương tỉnh Lâm Đồng*. *Tạp chí quản lý giáo dục*, 5, tr.87 - 93. Học viện quản lý Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội (ISSN: 1859-2910).
- Đàm Thị Thắm. (2020). *Đặc điểm nhân vật chức năng trong truyện cổ Mạ và K'ho*. *Tạp chí quản lý giáo dục*, 7, tr.58 - 62. Học viện quản lý Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội (ISSN: 1859-2910).
- Đàm Thị Thắm. (2020). *Một số motif đặc thù trong sử thi Tây Nguyên*. *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội*. Số 11 - KHXH Việt Nam, tr.72 - 80 (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: ISSN: 2354-1067. 2020).
- Đàm Thị Thắm. (2022). *Nhân vật nữ dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi một số dân tộc thiểu số Tây Nguyên*, *Tạp chí khoa học Đại học Đà Lạt*. Tập 12, Số 4, tr.31 - 44. (Khoa học Xã hội và nhân văn: ISSN: 0866-787X).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

SÁCH, TẠP CHÍ

- Ngọc Anh. (1964). Tinh thần dũng cảm của nhân dân Tây Nguyên qua một số trường ca và truyện cổ Tây Nguyên. *Tạp chí Văn học*, 8.
- Nguyễn Thị Ngọc Anh, Touneh Nai Chanh, Phan Xuân Viện (sưu tầm và biên soạn). (2006). *Truyện cổ Chu Ru*, NXB Văn nghệ.
- Phan Quốc Anh. (2007). *Văn hóa Raglai những gì còn lại*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Phan Quốc Anh. (2010). *Văn hóa Raglai*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Vương Anh. (chủ biên) (1997). *Mơ sử thi dân tộc Mường*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Ph. Ăng - Ghen. (1995). *Nguồn gốc gia đình của chế độ tư hữu và nhà nước. C. Mác và Ph. Ăng - Ghen toàn tập*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia và Sự thật.
- L. Aristote. (1997). Nghệ thuật thơ ca. (Lê Đăng Bảng, Thành Thế Thái Bình, Đỗ Xuân Hà, Thành Thế Yên Bái dịch). *Tạp chí Văn học nước ngoài*, 1, tr. 180-221.
- Lại Nguyên Ân. (biên soạn) (1999). *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Thúy Ba. (dịch) và Phan Văn Ngọc (giới thiệu) (1978). *Sử thi Ramayana* Tập 1,2,3. Hà Nội: NXB Văn học.
- Trương Bi và Y Thih (1997). *Truyện cổ Ê Đê*, tập 1, 2. Dak Lak: Sở Văn hóa - Thông tin Dak Lak.
- Trương Bi và Kna Y Won. (sưu tầm và biên soạn) (2002). *Dăm Tiông*. Dak Lak: Sở Văn hóa - Thông tin Dak Lak.
- Trương Bi và Kna Y Won. (2002). *Dăm Trao, Dăm Rao* (Anh em Dăm Trao, Dăm Rao). Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Trương Bi. (2007). *Văn học dân gian Ê Đê, M Nông*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Trương Bi. (sưu tầm và biên soạn) (2013). *Sự tích con voi trắng*. Hà Nội: NXB Thời đại.
- Ngô Vĩnh Bình. (sưu tầm). (1981). *Truyện cổ Xê Đăng*. Hà Nội: NXB Văn hóa.

- Trần Văn Bính. (Chủ biên) (2004). *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Phan Xuân Biên. (Chủ biên) (1998). *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Hà Châu. (1972). Về đặc điểm thẩm mỹ của truyện cổ tích thần kì ở Việt Nam. *Tạp chí Văn học*, 5.
- Nông Quốc Chân (2002), *Tính thống nhất mà đa dạng của văn nghệ các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Đông Chi. (1974). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, 2, 3. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đông Chi. (1975). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 4. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Đào Tử Chí. (1959). *Bài ca chàng Đăm San*. Hà Nội: NXB Văn hóa.
- Phan Ngọc Chiến. (2005). *Người Koho ở Lâm Đồng*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Nguyễn Việt Chữ. (2008). *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (Theo loại thể)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Cầm Cường. (1986). *Truyện dân gian Thái*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Dambo. (1950). *Miền đất huyền ảo*. (Nguyễn Ngọc dịch). Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn Văn Dân. (2000). *Lí luận văn học so sánh*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Chu Xuân Diên. (1960). Tìm hiểu giá trị bài ca Đăm Săn. *Tập san Nghiên cứu Văn học*.
- Chu Xuân Diên. (1995). *Văn hóa dân gian, (folklore) và phương pháp nghiên cứu liên ngành*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Tổng hợp TP. HCM.
30. Chu Xuân Diên. (2008). *Nghiên cứu văn hóa dân gian - Phương pháp - Lịch sử - Thể loại*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Ngô Văn Doanh. (1995). *Lễ hội bỏ mả bắc Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hoá Dân tộc.
- L. M. Pierre Dourisboure. (1972). *Dân làng Hồ*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Sài Gòn.
- Võ Thị Thùy Dung. (2007). *Đặc điểm nữ nhân vật trong sử thi Tây Nguyên*. (Luận văn Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam), Lâm Đồng: Trường Đại học Đà Lạt.

- Nguyễn Tiến Dũng. (2018). Đặc điểm nghệ thuật nhóm sử thi Dăm Giông. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Thị Hoàng,
- Nguyễn Văn Chính, Phùng Văn Tửu. (2012). *Văn học phương Tây*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Tấn Đắc. (2001). *Truyện kể dân gian, đọc bằng Type và Motif*. Hà Nội: NXB Khoa học và Xã hội.
- Nguyễn Tấn Đắc. (2005). *Văn hóa xã hội và con người Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Y Diêng và Ngọc Anh. (1963). *Trường ca Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Y Diêng và Y Ông và các tác giả khác. (sưu tầm) (1983). *Xing Nhã, Dăm Di - hai bản trường ca của người Êđê và Giarai*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Y Diêng và Hoàng Thao. (sưu tầm - biên soạn) (1978). *Truyện cổ Ê - Đê*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Cao Huy Đình. (1963). Dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á. *Tạp chí Văn học*, 6, tr.84 - 93.
- Cao Huy Đình. (1969). *Người anh hùng làng Dóng*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Cao Huy Đình. (1976). *Tìm hiểu tiến trình Văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Cao Huy Đình và Phạm Thúy Ba. (dịch) (1979). *Sử thi Mahabharata*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Hữu Đức. (1995). Hình tượng dũng sĩ chống áp bức trong truyện cổ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 1, tr. 42 - 48.
- Nguyễn Hữu Đức. (2016). *Hình tượng dũng sĩ chống áp bức trong truyện cổ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Y Đứp và Nông Phúc Tước. (1979). *Dăm Di đi săn*. Hà Nội: NXB Văn hóa.
- Mạc Đường. (1983). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*. Lâm Đồng: Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng.
- E. M. Mê-lê-tin-xki. (1974). Về nguồn gốc sử thi anh hùng, (Lê Sơn dịch). *Tạp chí*

văn học, 1, tr.122 - 125.

V. Guxep. (1999). *Mỹ học folklore*. (Hoàng Ngọc Hiến dịch). Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.

La Mai Thi Gia. (2008). Nghiên cứu motif tái sinh trong truyện kể dân gian các dân tộc Việt Nam theo hướng cấu trúc, chức năng, *Tạp san Khoa học Xã hội*, Trường ĐHKHXH&NV. TP. HCM.

La Mai Thi Gia. (2013). Nghiên cứu motif truyện kể dân gian trên bình diện mối quan hệ giữa motif và cốt truyện. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 7, tr. 101 - 112.

Hà Giao. (Sưu tầm). Hà Giao và Đinh Lưu. (Biên dịch) (2010). *Hoamon Bahnar Giolong*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.

Hà Giao. (sưu tầm, biên soạn) (2012). *Sử thi Bahnar Kriêm - Bahnar Konkđen*. Hà Nội: NXB Lao động.

Nguyễn Thị Bích Hà. (1998). *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Phạm Thị Hà và Tô Ngọc Thanh. (1985). *Đăm Noi*. Hà Nội: NXB Văn hóa.

Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi. (đồng chủ biên) (2004). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Cao Sơn Hải. (2018). *Sử thi Đẻ đất đẻ nước một hướng tiếp cận*. NXB: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Hegel. (1999). *Mỹ học*. Tập 1, (Phan Ngọc dịch). Hà Nội: NXB Văn học.

Hegel. (1999). *Mỹ học*. Tập 2, (Phan Ngọc dịch). Hà Nội: NXB Văn học.

Phan Thu Hiền (1999), *Sử thi Ấn Độ Mahabharata*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Phan Thu Hiền - Trần Kiêm Hoàng (2009), “Awoi Nãi Tilor - Một sử thi Raglai độc đáo”, Quyển 1- Awoi Nãi Tilor, tr.9-15.

Nguyễn Thị Kim Hoa. (Chủ biên). Lê Mô YNga, Trương Hoàng Thạch, Nay YBan, Kso YLôi (Sưu tầm, biên soạn) (2005). *Sử thi Ê-đê KĐăm Đrôăl*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.

Phạm Văn Hóa. (2010). Những chàng trai Tây Nguyên trong sử thi. *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, 2.

Nguyễn Văn Hoàn. (Chủ biên) (1988). *Đăm Săn sử thi Ê - đê*. Hà Nội: NXB Khoa

- học Xã hội.
- Trần Kiêm Hoàng và Chamaliaq Riya Tiênq. (2010). *Truyện cổ Raglai*. Hà Nội: NXB Dân trí.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm, biên soạn và dịch) (1996). *Giông nghèo tám vợ, Tre Vắt ghen ghét Giông*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm, biên dịch) (1999). *Giờ dòi (Giờ hrai), Giông đi săn (Jông bôk loa)*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm) (2001). *Giông, Giờ đánh giặc từ thửa bé*. TLCXB.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm và dịch) (2002). *Giông, Giờ mô coi từ thửa bé*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
- Phan Thị Hồng. (2006). *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Phan Thị Hồng. (2008). Mối quan hệ giữa sử thi Tây nguyên với truyện cổ tích, truyền thuyết thông qua một số motif. *Thông báo khoa học*. Lâm Đồng: Kỷ niệm 50 năm thành lập Trường Đại học Đà Lạt, (tr. 260 - 269).
- Phan Thị Hồng. (2010). *Giáo trình Sử thi Tây Nguyên*. (Lưu hành nội bộ). Lâm Đồng: Trường Đại học Đà Lạt.
- Phan Thị Hồng. (Báo cáo khoa học) (2012). Văn hóa mẫu hệ M'ông và sự tác động của nó đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội tại Đắk Nông hiện nay. *Báo cáo khoa học*. Đắk Nông: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Phan Thị Hồng. (Báo cáo khoa học) (2012). Tín ngưỡng, tôn giáo tại tỉnh Đắk Nông hiện nay. Đắk Nông: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Phan Thị Hồng. (2013). *Những câu chuyện bên bờ sông Dakbla*. Hà Nội: NXB Thời đại.
- Phan Thị Hồng. (chủ nhiệm đề án) (2016). *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên*. TLCXB.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm, dịch, chú thích và giới thiệu) (2017). *Giông mài đao, Chàng Kram Ngai*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Phan Thị Hồng. (sưu tầm, giới thiệu) (2017). *Giông thử thách*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Phan Thị Hồng. (2017). Nhân vật anh hùng sử thi Tây Nguyên - con người của chiến

- công, kì tích. *Nghiên cứu văn học*, 11, tr. 48 - 61.
- Nguyễn Thị Huệ. (1999). *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Thị Huệ. (2012). *Từ điển Type truyện dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Lao động.
- Lưu Hùng. (1996). *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Nguyễn Việt Hùng. (2000). Nghi lễ trưởng thành và kiêu truyện dũng sĩ -qua việc khảo sát tập Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên. *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, 4.
- Nguyễn Việt Hùng. (2008). Bàn về thuộc tính loại hình sử thi ở Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 1, tr.69 - 78.
- Nguyễn Việt Hùng. (2009). Người phụ nữ và xã hội mẫu hệ trong sử thi Tây Nguyên. (*trường hợp ot ndrong của người Mơ Nông*). *Tạp chí khoa học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, số Chuyên đề, tr.24 - 33.
- Vũ Hùng. (sưu tầm, biên soạn) (1986). *Truyện cổ Xơ Đăng*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
- Thu Hương. (2006). *Truyện cổ Cơ - Ho*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Phạm Đăng Xuân Hương. (2007). Sự ra đời thần kì của người anh hùng trong sử thi - khan Êđê. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 2, tr.31 - 39.
- Nguyễn Xuân Kính, Lê Ngọc Canh, Ngô Đức Thịnh. (Tuyển chọn và biên tập) (1989). *Văn hóa dân gian - những lĩnh vực nghiên cứu*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Xuân Kính. (2006). Quá trình sưu tầm và nhận thức lý luận đối với sử thi ở Việt Nam. *Nghiên cứu văn học*, 1, tr.3 - 17.
- Nguyễn Xuân Kính. (Chủ biên), Nguyễn Xuân Kính, Vũ Quang Dũng, Vũ Hoàng Hiếu, (Biên soạn) (2009). *Sử thi Xơ Đăng Duông đi theo thần Tung Gur*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Xuân Kính. (Chủ biên). Nguyễn Xuân Kính, Vũ Quang Dũng, Vũ Hoàng Hiếu, (Biên soạn) (2014). *Sử thi Xơ Đăng Duông làm thủ lĩnh (Quyển 3)*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

- Đỗ Hồng Kỳ. (1992). Vũ trụ quan và một số tín ngưỡng ở người Êđê, M'ông. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 5, tr.16 - 19.
- Đỗ Hồng Kỳ. (1993). *Sử thi cổ sơ M'ông*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Đỗ Hồng Kỳ. (1996). *Sử thi thần thoại M'ông*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Đỗ Hồng Kỳ. (2008). *Văn học dân gian Ê Đê, Mơ Nông*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Đỗ Hồng Kỳ. (2010). Về thể loại sử thi thần thoại ở Tây Nguyên. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 3, tr.12.
- Đỗ Hồng Kỳ và Điều Kâu. (2012). *Sử thi thần thoại M'Nông*. Tập 1. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Đỗ Hồng Kỳ. (2015). *Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của kho tàng sử thi Mơ Nông, Ê Đê*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Linh Nga Nie Kđăm và Y Khem. (1999) (sưu tầm, dịch). *Đăm Săn thời thơ ấu*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Linh Nga Niê Kdam. (2005). *Trường ca, sử thi trong môi trường văn hóa dân gian Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Linh Nga Niê Kdam. (2014). *Già làng và trường ca sử thi trong văn hóa Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Đình Gia Khánh. (1968). *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Đình Gia Khánh. (Chủ biên). Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1997). *Văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Vũ Ngọc Khánh. (2003). *Văn hóa dân gian*. Nghệ An: NXB Nghệ An.
- Nguyễn Văn Khoa. (1978). *Anh hùng ca của Hômerơ*. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Đình Trọng Lạc. (1998). *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đình Trọng Lạc. (1999). *Phong cách học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hải Liên và Sử Văn Ngọc. (2010). *Hát kể truyện cổ RagLai*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.

- Ka Sô Liêng và Nguyễn Văn Giai. (sưu tầm, giới thiệu) (2012). *Trường ca các dân tộc Ba Na, ÊĐê, H'Rê: Xinh Chi Ôn, Chi Lơ Kok, Đham Ta Yoong*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Trần Gia Linh. (1980). Vai trò của người phụ nữ khai sáng đất nước và dân tộc trong truyền thuyết dân gian. *Tạp chí văn học*, 2.
- Đặng Văn Lung và Sông Thao. (1999). *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam. Tập 5*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hồng Lý. (2011). Khan sử thi Ê - đê là bức tranh toàn cảnh của tộc người Ê - đê cổ truyền. *Tạp chí Văn học nghệ thuật quân đội*.
- Lê Hồng Lý. (2008). Đi tìm sử thi ở Lâm Đồng. *Tạp chí Văn hóa dân gian*. 6.
- Lê Thị Thùy Ly. (2007). So sánh chiến trận trong sử thi cổ Tây Nguyên và sử thi cổ đại Hilap Iliat. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 5, tr. 31 - 34.
- Trương Hiên Mai - Nguyễn Thị Bạch Cúc - Sử Văn Ngọc - Trương Tôn (sưu tầm, biên dịch) (2012), *Truyện cổ Chăm*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Phan Thị Miến. (dịch) (1966). *Ôđixê*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Phan Thị Miến. (dịch) (2001). *Iliat và Ôđixê*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Vũ Thị Hằng Nga. (2012). Triết lý sống của các dân tộc Tây Nguyên qua một số sử thi. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 8, tr. 65 - 70.
- Tăng Kim Ngân (1983). Nghiên cứu phôncolo theo típ và mô típ. *Tạp chí Văn hóa dân gian*.
- Tăng Kim Ngân. (1994). *Cổ tích thần kì người Việt đặc điểm cấu tạo cốt truyện*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Ngọc. (1986). *Qua Đẻ đất, đẻ nước ta thấy cả một nền văn hóa cổ đại Việt - Mường*, Tập I. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, tr. 461 - 480.
- Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Ngọc Côn, Nguyễn Nghĩa Dân, Lý Hữu Tấn, Hoàng Tiên Tựu, Đỗ Bình Trị, Lê Trí Viễn (1978). *Lịch sử Văn học Việt Nam, Tập 1, Văn học dân gian*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Lữ Huy Nguyên và Đặng Văn Lung. (biên soạn) (2018). *100 truyện cổ tích Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn Thị Nhàn. (2009). *Thi pháp cốt truyện - Truyện thơ Nôm và Truyện Kiều*.

Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

- Phan Đăng Nhật. (1991). *Sử thi Êđê*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Đăng Nhật. (1993). *Sử thi thần thoại Mơ Nông*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Đăng Nhật. (1999). *Vùng sử thi Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Đăng Nhật. (2001). *Nghiên cứu Sử thi Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Đăng Nhật. (2003). Thuộc tính cơ bản của sử thi. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 5, tr.3 - 21.
- Phan Đăng Nhật. (2011). *Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số - Những giá trị đặc sắc, Tập 1: Một số thành tố văn hóa dân gian*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Phan Đăng Nhật. (2011). *Văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số - Những giá trị đặc sắc, Tập 3: Sử thi*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Phan Đăng Nhật. (2013). *Sử thi Mường - Đẻ đất đẻ nước*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Phan Đăng Nhật. (2013). *Sử thi Thái - Khũn Chường*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Bùi Mạnh Nhị. (Chủ biên) (1999). *Văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nhiều tác giả. (1965). *Truyện cổ Ba - na*, Tập 1. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nhiều tác giả. (1976). *Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa.
- Nhiều tác giả. (1963). *Trường ca Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nhiều tác giả. (1983). *Từ điển Văn học*, Tập I, A - M. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nhiều tác giả *Từ điển văn học*. (1983), Tập I. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả *Từ điển văn học*. (1984), Tập II. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả. (1984). *Từ điển Văn học*, Tập II, N - Y. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nhiều tác giả, Nguyễn Xuân Kính, Lê Ngọc Canh, Ngô Đức Thịnh. (Tuyển chọn và biên tập) (1989). *Văn hóa dân gian những lĩnh vực nghiên cứu*, Hà Nội: NXB

Khoa học Xã hội.

- Nhiều tác giả. (1991). *Homere, Sử thi Ấn Độ, Thơ Tagore*. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Khánh Hòa. TP. HCM.
- Nhiều tác giả. (1996). *Văn học dân gian Gia Lai*. Gia Lai: Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao.
- Nhiều tác giả. (1998). *Sử thi Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả. (1999). *Địa chí Gia Lai*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2001). *Địa chí Lâm Đồng*. Lâm Đồng: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2004). *Từ điển văn học (bộ mới)*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Thế giới.
- Nhiều tác giả. (2005). *Sử thi Ê Đê*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2005). *Kho tàng sử thi Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả. (2006). *Kho tàng sử thi Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả. (2007). *Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2011). *Địa chí Đắk Nông*. Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa.
- Nhiều tác giả. (2011). *So sánh folklore*. Hà Nội: NXB Thanh niên.
- Nhiều tác giả. (2012). *Truyện cổ Chăm*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2012). *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2012). *Sử thi Ê - đê KĐăm ĐRoăl, Y'Khing Jù - H'Bria Jú Yáo*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nhiều tác giả. (2015). *Địa chí Đắk Lắk*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Nhơn. (1983). *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Võ Quang Nhơn. (1997). *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Buôn KRông Thị Tuyết Nhung. (2010). *Văn hóa mẫu hệ qua sử thi Ê Đê*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- On - ric. (1984). Quy luật sử thi của tự sự dân gian. *Tạp chí Văn học*. 3, tr.170 - 177.
- V. Ia. Propp. (1985). *Folklore và thực tại*. (Chu Xuân Diên dịch). Hà Nội: NXB Văn hóa Dân gian.

- V. Ia. Propp. (2003). Hình thái học truyện cổ tích thần kỳ Nga. (Chu Xuân Diên dịch). Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Vũ Ngọc Phan. (1975). *Truyện cổ dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Lê Trường Phát. (2000). *Thi pháp văn học dân gian*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Lê Phong và Phan Đông. (1995). Nhân vật mang lốt trong truyện cổ Trường Sơn - Tây Nguyên. *Tạp chí Lang Bian*, 5, tr.89 - 91.
- Lê Phong. (1996). Thử so sánh truyện cổ Việt và truyện cổ Tây Nguyên. *Tạp chí Lang Bian*, 10, tr.63 - 65.
- Lê Hồng Phong. (2005). *Tìm hiểu truyện cổ Tây Nguyên (Trường hợp Mạ và K'ho)*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Lê Hồng Phong. (Chủ biên) (2015). *Nghiên cứu Folklore theo hướng tiếp cận liên ngành*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Lê Hồng Phong. (2016). Truyện cổ Tây Nguyên và truyện cổ Đông Nam Á một số motif chung. *Tạp chí Khoa học*. Trường Đại học Đà Lạt, 1, Tập 6, tr.50 - 60.
- Lê Hồng Phong. (Chủ biên) (2019). *Nghiên cứu Văn học và Văn hóa theo loại hình*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Lê Chí Quế. (1985). V. I. Prôp và phương pháp nghiên cứu phoncolo theo so sánh loại hình lịch sử. *Tạp chí Văn hóa dân gian*.
- Lê Chí Quế. (1986). Phương pháp loại hình học trong khoa văn học dân gian và mối liên hệ với các trường phái thế kỉ XIX. *Tạp chí Văn hóa dân gian*.
- Lê Chí Quế. (2001). *Văn hóa dân gian - Khảo sát và nghiên cứu*, Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Sakaya. (Chủ biên). Sử Văn Ngọc, Tạ Yên Thị Marong, Gia Trang. (cộng tác viên), (2018). *Sử thi Ra Glai Chàng Kei Kamao & Cei Balaok Li - u*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Nguyễn Minh San. (1993). Quanh hiện tượng văn hóa “Vua Lửa” ở Tây Nguyên. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, 2, tr.70 - 75.
- Nguyễn Thế Sang, Chamaliaq Riya Tiêng, Điều Kâu, Tấn Vịnh. (2012). *Sử thi Raglai và M'ông*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Hoàng Sơn. (2010). *Người Chu - Ru ở Lâm Đồng*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.

- Phùng Sơn. (2016). *Mỹ thuật dân gian và truyền thuyết, truyện cổ của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Kom Tum*. Hà Nội: NXB Mỹ thuật.
- Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Lâm Đồng. (2004). *Truyện cổ tích Mạ - K'Ho*.
- Nguyễn Hồng Sơn. (1996). *Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần Đình Sử. (1993). *Giáo trình Thi pháp học*. Trường Đại học Sư phạm TP. HCM.
- Trần Đình Sử. (2008). *Tự sự học - Một số vấn đề lý luận và lịch sử (Phần 2)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Lâm Tuyên Tĩnh. (1987). *Sự tích Lang Bian. Truyện cổ các dân tộc thiểu số Lâm Đồng*. Lâm Đồng: Sở Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Quang Tuệ. (2008). Môi trường và nghệ thuật diễn xướng sử thi Ba Na. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 2, tr.29 - 37.
- Nguyễn Quang Tuệ. (2014). *Sử thi Bahnar*, Quyển 1. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Quang Tuệ. (sưu tầm) (2014). *Giông Trong Yuăn*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Trương Thông Tuấn. (sưu tầm, giới thiệu) (2016). *Truyện cổ M'Nông*, Tập 1. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Trương Thông Tuấn. (Sưu tầm, giới thiệu) (2016). *Truyện cổ M'Nông*, Tập 2. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.
- Vũ Anh Tuấn. (2008). *Một số phạm trù tự sự học qua khảo sát thế giới nghệ thuật sử thi Raglai, Trong sách tự sự học, một số vấn đề lý luận và lịch sử*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Vũ Anh Tuấn. (Chủ biên). Vũ Anh Tuấn, Vũ Quang Dũng (Biên soạn) (2014). *Sử thi Raglai*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Hạnh Xuân Thảo và Trương Bình Nguyên. (1987). Dững sĩ Lang và nàng Bian. *Tạp chí Lang Bian*, tr.31 - 34.
- Tô Ngọc Thanh. (Chủ biên). Đặng Nghiêm Vạn, Phạm Hùng Thoan, Vũ Thị Hoa (1988). *Fôn - Clo Bahnar*. Hà Nội: NXB Mỹ thuật.
- Đàm Thị Thắm. (2015). *Sự tích về cao nguyên Lang Bian* (tr.10 - 11); *Khái quát về*

- tục ngữ, ca dao - dân ca tỉnh Lâm Đồng*, tr.16-24. Tài liệu dạy học Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí địa phương tỉnh Lâm Đồng. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đàm Thị Thắm. (2017). *Kiểu nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ Cơ - ho*, tr.336 - 349. Ngữ văn và văn hóa học những điểm nhìn. Dương Hữu Biên (Chủ biên). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ISBN: 978-604-73-5693-5).
- Đàm Thị Thắm. (2019). *Phẩm chất và chiến công của nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ Mạ và K'ho*, tr.112 - 120. Nghiên cứu văn học và văn hóa theo loại hình. Lê Hồng Phong (Chủ biên). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ISBN: 978-604-73-7338-3).
- Đàm Thị Thắm và Nguyễn Tuyết Nga (2019). Phương pháp dạy - học kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Cơ - ho thuộc Chương trình Ngữ văn địa phương tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí quản lý giáo dục*, 5, tr. 87 - 93. Học viện quản lý Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội (ISSN: 1859-2910).
- Đàm Thị Thắm. (2020). Đặc điểm nhân vật chức năng trong truyện cổ Mạ và K'ho. *Tạp chí quản lý giáo dục*, 7, tr.58 - 62. Học viện quản lý Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội (ISSN: 1859-2910).
- Đàm Thị Thắm. (2020). Một số motif đặc thù trong sử thi Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội*, 11 - KHXH Việt Nam, tr. 72 - 80 (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: ISSN: 2354-1067. 2020).
- Đàm Thị Thắm. (2022). Nhân vật nữ dũng sĩ trong truyện cổ tích và sử thi một số dân tộc thiểu số Tây Nguyên, *Tạp chí khoa học Đại học Đà Lạt*, 4 (Tập 12), tr.31 - 44. (Khoa học Xã hội và nhân văn: ISSN: 0866-787X).
- Y Thi. (1988). *Truyện cổ M'ông*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Ngô Đức Thịnh. (1992). *Văn hóa dân gian Ê đê*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Ngô Đức Thịnh. (2007). *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ, TP. HCM.
- Ngô Đức Thịnh. (2008). Tính thống nhất và đa dạng của sử thi Tây Nguyên. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, tr.7 - 15.
- Ngô Đức Thịnh. (2010). *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

- Nguyễn Tuấn Triết. (2007). *Tây Nguyên những chặng đường lịch sử - văn hoá*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Tạ Văn Thông và Võ Quang Nhơn. (sưu tầm biên soạn) (1984). *Truyện cổ Cơ - ho*. Hà Nội: NXB Văn hóa, Hà Nội.
- Đặng Thái Thuyên. (1985). Phân tích truyện cổ tích thần kì từ bản chất phoncolo của nó. *Thông báo Khoa học*. Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội I.
- Nguyễn Ngọc Thường. (1987). Về mối quan hệ giữa mô típ và cốt truyện. *Tạp chí Văn học*.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2005). *Sử thi Ba Na Giông làm nhà mồ*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng và Phạm Cao Đạt. (sưu tầm) (2006). *Sử thi Ba Na Giông cứu nàng Rang Hu, Giông đi tìm vợ*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2006). *Sử thi Ba Na Giông đạp đổ núi đá cao ngất*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2006). *Sử thi Ba Na Giông cứu đói dân làng mọi nơi, Giông leo mía thần*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng và Lưu Danh Doanh. (sưu tầm) (2006). *Sử thi Xơ Đăng Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ, Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2007). *Sử thi Ba Na Giông đi đòi nợ, Giông giết sư tử cứu làng Sét*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2007). *Sử thi Ba Na Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng, Giông bọc trứng gà*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2007). *Sử thi Xơ Đăng Dăm Duông hóa cọp, Dăm Duông trong lốt ông già*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Quang Trọng. (sưu tầm) (2009). *Sử thi Xơ Đăng Duông làm thủ lĩnh, Duông làm nhà Rông*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Vương Trung. (2012). *Chương Han*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên*. (1985), Tập I. Hà Nội: NXB Văn học.

- Truyện cổ các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên.* (1986), Tập II. Hà Nội: NXB Văn học.
- Truyện cổ Xê Đăng.* (1979). Hà Nội: NXB Văn hóa.
- Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam.* (1994), Tập I. Hà Nội: NXB Văn học.
- Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam.* (1995), Tập II. Hà Nội: NXB Văn học.
- Truyện cổ Tây Nguyên.* (1996). Hà Nội: NXB Kim Đồng.
- Truyện cổ tích Mạ - K'ho.* (2003). Lâm Đồng: Sở Văn hóa Thông tin.
- Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên.* (2011). Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.
- Truyện cổ M'Nông.* (2016). Tập I, II. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Đặng Nghiêm Vạn, Cẩm Trọng và tác giả khác. (1981). *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum.* Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Xuân Viện, Nguyễn Văn Huệ, Lưu Quang Kha, Nguyễn Văn Phổ, Đinh Lê Thu. (2006). *Truyện cổ Mơ Nông.* Hà Nội: NXB Văn nghệ.
- Phan Xuân Viện, Lê Khắc Cường, Phan Văn Dốp, Nguyễn Văn Huệ. (2006). *Truyện cổ Raglai.* Hà Nội: NXB Văn nghệ.
- Phan Xuân Viện. (2010). *Truyện kể dân gian các tộc người Nam Đảo.* Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Xuân Viện. (2018). Nghiên cứu so sánh truyện dân gian của hai nhóm tộc người Mã lai Đa đảo và Môn Khmer ở Trường Sơn - Tây Nguyên. *Luận án Tiến sĩ.* Chuyên ngành Văn học Việt Nam. Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Thái Đắc Xuân. (2004). *Anh hùng Đam Đông.* Thanh Hóa: NXB Thanh Hóa.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên *Sử thi Ê - đê Anh em Klu, Kla.* (2007). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên *Sử thi Ra Glai Awoi Nãi Tilor.* (2009). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên *Sử thi Ra Glai Udai - Ujàc.* (2004). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên *Sử thi Ra Glai Amã ChiSa, Amã Cuvau VongCoi.* (2007). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Kho tàng sử thi Tây Nguyên *Sử thi Ra Glai Sa Ea*. (2009). Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

Viện văn học. (2002). *Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Tập 2: Truyện cổ dân gian. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.

WEBSITE

Trần Kiên Hoàng. (19/8/2020). *Văn hóa mẫu hệ của người Raglai qua hệ thống nữ nhân vật trong sử thi Raglai*. Đường dẫn:

<https://camranh.khanhhoa.gov.vn/vi/van-hoc-nghe-thuat/van-hoa-mau-he-cua-nguoi-raglai-qua-he-thong-nu-nhan-vat-trong-su-thi-raglai-1>

Trần Kiên Hoàng. (19/8/2020). *Văn hóa mẫu hệ qua tính cách nữ nhân vật trong sử thi Raglai*. Đường dẫn: <https://camranh.khanhhoa.gov.vn/vi/van-hoc-nghe-thuat/van-hoa-mau-he-qua-tinh-cach-nu-nhan-vat-trong-su-thi-raglai-2>

https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4_t%C3%ADp

Ngô Đức Thịnh. (06/02/2012). *Dấu ấn thần thoại và cổ tích trong sử thi Tây Nguyên*. Đường dẫn: <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Dau-an-than-thoai-va-co-tich-trong-su-thi-Tay-Nguyen-1011>

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHỮNG TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ NHÂN VẬT DŨNG SĨ VÀ SỬ THI ĐƯỢC LỰA CHỌN, THỐNG KÊ LÀM TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

I. TRUYỆN CỔ TÍCH

TT	TÊN TRUYỆN	DÂN TỘC	GHI CHÚ
1	Anh hùng Đam Đông	Ba Na	
2	Anh em chàng Pút		
3	Ba anh em mồ côi		
4	Ba chàng dũng sĩ		
5	Chàng Cua		
6	Chàng Trăng		
7	Gươm ông Tú		
8	Sự tích núi hang cọp		
9	Tyông Vivin		
10	Tyông và lũ người có đuôi		
11	Anh hùng Baraká	Chu Ru	
12	Cha con Tăm Đông		
13	Cậu bé Jard Mah		
14	Hai anh em mồ côi (3)		
15	Ka Chây B'nhoal		
16	Kachây KLăng		
17	Ka Chây Parogáp		
18	Quý râu xanh		
19	Thanh gươm thần		
20	Thần nước Jakia và nàng MaKọ		
21	Anh em chàng Pơ Rông Pha	Ê Đê	
22	Anh em chàng Rít		
23	Ba chàng dũng sĩ		

24	Bảy anh em trai và nàng Arê		
25	Cậu bé cứu dân		
26	Chàng Đam Thí		
27	Chàng Cá Sấu		
28	Chàng Gơ răn Dơ hông		
29	Chàng Y Bút Sin		
30	Chàng Y Rít và khi bảy đầu		
31	Chàng Y Siêm		
32	Đăm K'tia Truôi		
33	H'Bia Ngô		
34	Hơ Kung và Y Du		
35	Hibia Aré		
36	Hai anh em Đăm Di và Đăm Thí		
37	Nung Kuang và bác cháu chàng Rít		
38	Ơ Nan giết cọp		
39	Sự tích dòng Draí H' Ling (Thác nàng H' Ling)		
40	<i>Sự tích Draí Sáp (Thác khói)</i>		
41	Sự tích Ea H' Leo (Suối nàng H' Leo)		
42	Sự tích dòng K'Rông H' Năng (Sông nàng H' Năng)		
43	Truyện H'Bia Yak Yong		
44	Y Kluch chém trăn thần cứu con gái Mtao		
45	Y Tơ lông giết trăn tinh		
46	Y Tăn và Y Măn		
47	Cha con Đăm Bông Pha	Gia Rai	
48	Cây Tông Lôg		
49	Chàng Dơ Lên và nàng Phơ		
50	Chàng Lít		
51	Chàng Niăn		
52	Chiếc quạt thần		

53	Di Ông lấy mặt trời			
54	Đại bàng bị giết			
55	Y Rít giết đại bàng			
56	Cậu bé chăn trâu	Cơ Ho		
57	Cậu bé cứu dân			
58	Cây thần núi Lang Biang			
59	Cổ tích cây đa			
60	Chàng Bầu			
61	Chàng Éch và nàng công chúa út			
62	Chàng K'Pút con thần - mặt trời			
63	Chàng K'Huor dũng cảm			
64	Chàng K'Ho và nàng công chúa Nai Tơ Lúy			
65	Chàng heo K'Sur và chàng K'Drit			
66	Chàng K'Lanh và loài tinh cọp			
67	Chàng Sóc K'Pro			
68	Chàng trai K'Bong Ong			
69	Dòng sông Đa Huoai			
70	Dũng sĩ Lang và nàng Bian			
71	Đứa con của nữ thần Mặt Trời			
72	Hai anh em Kđrun - Kđru			
73	K'Choi và Ma Lêng			
74	K'Lang giết đại bàng			
75	K'Sách và K'Giông đi tìm vợ			
76	Ka Dùng Wài			
77	Nàng Ka Biêng			
78	Nàng Koi Boring			
79	Sự tích núi Lang Biang núi Voi và suối Đa Nhim			
80	Chàng Giông		Mạ	
81	Ka Yiêng đánh giặc			

82	K'Tông, K'Tàng, Kon Jút			
83	Lông và Pu pơ			
84	Nàng Ka Jông và Chàng Cá vàng			
85	Sự tích bãi Tiên			
86	Chàng Chơi	Mnông		
87	Chàng Đăm Bơ Ri			
88	Chàng Piêng giết con rồng			
89	Chàng trai rắn và cô gái Mplét			
90	Chàng Trắng			
91	Chàng Xơ Rơ Đen			
92	Dam Bri			
93	N'Krăk đánh nhau với làng dân Ma Lai			
94	Sự tích cây nêu thần			
95	Sự tích thuần voi			
96	Chàng Amã Ja-riq		Ra Glai	
97	Chàng Chisa			
98	Chàng Jamahluq và chàng Jarumuq			
99	Là và con trăn nước			
100	Tiếng hát của người đá			
101	Ai pọc Thây	Xơ Đăng		
102	Chàng Rôk			
103	Chàng Rơ Rum			
104	Chuyện chàng Xia Thôn			
105	Dũng sĩ Xét			
106	Đăm Đoăn, Đăm Mao			
107	Hai anh em chàng Xét			
108	Nu Ang và Bia Brót			
109	Nữ thần Đăng Giai			

II. SỬ THI

STT	TÊN SỬ THI	DÂN TỘC	GHI CHÚ
1	Bia Lingkoong	Ba Na	
2	Chi Lơ Kok		
3	Dyông Du		
4	Dyông Kman		
5	Dyông Knoa		
6	Dyông Wiwin		
7	Đăm Dyông		
8	Đăm Noi		
9	Đăm Pen		
10	Giông bọc trứng gà		
11	Giông cứu đói dân làng mọi nơi		
12	Giông đập đổ núi đá cao ngất		
13	Giông đi đòi nợ		
14	Giông đi săn		
15	Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng		
16	Giông giết sư tử cứu làng Sét		
17	Giông leo mía thần		
18	Giông nghèo tám vợ		
19	Giông cứu nàng Rang Hu		
20	Giông, Gió mồ côi từ thuở bé		
21	Giông thử thách		
22	Gió dòi		
23	Hai chị em Dyông		
24	Linh Hrik		
25	Tre Vắt ghen ghét Giông		
26	Xing Chi Ôn		
27	Dăm Tiông	Ê Đê	

28	Dăm Trao, Dăm Rao		
29	Đăm Di		
30	Đăm Di đi săn		
31	Đăm Săn		
32	KĐăm ĐRoăl		
33	Khinh Jú		
34	Mdrong Dăm		
35	Xing Nhã		
36	Y'Khing Jù - H'Bria Jú Yâu		
37	Amã ChiSa	Ra Glai	
38	Amã ChiSa Cuvau VongCơi		
39	Awoi Nãi Tilor		
40	Cei Balaok Li - u		
41	Chàng Kei Kamao		
42	Dăm Chi Lãng		
43	Sa Ea		
44	Udai - Ujác		
45	Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ	Xơ Đăng	
46	Dăm Duông cứu nàng Bar Mã		
47	Duông làm nhà rông		
48	Duông làm thủ lĩnh		